

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG THÀNH TRUNG

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER
Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2016

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG THÀNH TRUNG

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER
Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 62 38 01 01

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. TRỊNH ĐỨC THẢO**

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân tôi. Các kết quả nghiên cứu, điều tra xã hội học trình bày trong bản luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các thông tin, tư liệu trích dẫn trong luận án có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Dương Thành Trung

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	7
1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước	7
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	15
1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đề tài và những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu	20
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER	24
2.1. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	24
2.2. Các thành tố của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	32
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	44
2.4. Giáo dục pháp luật tại một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	57
Chương 3: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	69
3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, tình hình vi phạm pháp luật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long có ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	69
3.2. Những kết quả đạt được và hạn chế, bất cập trong giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	78
3.3. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	99
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM	107
4.1. Các quan điểm bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	107
4.2. Các giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	115
KẾT LUẬN	149
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC	162

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BCV	:	Báo cáo viên
CBCC	:	Cán bộ, công chức
ĐBDT	:	Đồng bào dân tộc
ĐBSCL	:	Đồng bằng sông Cửu Long
DTTS	:	Dân tộc thiểu số
GDPL	:	Giáo dục pháp luật
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
HĐPH	:	Hội đồng phối hợp
MTTQ	:	Mặt trận Tổ quốc
PBGDPL	:	Phổ biến, giáo dục pháp luật
QPPL	:	Quy phạm pháp luật
TTV	:	Tuyên truyền viên
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa
XHH	:	Xã hội học

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt, chúng ta đang nỗ lực xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Muốn xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền XHCN thì bên cạnh việc xây dựng, ban hành một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, điều quan trọng hơn là phải đưa pháp luật vào thực tế xã hội để mọi thành viên trong xã hội, trong đó có đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS), hiểu được những nguyên tắc, quy định pháp luật; từ đó, sử dụng pháp luật như một công cụ để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tập thể, cộng đồng và của mỗi người dân. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam luôn luôn đặt pháp luật ở vị trí thượng tôn, yêu cầu mọi công dân phải sống, làm việc theo pháp luật; đòi hỏi phải đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) cho các tầng lớp nhân dân nhằm trang bị cho họ những kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật.

Đồng bào dân tộc (ĐBDT) Khmer là một bộ phận cấu thành hữu cơ của đại gia đình các dân tộc Việt Nam, cư trú tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trải rộng trên phạm vi cả 13 tỉnh thuộc khu vực này. ĐBSCL nằm ở cực Nam của Tổ quốc, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về mặt địa chính trị và an ninh quốc phòng của đất nước: phía Đông Bắc giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông và phía Nam giáp Biển Đông, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây giáp biển Đông và vịnh Thái Lan. Dân tộc Khmer là một trong số những dân tộc có dân số tương đối đông, có truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc với sự phong phú về phong tục, tập quán, lối sống, tôn giáo và lễ nghi. Trong những năm qua, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, ĐBDT Khmer đã và đang có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng kinh tế - xã hội, phát triển đất nước nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng. Tuy nhiên, trình độ dân trí nói chung, trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật nói riêng của ĐBDT Khmer còn tương đối thấp. Thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật khiến cho ĐBDT Khmer gặp nhiều khó khăn trong việc bảo vệ quyền con người, thực hành và phát huy các quyền dân chủ, trong tiếp cận các chương trình mục tiêu, chính sách pháp luật dành cho đồng bào DTTS,

trong sử dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của đồng bào. Tình trạng đó đã và đang là lực cản đối với ĐBDT Khmer trong hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, ở các vùng có đông ĐBDT Khmer thuộc khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia, các thế lực thù địch vẫn có những âm mưu thâm độc, chống phá cách mạng nước ta bằng chiến lược “*diễn biến hòa bình*”, bằng chiêu bài “*dân chủ - nhân quyền*”, lợi dụng tình trạng trình độ hiểu biết pháp luật của ĐBDT Khmer còn thấp để tuyên truyền, kích động, tạo những nguyên cơ làm mất ổn định tình hình an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mâu thuẫn giữa các tôn giáo... Hệ quả là vẫn còn hiện tượng một số người dân Khmer lén lút qua lại khu vực biên giới và bị các thế lực thù địch lợi dụng; từ đó, đe dọa độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam. Thực tế đó đòi hỏi phải đẩy mạnh giáo dục pháp luật (GDPL) cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là một biện pháp hữu hiệu nhằm trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật, làm hình thành lối sống và làm việc theo pháp luật cho ĐBDT Khmer; giúp đồng bào hiểu rõ về các quyền con người, quyền công dân, về ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia...; góp phần bảo đảm nâng cao hiệu quả công tác quản lý xã hội bằng pháp luật trong vùng. Tuy nhiên, công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong những năm qua còn bộc lộ những hạn chế, bất cập trên nhiều mặt, từ việc xác định mục tiêu GDPL, xây dựng đội ngũ báo cáo viên (BCV), tuyên truyền viên (TTV) pháp luật, lựa chọn nội dung, phương pháp cho đến hình thức GDPL cho đối tượng này. Công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL tuy đã được chú trọng, nhưng chưa được đặt ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ quản lý xã hội bằng pháp luật, chưa được tiến hành thường xuyên; còn thiếu trọng tâm, trọng điểm, thiếu sự gắn kết nhịp nhàng, phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, giữa các cấp, các ngành có liên quan ở vùng ĐBSCL. Do vậy, chất lượng, hiệu quả của công tác này chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Tình hình nêu trên đòi hỏi Nhà nước, các cơ quan hữu quan ở khu vực ĐBSCL phải tăng cường hơn nữa công tác GDPL cho ĐBDT Khmer trên địa bàn,

trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật để giúp đồng bào nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, biết sử dụng pháp luật như là một phương tiện quan trọng để giải quyết những sự kiện, công việc có liên quan đến pháp luật, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của bản thân, gia đình và cộng đồng. *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật* số 14/2012/QH13 đã quy định về PBGDPL cho nhân dân ở vùng DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo... [62, Đ. 17]. Điều đó nói lên sự quan tâm thiết thực của Đảng, Nhà nước ta đối với đồng bào DTTS, trong đó có ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Vấn đề quan trọng hơn đang được đặt ra là *làm thế nào, cần có những giải pháp gì* để đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GDPL cho đồng bào DTTS, trong đó có ĐBDT Khmer, đi vào thực tiễn cuộc sống, nâng cao hiểu biết pháp luật cho đồng bào.

Từ cách đặt vấn đề ở trên, tác giả đưa ra một số giả thiết nghiên cứu sau đây: i) Giữa chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật, khả năng sử dụng pháp luật để tiếp cận, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của ĐBDT Khmer có mối liên hệ nhân quả tất yếu với nhau; do đó: ii) Nếu thực hiện tốt GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thì ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của họ sẽ nghiêm chỉnh hơn, hạn chế được tình trạng vi phạm pháp luật và phạm tội xảy ra trong cộng đồng; giúp ĐBDT Khmer có khả năng tốt hơn trong việc sử dụng pháp luật để tiếp cận, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, nâng cao chất lượng cuộc sống; đồng thời, iii) Thực hiện tốt GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL góp phần xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Như vậy, việc GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đang là một yêu cầu khách quan, có tầm quan trọng và mang tính cấp thiết trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng ĐBSCL, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay. Đó cũng là lý do tác giả chọn vấn đề “***Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam***” làm đề tài luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Mục đích của luận án: Trên cơ sở phân tích lý luận, thực tiễn GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam; luận án đề xuất quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam hiện nay.

Để hoàn thành mục đích đặt ra, luận án phải thực hiện các *nhiệm vụ* sau:

Thứ nhất, phân tích cơ sở lý luận của hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, vai trò, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer; những yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDPL cho nhóm đối tượng này.

Thứ hai, khảo sát, đánh giá đặc điểm tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội ở vùng ĐBSCL có ảnh hưởng đến công tác GDPL cho ĐBDT Khmer; thực trạng công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong những năm qua trên phương diện những thành tựu, kết quả đạt được cũng như các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng đó; từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ cho việc đề xuất, xây dựng các giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này.

Thứ ba, trên cơ sở các quan điểm có tính chất chỉ đạo, đề xuất, luận giải tính khả thi của một số giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong giai đoạn tiếp theo.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Đối tượng nghiên cứu của luận án:* Luận án nghiên cứu về GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam dưới góc độ Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật. Đây là đề tài có đối tượng nghiên cứu tương đối rộng; song luận án chỉ nghiên cứu GDPL cho đối tượng là *người dân thuộc dân tộc Khmer ở vùng ĐBSCL*, không nghiên cứu GDPL cho đối tượng cán bộ, công chức người dân tộc Khmer.

- *Phạm vi nghiên cứu của luận án* được giới hạn theo không gian, thời gian và tính chất nghiên cứu. *Theo không gian*, phạm vi khảo sát thực tiễn vấn đề nghiên cứu của luận án chỉ giới hạn 13 tỉnh thuộc vùng ĐBSCL, Việt Nam. *Theo thời gian*, khảo sát GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong thời gian từ năm 2008 đến nay. *Về tính chất nghiên cứu*, luận án tập trung nghiên cứu sâu về nghiệp vụ GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

Luận án được triển khai nghiên cứu dựa trên phương pháp luận Triết học Mác - Lênin, bao gồm các quan điểm về lý luận nhận thức; dựa trên tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, về vai trò của GDPL cho các đối tượng xã hội; chính sách, pháp luật của Nhà nước về GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng. Bên cạnh đó, tác giả cũng tham khảo các quan điểm, kết quả nghiên cứu về GDPL cho các đối tượng xã hội của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan tới các nội dung của luận án.

Để hoàn thành mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận án sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp lịch sử và lôgic, phương pháp thống kê, so sánh, khái quát hóa, hệ thống hóa... để nghiên cứu các vấn đề lý luận; sử dụng phương pháp điều tra xã hội học (XHH) để thu thập các thông tin, số liệu thực tế phục vụ việc đánh giá thực trạng, nguyên nhân của vấn đề nghiên cứu và luận chứng các giải pháp mà luận án nêu ra. Cụ thể:

- Sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp lịch sử và lôgic để nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; khái quát những vấn đề lý luận, thực tiễn đã được nghiên cứu ở trong nước và ở nước ngoài có liên quan đến đề tài luận án; từ đó, nhấn mạnh những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu (*chương 1*).

- Sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống hóa, khái quát hóa, phương pháp so sánh để nghiên cứu cơ sở lý luận về GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL; tìm hiểu công tác GDPL tại một số nước trên thế giới nhằm rút ra bài học kinh nghiệm đối với GDPL cho ĐBDT Khmer (*chương 2*).

- Sử dụng phương pháp điều tra XHH và các phương pháp thống kê, so sánh, phương pháp lịch sử và lôgic để khảo sát, đánh giá thực trạng GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL giai đoạn 2008 - 2014 (*chương 3*).

- Sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp lịch sử và lôgic, hệ thống hóa, khái quát hóa để đề xuất các quan điểm chỉ đạo, luận chứng tính khả thi của các giải pháp đảm bảo nâng cao hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam (*chương 4*).

5. Những đóng góp khoa học mới của luận án

Luận án là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu tương đối toàn diện, có hệ thống về GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL hiện nay; bởi vậy, luận án có một số đóng góp khoa học mới sau đây:

- Luận án luận giải, đưa ra khái niệm, chỉ ra được các đặc trưng của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam; xác định và làm rõ được các yếu tố cấu thành GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, gồm mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL; đồng thời, luận án cũng chỉ ra được các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Từ việc khảo cứu GDPL cho người dân tại một số nước trên thế giới, luận án đã rút ra được các bài học kinh nghiệm có thể vận dụng cho Việt Nam.

- Dựa trên kết quả điều tra XHH và các nguồn tài liệu có sẵn, luận án đã phân tích, đánh giá, chỉ ra được kết quả, hạn chế, nguyên nhân của những kết quả và hạn chế trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Luận án đưa ra xuất được các quan điểm và đề xuất hệ thống các giải pháp toàn diện bảo đảm GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án đề cập và phân tích một trong những vấn đề có tầm quan trọng và mang tính cấp thiết nhưng chưa được nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống - vấn đề GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam. Kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn đạt được của luận án góp phần làm phong phú thêm lý luận về GDPL cho một đối tượng xã hội cụ thể; đồng thời, bổ sung thêm những luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng, hoàn thiện lý luận về GDPL cho đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung, ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nói riêng.

Luận án là tài liệu khoa học có giá trị để các cơ quan hữu quan của các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL (Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã, các xã, phường, thị trấn thuộc các tỉnh; Hội đồng phối hợp (HĐPH) công tác PBGDPL các cấp) sử dụng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai các giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục đẩy mạnh GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình nghiên cứu của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

Vấn đề GDPL nói chung, GDPL cho những đối tượng xã hội cụ thể ở nước ta trong những năm qua đã được nhiều nhà khoa học, tác giả của những cuốn sách, bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học đề cập, phân tích ở những cấp độ, phương diện khác nhau và đạt được những kết quả quan trọng. Căn cứ vào tên đề tài luận án “*Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam*” có thể thấy ba nhóm vấn đề/nội dung liên quan đến đề tài luận án cần phải được khảo cứu, gồm: 1) Nhóm công trình nghiên cứu về GDPL nói chung; 2) Nhóm công trình nghiên cứu về GDPL cho các nhóm đối tượng cụ thể; 3) Nhóm công trình nghiên cứu về GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật nói chung

Giáo dục pháp luật là một lĩnh vực quan trọng nên từ lâu đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Có thể kể ra một số cuốn sách chuyên khảo, giáo trình, đề tài nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn, bài báo khoa học tiêu biểu:

- Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai, *Bàn về giáo dục pháp luật* [32]. Chủ đề xuyên suốt cuốn sách là những nội dung lý luận về GDPL, như khái niệm, các yếu tố cấu thành GDPL: chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL; các giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL. Cuốn sách cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến GDPL, là tài liệu cần thiết cho những ai quan tâm đến chủ đề GDPL.

- Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật* [92]. Trong giáo trình này, tại Chương IX- *Ý thức pháp luật*, các tác giả dành mục V. để viết về GDPL. Từ việc nêu khái niệm GDPL, các tác giả cho rằng, mục đích của GDPL được xem xét trên nhiều góc độ tùy thuộc vào đối tượng giáo dục, cấp độ giáo dục cũng như hình thức giáo dục, có thể mang tính lâu dài hay trước mắt và đều hướng tới ba vấn đề cơ bản: *Một là*, GDPL nhằm nâng cao khả năng nhận thức pháp lý, sự hiểu biết pháp luật, hình thành tri thức pháp luật cần thiết cho các chủ thể (với tính cách là đối tượng nhận thức hay là đối tượng của giáo dục). *Hai là*, GDPL nhằm

khơi dậy tình cảm, lòng tin và thái độ đúng đắn đối với pháp luật. *Ba là*, GDPL nhằm hình thành thói quen xử sự theo pháp luật với động cơ tích cực. Trong mục này, tác giả cũng dành sự quan tâm bàn luận về nội dung và hình thức GDPL.

- Đào Trí Úc, *Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật* [93]. Đề tài là một tập hợp các chuyên đề bàn sâu về ý thức pháp luật, lối sống theo pháp luật và các giải pháp xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật. Một trong số những giải pháp đó là phải tăng cường công tác GDPL cho các tầng lớp xã hội, bao gồm cả đội ngũ CBCC nhà nước và các tầng lớp nhân dân.

- Viện Nhà nước và Pháp luật, *Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật* [103]. Trên cơ sở phân tích các khái niệm cơ bản, như ý thức pháp luật, lối sống theo pháp luật; lý giải sự cần thiết phải tăng cường xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, các tác giả đề tài đã đề xuất và luận chứng tính khả thi của một số giải pháp nhằm xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật trong các tầng lớp xã hội.

- Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới* [105]. Theo các tác giả, công cuộc đổi mới toàn diện các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đã và đang đặt ra cho những yêu cầu phải tăng cường công tác tổng kết lý luận và thực tiễn trên các lĩnh vực phục vụ công cuộc đổi mới. Công tác GDPL ở nước ta cũng không nằm ngoài yêu cầu trên. Từ việc trình bày, phân tích quan niệm về GDPL, các thành tố cơ bản của GDPL, đánh giá thực tiễn công tác GDPL cho cán bộ, nhân dân ở nước ta trong những năm qua, chỉ ra những mặt tích cực và cả những điểm hạn chế của công tác này, các tác giả đã nêu lên những kiến nghị, giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác GDPL trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

- Nguyễn Đình Lộc, *Ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam* [47]. Trong công trình này, tác giả đã tập trung vào lý giải những vấn đề lý luận về ý thức pháp luật, như khái niệm, đặc điểm và cấu trúc của ý thức pháp luật; đồng thời, tác giả tập trung khảo sát tình hình giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam, chỉ ra những điểm tích cực cũng như hạn chế trong công tác giáo dục ý thức pháp

luật; từ đó, đề xuất những giải pháp cho công tác GDPL tại Việt Nam. Hầu như các nhà nghiên cứu về GDPL đều coi đây là công trình đặt nền móng cho việc nghiên cứu về GDPL và giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam.

- Trần Ngọc Đường, *Giáo dục pháp luật cho người lao động trong điều kiện đổi mới của Việt Nam* [31]. Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết quản lý xã hội bằng pháp luật, công tác GDPL cho cán bộ và nhân dân cần phải được chú trọng theo tinh thần Đại hội VI của Đảng: “Coi trọng công tác *giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật*... Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân” [23, tr.121]. Đó là cách thức hiệu quả để tăng cường hiệu lực quản lý xã hội bằng pháp luật. Theo tinh thần đó, tác giả luận án tập trung lý giải, phân tích các vấn đề lý luận về GDPL nói chung, GDPL cho người lao động nói riêng trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam.

- Dương Thanh Mai, *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp - hình thức đặc thù của giáo dục pháp luật* [49]. Luận án tập trung bàn luận sâu về hình thức GDPL đặc thù là GDPL thông qua hoạt động tư pháp, dựa trên thực tiễn hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Xuất phát từ chỗ, trên diễn đàn khoa học pháp lý hiện nay, khái niệm GDPL vẫn chưa được hiểu một cách thống nhất, tác giả luận án đã tổng kết, khái quát ở ba quan niệm cơ bản sau: quan niệm thứ nhất không thừa nhận GDPL; quan niệm thứ hai xem nhẹ vai trò của GDPL; quan niệm thứ ba lại đơn giản hóa, cho rằng, GDPL được lồng ghép trong tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật. Trên cơ sở đó, tác giả bàn sâu về các giải pháp cụ thể phát huy hiệu quả GDPL thông qua hoạt động tư pháp bằng thực tiễn của Tòa án và luật sư.

- Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp, *Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số nước trên thế giới* [108]. Tài liệu này giới thiệu công tác PBGDPL cho các tầng lớp xã hội tại một số nước trên thế giới, như Cộng hòa Pháp, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Đan Mạch, Liên bang Nga, Cộng hòa Liên bang Australia, Vương quốc Thái Lan, Singapor trên các phương diện khác nhau, từ thể chế, chính sách, cơ cấu tổ chức, phương thức tổ chức thực hiện và những hình thức PBGDPL của các quốc gia đó. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích đối với tác giả luận án trong việc khảo sát, đánh giá về GDPL của các nước nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng cụ thể

Từ những công trình nghiên cứu có tính chất lý luận chung về GDPL, vấn đề GDPL cho từng nhóm đối tượng cụ thể và tại các địa bàn cụ thể cũng được triển khai nghiên cứu. Có thể kể đến những công trình tiêu biểu, như:

- Nguyễn Quốc Sửu, *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* [70]. Tác giả mở đầu luận án bằng việc trích dẫn một đoạn trong bài văn bia do Thân Nhân Trung soạn và đề tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia...”. Ngày nay, một trong những nhiệm vụ “bồi đắp nguyên khí quốc gia” là Nhà nước phải chăm lo giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ CBCC, trong đó có GDPL cho họ. Trong luận án, tác giả tập trung phân tích các vấn đề lý luận, bao gồm: khái niệm, vai trò, đặc trưng của GDPL cho đội ngũ CBCC hành chính, các thành tố của GDPL cho CBCC hành chính và các yếu tố tác động tới hoạt động này. Trên cơ sở đó, tác giả dành chương 3 để đánh giá thực trạng GDPL cho CBCC hành chính; chương 4 tập trung phân tích quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng GDPL cho đội ngũ CBCC hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- Ngô Văn Nhân, *Xã hội học pháp luật (tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa, bổ sung)* [54]. Trong cuốn sách này, khi đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật ở nước ta hiện nay, tác giả có bàn đến biện pháp “Tăng cường GDPL, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ CBCC nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật”. Theo tác giả, chất lượng, hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật của đội ngũ CBCC nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật phụ thuộc phần lớn vào trình độ tri thức, hiểu biết pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ này. Vì vậy, việc tăng cường GDPL, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ này là một biện pháp hết sức quan trọng. Hoạt động GDPL luôn là thể thống nhất hữu cơ của các thành tố: mục đích, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL. Từ lập luận đó, tác giả đi vào phân tích các nét đặc thù thể hiện trong từng thành tố của GDPL cho đội ngũ CBCC nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật.

- Nguyễn Quốc Sửu, *Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk* [72]. Đây là cuốn sách chuyên khảo xuất bản tháng 9/2014, có thể coi là cuốn sách mới về chủ đề GDPL cho một nhóm đối tượng cụ thể (đội ngũ CBCC hành chính) và gắn với một địa phương cụ thể (tỉnh Đắk Lắk). Nội dung cuốn sách gồm 3 chương, trong đó các tác giả đi từ việc phân tích các vấn đề lý luận về GDPL cho đội ngũ CBCC hành chính của tỉnh Đắk Lắk, chỉ ra những nét đặc trưng của công tác này gắn với sự tác động, ảnh hưởng của những luật tục, tập quán, lối sống, bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên; đánh giá thực trạng công tác GDPL cho đội ngũ CBCC hành chính của tỉnh Đắk Lắk thông qua điều tra XHH; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này.

- Đinh Xuân Thảo, *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay* [73]. Luận án này đã đi sâu nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về GDPL trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề từ góc độ đánh giá, phân tích thực trạng, rút ra những bài học kinh nghiệm làm cơ sở cho việc đề xuất các phương hướng và giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn công tác này.

- Trần Thị Sáu, *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam* [64]. Nội dung luận án tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, đặc trưng và các điều kiện bảo đảm hiệu quả GDPL cho học sinh trong trường trung học phổ thông; đánh giá thực trạng hoạt động GDPL cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam; trên cơ sở đó, tác giả đề xuất quan điểm và phân tích các giải pháp bảo đảm nâng cao hiệu quả GDPL cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam hiện nay.

- Phan Hồng Dương, *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam* [19]. Tác giả luận án đã phân tích, làm rõ cơ sở lý luận của GDPL cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam. Từ những vấn đề lý luận, đánh giá, làm rõ thực trạng GDPL cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật, luận án đã xây dựng các quan điểm và đề xuất các giải pháp tăng cường GDPL cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam hiện nay.

Ngoài hướng tiếp cận Luật học thể hiện ở các công trình nghiên cứu kể trên, vấn đề GDPL còn được tiếp cận nghiên cứu đa dạng dưới góc độ Giáo dục học, Xã hội học gắn với những lĩnh vực, địa bàn cụ thể. Chẳng hạn:

- Nguyễn Khắc Hùng, *Các biện pháp tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh* [40]. Luận án đã làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến các biện pháp tổ chức GDPL; đánh giá thực trạng công tác tổ chức GDPL trong trường học, thực trạng triển khai các biện pháp tổ chức GDPL cho học sinh trong các trường trung học phổ thông ở thành phố Hồ Chí Minh; qua đó, đề xuất ba nhóm giải pháp tác động với 09 biện pháp cụ thể để GDPL cho học sinh trong các trường trung học phổ thông.

- Đoàn Thị Thanh Huyền, *Giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình hiện nay* [41]. Trong luận án, từ việc hệ thống hóa các khái niệm cơ bản, các lý thuyết xã hội học được sử dụng trong nghiên cứu đề tài; tìm hiểu tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay; đánh giá thực trạng hoạt động GDPL cho con cái thuộc nhóm tuổi trung học cơ sở, trung học phổ thông trong các gia đình tại tỉnh Quảng Ninh thông qua nghiên cứu nhận thức của các bậc cha mẹ; xác định nội dung, phương pháp, hiệu quả GDPL trong gia đình; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến GDPL cho con cái trong gia đình ở Quảng Ninh hiện nay; tác giả đã đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của GDPL cho con cái trong gia đình.

- Dương Văn Đại, *Vai trò giáo dục pháp luật đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam thuộc Bộ Công an (Nghiên cứu trường hợp trại giam Nam Hà)* [22]. Dựa trên lý thuyết về tương tác xã hội, hệ thống các khái niệm liên quan đến GDPL, tác giả luận án đã nhận diện và làm rõ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò GDPL đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam từ góc nhìn xã hội học.

Ngoài ra, có thể kể thêm công trình nghiên cứu khác, như: Nguyễn Duy Lãm, *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay* [46]; Sở Tư pháp Hà Nội, *Giáo dục nâng cao hiểu biết pháp luật ở Thủ đô - thực trạng và giải pháp* [65]; Sở Tư pháp Hà Nội, *Nghiên cứu tác động của gia đình đối với giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Hà Nội* [66]; Khoa Nhà nước và Pháp luật (Học viện Chính

trị quốc gia Hồ Chí Minh), *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường Chính trị ở nước ta hiện nay* [45]; Lê Đình Khiên, *Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính* [44]; Hồ Quốc Dũng, *Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật ở nước ta - thực trạng và giải pháp* [20]; Nguyễn Ngọc Hoàng, *Đổi mới giáo dục pháp luật hệ đào tạo trung học chính trị ở nước ta hiện nay* [37]; Trần Văn Trâm, *Giáo dục pháp luật cho cán bộ công chức trên địa bàn tỉnh Bình Định - Thực trạng và giải pháp* [88]; Bùi Thị Diễm Trang, *Hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật đối với đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tiến trình hội nhập phát triển của đất nước* [89]; Trần Đức Toàn, *Phổ biến, giáo dục pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội* [87]; Lê Tiến Thịnh, *Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án - qua thực tiễn tỉnh Thanh Hoá* [75]...

Bên cạnh đó, dân tộc Khmer và ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là chủ đề nghiên cứu của nhiều công trình khoa học, song chủ yếu tiếp cận dưới góc độ triết học, dân tộc học, xã hội học và văn hóa học... Các công trình loại này cung cấp cái nhìn tương đối toàn cảnh về văn hóa, lối sống, phong tục, tập quán, sinh hoạt của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Có thể kể ra một số công trình tiêu biểu: Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, *Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long* [107]; Huỳnh Thanh Quang, *Giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long* [58]; Nguyễn Thái Hòa, *Xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer ở cơ sở xã, phường, thị trấn khu vực Tây Nam Bộ* [36]; Trần Thanh Nam, *Phát triển đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ trong công cuộc đổi mới hiện nay* [52]; Nguyễn Thanh Thủy, *Quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long* [84]; Lê Thanh Sơn, *Ngôi chùa trong đời sống văn hóa của người Khmer tỉnh Sóc Trăng* [68]; Nguyễn Việt Dũng, *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các đảng bộ xã vùng đồng bào Khmer tập trung ở tỉnh Kiên Giang hiện nay* [21]... Những công trình nghiên cứu kể trên ở những mức độ nhất định đã đề cập, phân tích một cách đa dạng những vấn đề liên quan đến đời sống văn hóa, tôn giáo, tập tục, lễ nghi... của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL - những yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer.

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam

Liên quan trực tiếp đến công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, cho đến nay, có một số ít công trình sau:

- Lê Văn Bền, *Giáo dục pháp luật cho người Khmer Nam Bộ* [11]. Trong luận văn này, tác giả đã đề cập, phân tích một số vấn đề lý luận về GDPL, đề xuất một số giải pháp GDPL cho người Khmer ở Nam Bộ. Tuy nhiên, luận văn này được thực hiện trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg ngày 07/1/1998 Về việc tăng cường công tác PBGDPL trong giai đoạn hiện nay nên không thể cập nhật những chuyển biến quan trọng trong GDPL cho ĐBDT Khmer từ thời điểm đó đến nay. Nói cách khác, một số nội dung trong luận văn không còn phù hợp với lý luận hiện nay về GDPL, không cập nhật được với những quy định pháp luật mới về PBGDPL.

- Hồ Việt Hiệp, *Sự hình thành và phát triển ý thức pháp luật của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam hiện nay* [34]. Trong luận án này, từ việc khẳng định vai trò, tầm quan trọng của ý thức pháp luật đối với mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội nói chung và đối với thực hiện pháp luật nói riêng của nhân dân ĐBSCL, tác giả đã luận giải các vấn đề lý luận về ý thức pháp luật, về quá trình hình thành, phát triển ý thức pháp luật, nhận diện bức tranh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của vùng ĐBSCL, đánh giá thực trạng ý thức pháp luật của nhân dân vùng ĐBSCL và ảnh hưởng tới tình hình thực hiện pháp luật của họ, tác giả đã đề xuất, phân tích các giải pháp nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân ĐBSCL, trong đó có việc đẩy mạnh GDPL cho đối tượng.

- Dương Thành Trung, *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu* [90]. Cuốn sách là công trình nghiên cứu của tác giả luận án này, được chỉnh sửa, nâng cấp từ luận văn thạc sĩ cùng tên; trong đó đề cập, phân tích cơ sở lý luận về GDPL cho ĐBDT Khmer (khái niệm, vai trò, đặc trưng, các thành tố của GDPL, các yếu tố ảnh hưởng đến GDPL cho ĐBDT Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; khảo sát, đánh giá thực trạng GDPL cho ĐBDT Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trên hai phương diện: những thành tựu, kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những thành tựu cũng như hạn chế đó. Từ

nghiên cứu lý luận và thực tiễn GDPL cho ĐBDT Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cuốn sách đề xuất các quan điểm và giải pháp khả thi bảo đảm hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu trong cuốn sách này mới chỉ dừng lại trên phạm vi địa bàn tỉnh Bạc Liêu, mà *chưa mở rộng ra toàn khu vực ĐBSCL, Việt Nam.*

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật nói chung

Giáo dục pháp luật là một trong những nội dung quan trọng của khoa học Lý luận về Nhà nước và pháp luật nên nhận được sự quan tâm nghiên cứu các nhà khoa học, tác giả tại các nước trên thế giới, đặc biệt là tại Liên Xô trước đây và Liên bang Nga hiện nay. Có thể kể ra đây một số công trình tiêu biểu:

- N. I. Matuzova, A. V. Malurko, *Lý luận nhà nước và pháp luật* [113]. Trong cuốn giáo trình này, trong số 34 chuyên đề bàn sâu về các vấn đề lý luận nhà nước và pháp luật, các tác giả cuốn sách dành chuyên đề số 28 để luận bàn, phân tích về vấn đề ý thức pháp luật và GDPL. Theo các tác giả, GDPL là hoạt động có chủ đích của nhà nước, các tổ chức xã hội và mỗi công dân nhằm truyền đạt các kinh nghiệm pháp luật; sự tác động có hệ thống lên ý thức và hành vi của con người nhằm làm hình thành quan niệm, định hướng giá trị, cách nhìn nhận tích cực, bảo đảm cho việc thực hiện và sử dụng pháp luật. GDPL trang bị cho mọi người những hiểu biết về nhà nước và pháp luật, về các đạo luật, các quyền tự do, dân chủ của mỗi cá nhân, định hướng cho công dân thực hiện những hành vi pháp luật hợp pháp. Các thành tố của GDPL bao gồm chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL.

- *Lý luận nhà nước và pháp luật, Giáo dục pháp luật ở Liên bang Nga*, Tập thể tác giả [114]. Trong công trình này, dưới tiêu đề “*Khái niệm giáo dục pháp luật và ý thức pháp luật, ý nghĩa của chúng trong xã hội hiện đại*”, các tác giả đã tập trung bàn sâu về khái niệm GDPL trên cơ sở những định nghĩa GDPL được đưa ra bởi những nhà nghiên cứu khác nhau. Chẳng hạn, “GDPL là sự tác động có định hướng, có tổ chức, mang tính hệ thống lên các cá nhân nhằm làm hình thành ý thức pháp luật, tri thức pháp luật, thói quen, hành vi xử sự tích cực theo pháp luật, văn hóa pháp luật” (T.I. Akimova); hoặc “GDPL có thể định nghĩa như là một hệ thống các biện pháp định hướng làm hình thành tư tưởng pháp luật, các nguyên tắc, chuẩn

mục pháp luật - những nhân tố làm nên các giá trị văn hóa pháp luật của dân tộc và nhân loại” (K.V. Naumenkova)...

Từ sự khái quát rằng mỗi định nghĩa đưa ra đều chứa đựng góc nhìn chủ quan của mỗi tác giả, nhưng không phải tất cả họ đều thống nhất cách hiểu về tính cấp thiết phải tạo dựng trong con người tư tưởng pháp luật, sự tôn trọng pháp luật; các tác giả đi đến kết luận: “GDPL là làm hình thành quan hệ/cách xử sự tôn trọng pháp luật, coi pháp luật như một giá trị xã hội lớn lao, có liên quan mật thiết đến mỗi cá nhân; phát triển tình cảm trách nhiệm, tinh thần không khoan nhượng với thói chuyên quyền, nạn tham nhũng”.

- Strelaieva V.V., *Giáo dục pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền* [115]. Nội dung luận án này gồm 2 chương, 7 tiết. Nội dung chương 1 tác giả luận án bàn về cơ sở lý luận của GDPL với 03 tiết: §1) Bản chất, phân loại GDPL; §2) Cấu trúc của GDPL và §3) Chức năng của GDPL. Theo tác giả, bản chất của GDPL là quá trình định vị một cách bền vững những nguyên tắc, tư tưởng pháp luật vào trong ý thức pháp luật của đối tượng được giáo dục. Chương 2 luận án với tiêu đề “Khía cạnh tổ chức GDPL trong xã hội Nga đương đại” gồm 4 tiết được dành để bàn về 1) Hệ thống xã hội hóa GDPL trong xã hội Nga đương đại; 2) GDPL trong tiếp cận với các nhóm xã hội khác nhau; 3) GDPL trong hệ thống định hướng nghề nghiệp cho các luật gia hiện nay; 4) Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục lại về pháp luật. Theo tác giả, giáo dục lại về pháp luật là một quá trình phức tạp hơn, bởi nó hướng tới khắc phục những phán đoán, đánh giá sai lầm của cá nhân, nhằm tới sửa chữa các hành vi xử sự tiêu cực, ảnh hưởng bất lợi đối với con người.

Ngoài ra, có thể kể thêm một số công trình nghiên cứu có cùng chủ đề GDPL, như: Babaieva V.K., *Tập bài giảng Lý luận chung về pháp luật* [111]; Krugina I.A., *Văn hóa pháp luật, giáo dục pháp luật và quản lý quá trình giáo dục pháp luật trong xã hội Nga hiện nay* [110]; Pochtar T.M., *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học sư phạm: những vấn đề phương pháp luận và phương pháp* [112]... Các công trình nghiên cứu khoa học trên đây ở những mức độ khác nhau đã đề cập, bàn luận về khái niệm, bản chất của GDPL, các yếu tố cấu thành GDPL; về vấn đề quản lý GDPL ở nước Nga hiện nay.

Trên phương diện thực tiễn chính trị - pháp lý quốc tế, GDPL cũng là đề tài được đề cập nhiều trên các diễn đàn pháp luật quốc tế và khu vực, cả song phương, đa phương và ngày càng có ý nghĩa toàn cầu, hướng đến sự nhận thức chung về vai trò, tầm quan trọng của GDPL tại các quốc gia:

- Vào tháng 6/2006, tại Paris, Cộng hòa Pháp đã diễn ra Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Hội luật gia dân chủ quốc tế. Trong Chương trình nghị sự của Hội nghị này đã có 01 cuộc Hội thảo với chủ đề “*Giáo dục pháp luật trong thời đại toàn cầu hóa*” (*Legal Education in the Age of Globalization*) thu hút sự tham gia của hàng trăm tổ chức luật gia đến từ nhiều nước trên thế giới; tập trung bàn luận về tính cấp thiết, sự cần thiết phải đa dạng hóa các phương thức GDPL cho các tầng lớp xã hội ở mỗi quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu của toàn cầu hóa; nội dung GDPL không chỉ là pháp luật quốc nội của mỗi nước, mà còn phải phổ biến, giáo dục các nội dung pháp luật quốc tế [39].

- Trong khuôn khổ Đại hội lần thứ X Hội Luật gia ASEAN (ALA) được tổ chức từ ngày 14/10 - ngày 18/10/2009 tại Hà Nội, một cuộc Hội thảo lớn với chủ đề “*Hiến chương ASEAN - đưa ASEAN lên những tầm cao mới*” cũng đã đề cập nhiều đến vấn đề GDPL [38]. Trong hợp phần đầu tiên của Hội thảo “*Tác động của Hiến chương ASEAN tới hệ thống giáo dục pháp luật của các nước ASEAN*” đã có một loạt các báo cáo nghiên cứu về tình hình GDPL và đào tạo pháp luật ở các nước ASEAN. Các học giả, nhà nghiên cứu đều nhất trí cho rằng, các trường luật, khoa luật không chỉ phải đào tạo ra các luật gia giỏi, mà còn phải giúp họ trở thành những nhà chuyên môn có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội và con người bằng con đường pháp luật. Nguyên tắc pháp quyền đòi hỏi phải bắt đầu từ việc trang bị cho sinh viên luật kiến thức về các vấn đề cơ bản nhằm tạo các hình thức phù hợp để bênh vực quyền lợi của người dân, tuyên truyền pháp luật nhằm bảo đảm cho người dân khả năng tiếp cận công lý với mức chi phí thấp nhất. Nội dung “trợ giúp pháp lý cho người nghèo” cần được đưa vào chương trình đào tạo nhằm giúp người học hiểu biết thấu đáo về ý nghĩa của việc giúp đỡ pháp lý cho những ai đang ở bên lề xã hội. Các vấn đề như quyền của người lao động, di trú tự do, nạn buôn bán người... cũng cần đưa vào nội dung GDPL ở các nước ASEAN.

Ngoài các Hội thảo trên đây, một số hội thảo quốc tế khác về đề tài GDPL cũng đã diễn ra theo hướng quan tâm đến việc gắn mục đích và nội dung GDPL với cải cách kinh tế và cải cách tư pháp trong bối cảnh toàn cầu hóa. Chẳng hạn, Hội thảo quốc tế “*Giáo dục pháp luật ở các nước châu Á trong bối cảnh toàn cầu hóa và nhà nước pháp quyền*” đã được tổ chức trong các ngày 25/10 - 27/10/2012 tại Seoul, Hàn Quốc. Các nhà luật học trên thế giới và khu vực ASEAN đều có một nhận định chung về sứ mệnh của GDPL là nhằm thúc đẩy xây dựng một thị trường ổn định, thịnh vượng, có năng lực cạnh tranh và liên kết kinh tế cao, tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư, bao gồm dòng chảy của hàng hóa, dịch vụ và dòng đầu tư, di chuyển thuận lợi của các doanh nhân, những người tài năng, có chuyên môn cao và của lực lượng lao động, sự tự do chu chuyển của các dòng vốn; góp phần nâng cao phúc lợi và đời sống nhân dân thông qua việc tạo cơ sở pháp lý cho sự tiếp cận bình đẳng các cơ hội về phát triển con người, phúc lợi và công bằng xã hội.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho các đối tượng cụ thể

Giáo dục pháp luật cho các đối tượng cụ thể ở nước ngoài là chủ đề được quan tâm bởi các nghiên cứu sinh, học viên nước ngoài đã theo học tại Việt Nam, như:

- Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông, *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào* [69]. Nội dung luận án đề cập, phân tích các vấn đề lý luận, thực tiễn về GDPL trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; đề xuất các quan điểm GDPL và luận chứng các giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, bao gồm: 1) Đổi mới nội dung chương trình, hình thức, phương pháp giảng dạy pháp luật; 2) Xây dựng đội ngũ giáo viên giảng dạy pháp luật đảm bảo chất lượng trong các trường đào tạo, bồi dưỡng; 3) Tăng cường cơ sở vật chất nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy pháp luật trong các trường đào tạo bồi dưỡng; 4) Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng GDPL trong các trường đào tạo bồi dưỡng; 5) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDPL trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Vanlaty Khamvanvongsa, *Giáo dục pháp luật cho học viên Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào* [102]. Từ việc xác định đối tượng GDPL là các thể hệ học viên của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào, tác giả luận văn đã tập trung phân tích cơ sở lý luận, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò, chủ thể, nội dung, hình thức GDPL; đánh giá thực trạng về đối tượng, chủ thể, nội dung chương trình, phương pháp và hình thức GDPL; chỉ ra nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế của công tác này; trên cơ sở đó, đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm GDPL cho học viên Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Inpeng Younkham, *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Bolykhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào* [42]. Cơ cấu dân tộc của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có 68 bộ tộc, chia làm 3 hệ chính là Lào Lùm chiếm 65% dân số; Lào Thâng chiếm 22% và Lào Xung chiếm 13% dân số; ngôn ngữ Lào gồm 04 nhóm ngôn ngữ... Từ thực tế đó, tác giả khẳng định việc GDPL cho đồng bào các DTTS, trong đó có các DTTS ở tỉnh Bolikhamsay, là công việc có vai trò rất quan trọng nhằm trang bị cho đồng bào các DTTS của Lào những kiến thức, hiểu biết pháp luật, hình thành ý thức chấp hành pháp luật. Luận văn đã tập trung phân tích cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS của Lào; đánh giá những thành tựu, hạn chế của công tác GDPL cho đồng bào DTTS ở tỉnh Bolikhamsay, nêu lên các quan điểm và lập luận những giải pháp bảo đảm nâng cao hiệu quả GDPL cho đồng bào DTTS ở tỉnh Bolikhamsay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Khamhieng Phomemasith, *Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức ở tỉnh Phông Sa Lỳ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào* [43]. Luận văn có kết cấu gồm 3 chương. Chương 1 phân tích cơ sở lý luận về GDPL cho CBCC ở tỉnh thuộc nước Lào, gồm các vấn đề: khái niệm, chủ thể, đối tượng, vai trò, nội dung, hình thức và phương pháp GDPL cho CBCC. Nội dung chương 2 tập trung đánh giá thực trạng GDPL cho CBCC ở tỉnh Phông Sa Lỳ trên phương diện ưu điểm, hạn chế của công tác này và chỉ ra nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó. Trên cơ sở lý luận và thực trạng GDPL cho CBCC ở tỉnh Phông Sa Lỳ, ở chương 3 tác giả nêu

lên các quan điểm và luận chứng các giải pháp, kiến nghị tăng cường GDPL cho CBCC ở tỉnh Phong Sa Ly nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN ĐƯỢC TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Từ kết quả khảo cứu công trình nghiên cứu của các tác giả, nhà khoa học ở trong nước và ngoài nước có liên quan đến chủ đề GDPL, có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá có giá trị tham khảo cho đề tài luận án như sau:

Thứ nhất, trên phương diện lý luận, những cuốn giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ nghiên cứu về GDPL từ các góc độ luật học, giáo dục học, xã hội học... đã làm rõ nhiều luận điểm, luận cứ khoa học và thực tiễn về GDPL, vận dụng khá sáng tạo lý luận về GDPL để luận giải, nhận xét, đánh giá về GDPL trên từng lĩnh vực, địa bàn và gắn với các nhóm đối tượng xã hội cụ thể, cụ thể là:

- Những cuốn sách, đề tài, công trình nghiên cứu ở mức độ nhất định đã đề cập đến việc xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật của con người Việt Nam; đến các thành tố của GDPL, như mục đích, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL... Đồng thời, đã đề cập, nghiên cứu vai trò, đặc điểm GDPL cho một số đối tượng cụ thể.

- Các công trình nghiên cứu về ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là những tài liệu hữu ích đối với đề tài luận án khi đánh giá ảnh hưởng của những phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ nghi, các giá trị văn hóa Khmer đối với hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer. Tuy nhiên, các công trình khoa học đó không đề cập đến vấn đề GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Những công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài, kết quả của các cuộc Hội thảo quốc tế đã chỉ ra nhiều vấn đề quan trọng về lý luận GDPL nói chung, về GDPL cho những đối tượng cụ thể, trong đó có người DTTS nói riêng. Đó là những tài liệu tham khảo quan trọng giúp tác giả luận án nghiên cứu các vấn đề lý luận về GDPL, về các thành tố của GDPL; tìm kiếm những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ của các nghiên cứu sinh, học viên nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào học tập tại Việt Nam cũng là nguồn tài liệu tham khảo giúp tác giả luận án đánh giá đặc thù của GDPL cho các đối tượng

cụ thể, trong đó có đồng bào các DTTS ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào - quốc gia gần gũi về mặt địa lý và có mối quan hệ truyền thống tốt đẹp với đất nước Việt Nam chúng ta.

Như vậy, nhìn từ những công trình nghiên cứu về GDPL nói chung, GDPL cho các nhóm đối tượng xã hội nói riêng, có thể thấy, đó đều là những tài liệu tham khảo có giá trị về mặt lý luận cho đề tài luận án của tác giả. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu vấn đề GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL; để lại “khoảng trống” trên diễn đàn khoa học Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật mà tác giả mong muốn đi sâu nghiên cứu.

Thứ hai, trên phương diện thực tiễn, một số án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ ở mức độ khác nhau đã nghiên cứu, đánh giá thực trạng GDPL cho các đối tượng ở những địa bàn cụ thể, chỉ ra được những ưu điểm cũng như hạn chế, bất cập của công tác này, nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó, các nhân tố tác động đến GDPL. Từ đó, các tác giả đã nêu lên được những phương hướng, quan điểm và các giải pháp chủ yếu bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho các đối tượng xã hội. Mặc dù vậy, chưa có công trình nào khảo sát thực tiễn một cách toàn diện GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSL.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu

Từ sự tổng quan tình hình nghiên cứu nêu trên, tác giả xác định được những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục triển khai, đi sâu nghiên cứu, làm rõ trong quá trình thực hiện đề tài luận án “*Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam*”, gồm:

- *Về lý luận*:

+ Phân tích khái niệm GDPL cho ĐBDT Khmer; làm rõ đặc trưng, vai trò của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam;

+ Luận giải các thành tố của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, gồm mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL phù hợp với đặc điểm của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam;

+ Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, bao gồm các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan;

+ Tìm hiểu GDPL cho các cộng đồng DTTS tại một số nước trên thế giới; từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm có ý nghĩa tham khảo đối với GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam.

- *Về thực tiễn:*

+ Đánh giá thực trạng GDPL cho ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL, chỉ ra kết quả, hạn chế, phân tích nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó dựa trên kết quả điều tra XHH;

+ Rút ra những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam;

- *Về quan điểm, giải pháp:*

+ Đề xuất, phân tích các quan điểm bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam;

+ Đề xuất, phân tích các giải pháp đồng bộ, toàn diện, khả thi nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Tiểu kết chương 1

Sự tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy chủ đề GDPL là một nội dung quan trọng của Luật học, được nhiều tác giả, nhà khoa học nước ngoài quan tâm nghiên cứu. Trên bình diện nghiên cứu lý luận về GDPL, nhiều cuốn giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật, các luận án tiến sĩ luật học đã tập trung nghiên cứu, phân tích khái niệm, vai trò của GDPL, các yếu tố cấu thành GDPL, như chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL... Trên bình diện nghiên cứu ứng dụng thực tiễn cũng đã có các công trình luận án, luận văn đi vào nghiên cứu công tác GDPL cho những đối tượng xã hội cụ thể, như CBCC nhà nước, đồng bào các DTTS... Một điều có thể khẳng định chắc chắn là chưa có công trình nào nghiên cứu về GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam từ phía các tác giả nước ngoài.

Sự tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước cho thấy, vấn đề GDPL nói chung, GDPL cho từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể và gắn với những địa bàn nhất định nói riêng đã được nhiều tác giả đề cập, phân tích tương đối đa dạng,

phong phú trên cả phương diện lý luận và thực tiễn; thể hiện trong các đề tài khoa học, sách chuyên khảo, tham khảo, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học và cũng là đề tài của nhiều luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ luật học. Cũng đã có một vài công trình luận văn thạc sĩ luật học đi vào nghiên cứu về vấn đề GDPL cho người Khmer ở Nam Bộ, song, được thực hiện từ thời điểm trước năm 1998 hoặc sự nghiên cứu mới chỉ khu biệt ở một địa phương cụ thể trong vùng chứ chưa mở rộng ra toàn vùng ĐBSCL, Việt Nam.

Tuy nhiên, từ thời điểm năm 1998 (năm đánh dấu sự quan tâm mạnh mẽ và sự chỉ đạo sâu sát của Nhà nước ta đối với công tác PBGDPL) đến nay chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu nào đi vào phân tích, đánh giá, luận giải một cách toàn diện, có hệ thống vấn đề GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam. Vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ cả trên phương diện lý luận, thực tiễn và tìm kiếm các giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này. Đó cũng là lý do tác giả chọn vấn đề “*Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam*” làm đề tài luận án tiến sĩ.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG, VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER

2.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Giáo dục pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, theo nội dung và thông qua những phương pháp, hình thức nhất định từ phía chủ thể GDPL, tác động đến đối tượng tiếp nhận GDPL nhằm làm hình thành và phát triển ở họ hệ thống tri thức pháp luật, trình độ hiểu biết về pháp luật; làm hình thành tình cảm, thói quen và hành vi xử sự tích cực theo pháp luật [70, tr.54]. GGDPL là lĩnh vực hoạt động bao gồm tất cả các giai đoạn như định hướng GDPL, xây dựng chương trình, kế hoạch, xác định nội dung GDPL, phương pháp và hình thức GDPL; triển khai thực hiện chương trình GDPL; kiểm tra, đánh giá kết quả GDPL; sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về GDPL...

Giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer trong giai đoạn hiện nay là một trong những yêu cầu có tính khách quan, cấp thiết, là một loại hoạt động có ý nghĩa xã hội đặc biệt quan trọng, hướng tới cung cấp, trang bị cho đồng bào những kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật; từ đó, làm hình thành ở họ ý thức tôn trọng pháp luật, biết tuân thủ, chấp hành, sử dụng pháp luật một cách chủ động, tích cực và đúng đắn; góp phần phát huy vai trò, hiệu lực của pháp luật nói chung, văn bản pháp quy của các cấp chính quyền nói riêng trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của ĐBDT Khmer; đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Để có thể đưa ra khái niệm GDPL cho ĐBDT Khmer thì nhất thiết phải đề cập đến các khía cạnh sau:

Thứ nhất, GDPL là hoạt động thể hiện sự tương tác giữa chủ thể GDPL và đối tượng GDPL. Theo nguyên tắc đó, GDPL cho ĐBDT Khmer cũng là hoạt động được thực hiện thông qua sự tác động qua lại giữa chủ thể và đối tượng. Chủ thể GDPL ở đây chính là các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể của các tỉnh ở ĐBSCL có chức năng, nhiệm vụ thực hiện GDPL, như Sở Tư pháp các tỉnh, Phòng Tư pháp các huyện, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam các tỉnh trong vùng và

các tổ chức thành viên... Đối tượng tiếp nhận GDPL ở đây chính là ĐBDT Khmer đang sinh sống ở vùng ĐBSCL.

Thứ hai, GDPL cho ĐBDT Khmer là hoạt động có định hướng, có mục đích, bao hàm những tác động tự giác, tích cực, tuân theo kế hoạch đã được xác định của chủ thể GDPL lên đối tượng GDPL là ĐBDT Khmer tương ứng với các nội dung cụ thể. Tính có định hướng, có mục đích trong hoạt động của chủ thể GDPL mang tính khách quan, phản ánh những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống về kiến thức, hiểu biết pháp luật của ĐBDT Khmer, được chủ thể GDPL truyền đạt, chuyển hóa nó thành nhu cầu tự thân của đối tượng là ĐBDT Khmer. Quá trình GDPL cho ĐBDT Khmer chỉ thực sự đạt được mục tiêu, hiệu quả đề ra khi đồng bào thực sự tự giác, tích cực biến những yêu cầu pháp luật khách quan thành nhu cầu nội tại của bản thân mỗi người dân trong cộng đồng dân tộc Khmer.

Thứ ba, quá trình GDPL cho ĐBDT Khmer luôn tuân theo nội dung, chương trình PBGDPL cụ thể, dựa trên các phương pháp GDPL khoa học, hiện đại và các hình thức GDPL phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, lối sống của ĐBDT Khmer nhằm hiện thực hóa một cách tối ưu mục tiêu GDPL cho họ. GDPL cho ĐBDT Khmer mang những đặc điểm chung của quá trình GDPL cho các đối tượng xã hội khác, như cũng có kế hoạch, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL; song, chúng phải được đặt trong sự phù hợp, tương thích với các yêu cầu về kiến thức, hiểu biết pháp luật và những đòi hỏi về giải quyết các vấn đề, sự kiện, hiện tượng pháp lý xảy ra trong cuộc sống, lao động, sinh hoạt hàng ngày của ĐBDT Khmer;

Ngoài ra, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer cũng phải phù hợp với các đặc điểm văn hóa, lối sống, phong tục tập quán, truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào. Điều đó đòi hỏi các chủ thể GDPL phải tìm ra được cách tiếp cận hoạt động GDPL phù hợp với ĐBDT Khmer trên tất cả các phương diện, từ nội dung, phương pháp cho đến hình thức GDPL cho họ.

Thứ tư, trong nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer, ngoài việc cung cấp, trang bị những kiến thức, hiểu biết pháp luật cần thiết như cho mọi công dân nói chung, các chủ thể GDPL còn phải rất chú trọng trang bị cho ĐBDT Khmer những kiến thức, hiểu biết về các lĩnh vực pháp luật có liên quan mật thiết với cuộc sống, lao động của họ, các văn bản pháp quy do các cấp chính quyền địa phương ban hành...

Ngoài ra, nội dung GDPL phải thật cụ thể, rõ ràng; phương pháp phải truyền đạt dễ hiểu, dễ nhớ; hình thức GDPL phải hấp dẫn, sinh động, phù hợp với truyền thống văn hóa, tôn giáo, tập quán lao động, sinh hoạt, học vấn của ĐBDT Khmer. Đây là sự khác biệt cơ bản giữa GDPL cho ĐBDT Khmer so với GDPL cho các đối tượng xã hội khác.

Thứ năm, GDPL cho ĐBDT Khmer, suy cho cùng, phải đạt được mục tiêu, hiệu quả mà chủ thể GDPL đặt ra và cũng là những tiêu chí để đánh giá chất lượng công tác này. Mục tiêu, hiệu quả của GDPL cho ĐBDT Khmer phải được đánh giá qua việc ĐBDT Khmer đạt được những mục tiêu cụ thể gì từ quá trình này. Mục tiêu của GDPL cho ĐBDT Khmer được nhìn nhận trên ba tiêu chí: mục tiêu về nhận thức, mục tiêu về thái độ và mục tiêu về hành vi.

Từ sự phân tích các khía cạnh nêu trên, có thể đưa ra định nghĩa: *GDPL cho ĐBDT Khmer là hoạt động có định hướng, có tổ chức, do các chủ thể GDPL tiến hành theo chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức nhất định phù hợp với truyền thống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán sản xuất, sinh hoạt của đồng bào; làm hình thành ở họ ý thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi phù hợp với các yêu cầu của pháp luật hiện hành; góp phần xây dựng, củng cố ý thức về quyền con người, quyền công dân của ĐBDT Khmer để họ có thể tiếp cận, bảo vệ các quyền đó một cách hiệu quả.*

2.1.2. Các đặc trưng của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là một bộ phận của GDPL nói chung, nghĩa là nó cũng phải tuân theo các quy luật chung của quá trình GDPL cho các đối tượng xã hội khác, phải đáp ứng các yêu cầu về mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL. Bên cạnh đó, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL còn có những nét đặc trưng riêng xuất phát từ các đặc điểm về trình độ dân trí, ngôn ngữ, truyền thống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống của ĐBDT Khmer; từ những đặc thù về địa bàn cư trú, cơ cấu các nhóm tuổi, vị thế xã hội của mỗi nhóm xã hội cụ thể trong cộng đồng dân tộc Khmer. Theo tinh thần đó, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là GDPL cho một cộng đồng xã hội có cơ cấu lứa tuổi khác nhau, bao gồm nhóm thiếu niên, thanh niên, trung niên và cao niên. Nhóm người lớn (trung niên và cao niên) có nhiều đặc điểm về tâm lý, nhân cách, học vấn, hiểu biết xã hội, quan hệ xã hội, lối sống, kinh nghiệm thực tế, công việc... khác biệt so với nhóm thanh thiếu niên (học sinh phổ thông). Sự “chín chắn” ở nhóm người lớn nhiều khi lại gây bất lợi đối với hiệu quả GDPL cho chính nhóm lứa tuổi này. Nếu như nhóm học sinh phổ thông chỉ có mỗi nhiệm vụ chủ yếu là học, có khả năng tập trung cao, có thể tiếp thu kiến thức, hiểu bài nhanh và có trí nhớ tốt, dẫn đến kết quả học tập, tiếp thu kiến thức pháp luật cao hơn; thì nhóm đối tượng người lớn lại khó có thể tập trung vào việc tiếp nhận nội dung pháp luật khi tham dự GDPL do họ thường bị phân tâm bởi nhiều yếu tố ngoại cảnh, như công chuyện gia đình, lao động sản xuất, quan hệ xã hội...; trí nhớ đã bị giảm sút, sự chủ quan, bệnh lười biếng.v.v. Mặt khác, vì thói quen của đối tượng người lớn thường cho rằng mình đã biết nội dung GDPL rồi, nên thái độ của họ đối với GDPL là “biết rồi, khổ lắm, nói mãi”, trong khi thực tế không hẳn là họ đã biết đúng, biết đủ các quy định pháp luật liên quan đến cuộc sống, lao động hàng ngày. Với vị thế và tâm thế đó, họ tham dự các hoạt động GDPL một cách miễn cưỡng, đối phó, thường viện cớ bận công việc gia đình, làm ăn... để thoái thác tham dự GDPL. Kết quả là, chất lượng GDPL cho nhóm đối tượng người lớn trong ĐBDT Khmer có thể không được như mong muốn của các nhà GDPL. Các chủ thể GDPL cho ĐBDT Khmer cần phải thấu hiểu đặc trưng này trong quá trình GDPL cho nhóm đối tượng người lớn để có sự phân loại đối tượng phù hợp trước khi tiến hành GDPL cho họ.

Thứ hai, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL hướng tới cung cấp, trang bị cho đồng bào những thông tin, kiến thức về những lĩnh vực pháp luật thiết yếu, gần gũi và phù hợp với mục tiêu, nhu cầu giải quyết những vấn đề pháp lý nảy sinh trong cuộc sống của họ. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, luôn đặt pháp luật ở vị trí thượng tôn nên với tư cách là những công dân, ĐBDT Khmer rất cần đến thông tin, kiến thức pháp luật để có thể “sống, làm việc theo pháp luật”. Thông tin, kiến thức pháp luật cần cho ĐBDT Khmer không chỉ bao gồm các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, các loại văn bản QPPL khác do Nhà nước ban hành; các văn bản pháp quy của chính quyền địa

phương, như nghị quyết của HĐND các cấp, các quyết định của UBND các cấp, các chương trình, kế hoạch của các sở, ban, ngành; mà còn bao gồm cả thực tiễn đời sống pháp luật trên địa bàn các tỉnh trong vùng ĐBSCL. Ngoài ra, cần trang bị cho ĐBDT Khmer những kỹ năng cần thiết để họ có thể vận dụng pháp luật vào việc giải quyết các sự kiện, vấn đề pháp luật xảy ra trong thực tế cuộc sống.

Thứ ba, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL được thực hiện thông qua các phương pháp GDPL có tính đặc thù, phù hợp. Về nguyên tắc, chủ thể GDPL phải căn cứ vào mục tiêu, nội dung và đối tượng của GDPL để lựa chọn và sử dụng phương pháp GDPL phù hợp. GDPL cho ĐBDT Khmer có những nét đặc thù về mục tiêu, nội dung và đối tượng nên các chủ thể GDPL cần chủ động tìm ra các phương pháp GDPL tối ưu, phù hợp nhất. Tùy theo từng nội dung GDPL cụ thể, chủ thể phải có sự tìm tòi, vận dụng linh hoạt, sáng tạo phương pháp GDPL sao cho sinh động, hấp dẫn, cuốn hút ĐBDT Khmer bằng cách đặt các câu hỏi, nêu những tình huống, sự kiện pháp luật cụ thể, thường xảy ra trong cộng đồng dân tộc Khmer, tạo sự tranh luận, thảo luận sôi nổi nhằm tìm hướng giải quyết các vấn đề đặt ra.

Thứ tư, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL được thực hiện bằng những hình thức GDPL đa dạng, phong phú. Trong GDPL nói chung có thể sử dụng rất nhiều hình thức GDPL. Mỗi hình thức lại được các chủ thể GDPL sử dụng phù hợp với mục tiêu, đối tượng tiếp nhận khác nhau, như tuyên truyền miệng về pháp luật; GDPL qua các phương tiện thông tin đại chúng; thi tìm hiểu pháp luật; biên soạn tài liệu PBGDPL; trợ giúp pháp lý; tư vấn pháp luật; bồi dưỡng kiến thức pháp luật... Tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung GDPL cũng như những đặc thù về nhóm tuổi, địa bàn cư trú của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL để lựa chọn hình thức GDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng trong cộng đồng dân tộc Khmer. Ở mức độ nhiều, ít khác nhau, nhiều người dân tộc Khmer đã có được vốn kiến thức, hiểu biết pháp luật nhất định. Ngoài ra, ĐBDT Khmer còn tự tìm hiểu thêm thông tin pháp luật từ các kênh thông tin khác nhau nhằm bổ khuyết và phục vụ cho nhu cầu cuộc sống.

Thứ năm, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là GDPL cho một cộng đồng dân tộc có truyền thống văn hóa giàu bản sắc, có ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết) riêng. Đối với các hình thức GDPL thông qua tiếp xúc trực tiếp (tọa đàm, hội thảo, nói chuyện pháp luật, tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến

thức pháp luật cho người dân Khmer) thì bất đồng ngôn ngữ vẫn là một trở ngại lớn, là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong GDPL cho ĐBDT Khmer. Đây là một đặc trưng riêng có của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Về phía chủ thể GDPL, nhiều BCV, TTV pháp luật là người Kinh đã cố gắng học tiếng Khmer, nhưng vốn từ vựng ngôn ngữ Khmer của họ chưa đủ để chuyển tải các thông tin, kiến thức pháp luật cho ĐBDT Khmer, nhất là những thuật ngữ pháp luật chuyên ngành. Về phía đối tượng GDPL, hiện nay vẫn còn một bộ phận đáng kể người dân Khmer chưa thông thạo tiếng Việt nên khó tiếp thu các nội dung GDPL. Điều đó đòi hỏi các cơ quan chức năng của các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL phải tìm ra những giải pháp hữu hiệu để khắc phục sự bất cập này.

2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Cũng như GDPL cho các đối tượng xã hội khác, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng, thể hiện trên các điểm sau:

2.1.3.1. Giáo dục pháp luật góp phần cung cấp, trang bị, nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN là pháp luật luôn được đặt ở vị trí thượng tôn, không một cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào có thể đứng ngoài hay đứng trên pháp luật. “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ” [63, khoản 1, Đ. 8]. Nhà nước xây dựng, ban hành pháp luật là để điều chỉnh các quan hệ xã hội, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhà nước, tập thể và công dân. Muốn cho pháp luật được thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm túc trong thực tế xã hội, phát huy được đầy đủ vai trò, chức năng của nó thì pháp luật phải được thấm thấu vào trong nhận thức và bộc lộ ra thông qua hành vi pháp luật hợp pháp của mỗi thành viên trong xã hội. Tuy nhiên, pháp luật không thể tự nó đến được với mỗi người, mà phải thông qua GDPL. Đó chính là phương thức truyền tải, chuyển giao những thông tin pháp luật, nội dung các nguyên tắc, quy định pháp luật đến với đông đảo CBCN nhà nước và các tầng lớp nhân dân; giúp họ nắm bắt, hiểu biết pháp luật một cách nhanh chóng, kịp thời mà không mất quá nhiều thời gian, công sức cho việc tự tìm hiểu, học tập. GDPL chính là phương thức hỗ trợ tích cực, là con đường nhanh chóng và hiệu quả để trang bị, nâng cao kiến thức pháp luật cho các đối tượng xã hội.

Đối với ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, vì nhiều nguyên nhân về lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội mà trình độ dân trí về pháp luật còn nhiều hạn chế. Có những người dân Khmer chỉ biết rất ít hoặc hầu như không biết đến các quy định pháp luật, trong đó có các quy định về quyền con người, quyền công dân. Thiếu hiểu biết pháp luật về quyền con người, quyền công dân thì ĐBDT Khmer khó có thể tiếp cận, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của mình. Muốn trang bị kiến thức pháp luật cho ĐBDT Khmer thì phương thức chủ yếu mà các cơ quan chức năng phải triển khai là GDPL cho họ. Điều đó nói lên một trong những vai trò hết sức quan trọng của GDPL là góp phần cung cấp, trang bị, nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật cho ĐBDT Khmer.

2.1.3.2. Giáo dục pháp luật góp phần xây dựng, củng cố tình cảm, niềm tin của đồng bào dân tộc Khmer đối với pháp luật

Pháp luật chỉ có thể được mọi người dân thực hiện nghiêm chỉnh và thực sự phát huy hiệu lực, hiệu quả khi họ tin tưởng vào các nguyên tắc, quy định của pháp luật. Chỉ khi nào người dân nhận thức đúng đắn, đầy đủ các nguyên tắc, quy định của pháp luật thì họ mới có thể thực hiện pháp luật một cách tự giác mà không cần một biện pháp cưỡng chế nào từ phía Nhà nước. Từ vai trò cung cấp thông tin, nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, GDPL góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với pháp luật.

Theo logic của vấn đề nêu trên, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có vai trò quan trọng là góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của đồng bào đối với pháp luật. Trong thực tế cuộc sống, có những người tuy có kiến thức, hiểu biết pháp luật nhưng lại không có niềm tin đối với pháp luật nên họ sẵn sàng bất chấp pháp luật, lợi dụng khe hở của pháp luật để mưu đồ lợi ích riêng. Nguyên nhân là vì họ thiếu niềm tin vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, không có tình cảm trách nhiệm pháp lý. Khi ĐBDT Khmer tin tưởng vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật thì không cần tới một biện pháp tác động nào từ phía các cơ quan chức năng để thực hiện pháp luật. Có niềm tin vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, mỗi người dân Khmer sẽ biết cách thực hiện hành vi pháp luật phù hợp với các yêu cầu, đòi hỏi của pháp luật một cách độc lập, tự nguyện, tự giác.

Để hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của đồng bào đối với pháp luật thì cần giáo dục tình cảm công bằng, tình cảm trách nhiệm và tình cảm không khoan nhượng đối với các hành vi phạm pháp, phạm tội. Giáo dục tình cảm công bằng là giáo dục cho ĐBDT Khmer biết đánh giá các QPPL, biết cách xác định các tiêu chuẩn về tính công bằng của pháp luật để tự đánh giá hành vi của mình, biết cách xử sự trong quan hệ với người khác và với chính bản thân mình dựa trên các QPPL. Giáo dục tình cảm trách nhiệm là giáo dục cho ĐBDT Khmer ý thức về nghĩa vụ pháp lý của họ. Giáo dục tình cảm trách nhiệm là làm cho người dân Khmer nhận thức được rằng, mọi việc làm, mọi hành vi của họ đều phải dựa trên cơ sở pháp luật và trong khuôn khổ các quy định pháp luật. Giáo dục tình cảm không khoan nhượng với các hành vi phạm tội là giúp người dân Khmer biết chủ động, tích cực đấu tranh với tội phạm. Việc xây dựng, củng cố niềm tin của ĐBDT Khmer đối với pháp luật càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các thế lực phản động, thù địch vẫn đang thực hiện các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta, gây chia rẽ giữa các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn.

2.1.3.3. Giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật, thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp cho đồng bào dân tộc Khmer

Ý thức tự giác chấp hành pháp luật của ĐBDT Khmer chỉ có thể được nâng cao khi GDPL được tiến hành thường xuyên, kịp thời, hiệu quả, có tính thuyết phục, góp phần hình thành, củng cố tình cảm tốt đẹp, niềm tin của đồng bào đối với pháp luật, ngày càng nâng cao hiểu biết của họ về các văn bản QPPL, các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong đời sống xã hội; từ đó, nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của ĐBDT Khmer. Ý thức pháp luật là yếu tố định hướng cho hành vi pháp luật của mỗi người dân Khmer, ý thức pháp luật tốt là cơ sở để hình thành ở mỗi người dân trong cộng đồng dân tộc Khmer động cơ thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp.

Sự hiểu biết pháp luật, nhận thức đúng đắn bản chất, vai trò xã hội của pháp luật, nắm bắt được các quyền con người, quyền công dân... sẽ là cơ sở, nền tảng để ĐBDT Khmer thêm tin tưởng vào chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền địa phương trong vùng ĐBSCL. Hơn thế nữa, có kiến thức, hiểu biết pháp luật ở một trình độ nhất định, có niềm tin đối với pháp

luật, ĐBDT Khmer mới có ý thức tự đánh giá, đối chiếu hành vi của mình với các nguyên tắc, quy định của pháp luật khi tham gia vào các quan hệ xã hội; tự mình có thể tiếp cận hoặc bảo vệ quyền con người, quyền công dân một cách hiệu quả, phù hợp với các nguyên tắc luật định, nâng cao chất lượng cuộc sống của họ.

Giáo dục pháp luật giúp củng cố niềm tin sâu sắc của ĐBDT Khmer vào sự cần thiết phải tuân theo một cách tự nguyện các quy định của pháp luật là những yếu tố quan trọng làm hình thành hành vi pháp luật tích cực. Những tình cảm công bằng, tình cảm trách nhiệm, tình cảm không khoan nhượng với các hành vi phạm tội... là những yếu tố tâm lý, tư tưởng không thể tách rời hành vi pháp luật chủ động, tự giác và tích cực. Phải nhờ vào động lực thôi thúc nội tâm, những tình cảm và niềm tin vững chắc vào pháp luật thì mới có thể hình thành được hành vi pháp luật hợp pháp, tự nguyện và tích cực trong ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Điều đó nói lên một trong những vai trò hết sức quan trọng của hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer là góp phần nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật, thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

2.2. CÁC THÀNH TỐ CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Quá trình GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL được tạo thành bởi các yếu tố sau: mục tiêu GDPL; chủ thể, đối tượng của GDPL; nội dung, phương pháp, hình thức GDPL. Sự gắn kết giữa các thành tố tạo nên sự thống nhất biện chứng của quá trình GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

2.2.1. Mục tiêu của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Việc xác định rõ mục tiêu của GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL có vai trò rất quan trọng; bởi lẽ, nếu không xác định rõ ràng, đúng đắn mục tiêu thì các chủ thể GDPL không thể đưa ra nội dung, phương pháp và hình thức GDPL phù hợp; việc thực hiện GDPL cho họ sẽ rơi vào tình trạng giáo điều, phong trào và kém hiệu quả. GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là một quá trình có mở đầu, có diễn biến theo từng bước, từng giai đoạn cụ thể, kết thúc trong một phạm vi không gian nhất định và vào một khoảng thời gian xác định. Các chủ thể GDPL phải trả lời được các câu hỏi đặt ra: GDPL cho ĐBDT Khmer để làm gì? Hoạt động này bao gồm những nội dung gì? GDPL được thực hiện như thế nào, bằng

cách nào?.v.v. Việc trả lời câu hỏi thứ nhất chính là xác định mục tiêu của GDPL cho đối tượng này.

Từ sự luận giải trên đây, có thể khẳng định: *Mục tiêu của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là định hướng cơ bản, xuyên suốt, là cái phải đạt được của hoạt động GDPL cho đối tượng này. Đó là những thông tin, kiến thức pháp luật; thái độ, tình cảm, niềm tin đối với pháp luật; thói quen, lối sống, hành vi xử sự tích cực theo pháp luật mà ĐBDT Khmer có thể tiếp thu và hiện thực hóa trong quá trình hoạt động sống, lao động, sinh hoạt.*

Giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL phải đạt ba mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phải đạt được mục tiêu nhận thức. GDPL cho bất kỳ đối tượng nào, trước hết, cũng đều nhằm cung cấp, trang bị những thông tin, kiến thức, hiểu biết pháp luật, góp phần hình thành, củng cố và nâng cao ý thức pháp luật của họ. Đây là mục tiêu quan trọng đầu tiên mà hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phải đạt được; bởi lẽ, sự hiểu biết pháp luật sẽ là cơ sở để ĐBDT Khmer tin tưởng vào chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền. GDPL giúp ĐBDT Khmer hiểu được các quyền con người, quyền công dân; biết sử dụng pháp luật để đấu tranh bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Hơn nữa, có kiến thức, hiểu biết pháp luật, ĐBDT Khmer sẽ có ý thức chủ động, tự giác trong tổ chức hoạt động lao động, sinh hoạt; tự đánh giá hành vi khi tham gia vào các quan hệ xã hội.

Ở nước ta hiện nay, nhìn chung, ý thức pháp luật của các tầng lớp nhân dân, trong đó có ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, vẫn còn thấp do ảnh hưởng của tư tưởng bảo thủ, nếp sống cũ thuộc nền sản xuất nhỏ; nhiều người dân vẫn chưa nhận thức đúng đắn về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Bên cạnh đó, GDPL cho nhân dân có lúc, có nơi còn bị hiểu và thực hiện chưa đúng, dẫn đến xem nhẹ vai trò của công tác này. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho kỷ cương xã hội, phép nước chưa nghiêm; nhiều lúc, nhiều nơi vẫn còn xảy ra các vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng; làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với pháp luật. Từ thực tế đó, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng, đề cao GDPL. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã nhấn mạnh:

Coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật... Cán bộ quản lý các cấp, từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết về pháp luật. Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân [23, tr.121].

Nghị quyết Đại hội VII của Đảng ta lại tiếp tục khẳng định “thường xuyên giáo dục pháp luật, xây dựng ý thức sống và làm việc theo pháp luật” [24, tr.135].

Thứ hai, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có mục tiêu làm hình thành ở họ thái độ, tình cảm và niềm tin đối với pháp luật. Đây cũng là một mục tiêu rất quan trọng; bởi vì, nếu được trang bị kiến thức pháp luật mà không tạo được tình cảm, niềm tin vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật thì con người rất dễ mắc phải các hành vi sai lệch, xa rời các nguyên tắc, quy định của pháp luật để theo đuổi lợi ích riêng. GDPL để hình thành cảm xúc pháp luật chính là giáo dục cho ĐBDT Khmer tình cảm công bằng, tình cảm trách nhiệm và tình cảm không khoan nhượng trước các hành vi phạm tội.

Giáo dục tình cảm công bằng là giáo dục cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL biết nhìn nhận, đánh giá một hành vi nào đó xảy ra là đúng hay sai để từ đó, bày tỏ thái độ bất bình, phê phán, lên án cái sai; bênh vực, ủng hộ và đấu tranh bảo vệ cái đúng dựa trên cơ sở kiến thức, hiểu biết pháp luật có được. Pháp luật là một trong những chuẩn mực, thước đo về sự công bằng; vì vậy, khi tham gia vào các quan hệ xã hội cụ thể, ĐBDT Khmer phải biết điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

Giáo dục tình cảm trách nhiệm là giáo dục để ĐBDT Khmer biết được bản phận, nghĩa vụ pháp lý của mình, để thực hiện các hành vi sao cho phù hợp với quy định của pháp luật, biết rõ trách nhiệm pháp lý của mình và luôn hoàn thành trách nhiệm đó trong mối quan hệ với các chủ thể pháp luật khác. Tình cảm trách nhiệm là cơ sở để mỗi người dân Khmer sống đoàn kết, gắn bó, chia sẻ và có trách nhiệm với nhau hơn trong cộng đồng dân tộc Khmer.

Giáo dục tình cảm không khoan nhượng đối với các hành vi phạm tội, về thực chất, là giáo dục cho ĐBDT Khmer nhận thức đầy đủ về tính nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội, rằng tội phạm không chỉ xâm hại tới lợi ích của Nhà nước, tập thể, cộng đồng; mà còn xâm hại tới tính mạng, sức khỏe, danh dự,

nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân; từ đó, ĐBDT Khmer có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ, không khoan nhượng trước các hành vi phạm tội. Tình cảm không khoan nhượng trước các hành vi phạm tội có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hình thành hành vi pháp luật chủ động, tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ ba, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có mục tiêu cụ thể là làm hình thành hành vi xử sự tích cực theo pháp luật. Mục tiêu này phải được thể hiện thông qua hành vi xử sự tích cực theo pháp luật của chính ĐBDT Khmer. Mục tiêu về nhận thức và mục tiêu về thái độ, tình cảm, suy cho cùng, đều nhằm phục vụ cho mục tiêu hình thành hành vi xử sự tích cực theo các quy định pháp luật. Việc cung cấp kiến thức pháp luật, giáo dục niềm tin sâu sắc vào sự cần thiết phải tự nguyện tuân theo các quy định của pháp luật là những yếu tố quan trọng nhằm làm hình thành hành vi pháp luật tích cực. Những tình cảm công bằng, ý thức trách nhiệm và tinh thần không khoan nhượng trước các hành vi phạm tội là những yếu tố tâm lý, cảm xúc không thể tách rời việc hình thành hành vi pháp luật tự giác và tích cực. V.I. Lênin đã khẳng định: “Thiếu cảm xúc, con người không thể và không bao giờ tìm kiếm được chân lý” [101, tr.112]. Phải nhờ vào động lực thôi thúc nội tâm, cảm xúc, và niềm tin vững chắc vào pháp luật thì mới hình thành được hành vi pháp luật hợp pháp, tự nguyện và tích cực trong ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Để đạt được mục tiêu hình thành hành vi hợp pháp tích cực thì phải GDPL cho ĐBDT Khmer một cách thường xuyên, kiên trì bằng nhiều hình thức, phương pháp để ĐBDT Khmer hiểu được sự cần thiết, hợp lý và lợi ích của các QPPL đối với xã hội nói chung, đối với cộng đồng dân tộc Khmer nói riêng. Hành vi pháp luật hợp pháp phải trở thành thói quen, nếp sống trong lao động, sinh hoạt hàng ngày của người dân Khmer. GDPL giúp cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL biết chung sống và học cách sống với các thành viên trong cộng đồng; tự khẳng định mình, tự quyết định được suy nghĩ và hành động của mình sao cho phù hợp với các quy định của pháp luật. Điều đó cho phép lý giải vì sao trình độ dân trí về pháp luật càng cao bao nhiêu thì hiệu lực, hiệu quả của pháp luật càng được phát huy bấy nhiêu.

2.2.2. Chủ thể, đối tượng của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.2.2.1. Chủ thể giáo dục pháp luật

Theo lý luận giáo dục học, chủ thể giáo dục là đội ngũ thầy, cô giáo và tất cả những người khác tham gia quản lý hoặc trực tiếp làm công tác giáo dục. Trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, có thể hiểu: *Chủ thể GDPL là các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật, các cơ quan nhà nước, tổ chức, đoàn thể và những cá nhân cụ thể thuộc các cấp, các ngành mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao hay trách nhiệm xã hội phải tham gia vào việc thực hiện các mục tiêu của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.* Đó là các cơ sở GDPL, cơ quan, tổ chức, đoàn thể có chức năng GDPL và các nhà GDPL. Tùy thuộc vào nội dung GDPL, mục tiêu và trình độ tri thức pháp luật cần trang bị cho các nhóm đối tượng cụ thể trong ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL để phát huy chức năng, nhiệm vụ của mỗi chủ thể GDPL kể trên.

Chủ thể GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là các *cơ quan, tổ chức, đoàn thể các cấp thuộc các tỉnh ở vùng ĐBSCL có chức năng, nhiệm vụ làm công tác GDPL*, bao gồm Sở Tư pháp, Hội Luật gia, Đoàn Luật sư các tỉnh, các Phòng Tư pháp huyện... Lợi thế của các cơ quan, tổ chức này là luôn có trong tay các loại thông tin, tài liệu, văn bản QPPL, có đội ngũ cán bộ, chuyên gia pháp luật đã được đào tạo bài bản, có kiến thức, hiểu biết pháp luật và có kinh nghiệm trong thực tiễn đời sống pháp lý của địa phương. Ngoài ra, phải kể tới các cơ quan, ban, ngành, tổ chức khác, như Sở Công an, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, MTTQ Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... cấp tỉnh.

Chủ thể GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL với tư cách *các nhà GDPL* lại bao gồm chủ thể GDPL chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp:

Chủ thể GDPL chuyên nghiệp là những người chuyên làm công tác giáo dục, đào tạo về pháp luật trong các cơ sở GDPL, được đào tạo chuyên sâu về pháp luật, có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu và trực tiếp là thực hiện các mục tiêu, nội dung GDPL thông qua những phương pháp và hình thức GDPL nhất định. Đó chính là đội ngũ các thầy, cô giáo đang tham gia giảng dạy trong các cơ sở đào tạo luật; những nghiên cứu viên của các cơ quan, viện nghiên cứu khoa học pháp lý... Chủ thể GDPL chuyên nghiệp sẽ trực tiếp tham gia GDPL, đào tạo trình độ trung cấp

luật, đại học luật cho những người dân Khmer có nhu cầu cũng như cho con em họ - những người sẽ là BCV, TTV pháp luật, tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer. Chủ thể GDPL chuyên nghiệp cũng có thể tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL theo những chủ đề pháp luật theo yêu cầu của các cơ quan chức năng của các tỉnh.

Chủ thể GDPL không chuyên nghiệp là những người có chức năng, nhiệm vụ chính không phải là GDPL, mà thông qua hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của mình hoặc làm việc kiêm nhiệm để thực hiện mục tiêu GDPL cho một đối tượng nhất định. Trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, chủ thể GDPL không chuyên nghiệp có thể là các chuyên gia pháp lý, luật sư, đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp; đội ngũ CBCC đang công tác tại các cơ quan hành pháp, tư pháp cấp tỉnh và cấp huyện, như chuyên viên Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, CBCC Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, CBCC thuộc UBND các cấp; các thành viên của HĐPH công tác PBGDPL... Có thể gọi chung các chủ thể GDPL không chuyên nghiệp cho ĐBDT Khmer là đội ngũ BCV pháp luật; ngoài ra, ở cấp xã còn có đội ngũ TTV pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở.

2.2.2.2. Đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật

Đối tượng tiếp nhận GDPL ở đây chính là ĐBDT Khmer đang sinh sống, lao động, sinh hoạt ở vùng ĐBSCL. Tuy đều là những người dân tộc Khmer, song nhu cầu tiếp nhận thông tin, kiến thức pháp luật của họ có thể đa dạng tùy thuộc vào địa bàn cư trú, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, vị thế xã hội trong cộng đồng, mục tiêu tiếp thu kiến thức pháp luật... Chính vì vậy, khi tiến hành hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, các chủ thể GDPL cần phải chú ý phân loại đối tượng theo những tiêu chí cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả của hoạt động này. Cụ thể:

Thứ nhất, theo địa bàn cư trú, ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL bao gồm những người đang sinh sống, làm việc ở các đô thị (thành phố, thị xã trực thuộc các tỉnh trong vùng ĐBSCL, các thị trấn huyện) và những người đang sinh sống, làm việc ở các vùng nông thôn (phum, sóc). Do những khác biệt xã hội giữa nông thôn và đô thị nên nhu cầu về thông tin, kiến thức pháp luật của ĐBDT Khmer ở mỗi nơi cũng khác nhau; bởi vậy, các chủ thể cần lưu ý phân loại đối tượng theo địa bàn cư trú khi tổ chức PBGDPL cho ĐBDT Khmer.

Thứ hai, theo nhóm tuổi, ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL gồm những người thuộc các nhóm lứa tuổi khác nhau, như nhóm trẻ em (học sinh tiểu học), nhóm thiếu niên (học sinh trung học cơ sở), nhóm thanh niên (học sinh trung học phổ thông và đoàn viên thanh niên đang lao động, sinh hoạt tại các địa phương), nhóm trung niên và nhóm người cao tuổi. Mỗi nhóm lứa tuổi trên đây đều có những nét đặc trưng riêng về tâm lý, nhận thức, hiểu biết, kinh nghiệm thực tế xã hội, nhu cầu hiểu biết pháp luật... Vì vậy, khi triển khai GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, các chủ thể GDPL phải có sự chuẩn bị nghiêm túc, khoa học về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL sao cho phù hợp với từng nhóm lứa tuổi.

Thứ ba, theo hoạt động nghề nghiệp, ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL bao gồm những người lao động đang làm các công việc, nghề nghiệp khác nhau: thuần túy làm nông nghiệp (trồng lúa, rau màu, chăn nuôi); làm nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản; kinh doanh, buôn bán nhỏ... Chắc chắn là những người làm công việc khác nhau có nhận thức pháp luật, vốn kiến thức pháp luật và nhu cầu hiểu biết pháp luật cũng rất khác nhau. Điều đó đòi hỏi các chủ thể GDPL phải tính đến hoạt động nghề nghiệp của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong quá trình GDPL cho đối tượng này.

Thứ tư, theo vị thế xã hội trong cộng đồng, ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có thể có vị trí, chỗ đứng khác nhau trong cộng đồng xã hội của mình: có những người là chức sắc tôn giáo (hòa thượng, thượng tọa...); có những người là trưởng tộc; có những người tham gia làm cán bộ phum, sóc, xã... Những người có vị thế xã hội cao trong cộng đồng dân tộc Khmer được đồng bào rất kính trọng, tin tưởng. Trong GDPL cho ĐBDT Khmer cần đặc biệt chú ý tới các đối tượng có vị thế xã hội cao, có uy tín này; có thể đào tạo, bồi dưỡng họ trở thành những TTV pháp luật ĐBDT Khmer. Điều đó cũng phù hợp với quy định của *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*: “Nhà nước có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ người làm công tác PBGDPL, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các DTTS tham gia PBGDPL tại địa phương; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tình nguyện PBGDPL cho người dân ở vùng DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa...” [62, khoản 3, Đ. 17]; đồng thời, phù hợp với Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [xem: 80].

Thứ năm, theo mục tiêu, nhu cầu tiếp thu kiến thức pháp luật, có thể phân chia ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thành các nhóm để GDPL: học để hiểu biết pháp luật, học để vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, học để phục vụ công tác chuyên môn, học để nâng cao trình độ kiến thức pháp luật...

Các chủ thể GDPL ở vùng ĐBSCL cần căn cứ vào mục tiêu, nhu cầu về kiến thức pháp luật, căn cứ vào địa bàn cư trú, nhóm tuổi, vị thế xã hội, hoạt động nghề nghiệp trong ĐBDT Khmer để tổ chức, bố trí các hình thức GDPL một cách hợp lý nhất, lựa chọn nội dung, phương pháp và sử dụng BCV, TTV pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng.

2.2.3. Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

2.2.3.1. Nội dung giáo dục pháp luật

Để GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thì phải có những nội dung GDPL cụ thể:

Việc PBGDPL cho người dân ở vùng DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân căn cứ vào đặc điểm của từng đối tượng mà tập trung vào các quy định pháp luật về dân tộc, tôn giáo, trách nhiệm tham gia bảo vệ, giữ gìn an ninh, quốc phòng, biên giới, chủ quyền quốc gia, biển, đảo, tài nguyên, khoáng sản và các lĩnh vực pháp luật khác gắn liền với đời sống, sản xuất của người dân [62, khoản 1, Đ. 17].

Nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer là những văn bản QPPL do Nhà nước ban hành và những văn bản pháp quy do các cấp chính quyền địa phương trong vùng ban hành mà các chủ thể GDPL cần truyền đạt, trang bị cho ĐBDT Khmer phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cho từng đối tượng, giúp họ có được những kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật; trên cơ sở đó, hình thành và phát triển ý thức pháp luật, củng cố niềm tin đối với pháp luật và hình thành lối sống theo pháp luật cho ĐBDT Khmer.

Nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer gồm hệ thống các văn bản QPPL của Nhà nước và các văn bản pháp quy của các cấp chính quyền địa phương:

Thứ nhất, nhìn trên phương diện hệ thống các văn bản QPPL do Nhà nước ban hành, nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL bao gồm các bộ luật,

luật, pháp lệnh, nghị định, các loại văn bản QPPL khác, đang có giá trị và hiệu lực thực thi, như Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Khiếu nại, Luật tố cáo, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Thanh niên, Luật Giao thông đường bộ, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; pháp luật về bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe; pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội; các chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo... Các văn bản QPPL kể trên đều là những lĩnh vực pháp luật quan trọng, gắn gũi trong đời sống xã hội nói chung, trong đời sống của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nói riêng; vì thế, chúng phải là những vấn đề cốt lõi trong nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer.

Thứ hai, nhìn trên phương diện các văn bản QPPL dưới luật do các cấp chính quyền của các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL ban hành, nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL bao gồm các nghị quyết của HĐND các cấp, các quyết định của UBND các cấp, các chương trình, kế hoạch của các sở, ban, ngành trong các tỉnh; đặc biệt là những văn bản có liên quan trực tiếp đến đời sống, lao động, sinh hoạt của ĐBDT Khmer.

Thứ ba, một trong những nội dung GDPL quan trọng đối với ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là thực tiễn đời sống pháp luật trên địa bàn từng tỉnh, trong từng khu vực có đông ĐBDT. Thực tiễn đời sống pháp luật ở vùng ĐBSCL bao gồm các vấn đề: kết quả triển khai GDPL; kết quả thực hiện pháp luật; những gương sáng điển hình, tấm gương “người tốt, việc tốt” trong thực hiện pháp luật; tình hình tội phạm trên địa bàn; các âm mưu, thủ đoạn, phương thức phạm tội mới xuất hiện; kết quả hoạt động xét xử, bảo vệ pháp luật của các cơ quan chức năng trong vùng... Việc phổ biến, tuyên truyền những nội dung thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật ở vùng ĐBSCL có ý nghĩa rất quan trọng: *một mặt*, động viên, khuyến khích, cổ vũ ĐBDT Khmer học tập, làm theo những tấm gương sáng trong thực hiện pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng; *mặt khác*, giáo dục cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nâng cao cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn phạm tội, tích cực tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm.

Nội dung GDPL và đối tượng GDPL có mối liên hệ mật thiết với nhau, nghĩa là phải căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu tiếp nhận kiến thức pháp luật của từng nhóm đối tượng GDPL để lựa chọn các nội dung GDPL phù hợp.

2.2.3.2. Phương pháp giáo dục pháp luật

Hệ thống pháp luật nói chung, từng văn bản QPPL nói riêng không tự đến được với mỗi người dân, mà phải thông qua những phương pháp GDPL khác nhau nhằm truyền đạt nội dung pháp luật tới các thành viên trong xã hội.

Phương pháp GDPL cho ĐBDT Khmer là tổ hợp những cách thức tổ chức hoạt động được các chủ thể giáo dục pháp luật sử dụng nhằm truyền đạt, chuyển giao những nội dung pháp luật nhất định cho đồng bào dân tộc Khmer phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ mà chủ thể đặt ra; đồng thời phù hợp với năng lực, nhu cầu tiếp thu tri thức pháp luật của đối tượng.

Tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer, chủ thể GDPL có thể sử dụng phương pháp GDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đối với đa số ĐBDT Khmer đang sinh sống tại các phum, sóc, các chủ thể có thể sử dụng các phương pháp GDPL sau:

- *Phương pháp tuyên truyền, giải thích pháp luật*: Thông thường, các chủ thể sử dụng phương pháp này khi cần phổ biến một văn bản QPPL mới được ban hành, cần nhanh chóng đưa những nội dung cơ bản của văn bản luật đó đến với ĐBDT Khmer để triển khai thực hiện.

- *Phương pháp thông tin pháp luật*: Đối với phương pháp này, các phương tiện thông tin đại chúng như sách báo, tạp chí, các đài phát thanh, truyền hình, các loại hình nghệ thuật (sân khấu, phim, ảnh...) được sử dụng như những phương tiện đặc lực để chuyển tải các thông tin về tình hình, kết quả thực hiện pháp luật nói chung hoặc ở từng lĩnh vực pháp luật cụ thể nói riêng. Đó là những thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật mà các chủ thể mong muốn truyền đạt cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- *Phương pháp nêu gương*: Chủ thể GDPL cần có sự lựa chọn, nêu những tấm gương “người tốt, việc tốt” điển hình về tôn trọng, thực hiện, bảo vệ pháp luật trong phạm vi các tỉnh vùng ĐBSCL, trong cộng đồng dân tộc Khmer để giới thiệu cho ĐBDT Khmer biết. Phương pháp này có tác dụng giúp cho các thành viên trong cộng đồng dân tộc Khmer nhận thức, học tập, noi theo những tấm gương tốt; biết né tránh cái xấu, tiêu cực.

- *Phương pháp nói chuyện, trao đổi về pháp luật*: Chủ thể GDPL tổ chức cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nghe nói chuyện, tọa đàm hoặc trao đổi về một vấn đề, sự kiện, tình huống pháp luật xảy ra trong thực tiễn xã hội.

- *Phương pháp tạo dư luận xã hội để GDPL*: “Dư luận xã hội là tập hợp các ý kiến, thái độ có tính chất phán xét đánh giá của các nhóm xã hội hay của xã hội nói chung trước những vấn đề mang tính thời sự, có liên quan tới lợi ích chung, thu hút được sự quan tâm của nhiều người và được thể hiện trong các nhận định hay hành động thực tiễn của họ” [53, tr.22]. Dư luận xã hội có tác động mạnh mẽ đến ý thức pháp luật, lương tâm, danh dự, trách nhiệm của các cá nhân, làm cho mỗi cá nhân tự giác điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với các quy tắc, yêu cầu của pháp luật. Dựa theo nguyên lý đó, các chủ thể GDPL có thể chủ động tạo ra những luồng dư luận xã hội trong ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trên cơ sở các sự kiện, hiện tượng pháp luật có thật xảy ra trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL; từ đó, tạo cho ĐBDT Khmer ý thức phê phán, lên án các hành vi phạm pháp, phạm tội; củng cố và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho họ. Những vụ án được tổ chức xét xử lưu động tại các địa phương thuộc vùng ĐBSCL chính là nhằm mục tiêu này.

- *Phương pháp tạo tình huống GDPL*: Chủ thể GDPL sưu tầm, lựa chọn và đưa ra các sự kiện, tình huống pháp luật có thật hoặc tình huống giả định liên quan tới cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của ĐBDT Khmer, đòi hỏi phải có kiến thức pháp luật mới giải quyết được. Bằng cách đó, chủ thể GDPL đã chủ động tạo ra ở ĐBDT Khmer tâm trạng, tình cảm, phản ứng và hành vi xử sự cần thiết về pháp luật; thông qua giải quyết các tình huống đó, giúp họ nâng cao nhận thức, hành động, ứng xử theo đúng các nguyên tắc, quy định pháp luật.

- *Phương pháp rèn luyện, thực hành pháp luật*: Bằng phương pháp này, chủ thể GDPL giúp ĐBDT Khmer rèn luyện, thực hành các kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật vào giải quyết các công việc cụ thể phát sinh trong thực tế cuộc sống; qua đó, giúp họ biết cách lựa chọn và thực hiện những hành vi pháp luật đúng đắn, phù hợp với các quy định của pháp luật.

2.2.3.3. Hình thức giáo dục pháp luật

Hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer, về thực chất, là những cách thức tổ chức hoạt động mà thông qua đó, chủ thể GDPL thực hiện nhiệm vụ của mình. Như vậy, hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer là các cách thức tổ chức hoạt động GDPL,

thông qua đó chủ thể tiến hành GDPL, chuyển giao nội dung GDPL và đạt mục tiêu GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật:

Hoạt động PBGDPL cho người dân ở vùng DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân được chú trọng thực hiện thông qua hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý lưu động; tư vấn pháp luật, cung cấp miễn phí thông tin, tài liệu pháp luật bằng tiếng dân tộc cho đồng bào DTTS; lồng ghép PBGDPL trong các hoạt động văn hóa truyền thống [62, khoản 2, Đ. 17].

Với định hướng đó, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có thể thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, như: bồi dưỡng kiến thức pháp luật; GDPL qua thông tin đại chúng; thi tìm hiểu pháp luật; qua hệ thống thông tin pháp luật như Công báo, bản tin pháp luật v.v.

Dựa trên mục tiêu, nội dung GDPL và tùy theo từng nhóm đối tượng cụ thể, chủ thể có thể sử dụng các hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer sau:

Đối với học sinh người Khmer đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông ở vùng ĐBSCL, hình thức GDPL phù hợp với nhóm đối tượng này là lồng ghép những nội dung pháp luật đơn giản, thiết thực, dễ hiểu vào các môn học, giờ học chính khóa, như môn Đạo đức, môn Giáo dục công dân, các giờ sinh hoạt lớp cuối tuần, giờ chào cờ đầu tuần; PBGDPL vào các buổi hoạt động ngoại khóa, lao động; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, pháp luật về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng, chống tệ nạn xã hội...

Đối với đa số ĐBDT Khmer đang sinh sống tại các phum, sóc, có thể sử dụng nhiều hình thức GDPL khác nhau: PBGDPL thông qua các cuộc họp dân, các hội nghị nhân dân, các buổi sinh hoạt tôn giáo; biên soạn sách pháp luật phổ thông, vận động đồng bào mượn sách, đọc sách pháp luật tại Tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn; các hoạt động tư vấn pháp luật; tờ gấp pháp luật; PBGDPL thông qua các chuyên mục của Đài Truyền hình Việt Nam khu vực Nam Bộ, Đài Phát thanh và Truyền hình các tỉnh trong khu vực ĐBSCL. Ngoài ra, hình thức GDPL chuyên biệt thông qua hoạt động của các cơ quan xét xử, bảo vệ pháp luật cũng rất phù hợp với

ĐBDT Khmer; chẳng hạn, tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động tại địa bàn cư trú của ĐBDT Khmer để đồng bào đến tham dự, gia tăng hiểu biết pháp luật.

2.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Cũng như các dạng hoạt động xã hội khác, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL luôn chịu sự tác động, ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan. Tất nhiên, sự phân chia các yếu tố chủ quan và khách quan chỉ có ý nghĩa tương đối, vì về cơ bản, các yếu tố này luôn nằm trong sự đan xen lẫn nhau và có quan hệ mật thiết với nhau. Việc xem xét, đánh giá đúng đắn sự ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan đến GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là cơ sở khoa học, thực tiễn để xây dựng các giải pháp bảo đảm hiệu quả của công tác này.

2.3.1. Các yếu tố chủ quan

Các yếu tố chủ quan được hiểu là những yếu tố tồn tại bên trong ý thức của các nhà GDPL và đối tượng GDPL, chi phối nhận thức và hoạt động thực tiễn của họ; từ đó, ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả GDPL cho chính đối tượng. Có thể có nhiều yếu tố chủ quan; song, về cơ bản, các yếu tố chủ quan bao gồm trình độ học vấn và các nhân tố tâm lý.

2.3.1.1. Trình độ học vấn

Trình độ học vấn là khái niệm dùng để chỉ tập hợp những kiến thức, hiểu biết khoa học về tự nhiên, xã hội và về chính bản thân con người mà mỗi cá nhân tiếp nhận, tích lũy được trong quá trình tham gia học tập ở những cấp học, bậc học nhất định thuộc nền giáo dục của một quốc gia. Trình độ học vấn có vai trò đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hầu hết mọi lĩnh vực hoạt động của con người. Nó vừa là nền tảng sức mạnh tinh thần (tri thức là sức mạnh), vừa là động lực thúc đẩy mỗi người vươn lên trong cuộc sống, học tập, lao động, sản xuất nhằm làm chủ tự nhiên, xã hội và bản thân.

Trong hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, trình độ học vấn có ảnh hưởng rất quan trọng đối với cả hai phía “đối tác” của hoạt động này: chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL.

Về phía chủ thể GDPL cho ĐBDT Khmer, trình độ học vấn có ảnh hưởng quyết định đối với chất lượng, hiệu quả GDPL. Thước đo đánh giá trình độ học vấn

của các chủ thể trực tiếp tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer không chỉ là tri thức, hiểu biết nói chung, mà phải được biểu hiện cụ thể ở trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của họ. Nếu như tri thức, hiểu biết chung là *điều kiện cần* thì kiến thức, hiểu biết pháp luật là *điều kiện đủ* để các cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng ĐBSCL lựa chọn và xây dựng đội ngũ BCV, TTV pháp luật. Kiến thức pháp luật là nền tảng để chủ thể nhận thức, hiểu biết đầy đủ về vị trí, vai trò, nội dung của các văn bản QPPL; về tác động thực tế khi chúng được triển khai vào thực tiễn cuộc sống... Trên cơ sở đó, chủ thể lựa chọn những nội dung GDPL cụ thể, thiết thực, gán gửi để GDPL cho ĐBDT Khmer thông qua phương pháp, hình thức phù hợp.

Có thể khẳng định rằng, trình độ học vấn về pháp luật của các chủ thể tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL càng cao bao nhiêu thì chất lượng, hiệu quả GDPL cho đối tượng này sẽ càng cao bấy nhiêu. Kiến thức, hiểu biết pháp luật ở trình độ cao giúp cho các chủ thể GDPL chủ động, tự tin khi giảng giải, trò chuyện, trao đổi xung quanh các vấn đề pháp luật với ĐBDT Khmer; biết cách phân tích, lý giải một cách “thấu tình, đạt lý” những nội dung pháp luật cần phổ biến, giáo dục; biết đưa ra những câu chuyện, tình huống pháp luật, ví dụ thực tiễn cụ thể, sinh động để ĐBDT Khmer có thể hiểu được những nội dung pháp luật cần truyền đạt.

Ngược lại, nếu chủ thể GDPL có kiến thức, hiểu biết pháp luật ở trình độ thấp, thậm chí chưa qua các khóa đào tạo chuyên ngành luật hoặc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật thì đó sẽ là một khó khăn thực sự đối với họ khi trực tiếp tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer. Việc chưa được đào tạo, tập huấn bài bản về pháp luật sẽ khiến chủ thể GDPL bị động, lúng túng khi phổ biến, tuyên truyền pháp luật; thiếu tự tin khi giải thích những điều khoản pháp luật mà ĐBDT Khmer chưa rõ; khó đưa ra được những tình huống pháp lý, ví dụ pháp luật thực tế cho đồng bào dễ hiểu, dễ nhớ... Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nhiều lúc, nhiều nơi chỉ làm qua loa, hình thức mà ít chú trọng chất lượng, hiệu quả GDPL.

Những phân tích, lý giải trên đây cho thấy rằng, trình độ học vấn về pháp luật của các chủ thể GDPL có ảnh hưởng mạnh mẽ tới GDPL cho ĐBDT Khmer. Trình độ học vấn về pháp luật của chủ thể càng cao thì chất lượng, hiệu quả GDPL càng cao và ngược lại. Như vậy, việc củng cố, xây dựng một đội ngũ BCV, TTV

pháp luật có trình độ đại học luật, trung cấp luật là nhiệm vụ cấp thiết đối với cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng ĐBSCL.

Về phía ĐBDT Khmer với tư cách là đối tượng tiếp nhận GDPL, trình độ học vấn của họ cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng, hiệu quả GDPL cho chính họ. Những tri thức, hiểu biết cơ bản mà người dân Khmer tích lũy được tương ứng với trình độ học vấn của họ là cơ sở, nền tảng để họ tiếp thu, lĩnh hội, ghi nhớ các nội dung GDPL, vận dụng những kiến thức pháp luật đó vào thực tiễn cuộc sống. Trình độ học vấn càng cao thì ĐBDT Khmer càng thuận lợi trong việc tiếp thu, nắm bắt những khái niệm, thuật ngữ pháp lý được sử dụng trong các bộ luật, luật; ngược lại, trình độ học vấn thấp thì việc tiếp thu tri thức pháp luật sẽ khó khăn hơn; chưa hiểu hết ý nghĩa của những thuật ngữ thông thường thì làm sao hiểu được các khái niệm pháp luật. Chẳng hạn, một người dân Khmer có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông sẽ lĩnh hội tri thức pháp luật thuận lợi hơn so với người mới chỉ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học hoặc tốt nghiệp trung học cơ sở.

Thực tế cho thấy, do nhiều nguyên nhân về lịch sử, kinh tế, xã hội nên nhìn chung trình độ học vấn của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL còn tương đối thấp. Đây là một khó khăn thực sự, ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer. Thiếu nền tảng tri thức cần thiết để tiếp thu, lĩnh hội kiến thức pháp luật làm cho chủ thể GDPL mất nhiều thời gian vì phải giải thích lại nhiều lần. Về phía đối tượng, nghe mà không hiểu, không nhớ sẽ nảy sinh tâm lý chán nản, thiếu tự tin, không còn mặn mà tham gia các buổi PBGDPL nữa... Hệ quả của tình trạng này là GDPL không đạt được hiệu quả như mong muốn. Chính vì vậy, việc lựa chọn những nội dung pháp luật cụ thể, thiết thực, truyền đạt bằng phương pháp sinh động thông qua những hình thức GDPL đa dạng là biện pháp mà các chủ thể GDPL phải tính tới.

2.3.1.2. Các nhân tố tâm lý

Chất lượng, hiệu quả GDPL cho các đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer, dù ít hay nhiều đều chịu ảnh hưởng của các nhân tố tâm lý, quan trọng nhất là *quá trình tâm lý bất chước* và *quá trình lây lan tâm lý*.

Bất chước là sự mô phỏng, tái tạo, lặp lại các hành vi, tâm trạng, cách suy nghĩ hay ứng xử của một người hoặc một nhóm người, thấy những người xung quanh làm một việc thì cũng làm theo. Quá trình tâm lý bất chước thường tạo ra và

định hình các “khuôn mẫu hành vi” cho các thành viên trong xã hội; do đó, quá trình tâm lý bất chước có ảnh hưởng nhất định đến công tác GDPL cho các đối tượng xã hội. Chẳng hạn, một số người dân Khmer tham gia các buổi GDPL không hẳn lúc đầu xuất phát từ nhu cầu tiếp thu kiến thức pháp luật, chỉ sau khi kết thúc quá trình GDPL thì họ mới hiểu được vai trò, tầm quan trọng của GDPL. Những điều “mất thấy tai nghe” từ những người này có thể tạo nên quá trình tâm lý bất chước, thu hút những người dân Khmer khác cũng tham dự GDPL. Trong trường hợp này, quá trình tâm lý bất chước có ảnh hưởng tích cực tới GDPL. Ngược lại, ngay từ đầu, chỉ cần một số người tỏ ra hoài nghi về sự cần thiết của GDPL, bản thân họ không muốn tham dự và lôi kéo những người khác cũng có tâm lý hoài nghi. Khi đó, quá trình tâm lý bất chước có thể khiến cho nhiều người không tham dự GDPL; phá hỏng kế hoạch của chủ thể, ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu quả GDPL.

Trong hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, về cơ bản, quá trình tâm lý bất chước có ảnh hưởng tích cực đối với việc tham gia hoạt động này của người dân Khmer, vì đa số ĐBDT Khmer là những người chân thật, chất phác, sống đề cao tình nghĩa, coi trọng công lý; biết thực hiện những hành vi hợp pháp dù có thể chưa hiểu biết nhiều về pháp luật. Sở dĩ như vậy là vì nhiều người dân Khmer có tâm lý bất chước suy nghĩ, lời nói và hành vi của những người trong cộng đồng mà họ tôn trọng. Nhìn trên phương diện này, các chủ thể GDPL có thể vận dụng tâm lý bất chước để tiến hành GDPL cho ĐBDT Khmer nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho họ. Hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer có thể và cần bắt đầu từ những người có uy tín cao trong cộng đồng dân tộc Khmer - những người được ĐBDT Khmer tôn vọng, gửi gắm niềm tin, như các vị hòa thượng, đại đức, các nhà sư trụ trì trong các chùa Khmer; người đứng đầu các dòng họ (trưởng tộc); người cao tuổi; những CBCC, viên chức được đồng bào tín nhiệm... Khi những “thành phần chủ chốt” này đã lĩnh hội, thấm nhuần những nội dung GDPL, đồng ý thực hiện vai trò BCV, TTV pháp luật, trực tiếp PBGDPL cho ĐBDT Khmer, thì sẽ tạo được một hiệu ứng dây chuyền mạnh mẽ, làm chuyển biến nhận thức của ĐBDT Khmer về vai trò của GDPL theo hướng tích cực do họ có tâm lý tin tưởng, bất chước, học tập theo những người được họ tín nhiệm, tôn trọng [xem: 53, tr.188-190]. Ngoài ra, nếu được tập huấn, bồi dưỡng pháp luật một cách bài bản, chuyên

sâu, chính những người có uy tín kể trên, với lợi thế về ngôn ngữ tiếng Khmer, sẽ trở thành những người có thể PBGDPL cho ĐBDT Khmer một cách hiệu quả.

Quá trình lây lan tâm lý cũng có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer. Quá trình lây lan tâm lý là quá trình lan truyền tình cảm, cảm xúc từ người này sang người khác, từ nhóm xã hội này sang nhóm xã hội khác trước một sự kiện xã hội, pháp lý xảy ra trong cuộc sống. Lây lan tâm lý thường xảy ra một cách nhanh chóng, mạnh mẽ và nằm ngoài sự kiểm soát của ý thức. Trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, thực chất của quá trình lây lan tâm lý là các cá nhân kích thích tâm lý người khác bằng chính ý thức, thái độ của họ đối với hoạt động GDPL dành cho họ; do nhìn thấy hoặc nghe thấy phản ứng của người khác mà tăng thêm độ hứng khởi của bản thân. Bằng cách đó, cảm hứng của những người dân Khmer tham gia các hoạt động GDPL có thể phát triển nhanh chóng. Quá trình lây lan tâm lý có thể ảnh hưởng tích cực đến trạng thái tâm lý của ĐBDT Khmer khi tham gia các buổi PBGDPL. Chẳng hạn, hăng hái, nhiệt tình của một bộ phận người dân Khmer khi tham dự GDPL có thể làm lan truyền cảm hứng cho người khác, khiến họ hăng hái, nhiệt tình tham gia. Điều đó có tác dụng tích cực, làm hình thành ở ĐBDT Khmer tinh thần, ý thức coi trọng và chủ động, nhiệt tình tham gia hoạt động GDPL để nâng cao tri thức, hiểu biết pháp luật.

Bên cạnh đó, chủ thể GDPL cũng cần lưu ý tới ảnh hưởng tiêu cực của quá trình tâm lý này. Trong một số trường hợp, quá trình lây lan tâm lý thường là nguyên nhân dẫn đến tình trạng “bỏ cuộc” trong các buổi PBGDPL dành cho ĐBDT Khmer. Chẳng hạn, tại buổi tập trung người dân Khmer để PBGDPL, BCV, TTV pháp luật thiếu kinh nghiệm về phương pháp truyền đạt, nội dung khô khan, hình thức GDPL thiếu hấp dẫn. Điều đó khiến cho, lúc đầu, một số người dân có thái độ chán nản, muốn ra về sớm. Trạng thái tâm lý đó lây lan sang những người dân Khmer khác. Hệ quả là, sau giờ giải lao, mọi người gần như kéo nhau về hết, buổi tuyên truyền pháp luật coi như thất bại.

2.3.2. Các yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan được hiểu là các yếu tố tồn tại bên ngoài nhận thức, quan niệm của chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL. Hoạt động GDPL cho bất kỳ đối tượng xã hội nào, trong đó có ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, luôn diễn ra trong một phạm vi không gian xã hội nhất định, phụ thuộc và chịu ảnh hưởng bởi

các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nhất định. Nhìn trên phương diện này, các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL bao gồm yếu tố kinh tế, yếu tố chính trị và yếu tố văn hóa - xã hội.

2.3.2.1. Yếu tố kinh tế

Yếu tố kinh tế hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tổng thể các điều kiện về kinh tế, hệ thống các chính sách kinh tế, chính sách xã hội cũng như quá trình triển khai thực hiện, áp dụng chúng trong thực tế xã hội. Nền kinh tế phát triển năng động, bền vững sẽ là điều kiện thuận lợi để hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đạt được chất lượng, hiệu quả cao. Ngược lại, khi nền kinh tế phát triển chậm, thiếu bền vững sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng, hiệu quả GDPL cho đồng bào. Điều đó nói lên rằng, yếu tố kinh tế có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer.

Điều kiện kinh tế có ảnh hưởng rất quan trọng tới hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thông qua việc tác động đến thái độ, nhận thức của họ về vai trò, tầm quan trọng của GDPL; từ đó, tác động đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động GDPL cho đối tượng này. Khi nền kinh tế phát triển, đời sống vật chất, lợi ích kinh tế của ĐBDT Khmer được bảo đảm thì ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL sẽ phấn khởi, tin tưởng vào pháp luật, vào sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước; nhờ đó, củng cố niềm tin của đồng bào vào hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi để ĐBDT Khmer hăng hái, nhiệt tình tham gia hoạt động GDPL nhằm trang bị, nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật.

Khi kinh tế phát triển, đời sống vật chất được cải thiện và nâng cao, không còn phải quá bận tâm với chuyện “com, áo, gạo, tiền”, ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có điều kiện mua sắm các phương tiện nghe nhìn (radio, máy thu hình, báo viết các loại...) để cập nhật thông tin chính trị thời sự, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận thông tin pháp luật ngày càng đa dạng, phong phú. Các chương trình PBGDPL phát trên các đài Phát thanh, Truyền hình sẽ dễ dàng đến được với nhiều người dân Khmer; nhu cầu về kiến thức pháp luật sẽ trở thành nhu cầu tự thân, tự giác đối với đa số ĐBDT Khmer. Đây chính là điều kiện quan trọng để ĐBDT Khmer nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Chỉ khi thu nhập, mức sống của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL được cải thiện cơ bản, không còn phải lo lắng về cái ăn, cái mặc hàng ngày

thì đồng bào mới có thể toàn tâm, toàn ý tham gia các công việc chung, trong đó có GDPL dành cho họ; từ đó, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ cương, phép nước. Còn khi lợi ích kinh tế không được đảm bảo, đời sống vật chất còn nhiều khó khăn thì tư tưởng nhân dân, ĐBDT Khmer sẽ diễn biến phức tạp; ý thức chủ động, tích cực tham gia GDPL sẽ bị suy giảm; và do đó, trình độ kiến thức pháp luật của đối tượng này cũng khó có thể được cải thiện.

Cơ chế kinh tế cũng có ảnh hưởng tới hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN hiện nay với những mặt tích cực của nó đã và đang tạo ra trong ĐBDT Khmer tư duy năng động, sáng tạo, coi trọng uy tín, chất lượng và hiệu quả của hoạt động kinh tế; tạo thuận lợi cho các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, làm ra nhiều của cải xã hội. Sự quan tâm đặc biệt mà Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền các tỉnh ở vùng ĐBSCL dành cho vùng ĐBDT Khmer chắc chắn đã và đang tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của ĐBDT Khmer. Khi đời sống vật chất và tinh thần được đảm bảo, ý thức chấp hành pháp luật của ĐBDT Khmer sẽ được nâng lên, trở thành nhu cầu thiết yếu; nhờ đó, việc GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL sẽ thêm thuận lợi và đạt hiệu quả cao hơn. Tuy nhiên, mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường cũng tạo ra tâm lý coi trọng vật chất, bất chấp các giá trị đạo đức, pháp luật, quy tắc giao tiếp, ứng xử cộng đồng; đồng thời, sẽ tạo ra những quan niệm lệch lạc. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới GDPL cho ĐBDT Khmer vì có những người coi việc kiếm tiền quan trọng hơn việc lĩnh hội tri thức pháp luật.

Kinh tế phát triển, nguồn thu ngân sách nhà nước nói chung, của các tỉnh ở vùng ĐBSCL nói riêng gia tăng nhanh, bền vững cũng là động lực rất quan trọng thúc đẩy GDPL cho ĐBDT Khmer diễn ra với chất lượng và hiệu quả cao hơn. Với nguồn lực kinh tế đủ mạnh, Nhà nước, chính quyền các cấp thuộc các tỉnh ở vùng ĐBSCL có điều kiện để đầu tư kinh phí nhiều hơn cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm các thiết bị kỹ thuật phục vụ GDPL cho ĐBDT Khmer. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ CBCC quản lý và trực tiếp tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer (chế độ lương, thù lao mời chuyên gia, thù lao cho BCV, TTV pháp luật...) nhờ đó cũng gia tăng. Ngoài ra, nguồn kinh phí dồi dào cũng giúp chính quyền các tỉnh trong vùng đầu tư mạnh hơn (trả học phí, cấp học bổng, tiếp nhận vào làm việc với chính sách ưu đãi...) cho việc lựa chọn, gửi con em ĐBDT Khmer tham gia các

khóa đào tạo chính quy, bài bản về chuyên ngành luật, trở thành cán bộ pháp lý và quay trở về phục vụ chính cộng đồng dân tộc mình. Kinh phí cũng phục vụ cho việc mua sắm các thiết bị điện tử, biên soạn sách pháp luật phổ thông, các loại tài liệu, tờ gấp, tờ rơi, băng, đĩa về pháp luật... phục vụ GDPL cho ĐBDT Khmer. Điều đó có ảnh hưởng tích cực tới việc nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho đối tượng này. Ngược lại, nếu điều kiện kinh tế không cho phép, nguồn chi ngân sách trung ương và địa phương cho GDPL cho ĐBDT Khmer bị eo hẹp thì hoạt động GDPL cho đồng bào khó đạt hiệu quả như mong muốn.

2.3.2.2. Yếu tố chính trị

Yếu tố chính trị là toàn bộ các yếu tố tạo nên đời sống chính trị của đất nước, của mỗi địa phương ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, bao gồm môi trường chính trị, hệ thống các chuẩn mực chính trị, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, của các cấp ủy Đảng ở địa phương và quá trình tổ chức thực hiện chúng và các quan hệ chính trị; hoạt động của hệ thống chính trị; cùng với đó là nền dân chủ xã hội và bầu không khí chính trị - xã hội. Yếu tố chính trị đó có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hoạt động GDPL cho các tầng lớp nhân dân, ĐBDT Khmer ở ĐBSCL.

Môi trường chính trị - xã hội của đất nước nói chung, ở vùng ĐBSCL nói riêng ổn định, phát triển bền vững là điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động PBGDPL cho ĐBDT Khmer vì nó tạo cơ sở củng cố niềm tin chính trị của ĐBDT Khmer vào cương lĩnh, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ địa phương; tin tưởng vào chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền địa phương ở vùng ĐBSCL. Đây là tiền đề quan trọng để ĐBDT Khmer nhiệt tình tham gia quá trình GDPL nhằm tiếp nhận, nâng cao tri thức, hiểu biết pháp luật. Ngược lại, môi trường chính trị bất ổn, các thiết chế chính trị ở địa phương không phát huy được vai trò điều tiết, điều chỉnh các quan hệ chính trị thường là nguyên nhân gây tâm lý bất an trong các tầng lớp xã hội, làm suy giảm niềm tin chính trị trong ĐBDT Khmer. Khi đó, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer khó mà đạt được chất lượng, hiệu quả như mong muốn của các chủ thể GDPL.

Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả của hoạt động này. Thực tế cho thấy, với tư cách là chủ thể tổ chức, triển khai và quản lý GDPL cho

các tầng lớp nhân dân, trong đó có ĐBDT Khmer, nếu lãnh đạo Tỉnh ủy, Huyện ủy, Đảng ủy các xã, phường, thị trấn thuộc các tỉnh trong vùng ĐBSCL đều thấm nhuần nhiệm vụ chính trị, quan tâm chỉ đạo sâu sát công tác GDPL cho các tầng lớp nhân dân thông qua những chỉ thị, nghị quyết kịp thời, đưa ra những yêu cầu về nội dung, phương pháp và hình thức GDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng dân cư thì hiệu quả GDPL cho các đối tượng sẽ được nâng cao. Ngược lại, hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo cầm chừng, thiếu sâu sát, buông lỏng quản lý từ phía các cơ quan hữu quan sẽ có ảnh hưởng tiêu cực tới việc GDPL cho ĐBDT Khmer.

Tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan hữu quan, mà còn là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ các tỉnh trong vùng. Về sự tham gia của hệ thống chính trị vào hoạt động GDPL, Đảng ta đã chỉ rõ:

Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật, huy động các lực lượng đoàn thể, chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia các đợt vận động thiết lập trật tự, kỷ cương và các hoạt động thường xuyên, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong các cơ quan nhà nước và xã hội [27, tr.241].

Sự tham gia của cả hệ thống chính trị vào hoạt động GDPL nói chung, GDPL cho ĐBDT Khmer nói riêng có ảnh hưởng tích cực và mạnh mẽ tới chất lượng và hiệu quả của hoạt động này.

Tính chất, mức độ của nền dân chủ xã hội cũng có ảnh hưởng quan trọng tới hoạt động GDPL cho các tầng lớp nhân dân, trong đó có ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Trong xã hội có nền dân chủ rộng rãi, thông tin đa dạng, phong phú, quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn được triển khai thực hiện đầy đủ... chính là điều kiện thuận lợi để các tầng lớp xã hội nói chung, ĐBDT Khmer nói riêng có thể thẳng thắn, công khai bày tỏ tâm tư, tình cảm, nhu cầu, nguyện vọng của mình, đưa ra những đòi hỏi về nội dung, phương pháp, hình thức GDPL phù hợp với thực tiễn đời sống pháp luật. Trong điều kiện đó, ĐBDT Khmer có thể chủ động, tích cực tham dự GDPL với ý thức, trách nhiệm thực sự của họ. Còn trong điều kiện xã hội thiếu dân chủ, thông tin nghèo nàn, thậm chí thông tin bị bưng bít, các chủ thể GDPL tỏ ra thờ ơ, thiếu quan tâm đến ý kiến, nguyện vọng của ĐBDT Khmer thì bầu không khí chính trị - xã hội sẽ ngột ngạt, tâm lý chính trị gò bó, mọi người dân

không dám nói thật suy nghĩ của lòng mình vì e ngại “phạm húy” hoặc bị đánh giá về quan điểm, lập trường chính trị. Khi đó, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL khó mà diễn ra một cách thuận lợi và hiệu quả.

2.3.2.3. Yếu tố văn hóa - xã hội

Yếu tố văn hóa - xã hội luôn gắn liền với một phạm vi không gian - xã hội nhất định - nơi các cá nhân và cộng đồng xã hội tổ chức các hoạt động sống, lao động, sinh hoạt, cùng nhau tạo dựng, thừa nhận và chia sẻ các giá trị văn hóa, ngôn ngữ, lối sống, phong tục, tập quán, tôn giáo và tín ngưỡng. Các yếu tố văn hóa - xã hội đó bao gồm: các giá trị văn hóa truyền thống, ngôn ngữ, lối sống, các phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng của dân tộc Khmer, dư luận xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng. Ở mức độ khác nhau, các yếu tố đó ảnh hưởng đến GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, bao gồm các tác động tích cực và cả tác động tiêu cực.

Các giá trị văn hóa Việt Nam truyền thống là tổng thể những giá trị vật chất và giá trị tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong suốt quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. Bằng chính sức lao động sáng tạo, ý chí quật cường, nhân dân ta đã bồi đắp, xây dựng nên nền văn hoá kết tinh sức mạnh và mang đậm bản sắc dân tộc. Nhờ nền tảng và sức mạnh văn hoá ấy mà qua nhiều thời kỳ lịch sử bị ngoại bang xâm lược, đô hộ, dân tộc ta vẫn luôn giữ vững và phát huy được bản sắc văn hóa của dân tộc mình, chẳng những không bị đồng hoá, mà còn quật cường đứng dậy giành lại nền độc lập cho dân tộc. Những giá trị văn hóa đó chính là chủ nghĩa yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng... Những giá trị văn hóa này, nếu được khơi gợi, khích lệ hợp lý, động viên kịp thời sẽ tạo nên sức mạnh to lớn, có tác dụng tích cực đối với hoạt động GDPL cho các tầng lớp nhân dân nói chung, cho ĐBDT Khmer nói riêng. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Đảng ta nhấn mạnh:

Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế... Chú trọng xây dựng nhân cách con

người Việt Nam về lý tưởng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, thể chất, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, nhất là trong thế hệ trẻ [30, tr.126].

Lối sống của ĐBDT Khmer - một thành tố của văn hóa - cũng có ảnh hưởng quan trọng tới GDPL cho họ. “Lối sống là tổng thể các nét cơ bản đặc trưng cho phương thức hoạt động sống và sinh hoạt của các giai cấp, dân tộc, các tập đoàn xã hội trong những điều kiện xã hội nhất định về mặt lịch sử” [91, tr.318]. Về nguyên tắc, phương thức hoạt động sống, lao động, sinh hoạt của một cộng đồng người như thế nào thì sẽ quy định và làm hình thành lối sống tương ứng như thế ấy. Căn cứ vào cách thức tổ chức cư trú, lao động, sinh hoạt của cư dân, lối sống được chia thành lối sống đô thị và lối sống nông thôn với những nét đặc trưng riêng; theo đó, lối sống của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thuộc loại hình lối sống nông thôn. Đặc trưng nổi bật trong lối sống của ĐBDT Khmer là hình thức tổ chức cư trú theo *phum, sóc*.

Phum, sóc là những đơn vị cư trú trong tổ chức xã hội cổ truyền của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, ràng buộc nhau bởi các quan hệ về phong tục, tập quán, lễ nghi mà ngôi chùa là trung tâm điều khiển. Phum là đơn vị cư trú bao gồm một số gia đình sống quây quần trên một khoảnh đất nhất định, trên những dải đất cao được gọi là những “giồng đất”, “giồng cát”. Xung quanh phum thường trồng tre gai thay cho việc làm tường bao để bảo vệ các gia đình trong phum. Tùy theo từng vùng, mỗi phum có thể có từ 5 đến 10 gia đình hoặc nhiều hơn sinh sống. Các gia đình trong phum hầu hết đều có quan hệ huyết thống, chủ yếu về phía nữ giới; gồm gia đình cha mẹ, gia đình của các con gái và con rể. Quan hệ huyết thống và quan hệ láng giềng là hai mối quan hệ cơ bản trong phum của ĐBDT Khmer. Mọi hoạt động sống, sinh hoạt trong phum chủ yếu mang tính cộng đồng tự quản. Trong quá trình tụ cư lâu dài về mặt lịch sử, các phum của người Khmer đã dần dần hòa nhập vào làng xóm của người Kinh và người Hoa, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giao lưu văn hóa, đoàn kết giữa các dân tộc trong vùng; đồng thời, là môi trường thuận lợi cho việc GDPL cho người dân Khmer, người Kinh và người Hoa.

Sóc là một đơn vị cư trú lớn hơn phum, tương tự như làng của người Kinh. Các sóc thường trải dọc theo các giồng đất. Mỗi sóc gồm nhiều phum với hàng trăm nóc nhà và ít nhiều đều xen kẽ với các ngôi nhà của người Kinh, người Hoa. Thông

thường, mỗi sóc có một ngôi chùa; những sóc lớn có thể có 2 ngôi chùa. Ngôi chùa là thiết chế tôn giáo tiêu biểu cho bộ mặt của phum, sóc nên thường được xây dựng ngay nga, khang trang và ở nơi thoáng mát, thuận lợi cho việc hành lễ của đồng bào Khmer. Đối với mỗi người dân Khmer, những sinh hoạt nghi lễ trong chùa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về tâm linh. Mỗi người có thể ít nhiều hoặc không tham gia các công việc của xã, ấp, nhưng không thể không tham gia công việc của nhà chùa, vì lợi ích tinh thần của họ hầu như gắn bó với chùa nhiều hơn là gắn bó với xã, ấp. Mặc dù đang sống trong một xã hội hiện đại, song các thiết chế văn hóa - xã hội cổ truyền vẫn đang ảnh hưởng, chi phối cuộc sống hàng ngày của ĐBDT Khmer. Ngoài trách nhiệm thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ của một công dân, các thành viên của cộng đồng Khmer trong các phum, sóc còn phải thực hiện các bổn phận, nghĩa vụ theo đúng các nghi lễ, phong tục, tập quán của dân tộc trong từng phum, sóc; đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, có trách nhiệm bảo vệ danh dự của phum, sóc, tu tâm, tích thiện, thực hiện nghĩa vụ đóng góp xây dựng ngôi nhà Phật giáo một cách tự nguyện, tự giác [xem: 58, tr.19-22].

Đặc trưng nổi bật trong của lối sống của ĐBDT Khmer là tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái. Tính cộng đồng chính là một điều kiện thuận lợi đối với công tác GDPL cho ĐBDT Khmer. Ý thức cộng đồng giúp cho các chủ thể GDPL dễ dàng hơn trong việc phổ biến, tuyên truyền và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đưa các chủ trương, chính sách, pháp luật đến với đông đảo ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Sức mạnh của tinh thần đoàn kết giúp cho các chủ thể GDPL hoàn thành tốt nhiệm vụ GDPL, vì “dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Tinh thần đoàn kết là nền tảng để ĐBDT Khmer động viên nhau, cùng nhau nhận thức được những lợi ích thiết thực mà việc hiểu biết pháp luật mang lại cho mỗi cá nhân; từ đó, ĐBDT Khmer sẽ cùng nhau tích cực tham dự hoạt động GDPL.

Đặc trưng nổi bật khác trong của lối sống của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là sự gắn bó đời sống tâm linh với ngôi chùa. Chùa Khmer là ngôi nhà chung của ĐBDT Khmer, là nơi họ gửi gắm niềm tin, sự kính trọng vào Đức Phật, mà hiện thân trực tiếp là các vị hòa thượng, thượng tọa, đại đức, nhà sư... Mỗi lời nói của hòa thượng, thượng tọa, đại đức được đồng bào lắng nghe và làm theo; trong khi hàng trăm lời nói của nhà chức trách địa phương chưa chắc đã đạt được hiệu quả

tuyên truyền. Nếu các chủ thể GDPL của các tỉnh ở vùng ĐBSCL biết cách khai thác tốt khía cạnh này thì đây là nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến việc GDPL cho ĐBDT Khmer. Chẳng hạn, chủ thể GDPL có thể vận động, thuyết phục các nhà sư trong chùa Khmer hiểu được lợi ích của việc GDPL cho ĐBDT Khmer, bồi dưỡng họ trở thành TTV pháp luật; sau đó, bằng ngôn ngữ Khmer, các nhà sư này sẽ trực tiếp PBGDPL cho ĐBDT Khmer dưới sự tư vấn của chủ thể GDPL. Hoặc, các chủ thể GDPL có thể vận động nhà chùa đồng ý cho đặt Tủ sách pháp luật ở một vị trí thuận lợi trong chùa - nơi thường tập trung đông ĐBDT Khmer; khi đó, những cuốn sách pháp luật phổ thông sẽ dễ dàng đến được với ĐBDT Khmer hơn là đặt Tủ sách pháp luật trong trụ sở UBND xã, phường, thị trấn. Làm được như vậy là chủ thể GDPL đạt được “hiệu quả kép”: vừa GDPL cho các vị hòa thượng, thượng tọa, đại đức...; vừa GDPL một cách hiệu quả cho ĐBDT Khmer.

Tuy nhiên, sự đề cao thái quá tính cộng đồng và thiết chế tôn giáo cũng dễ dẫn ĐBDT Khmer đến việc đánh mất ý thức về con người cá nhân, “cái tôi” có thể bị triệt tiêu. Khi “cái tôi” bị nhạt nhòa trong các quan hệ phum, sóc thì ý thức và hành vi cá nhân của mỗi người dân Khmer cũng bị đặt vào lối xử thế “hòa cả làng”.

Con người Việt Nam, ngay cả khi chưa sinh ra, trước hết và chủ yếu, là con người của cộng đồng, nhỏ như gia đình, dòng họ, phe, phường, hội, giáp, lớn như làng, nước, thậm chí cả thiên hạ nữa. Chỉ với tư cách là thành viên của cộng đồng, chứ không phải với tư cách cá nhân, con người mới có chút ít giá trị... Trong khuôn khổ cộng đồng, con người không có quyền lựa chọn lối sống riêng cho mình. Cùng lắm, anh ta chỉ được lựa chọn những sắc thái khác nhau của cùng một phổ sống [83, tr.100].

Tính cố kết cộng đồng cũng thường tạo ra ở các cá nhân thói quen ỷ lại cộng đồng và tâm lý “an phận thủ thường”. Chính điều đó đã làm hạn chế sự chủ động, quyết đoán của ĐBDT Khmer khi họ gặp phải các sự kiện, tình huống pháp luật xảy ra trong cuộc sống. Khi “cái tôi” không được khẳng định thì việc tiếp nhận kiến thức pháp luật không còn là nhu cầu tự thân, tích cực trong mỗi người dân Khmer nữa; có chăng, chỉ là sự miễn cưỡng, đối phó. Ngoài ra, khi niềm tin tôn giáo trở nên cực đoan và gặp phải sự bất hợp tác từ phía các vị hòa thượng, thượng tọa, đại đức trong chùa Khmer thì đây sẽ là một khó khăn thực sự, có ảnh hưởng tiêu cực đối với GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL.

Dư luận xã hội trong cộng đồng dân tộc Khmer cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer. Trong bất kỳ một cộng đồng xã hội nào, dư luận xã hội luôn được coi là một thứ vũ khí lợi hại bậc nhất để duy trì sự ổn định, trật tự, kỷ cương trong một cộng đồng xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn. Người dân nông thôn sợ dư luận xã hội tới mức “chỉ dám lựa theo dư luận mà sống chứ ai dám dấn lên dư luận mà đi theo ý mình” [74, tr.119]. Dư luận xã hội trong cộng đồng dân tộc Khmer luôn đòi hỏi mỗi thành viên của cộng đồng phải có kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật để bảo vệ, giải quyết các vấn đề liên quan đến lợi ích của cá nhân và phum, sóc. Chỉ có tham gia tích cực vào hoạt động GDPL thì mới thỏa mãn được đòi hỏi này. Nếu chủ thể GDPL biết cách tạo ra dư luận xã hội trong các phum, sóc Khmer về sự cần thiết của GDPL đối với ĐBDT Khmer thì dư luận xã hội sẽ có tác động tích cực đến công tác GDPL cho ĐBDT Khmer.

Các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, phát thanh, truyền hình, mạng Internet, Tủ sách pháp luật...) có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. *Một mặt*, do khả năng đưa thông tin đến với mọi người, mọi nhà, trong đó có các gia đình người dân tộc Khmer, một cách nhanh chóng, cập nhật, kịp thời nên các phương tiện thông tin đại chúng thường được sử dụng như một kênh thông tin quan trọng, chuyển tải các thông tin, kiến thức pháp luật, giải thích pháp luật... phục vụ GDPL cho ĐBDT Khmer một cách hiệu quả. *Mặt khác*, các phương tiện thông tin đại chúng là diễn đàn ngôn luận công khai, là nơi mỗi người dân Khmer có thể bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, nêu lên những kiến nghị, đề xuất các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer. Điều đó giúp các chủ thể GDPL có thể đưa ra những điều chỉnh, thay đổi hợp lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL; góp phần lan tỏa những hành vi xử sự hợp pháp, hình thành thói quen “sống, làm việc theo pháp luật” trong ĐBDT Khmer.

2.4. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.4.1. Giáo dục pháp luật cho nhân dân tại Cộng hòa Pháp

Tại Cộng hòa Pháp, Chính phủ rất quan tâm đến công tác PBGDPL cho các tầng lớp nhân dân Pháp. Sự quan tâm đó được thể hiện, trước hết, ở việc thể chế

hóa công tác thông tin pháp luật. Ngày 10/7/1991, Quốc hội Cộng hòa Pháp ban hành Luật về tiếp cận pháp luật. Đến ngày 18/12/1998, Quốc hội thông qua Luật về tiếp cận pháp luật (sửa đổi, bổ sung) nhằm đạt tới mục đích đặt ra là tất cả mọi công dân phải hiểu biết pháp luật, biết quyền, nghĩa vụ của mình, được hưởng lợi ích hợp pháp của mình, biết các cơ quan có thẩm quyền có thể giúp người dân tư vấn, hướng dẫn đến đúng cơ quan nhà nước, hiệp hội để nhờ giúp đỡ. Luật cũng quy định các thẩm phán, các hiệp hội xã hội, cán bộ pháp luật trong các cơ quan, xí nghiệp... có nhiệm vụ giúp nhân dân hiểu biết và thực hiện pháp luật. Công dân có quyền được biết tất cả các luật, văn bản dưới luật của các Bộ (trừ các văn bản bí mật quốc gia). Khi có ý kiến của nhân dân, các cơ quan chức năng phải xem xét, giải quyết.

Về cơ cấu tổ chức, để làm tốt việc PBGDPL và tiếp cận pháp luật, trong những năm qua Pháp đã thành lập Hội đồng tư vấn tiếp cận pháp luật. Theo Luật về tiếp cận pháp luật năm 1998, Hội đồng tư vấn tiếp cận pháp luật được thành lập ở cấp quốc gia và cấp tỉnh. Hội đồng quốc gia có nhiệm vụ chỉ đạo, theo dõi hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh; đưa ra những yêu cầu về tiếp cận pháp luật, hướng dẫn vận dụng các luật để trợ giúp pháp luật, GDPL cho nhân dân; xem xét báo cáo về tổ chức và hoạt động của Hội đồng các địa phương; hướng dẫn Hội đồng từng tỉnh/thành phố hoạt động phù hợp với những vấn đề quan tâm. Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan thành một khối để tư vấn tiếp cận với pháp luật; đưa chính sách tiếp cận pháp luật vào hoạt động thường ngày để nhân dân biết, tham gia việc giải quyết các tranh chấp nhỏ. Hội đồng không được thành lập ở cấp huyện và cấp xã vì ở cấp huyện có Tòa án. Tại mỗi cơ quan Tòa án đều có bộ phận tiếp dân, hướng dẫn người dân thực hiện quyền, nghĩa vụ và những vấn đề pháp luật cần tư vấn. Hàng tuần, tất cả các Tòa án đều có “ngày mở cửa” để tiếp dân. Dưới khu dân cư có Nhà pháp luật.

Về thẩm quyền thành lập Hội đồng, Luật quy định Hội đồng quốc gia do Chính phủ thành lập; Hội đồng cấp tỉnh do Chánh án (kiêm Tỉnh trưởng) quyết định. Hàng năm, Hội đồng các tỉnh phải báo cáo cho Bộ Tư pháp về tình hình tổ chức và hoạt động, nêu rõ kế hoạch hoạt động trong năm tới. Hội đồng quốc gia có báo cáo chung gửi Hội đồng các tỉnh. Kinh phí hoạt động của Hội đồng do ngân sách nhà

nước cấp qua thông Bộ Tư pháp. Căn cứ vào số dân và các vấn đề cần giải quyết của từng tỉnh mà Bộ Tư pháp phân bổ kinh phí. Ngoài ngân sách nhà nước cấp, các cơ quan thành viên Hội đồng đóng góp một phần tài chính, cơ sở vật chất và cử cán bộ tham gia.

Các hình thức tổ chức PBGDPL cho nhân dân ở Cộng hòa Pháp gồm:

- Thông qua các hoạt động phổ biến pháp luật, tư vấn pháp luật và hướng dẫn thực hiện pháp luật của các thành viên Hội đồng.

- GDPL trong trường học: Chương trình chính khóa gồm những nội dung rất cơ bản, mang tính chất giới thiệu về nhà nước và pháp luật. Chương trình ngoại khóa: các trường cấp 2, 3 đều tổ chức hoạt động ngoại khóa để phổ biến pháp luật cho học sinh, thanh niên.

- Phổ biến, tiếp cận pháp luật thông qua báo chí: Những văn bản liên quan nhiều đến dân thì được báo chí đăng nhiều. Bộ Tư pháp có Bản tin nội bộ, thông tin về hoạt động tư pháp, về văn bản, phát hành tới Tòa án địa phương. Bộ Tư pháp đã đăng nhập các thông tin về tổ chức, hoạt động và văn bản pháp luật trên Internet; mọi người có thể khai thác, sử dụng không phải trả tiền. Công báo là cơ quan thuộc Chính phủ, đăng tải các Luật, Sắc lệnh, văn bản pháp quy, những thảo luận trong Quốc hội; đăng một số bản án, mẫu hợp đồng... Công báo phát hành hàng ngày, trừ ngày cuối tuần. Pháp có Luật về Công báo. Công báo được in và được đưa vào máy tính (Công báo điện tử). Riêng Công báo tin được khoảng 50.000 cơ quan, cá nhân đăng ký mua.

- Nhà pháp luật: Nhà pháp luật được thành lập tại các khu dân cư. Chánh án và Trưởng Công tố quyết định thành lập, địa điểm đặt Nhà pháp luật và việc tham gia của các luật sư, thẩm phán... Hiện đã có 51 Nhà pháp luật được thành lập ở các tỉnh. Nhà pháp luật giúp nhân dân tiếp cận pháp luật, giúp giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp thông qua hòa giải.

- Hòa giải: Khi có mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ, người bị hại và người gây hại có thể đến Nhà pháp luật để hòa giải hoặc được lãnh đạo Nhà pháp luật mời đến để hòa giải. Thông qua hòa giải, cán bộ pháp luật cung cấp thông tin, kiến thức pháp luật cho người dân [xem: 108, tr.1-3].

Bài học kinh nghiệm đối với GDPL cho ĐBDT Khmer: Chính phủ Pháp rất coi trọng việc GDPL, cung cấp thông tin pháp luật và tạo điều kiện thuận lợi cho

nhân dân được tiếp cận với pháp luật. Đặc biệt, Chính phủ Pháp đảm bảo kinh phí cho công tác PBGDPL cho nhân dân, giúp dân tiếp cận pháp luật; đồng thời, có sự đóng góp kinh phí của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Điều mà công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có thể học hỏi từ cách làm của Pháp là Nhà nước, các cơ quan chức năng trong vùng phải tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác này và huy động sự đóng góp kinh phí từ các tổ chức xã hội, cá nhân thông qua các mô hình xã hội hóa.

2.4.2. Giáo dục pháp luật cho nhân dân tại Liên bang Nga

Hiện nay, tại Liên bang Nga có Trung tâm thông tin khoa học pháp lý trực thuộc Bộ Tư pháp, có nhiệm vụ hệ thống hóa các văn bản QPPL và tạo cơ chế thông tin hiệu quả cho cán bộ và nhân dân về các quy định của pháp luật hiện hành. Cho đến năm 1993, đây là cơ quan nhà nước duy nhất có nhiệm vụ bảo đảm thông tin pháp lý cho các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp các cấp. Nhiệm vụ trọng tâm của Trung tâm này là tập hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử thông tin pháp luật, bảo đảm cung cấp thông tin pháp luật cho các cơ quan hành pháp Liên bang, các tổ chức và cá nhân.

Công tác PBGDPL cho nhân dân ở Nga thực hiện theo các hình thức:

- Đăng tải kịp thời, đầy đủ văn bản QPPL: Theo quy định của luật pháp Liên bang Nga, tất cả các văn bản QPPL của Liên bang (cấp trung ương) phải được đăng tải trên “Toàn tập văn bản pháp luật Liên bang Nga” (tương tự Công báo ở Việt Nam) hoặc trên Báo “Nước Nga”.

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Trên các báo, đài phát thanh và các kênh truyền hình đều có các chuyên mục đăng tải thông tin pháp luật (về các văn bản pháp luật mới, về hoạt động xây dựng pháp luật và tình hình thực thi pháp luật). Đặc biệt, trên các kênh truyền hình dành nhiều thời lượng cho việc thông tin về hoạt động của cơ quan lập pháp Liên bang (Đuma Quốc gia), có các chương trình pháp luật được phát sóng theo định kỳ hàng tuần, hàng ngày (có một số chương trình thu hút được đông đảo khán giả xem, như: chương trình “Con người và pháp luật”- chương trình thông tin tổng hợp với các phóng sự điều tra về những vụ việc cụ thể; chương trình “Một giờ tại Tòa án”- chương trình thực hiện về phiên xét xử tại Tòa án...).

- Trang thông tin điện tử và các ấn phẩm thông tin điện tử: Liên bang Nga có rất nhiều trang điện tử và ấn phẩm thông tin điện tử (đĩa CD Rom) cung cấp thông tin pháp luật, đặc biệt là các văn bản QPPL về mọi lĩnh vực.

- Giáo dục pháp luật trong trường học: Từ năm 1997, Quỹ Cải cách giáo dục ở Liên bang Nga đã thực hiện “Giáo dục pháp luật trong trường học” nhằm xây dựng chương trình GDPL khung để giảng dạy tại các trường phổ thông. Hiện nay bộ sách giáo khoa “Kiến thức pháp luật phổ thông” đã được biên soạn, gồm: sách “Xã hội và tôi” dành cho học sinh lớp 5 - 6; sách “Kiến thức pháp luật phổ thông: Đối thoại về pháp luật” dành cho học sinh lớp 7; sách “Kiến thức pháp luật phổ thông” dành cho học sinh lớp 8 - 9; sách “Pháp luật và kinh tế” dành cho học sinh lớp 10 - 11; ngoài ra còn có các sách dành cho giáo viên, sách tham khảo, bài tập...

- Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật của các văn phòng, công ty luật: Theo quy định của Luật về luật sư và hành nghề luật sư ở Liên bang Nga, trong hoạt động của mình, các luật sư có trách nhiệm trợ giúp, tư vấn pháp luật miễn phí cho một số đối tượng chính sách xã hội.

- Trung tâm thông tin pháp luật tại các thư viện công cộng: Tại đây, với cơ sở dữ liệu pháp luật, mọi người được truy cập thông tin pháp luật miễn phí. Tại đây, nhân viên của Trung tâm còn tư vấn giúp bạn đọc tìm kiếm các văn bản pháp luật, tài liệu liên quan có tại Trung tâm cũng như trong thư viện. Ở một số nơi có sự phối hợp giữa Trung tâm và thư viện nhằm vừa phục vụ bạn đọc tìm kiếm tài liệu, vừa thực hành khả năng tư vấn pháp luật của mình.

- Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tham gia xây dựng pháp luật, cụ thể là việc lấy ý kiến của người dân đối với dự thảo luật. Từ việc tham gia đóng góp ý kiến, những thông tin cơ bản của dự thảo luật đến được với người dân từ trước khi luật được chính thức ban hành [xem: 108, tr.6-8].

Bài học kinh nghiệm đối với công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL: Liên bang Nga rất quan tâm đến công tác PBGDPL cho nhân dân bằng những hình thức đa dạng, phong phú và tương đối sớm đối với học sinh phổ thông. Từ cách làm của Liên bang Nga, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có thể học hỏi một số kinh nghiệm sau:

- Phải xây dựng chương trình PBGDPL, sách giáo khoa pháp luật phổ thông phù hợp về nội dung, thời lượng... dành riêng cho học sinh phổ thông là người

DTTS nói chung, dân tộc Khmer nói riêng (nghĩa là không lồng ghép trong môn Giáo dục công dân) và triển khai giảng dạy cho các em từ năm đầu trung học phổ thông (lớp 10). Chương trình được giảng dạy ở các Trường Phổ thông dân tộc nội trú và các trường có đông học sinh người DTTS.

- Các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer, trong đó có PBGDPL, phải phong phú về nội dung, hình thức chuyên tải hấp dẫn và khung giờ phát sóng phù hợp thì mới thu hút được đông đảo ĐBDT Khmer.

- Phải cung cấp miễn phí ấn phẩm, tài liệu GDPL cho ĐBDT Khmer.

2.4.3. Giáo dục pháp luật cho nhân dân tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Công tác PBGDPL ở Trung Quốc do Bộ Tư pháp đảm nhiệm. Bộ Tư pháp thực hiện việc quản lý nhà nước trên các mặt: theo dõi xây dựng pháp luật; thi hành án hình sự; quản lý các trại cải tạo lao động và cai nghiện ma túy, phục hồi cho người cai nghiện; phổ biến, giáo dục pháp luật; hành chính tư pháp (luật sư, công chứng, giám định); hòa giải tại cơ sở; tái hòa nhập cộng đồng cho người mãn hạn tù; đào tạo các chức danh tư pháp, tổ chức thi tuyển quốc gia cho đội ngũ cán bộ tư pháp; trợ giúp pháp lý cho người nghèo; hợp tác quốc tế về tư pháp; nghiên cứu khoa học về tư pháp.

Về mô hình tổ chức, cán bộ: Hệ thống tư pháp Trung Quốc có 4 cấp rưỡi: cấp Trung ương có Bộ Tư pháp; cấp tỉnh (hoặc khu tự trị của các DTTS) có Sở Tư pháp; tại một số tỉnh có cấp Địa khu (liên huyện, hiện Trung Quốc có hơn 500 địa khu) có Cục Tư pháp; cấp huyện có Phòng Tư pháp; cấp xã/phường/thị trấn có các Văn phòng Tư pháp cơ sở. Điểm đặc biệt là Văn phòng Tư pháp không phải là cấp cơ sở của xã/phường/thị trấn mà thực chất là các chi nhánh trực thuộc huyện, do cấp huyện cử xuống. Cả ngành tư pháp có khoảng 160.000 CBCC. Như vậy, công tác PBGDPL cho người DTTS ở Trung Quốc do Sở Tư pháp thuộc Khu tự trị của các DTTS đảm nhiệm với các Văn phòng Tư pháp cơ sở đặt tại các xã, phường, thị trấn.

Về phương thức tổ chức thực hiện: Điểm đặc biệt là tất cả các chức danh tư pháp ở Trung Quốc trước khi được bổ nhiệm phải qua kỳ thi tuyển quốc gia. Hàng năm, Bộ Tư pháp có trách nhiệm đứng ra trực tiếp tổ chức kỳ thi tư pháp trong toàn quốc nhằm cung cấp nguồn cán bộ cho các cơ quan Tư pháp, Tòa án, Viện Kiểm sát, Luật sư... Theo quy định của pháp luật, tất cả những người muốn được làm việc trong các cơ quan tư pháp (Toà án, Kiểm sát, Luật sư...) đều phải có bằng cử nhân

luật, sau đó phải vượt qua các kỳ thi tư pháp quốc gia, phải học qua trường đào tạo nghề thì mới có đủ điều kiện để thi tuyển vào các ngạch công chức (Thẩm phán, Kiểm sát viên). Những người làm công tác PBGDPL cho nhân dân cũng phải có trình độ cử nhân luật và phải qua các kỳ sát hạch kiến thức, kỹ năng tuyên truyền thì mới được bổ nhiệm vào vị trí này. Pháp luật cũng quy định tất cả cán bộ lãnh đạo của các cấp hành chính trước khi được bổ nhiệm thì phải thi kiểm tra kiến thức pháp luật, nếu đạt mới được bổ nhiệm làm lãnh đạo. Trong quá trình làm việc, các cán bộ này được định kỳ kiểm tra kiến thức pháp luật.

Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác PBGDPL cho các tầng lớp nhân dân, Bộ Tư pháp Trung Quốc xây dựng Chương trình PBGDPL theo nhiệm kỳ Quốc hội, trình Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (tức Ủy ban thường vụ Quốc hội Trung Quốc) phê duyệt [108, tr.3-4].

Bài học kinh nghiệm đối với công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL: Trung Quốc rất coi trọng GDPL cho người của các DTTS. Bài học kinh nghiệm đối với GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là:

- Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương cần nghiên cứu thành lập bộ phận chuyên trách công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer theo mô hình Văn phòng Tư pháp cơ sở, đặt trụ sở tại những vùng có đông đồng bào ĐBDT sinh sống, gần dân, sát dân thì mới có thể nâng cao hiệu quả công tác này.

- Những CBCC trực tiếp làm công tác PBGDPL cho đồng bào DTTS (BCV, TTV pháp luật) có thể làm việc kiêm nhiệm, nhưng nhất thiết phải có trình độ cử nhân luật và phải qua các kỳ sát hạch kiến thức pháp luật, kỹ năng sư phạm, tuyên truyền thì mới được bổ nhiệm vào vị trí này.

2.4.4. Giáo dục pháp luật cho nhân dân tại Cộng hòa Liên bang Australia

Hình thức PBGDPL tại Australia được triển khai rất phong phú. Bên cạnh những hình thức PBGDPL nhằm nâng cao ý thức pháp luật của người dân như GDPL trong nhà trường, qua mạng internet, thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tập huấn, phát hành tài liệu pháp luật, hòa giải cơ sở..., ở Australia còn một số hình thức PBGDPL được triển khai mạnh mẽ, như hình thức PBGDPL thông qua các trung tâm tư pháp cộng đồng, tư vấn pháp luật qua điện thoại, tổ chức tư vấn pháp luật miễn phí vào một ngày nhất định...

Đối với hình thức PBGDPL trong nhà trường, kiến thức pháp luật không được đưa vào chương trình chính khóa, không là môn học độc lập mà chỉ được lồng ghép vào một số môn học xã hội. Việc tuyên truyền, PBGDPL trong nhà trường được thực hiện chủ yếu thông qua các hoạt động ngoại khóa, tài liệu pháp luật, trang web với các chuyên mục phù hợp với học sinh và giáo viên. Chương trình giáo dục ở Úc được thực hiện tùy theo từng tiểu bang. Hàng năm Bộ Giáo dục có trách nhiệm báo cáo Chính phủ về vấn đề này.

Đối với hình thức thông tin, tư vấn pháp luật qua điện thoại, hình thức này được sử dụng như biện pháp chủ yếu trong tăng cường quyền được thông tin pháp luật của người dân. Trung tâm tiếp cận pháp luật của tiểu bang New South Wales (NSW) thuộc Bộ Tư pháp tiểu bang là một trong những trung tâm tư pháp cộng đồng phát huy được thế mạnh của hình thức này. Trung tâm được hình thành do mục đích của Ủy ban luật pháp mong muốn được cung cấp các dịch vụ luật pháp cho những người thổ dân nhằm nâng cao quyền tiếp cận pháp luật cho nhóm đối tượng còn nhiều khó khăn này. Kinh phí hoạt động của trung tâm nhận được từ sự tài trợ của Ủy ban luật pháp. Nguồn nhân lực của trung tâm chủ yếu là đội ngũ luật sư từ Bộ Tư pháp, luật sư đoàn, trạng sư đoàn. Trung tâm luôn có mối quan hệ tốt với các cơ quan này để nhận được sự giúp đỡ, ủng hộ của luật sư. Luật sư thực hiện tư vấn pháp luật của trung tâm này chủ yếu là miễn phí. Họ hưởng lương từ Bộ Tư pháp, luật sư đoàn, trạng sư đoàn, một tuần dành 01 - 03 ngày làm việc cho trung tâm.

Đối với mô hình trung tâm tư pháp cộng đồng: Trung tâm tư pháp cộng đồng chủ yếu là các tổ chức phi Chính phủ, hoạt động không vì lợi nhuận, có mạng lưới rộng khắp trên toàn lãnh thổ Australia. Trung tâm trợ giúp cho tất cả những đối tượng còn nhiều thiệt thòi trong xã hội như: người nghèo, người vô gia cư, thổ dân, người không biết tiếng Anh, người tàn tật, phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, cộng đồng đa văn hóa, đa sắc tộc, người có nguy cơ bị thiệt hại, người đang bị cảnh sát bắt giữ, tạm giam... Các trung tâm được thành lập chủ yếu là hoạt động nhân đạo, mọi tư vấn, trợ giúp pháp luật đều được thực hiện miễn phí. Ưu điểm nổi bật ở các trung tâm này là đã huy động được sự cộng tác nhiệt tình của giới luật gia, luật sư, sinh viên luật đến từ nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau, làm việc bán thời gian và

không hưởng lương tại các trung tâm. Nhân viên làm việc phải tuân theo những quy tắc, như đạo đức nghề nghiệp, quy tắc hành nghề luật sư...

Phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn pháp lý được các trung tâm thực hiện bằng nhiều hình thức, như tờ gấp, sách, đĩa hình, trang web, tư vấn pháp luật qua điện thoại, tập huấn, hội thảo..., nhưng hình thức chính là tư vấn pháp luật trực tiếp (mặt đối mặt), tư vấn qua điện thoại, trang web và đại diện cho thân chủ tại Tòa án. Kinh phí hoạt động của các trung tâm tư pháp cộng đồng được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Cơ sở để trung tâm được cấp kinh phí là bản báo cáo hàng năm về số vụ việc trung tâm đã trợ giúp, tư vấn pháp lý cho người dân.

Hình thức PBGDPL thông qua Ủy ban nhân quyền thuộc Cộng hòa liên bang Australia. Các hình thức PBGDPL được Ủy ban sử dụng bao gồm:

- Giáo dục pháp luật thông qua các trường học với các hình thức, như tổ chức hội thảo, giáo dục nhân quyền qua mạng internet, xây dựng các tài liệu giảng dạy để đưa vào chương trình giảng dạy của các trường, cụ thể là: xây dựng trang web cho giáo viên và sinh viên; tổ chức các cuộc thi viết luận về pháp luật.

- Thông qua các phương tiện truyền thông, như đài phát thanh, báo Dân tộc thiểu số hoặc báo bản địa để cung cấp thông tin chung về hệ thống khiếu nại của Ủy ban, khả năng can thiệp pháp lý của Ủy ban và các lĩnh vực khác.

- Thông qua Đài phát thanh Australia: Hình thức GDPL này tập trung vào các vấn đề phân biệt chủng tộc, bao gồm tập hợp các câu chuyện có thực hiện thời về sự đa dạng và cùng chung sống ở Australia cũng như các thông tin về Đạo luật chống phân biệt chủng tộc [xem 108, tr.8-14].

Bài học kinh nghiệm đối với GDPL cho ĐBDT Khmer: Chính phủ, các cơ quan chức năng của Australia rất quan tâm tới công tác PBGDPL cho nhân dân, đặc biệt là cho đối tượng xã hội yếu thế, trong đó có thổ dân, người DTTS. Các hình thức PBGDPL cho nhân dân rất đa dạng, phong phú, có những hình thức chưa được thực hiện ở Việt Nam. Trong GDPL cho đồng bào DTTS, ĐBDT Khmer, chúng ta hoàn toàn có thể học tập mô hình Trung tâm tư pháp cộng đồng với những cách làm cải tiến, phù hợp với đặc thù văn hóa và điều kiện thực hiện của Việt Nam; có thể triển khai hình thức tư vấn pháp luật miễn phí qua điện thoại dành cho ĐBDT Khmer; tổ chức các buổi tư vấn pháp luật miễn phí cho đồng bào vào một ngày nhất định...

2.4.5. Giáo dục pháp luật tại Vương quốc Thái Lan và Singapor

- Vương quốc Thái Lan không có cơ quan chuyên trách quản lý và thực hiện công tác PBGDPL. Tham gia vào hoạt động tuyên truyền, GDPL cho các tầng lớp nhân dân có nhiều cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và tư nhân, như Bộ Tư pháp, Viện Công tố, Toà án, Hiệp hội luật sư, Trường Đại học luật, Công ty luật... Chẳng hạn, Hiệp hội luật sư Thái Lan có Văn phòng thông tin chuyên phổ biến, thông tin về các văn bản pháp luật mới. Đài truyền hình Thái Lan có riêng kênh 11 mỗi tháng phát 2 chương trình về một số nội dung pháp luật cần thiết, hữu ích đối với người dân. Khoa Luật thuộc Trường Đại học Tổng hợp Thammasat thường tổ chức hoạt động PBGDPL cho người dân và tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn về pháp luật cho lãnh đạo chính quyền cơ sở.

Trong cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp Thái Lan có Vụ bảo vệ các quyền tự do của công dân. Một trong những chức năng của Vụ này là giáo dục người dân thi hành pháp luật; tạo cơ hội, khuyến khích nhân dân tham gia vào các hoạt động tư pháp; tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân.

Hình thức PBGDPL thường được các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tư nhân sử dụng là giảng giải, diễn thuyết về pháp luật cho nhân dân ở các khu dân cư thông qua các Công tố viên, giảng viên Khoa Luật của Trường đại học, các luật sư..., xuất bản các tài liệu, sách pháp luật. Để GDPL đạt hiệu quả cao, Thái Lan cho rằng phải dựa vào cộng đồng, xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng với phương châm số một là đáp ứng yêu cầu của người dân chứ không phải áp đặt theo ý chí của các cơ quan nhà nước. Ở Thái Lan, trong các trường phổ thông học sinh được học môn *Những vấn đề cơ bản về pháp luật*; trong các trường đại học sinh viên được học môn *Pháp luật*. Ngoài ra, thông qua đội ngũ giảng viên, sinh viên Khoa Luật của một số Trường đại học và một số luật sư là cựu sinh viên của trường (đặc biệt là Khoa Luật Trường Đại học Tổng hợp Thammasat) đã tổ chức kết hợp thực hiện trợ giúp pháp lý và phổ biến, GDPL bằng 2 hình thức: 1) Tư vấn trực tiếp, qua điện thoại, thư hoặc internet và 2) Hỗ trợ giải quyết những vấn đề liên quan đến tranh tụng cho một số đối tượng nhất định (bị thiệt hại chính đáng, nghèo, không có tiền án, tiền sự, người DTTS) trừ tranh tụng về lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Singapore không có cơ quan chuyên trách quản lý, thực hiện công tác PBGDPL cho nhân dân. Các cơ quan nhà nước, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đều có trách nhiệm thực hiện việc PBGDPL, đưa thông tin pháp luật đến nhân dân và các đối tượng thuộc quyền quản lý của mình.

Một trong những nhiệm vụ của Viện Công tố Singapore là giáo dục, bồi dưỡng pháp luật cho CBCC nhà nước. Để thực hiện nhiệm vụ này, cả 5 đơn vị thuộc Viện Công tố (Vụ Pháp luật dân sự, Vụ Pháp luật hình sự, Vụ Pháp luật quốc tế, Vụ Soạn thảo văn bản, Vụ Cải cách pháp luật) đều có trách nhiệm giáo dục, bồi dưỡng những nội dung pháp luật mà đơn vị đó phụ trách cho cán bộ, công chức của các cơ quan nhà nước và những đối tượng có nhu cầu thông qua việc tổ chức các khóa học, các hội thảo, hội nghị. Có 2 phương thức tổ chức giáo dục, bồi dưỡng pháp luật: *Thứ nhất*, do Viện Công tố tổ chức. Nội dung giáo dục, bồi dưỡng thường là các văn bản pháp luật mới hoặc những lĩnh vực pháp luật bức xúc cần tập huấn, bồi dưỡng tại thời điểm đó cho những đối tượng có liên quan. Ngoài ra, Viện Công tố còn tổ chức những khóa học với chủ đề rộng và không hạn chế đối tượng tham dự (thường kết hợp với Trường Cán bộ nhà nước và có thu học phí đối với những người tham dự nhưng mức thu không đáng kể). *Thứ hai*, tổ chức giáo dục, bồi dưỡng pháp luật theo yêu cầu, đề nghị của các bộ, ngành. Khi có yêu cầu, Viện Công tố sẽ cử báo cáo viên đến để giảng giải, trình bày các nội dung pháp luật mà CBCC của bộ, ngành đó đang cần [108, tr.14-15].

Bài học kinh nghiệm đối với GDPL cho ĐBDT Khmer: Từ thực tiễn của Thái Lan, bài học mà chúng ta có thể tiếp thu là: công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer phải dựa vào chính cộng đồng dân tộc Khmer, phải xuất phát từ chính nhu cầu thông tin pháp luật của người dân Khmer theo phương châm đáp ứng yêu cầu của người dân chứ không phải áp đặt theo ý chí của các cơ quan nhà nước; nghĩa là trang bị cho ĐBDT Khmer những thông tin, kiến thức pháp luật mà họ đang cần, chứ không phải cung cấp cái mà chủ thể GDPL hiện có. Bài học kinh nghiệm từ Singapor là: phải coi công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer là nhiệm vụ của tất cả các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp, các ngành ở địa phương.

Tiểu kết chương 2

Giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer là hoạt động có định hướng, có tổ chức, do các chủ thể GDPL tiến hành theo nội dung, phương pháp và hình thức nhất định phù hợp với truyền thống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán sản xuất, sinh hoạt của đồng bào; làm hình thành ở họ ý thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi phù hợp với các yêu cầu của pháp luật hiện hành; góp phần xây dựng, củng cố ý thức về quyền con người, quyền công dân của ĐBDT Khmer để họ có thể tiếp cận, bảo vệ các quyền đó một cách hiệu quả.

Hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có những điểm đặc trưng riêng và có vai trò rất quan trọng, thể hiện trên các phương diện sau: 1) Góp phần cung cấp, trang bị, nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật cho ĐBDT Khmer; 2) Góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của ĐBDT Khmer đối với pháp luật; 3) Góp phần nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật, thực hiện hành vi pháp luật hợp pháp cho ĐBDT Khmer.

Quá trình GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL được tạo thành bởi các yếu tố: mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL. GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL luôn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm các yếu tố chủ quan (trình độ học vấn, các nhân tố tâm lý) và các yếu tố khách quan (yếu tố kinh tế, chính trị và yếu tố văn hóa - xã hội).

Từ sự khảo sát hoạt động GDPL cho nhân dân tại một số nước trên thế giới, gồm Cộng hòa Pháp, Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Liên bang Australia, Thái Lan và Singapor, luận án đã rút ra một số bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phù hợp với điều kiện và đặc trưng văn hóa của đối tượng này.

Chương 3

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, TÌNH HÌNH VI PHẠM PHÁP LUẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long nằm ở cực Nam của Tổ quốc, có vị trí như một bán đảo, phía Đông Bắc giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông và phía Nam giáp Biển Đông, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây giáp biển Đông và vịnh Thái Lan; là một trong những đồng bằng lớn, phì nhiêu của vùng Đông Nam Á và thế giới. Diện tích tự nhiên toàn vùng là 39.763 km² (chiếm 12,2% diện tích cả nước), có đường bờ biển dài 700 km, hải phận rộng trên 360 nghìn km².

Về địa hình, vùng ĐBSCL có địa hình thấp, tương đối bằng phẳng. Mọi vị trí trên đồng bằng này không cao hơn 03 mét so với mực nước biển. Đồng bằng bị chia cắt dọc ngang bởi nhiều con kênh và các con sông, tạo nên vùng đồng bằng châu thổ phì nhiêu, đất đai màu mỡ. Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm với hai mùa mưa nắng rõ rệt, nguồn nước dồi dào phong phú, giúp cho việc sản xuất thuận lợi quanh năm. Bởi vậy, ĐBSCL là vùng sản xuất lương thực trọng điểm; là vùng sản xuất thực phẩm lớn, có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển chăn nuôi theo quy mô lớn, nhất là nuôi trồng thủy hải sản ven biển, trên sông, các vùng chuyên canh cây ăn trái chất lượng cao.

Theo kết quả điều tra dân số ngày 01/04/2011, dân số toàn vùng ĐBSCL là 17.325.167 người, chiếm 19,8% dân số cả nước. Tỷ lệ tăng dân số bình quân giai đoạn 1999 - 2009 là 0,6%, mật độ dân số gần 440 người/km²; tỷ lệ nữ giới chiếm 50,2%, tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị là 23,2%. Về cơ cấu dân tộc, ĐBSCL là vùng đất hội tụ của nhiều tộc người, trong đó chủ yếu là người Kinh (chiếm 90%), người Khmer (chiếm 6%), người Hoa (chiếm 2%), còn lại là người Chăm. Quá trình cộng cư của các dân tộc ở ĐBSCL đã tạo thành một sức mạnh tổng hợp, vô cùng to lớn trong việc khắc phục và chế ngự thiên tai, xây dựng xóm làng, khóm ấp, làm cho vùng đất này trước kia chỉ là rừng rậm hoang vu, đầm lầy thì sau hơn

300 năm đã trở thành một vùng đất trù phú, đem lại một nguồn lợi to lớn từ thiên nhiên, đất hoang dần dần thu hẹp, xóm làng mọc lên và đời sống kinh tế ngày càng được nâng cao.

Hiện nay, vùng ĐBSCL có 13 đơn vị hành chính, trong đó có 01 thành phố trực thuộc Trung ương là thành phố Cần Thơ và 12 tỉnh, gồm Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.

Những đặc điểm về địa lý - tự nhiên - xã hội nêu trên đều có tác động mạnh mẽ, chi phối và quy định đặc điểm tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của vùng ĐBSCL trong tiến trình phát triển cùng với cả nước; tác động đến các lĩnh vực hoạt động tại địa bàn, trong đó có GDPL cho ĐBDT Khmer.

Trong thời gian qua, triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-TW, ngày 20/1/2003 của Bộ Chính trị Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng ĐBSCL thời kỳ 2001 - 2010 [xem: 12], Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã dành sự quan tâm lãnh đạo, Chính phủ đã có nhiều quyết định và giải pháp tổ chức thực hiện, các bộ, ngành ở Trung ương và UBND các tỉnh, nhân dân các địa phương đã nỗ lực thực hiện; nhờ đó, vùng ĐBSCL đã phát triển khá toàn diện trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của cả nước; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai GDPL cho nhân dân.

3.1.1.1. Về kinh tế

Kinh tế các tỉnh, thành vùng ĐBSCL phát triển khá nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, hiệu quả sản xuất được nâng cao, tổ chức huy động tốt các nguồn lực đầu tư, môi trường đầu tư được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân của toàn vùng giai đoạn 2001 - 2010 đạt 11,7%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực II, khu vực III, giảm tỷ trọng ở khu vực I. Giá trị sản xuất năm 2010 (giá so sánh năm 1994) đạt 336.924 tỷ đồng, tăng gấp 3,5 lần so với năm 2001, tăng bình quân 11,87%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 9,3 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 6,83 tỷ USD, tốc độ tăng bình quân đạt 17,8%. Thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 2,5 lần so với năm 2010. Thu ngân sách đạt 28.101 tỷ đồng, tăng 6 lần so với 2010. Tổng chi ngân sách địa phương 199.403 tỷ đồng, tăng bình quân

20,6%/năm; trong đó chỉ đầu tư phát triển là 69.432 tỷ đồng, tăng bình quân 21,4%/năm. Huy động vốn đầu tư đạt 627.000 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư cá nhân và xã hội là 488.000 tỷ đồng, chiếm 77,8%. Môi trường đầu tư được cải thiện, chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của các tỉnh/thành đều nằm trong nhóm khá, tốt và rất tốt [xem 7, tr.1-2].

Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển toàn diện, năng suất, chất lượng ngày càng cao, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, phát huy lợi thế sản phẩm chủ lực của vùng (lúa gạo, thủy sản, trái cây), thể hiện vai trò trung tâm kinh tế lớn về sản xuất lúa gạo, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản của cả nước; các mặt hàng xuất khẩu tăng nhanh. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng từ 56.292 tỷ đồng lên 101.000 tỷ đồng năm 2010, tăng trưởng bình quân 6,9%/năm; tăng lợi nhuận từ 20,2 triệu đồng năm 2001 lên gần 38 triệu đồng/ha đất sản xuất nông nghiệp.

Công nghiệp được chú trọng phát triển, đi dần vào khai thác các thế mạnh của vùng về công nghiệp chế biến nông sản, bước đầu tập trung đầu tư phát huy lợi thế về công nghiệp dầu khí, năng lượng, nhiệt điện và cơ khí. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng liên tục trong các năm, đến năm 2010 đạt 79.985,1 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2001 - 2010 tăng 15,6%/năm.

Thương mại, dịch vụ, du lịch, thông tin và truyền thông có bước phát triển khá nhanh, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu thụ và đời sống nhân dân. Việc cung ứng, phân phối hàng hóa cho nhân dân có nhiều tiến bộ, đáp ứng các nhu cầu thiết yếu. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng từ 47.073 tỷ đồng năm 2001 lên 277.487,9 tỷ đồng năm 2010, bình quân 21,8%/năm; trong đó, một số lĩnh vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá như dịch vụ bán lẻ, vận tải, du lịch. Các dịch vụ tài chính, tiền tệ, tư vấn... được các đại phương quan tâm đầu tư và phát triển. Hạ tầng bưu chính viễn thông được đầu tư rộng khắp từ đô thị đến tận các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo phục vụ sự lãnh đạo, điều hành của các cấp chính quyền địa phương, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt phục vụ phát triển kinh tế, phòng chống thiên tai và đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có bước đột phá, kết cấu hạ tầng giao thông cơ bản đã được hình thành, gắn kết với thủy lợi; toàn vùng cơ bản đã hoàn thành mục tiêu xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ, các đô thị được đầu tư, nâng cấp. Hạ tầng giao thông, thủy lợi có bước phát triển, gắn kết giao thông liên

vùng, góp phần làm thay đổi nhanh bộ mặt đô thị, nông thôn và vùng đồng bào DTTS, bước đầu đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển và an sinh xã hội. Hệ thống giao thông nông thôn từng bước được nâng cấp, mở rộng; đến cuối năm 2010 toàn vùng có đường ô tô tới 1.161 trung tâm xã. Bằng nhiều nguồn vốn, nhất là vốn xã hội hóa, toàn vùng đã xóa trên 4.013 cầu khỉ. Nhiều cụm dân cư phát triển thành đô thị, nông thôn mới, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; giúp ổn định nơi cư trú cho 132.371 hộ dân vùng ngập sâu, trong đó có ĐBDT Khmer.

Những thành tựu về phát triển kinh tế của vùng ĐBSCL đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, cải thiện điều kiện sinh hoạt cho các tầng lớp nhân dân nói chung, cho ĐBDT Khmer nói riêng. Đó dung là những điều kiện thuận lợi giúp hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đi vào nề nếp, ổn định, có chiều sâu và thực chất hơn.

3.1.1.2. Về chính trị, an ninh - quốc phòng

Đảng bộ các cấp quan tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, kiện toàn hệ thống chính trị. Cấp ủy các địa phương cơ bản hoàn thành các nội dung xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị theo hướng trong sạch, vững mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngày càng được nâng cao. Toàn vùng hiện có 8.492 tổ chức, cơ sở đảng với 409.864 đảng viên, trong đó, đảng viên là người DTTS có 14.267 người, đảng viên là tín đồ các tôn giáo có 29.234 người. Việc quy hoạch, đào tạo, tạo nguồn, luân chuyển và sử dụng cán bộ được chú trọng, đã đào tạo, cơ cấu nhiều cán bộ là người DTTS vào các cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước. Mỗi nhiệm kỳ Trung ương Đảng đều có từ 01 đến 02 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng là người DTTS.

Bộ máy chính quyền được tập trung chấn chỉnh, kiện toàn, từng bước chuẩn hóa cán bộ theo quy định. Một số địa phương đã tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc tại xã, phường, thị trấn. Việc đầu tư cơ sở vật chất như trụ sở làm việc, trang thiết bị làm việc cho cấp xã, cấp huyện được quan tâm. Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được các cấp ủy địa phương chỉ đạo thực hiện và đạt được nhiều kết quả thiết thực, nhiều gương điển hình được tuyên dương, nhân rộng. Các cấp ủy Đảng đã tập trung lãnh đạo chặt chẽ các bước chuẩn bị về văn kiện, nhân sự, các điều kiện đảm bảo tổ chức tốt đại hội

đảng bộ từng cấp. MTTQ và các đoàn thể đã tích cực củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động, thu hút ngày càng đông hội viên, đoàn viên.

Quốc phòng - an ninh được giữ vững, công tác đối ngoại đạt được nhiều kết quả quan trọng. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trong vùng được củng cố và tăng cường, nhất là trên địa bàn xung yếu, biên giới, biển đảo, đảm bảo xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Sự phối hợp giữa quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội ngày càng hiệu quả. Các tỉnh biên giới giữ được mối quan hệ hữu nghị với nước bạn Campuchia, có nhiều giải pháp đồng bộ làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, nhất là đấu tranh có hiệu quả với các tổ chức phản động lưu vong, nhóm phản động bên ngoài chống phá nước ta. Xử lý kịp thời các vấn đề nhạy cảm có liên quan đến dân tộc, tôn giáo theo đúng chính sách và pháp luật; giải quyết tốt hơn các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài; làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các sư sãi, cán bộ, đồng bào Khmer, tăng cường đảm bảo ổn định an ninh nội địa và trên tuyến biên giới, biển, đảo.

Các cấp ủy, chính quyền địa phương và các lực lượng vũ trang trên địa bàn đã tổ chức triển khai tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị. Các lực lượng chức năng làm tốt công tác nắm tình hình, quản lý chặt đối tượng, địa bàn, kịp thời phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động móc nối, tập hợp lực lượng, tuyên truyền kích động, xuyên tạc của các tổ chức, cá nhân chống đối, góp phần giữ vững an ninh, chủ quyền trên tuyến biên giới.

Sự ổn định về chính trị, giữ vững an ninh - quốc phòng ở vùng ĐBSCL, nhất là ở những khu vực có đông ĐBDT Khmer đã và đang có ảnh hưởng tích cực tới cộng đồng dân tộc Khmer, giúp đồng bào yên tâm, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; từ đó, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer cũng đạt hiệu quả cao hơn.

3.1.1.3. Về văn hóa - xã hội

Giáo dục đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; đời sống nhân dân, nhất là vùng ĐBDT Khmer, được cải thiện. Mạng lưới trường, lớp từ mầm non đến phổ thông đã phát triển rộng khắp, phân bố ngày càng hợp lý. Cơ sở vật chất trường lớp được đầu tư, đội ngũ giáo viên, học sinh tăng nhanh. Các tỉnh có đông ĐBDT Khmer đều có

trường dân tộc nội trú, hiện có 26 trường với hơn 7.500 học sinh, chiếm 10,27% học sinh người DTTS đang học ở bậc trung học. Công tác dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, xóa đói giảm nghèo, đáp ứng nhu cầu lao động xã hội. Toàn vùng hiện có 336 cơ sở dạy nghề với 95 trung tâm dạy nghề cấp huyện, tăng 3 lần so với năm 2001.

Mạng lưới y tế được nâng cấp và mở rộng, cơ sở vật chất bệnh viện tỉnh, huyện, trạm y tế xã được đầu tư, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng cao.

Chính sách y tế và công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào DTTS luôn được quan tâm. Các cơ sở y tế vùng dân tộc được đầu tư phát triển, từng bước đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới. Đội ngũ cán bộ y tế là người DTTS được nâng về số lượng và chất lượng. Tính đến năm 2013 trên địa bàn có khoảng 2.300 cán bộ y tế là người DTTS [97, tr.3].

Các lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống ngày được nâng cao. Cùng với phát triển kinh tế, các địa phương trong vùng đều hết sức quan tâm đến văn hóa xã hội. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có bước tiến bộ. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư có tác dụng ngày càng thiết thực. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình đã được đầu tư phát triển, nội dung phong phú, chất lượng các chương trình được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin và giải trí của nhân dân. Trung tâm Truyền hình Việt Nam và Cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã nâng cao chất lượng phát sóng các chương trình tiếng Khmer với thời lượng phát thanh 16 giờ/ngày, phát hình 06 giờ/ngày. Một số tỉnh có đồng bào dân tộc Khmer đều có tờ báo và các chương trình truyền hình bằng tiếng Khmer [xem 7, tr.5].

Cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo trong vùng đồng bào DTTS. Ý thức tự lực tự cường vượt qua đói nghèo trong ĐBDT được nâng lên, nhiều hộ đã thoát nghèo, vươn lên khá giàu. Nhiều nơi xuất hiện mô hình tập thể, cá nhân người DTTS làm kinh tế giỏi.

Tỷ lệ hộ nghèo toàn vùng (theo chuẩn mới) đến năm 2010 giảm còn 13,45%; giải quyết việc làm bình quân 375.000 lao động/năm; tỷ lệ dân nông thôn được cung cấp nước sạch đạt trên 87%. Đến nay, các địa

phương trong vùng đã hỗ trợ 88.665 căn nhà cho đồng bào DTTS nghèo; hỗ trợ đất ở 2.580 hộ, đất sản xuất 2.756 hộ, đào tạo nghề 5.986 lao động, giải quyết việc làm cho 10.657 lao động; hỗ trợ vay vốn mua máy móc, công cụ lao động cho 524 hộ. Chính sách trợ giá, trợ cước, hỗ trợ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn tại 6 tỉnh ĐBSCL trên 100 tỉ đồng, giải quyết cho trên 3.000 hộ vay vốn để phát triển sản xuất... tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm bình quân 4%/năm; đến cuối năm 2010 chỉ còn 24% hộ nghèo [18, tr.86].

Trình độ dân trí của đồng bào DTTS từng bước được nâng cao; văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy. “Các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS được tôn trọng và tạo điều kiện bảo tồn, phát triển rất thiết thực, có tác dụng đối với đời sống tinh thần của đồng bào” [97, tr.4]. Năm 2014, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Lễ hội Ooc Om Bok của người Khmer tỉnh Trà Vinh và Nghệ thuật sân khấu Dù kê của người Khmer tỉnh Sóc Trăng là văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Cùng với Festival đua ghe Ngo, Nghệ thuật Chèo riêng, Chả pây, Nghệ thuật sân khấu Dù kê là văn hóa phi vật thể cấp quốc gia - là điều kiện rất tốt để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Khmer. Đời sống vật chất và tinh thần của ĐBDT trên nhiều mặt được cải thiện và nâng cao. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm nhiều hơn. Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của ĐBDT đều được tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi. Hầu hết các tôn giáo đều hoạt động đúng pháp luật; nhiều chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tôn giáo tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội.

3.1.2. Tình hình vi phạm pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc Khmer tại đồng bằng sông Cửu Long

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL được đặc biệt quan tâm; qua đó, đã tạo sự chuyển biến tích cực trong việc nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần rất lớn vào việc đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong vùng. Tuy nhiên, tình hình vi phạm pháp luật trong vùng có đông ĐBDT Khmer ở ĐBSCL vẫn còn diễn biến phức tạp, có sự gia tăng các vụ vi phạm pháp luật hình sự; tiềm ẩn những nguy cơ gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng.

Trong khi đa số ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL luôn có ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì vẫn còn một bộ phận người dân tộc Khmer thiếu ý thức chấp hành pháp luật, có hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, chặt phá rừng, đặc biệt là rừng ngập mặn ở vùng ven biển, xâm hại nguồn lợi thủy sản bằng các hình thức đánh bắt nguy hiểm như kích điện, dùng vật liệu nổ... Mặc dù đã được phổ biến, tuyên truyền pháp luật về dân số, pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí..., nhưng trong nhiều gia đình ĐBDT Khmer vẫn còn hiện tượng sinh con thứ 3, ép hôn nhân, tảo hôn, lãng phí trong việc cưới hỏi, ma chay, lễ hội... Tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia, tình trạng người dân tộc Khmer qua lại biên giới trái phép theo đường tiểu ngạch nhằm mục đích thăm thân, mua bán hàng hóa... vẫn còn diễn ra nhiều. Tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp vẫn còn xảy ra ở một số địa phương có đông ĐBDT Khmer; nội dung khiếu kiện chủ yếu tập trung vào lĩnh vực đất đai, như đòi lại “đất gốc”, đòi bồi hoàn hoa lợi theo giá thị trường, tranh chấp đất thừa kế trong dòng họ, thân tộc, tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình Khmer... [97, tr.8].

Tình hình an ninh trật tự ở vùng có đông ĐBDT Khmer sinh sống, nhất là ở khu vực biên giới còn tiềm ẩn những nguy cơ gây mất ổn định. Lợi dụng tình hình phức tạp, hạn chế của ĐBDT Khmer (tranh chấp đất đai; số hộ ĐBDT Khmer nghèo còn chiếm tỷ lệ cao; trình độ dân trí còn thấp, nhận thức về chính trị, pháp luật còn hạn chế; Phật giáo là một tôn giáo không thể thiếu trong đời sống tinh thần của ĐBDT Khmer...), các thế lực thù địch coi các khu vực biên giới, những vùng có đông ĐBDT Khmer sinh sống là những trọng điểm chống phá nước ta bằng chiến lược “diễn biến hòa bình” với những âm mưu, thủ đoạn rất tinh vi, thâm độc. Chúng dùng vật chất lôi kéo, xúi giục, kích động người dân Khmer tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật, như truyền đạo Tin Lành trái phép, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước Việt Nam, nhất là về dân tộc, tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tập hợp lực lượng, thành lập các tổ chức phản động trong người Khmer lưu vong ở nước ngoài và trong nước để hoạt động chống phá trên nhiều lĩnh vực.

Còn một số trường hợp, nhất là trong sư sãi, sinh viên, học sinh người dân tộc Khmer bị lợi dụng, lôi kéo tham gia vào các tổ chức phản động chống phá ta trên các diễn đàn (qua mạng internet, nhất là trên trang web của Đài Phát thanh châu Á Tự do). Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuyến biên giới, biển, đảo có thời điểm còn diễn biến phức tạp. “Tình hình an ninh chính trị trong tôn giáo, vùng biên giới và vùng dân tộc còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp đất đai trong nông thôn còn diễn biến phức tạp” [6, tr.3].

Tình hình vi phạm pháp luật hình sự tiếp tục có những diễn biến phức tạp với sự gia tăng số vụ tội phạm mà người phạm tội là người dân tộc Khmer. Theo số liệu thống kê về cơ cấu thành phần dân tộc của phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại một số trại giam do Bộ Công an quản lý đứng chân trên địa bàn các tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ và vùng ĐBSCL, không kể số phạm nhân là người dân tộc Kinh, tính đến hết năm 2014, số lượng phạm nhân là người dân tộc Khmer chiếm tỷ lệ đáng kể so với phạm nhân là người DTTS khác. Cụ thể: Tại trại giam Kênh 7 (đứng chân tại tỉnh An Giang) có 1207 phạm nhân, số phạm nhân là người các DTTS khác chỉ có 102 người; tại trại giam Cái Tàu (đứng chân tại tỉnh Cà Mau) có 938 phạm nhân, số phạm nhân là người các DTTS khác chỉ có 97 người; tại trại giam Mỹ Phước (đứng chân tại tỉnh Tiền Giang) có 163 phạm nhân, số phạm nhân là người các DTTS khác chỉ có 33 người; tại trại giam An Phước (đứng chân tại tỉnh Bình Phước) có 77 phạm nhân, số phạm nhân là người các DTTS khác có 647 người; tại trại giam Xuân Lộc (đứng chân tại tỉnh Đồng Nai) có 69 phạm nhân, số phạm nhân là người các DTTS khác có 530 người; tại trại giam Thủ Đức (đứng chân tại tỉnh Bình Thuận) có 64 phạm nhân, số phạm nhân là người các DTTS khác có 15247 người; tại trại giam Thạnh Hòa (đứng chân tại tỉnh Long An) có 62 phạm nhân, số phạm nhân là người các DTTS khác chỉ có 56 người; tại trại giam Xuyên Mộc (đứng chân tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) có 29 phạm nhân, số phạm nhân là người các DTTS khác có 214 người [Nguồn: Các trại giam cung cấp]. Từ các số liệu nêu trên, để dễ bề quan sát, đánh giá, có thể lập thành bảng số liệu sau:

Bảng 3.1: Số liệu thống kê về cơ cấu thành phần dân tộc của phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại một số trại giam

Đơn vị tính: người

TT	Đơn vị trại giam	Số phạm nhân là người các DTTS	Số phạm nhân là người dân tộc Khmer	Tổng cộng
1	Kênh 7	102, chiếm 08.80%	1207, chiếm 92.20%	1309
2	Cái Tàu	97, chiếm 09.38%	938, chiếm 90.62%	1035
3	Mỹ Phước	33, chiếm 12.84%	163, chiếm 83.16%	196
4	An Phước	647, chiếm 89.36%	77, chiếm 10.64%	724
5	Xuân Lộc	530, chiếm 88.48%	69, chiếm 11.52%	599
6	Thủ Đức	15247, chiếm 99.58%	64, chiếm 00.42%	15311
7	Thanh Hòa	56, chiếm 47.46%	62, chiếm 52.54%	118
8	Xuyên Mộc	214, chiếm 88.06%	29, chiếm 11.94%	243

Nguồn: [95; 96; 97; 99]

So sánh tương quan tỷ lệ phạm nhân là người DTTS đang chấp hành án phạt tù tại các trại giam nói trên cho thấy, ngoại trừ các trại giam thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ (An Phước, Xuân Lộc, Thủ Đức và Xuyên Mộc) có số phạm nhân là người dân tộc Khmer chiếm tỷ lệ thấp bởi đây là những địa bàn xa khu vực ĐBSCL; còn lại, tại các trại giam thuộc khu vực SBSCL (Kênh 7, Mỹ Phước, Thanh Hòa và Cái Tàu), số phạm nhân là người dân tộc Khmer luôn chiếm tỷ lệ áp đảo hoặc cao hơn so với số phạm nhân là người các DTTS khác. Hành vi phạm tội mà những phạm nhân người dân tộc Khmer phạm phải gồm các tội buôn lậu, xâm phạm sở hữu, ma túy, buôn bán người, hiếp dâm, giết người, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng... Có nhiều nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của người dân tộc Khmer, song nguyên nhân chủ yếu vẫn là do thiếu kiến thức, hiểu biết pháp luật. Điều đó nói lên rằng, đẩy mạnh GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phải là việc làm thường xuyên, liên tục với chất lượng, hiệu quả cao hơn.

3.2. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý bao gồm các nghiên cứu lý luận, thực tiễn về đời sống nhà nước và pháp luật. Hai hướng nghiên cứu này nương tựa

vào nhau, bổ khuyết cho nhau nhằm ngày càng hoàn thiện hệ thống lý luận về nhà nước và pháp luật; trong đó, nghiên cứu thực tiễn phục vụ cho việc minh chứng, luận giải các quan điểm lý luận. Theo nguyên tắc đó, trong quá trình thực hiện luận án, tác giả đã kết hợp giữa nghiên cứu lý luận về GDPL cho ĐBDT Khmer với điều tra XHH về thực trạng GDPL cho đối tượng này. Mục đích của điều tra XHH là nhằm thu thập các luận cứ thực tiễn phục vụ cho việc đánh giá thực trạng GDPL đảm bảo sự đúng đắn, khách quan và khoa học, tránh được sự tư biện, suy diễn chủ quan, duy ý chí.

Với mục đích đó, qua tham vấn ý kiến chuyên gia, tác giả đã soạn thảo, tiến hành phát ra, thu về và xử lý số liệu theo 2 mẫu Phiếu thu thập ý kiến: 1) Mẫu phiếu dành cho BCV, TTV pháp luật các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long (Số phiếu phát ra: 560 phiếu; số phiếu thu về: 507 phiếu; đạt tỷ lệ 90.53%); 2) Mẫu phiếu dành cho ĐBDT Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (Số phiếu phát ra: 1260 phiếu; số phiếu thu về: 1053 phiếu; đạt tỷ lệ 83.57%) tại 07/13 tỉnh/thành phố thuộc khu vực ĐBSCL (Cà Mau, Bạc Liêu, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long) với các câu hỏi liên quan tới những khía cạnh khác nhau của GDPL cho ĐBDT Khmer. Lý do phải triển khai hai mẫu phiếu với hai đối tượng khảo sát khác nhau (BCV, TTV pháp luật và ĐBDT Khmer) là vì họ là “đối tác” của nhau trong hoạt động GDPL. Việc thu thập ý kiến của hai nhóm đối tượng này sẽ mang lại góc nhìn so sánh, đối chiếu, bảo đảm độ tin cậy của thông tin thu được.

Cuộc điều tra XHH có mục đích phục vụ trực tiếp cho việc đánh giá về thực trạng, nguyên nhân của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong những năm qua và minh họa cho các giải pháp bảo đảm GDPL cho ĐBDT Khmer. Bởi vậy, các số liệu cụ thể được sử dụng trong tiết này, nếu không có sự dẫn nguồn cụ thể khác, thì có nghĩa đó là các số liệu được khai thác từ kết quả điều tra XHH của tác giả luận án (trình bày ở phần Phụ lục).

3.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

3.2.1.1. Những thành tựu, kết quả đạt được

Trong những năm qua, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đã đạt được nhiều thành tựu, kết quả, thể hiện trên các phương diện sau:

** Những kết quả đạt được từ phía chủ thể giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

- Các cơ quan chức năng, chính quyền các cấp của các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã có sự chủ động trong việc chuẩn bị nhân lực, xây dựng kế hoạch, chương trình và tích cực tham gia GDPL cho ĐBDT Khme. Các chủ thể GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL vừa giữ vai trò tham mưu, đề xuất kế hoạch, chương trình cho cấp ủy Đảng, chính quyền cùng cấp, vừa trực tiếp tổ chức, quản lý GDPL cho các đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer. Để đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các chủ thể, HĐPH công tác PBGDPL các cấp tại tất cả các tỉnh trong khu vực ĐBSCL đều đã được thành lập, đi vào hoạt động với vai trò thường trực thuộc về cơ quan Tư pháp.

Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL các cấp trong vùng đã quan tâm xây dựng nguồn nhân lực và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL ở các ngành, các cấp. Bên cạnh việc đảm bảo lực lượng nòng cốt, thường trực làm công tác PBGDPL tại các cơ quan Tư pháp, việc thu hút, bồi dưỡng những lực lượng khác tại các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp nhằm tạo nguồn nhân lực tham gia GDPL cũng được chú trọng. Nhờ đó, công tác PBGDPL cho các nhóm đối tượng xã hội khác nhau, trong đó có ĐBDT Khmer, đã phát huy được tính chủ động, tích cực; các cơ quan Tư pháp luôn làm tốt công tác tham mưu cho UBND cùng cấp trong PBGDPL.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực PBGDPL, các chủ thể GDPL đã chủ động tổ chức các hoạt động PBGDPL cho ĐBDT Khmer. Theo kết quả điều tra XHH, với câu hỏi về cơ quan chức năng đứng ra tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho ĐBDT Khmer, kết quả thu được từ hai mẫu phiếu cho thấy: Tuy có sự chênh lệch về tỷ lệ trong từng phương án trả lời của hai đối tượng trả lời phiếu; song, các buổi PBGDPL cho ĐBDT Khmer do UBND cấp xã tiến hành chiếm tỷ lệ cao nhất (59.37% và 69.51%); tiếp đến là do Phòng Tư pháp huyện hoặc các Phòng có liên quan tổ chức (59.76% và 31.43%); thấp nhất là các buổi PBGDPL do Sở Tư pháp các tỉnh hoặc các Sở có liên quan tổ chức (38.26% và 28.30%) [xem Phụ lục 2, tr.9; Phụ lục 4, tr.29]. Việc chủ thể GDPL cấp xã chiếm tỷ lệ cao nhất là hợp lý, bởi lẽ, cấp xã là cấp gần dân, sát dân nhất nên có sự thuận lợi và chủ động hơn trong hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Đội ngũ BCV, TTV pháp luật làm công tác PBGDPL cho các đối tượng nói chung, cho ĐBDT Khmer nói riêng đã có sự gia tăng về số lượng và chất lượng. Để tạo nguồn nhân lực GDPL, các cơ quan chức năng và các ngành, các cấp của các tỉnh vùng ĐBSCL luôn quan tâm xây dựng đội ngũ BCV, TTV, nhờ đó, đội ngũ BCV, TTV pháp luật đã có sự gia tăng về số lượng và chất lượng. Đội ngũ này bao gồm BCV pháp luật cấp tỉnh, BCV pháp luật cấp huyện, TTV pháp luật ở xã, phường, thị trấn. Chẳng hạn, ở tỉnh Bạc Liêu hiện nay, BCV cấp tỉnh là 71 người, BCV cấp huyện là 132 người, TTV là 565 người và 3.936 Hòa giải viên. Ngoài ra, đội ngũ CBCC, viên chức ở các sở, ban, ngành; thành viên các đoàn thể; giảng viên, giáo viên dạy pháp luật tại các Trường Chính trị tỉnh, Trường Đại học, Trung cấp, Phổ thông; phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo, đài ở địa phương tích cực tham gia PBGDPL theo lĩnh vực phụ trách, góp phần đưa pháp luật đến với cán bộ, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân. Nhìn chung, đội ngũ BCV, TTV pháp luật được phân bố rộng rãi ở tất cả các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể nên hoạt động GDPL được thực hiện thường xuyên, liên tục; nội dung phong phú, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn; phát huy được tính chủ động, tích cực và thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu cho UBND các cấp trong công tác PBGDPL. Số lượng BCV, TTV pháp luật tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng so với trước khi thực hiện Chương trình PBGDPL giai đoạn 2008 - 2012 (Chương trình 37). Cụ thể, BCV pháp luật cấp huyện tăng 111 người (năm 2007 có 21 BCV, năm 2010 có 132 BCV), TTV tăng 265 người (năm 2007 có 300 người, năm 2010 có 565 người) [99, tr.4]. Kết quả điều tra XHH cho thấy, BCV pháp luật cấp tỉnh, BCV pháp luật cấp huyện, TTV pháp luật ở xã, phường, thị trấn là những chủ thể chủ yếu và trực tiếp thực hiện GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL; trong đó, lực lượng TTV pháp luật vẫn là chủ thể chính (61.54%), tiếp đến là BCV cấp huyện (56.21%) và thấp hơn là BCV pháp luật cấp tỉnh với 45.96% [xem Phụ lục 2, tr.9].

- Đa số BCV, TTV pháp luật đã chủ động, tích cực và trực tiếp tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer. Trong số 507 BCV, TTV pháp luật tham gia cuộc điều tra XHH, có 404 người khẳng định đã trực tiếp làm công tác này, chiếm 81.45% trả lời hợp lệ; chỉ có 18.55% trả lời là chưa tham gia [xem Phụ lục 2, tr.9]. Kết quả điều tra cũng cho thấy, có tới 498 BCV, TTV pháp luật, chiếm 98.22%, khẳng định mình là người quan tâm đến GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL [xem Phụ lục 02,

tr.7]. Sự quan tâm đó xuất phát từ chỗ đa số BCV, TTV pháp luật đánh giá cao vai trò của GDPL cho ĐBDT Khmer. Các số liệu thu được cho thấy có tới 77.91% BCV, TTV pháp luật được hỏi cho rằng GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là “rất quan trọng” và 21.89% coi là “quan trọng”; có nghĩa gần như tuyệt đối (99.80%) cho rằng công tác này rất quan trọng và quan trọng [xem Phụ lục 2, tr.7].

- Về đối tượng, hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đã thu hút được sự tham dự của nhiều người dân Khmer. Theo sự ghi nhận của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đã từng tham dự các buổi PBGDPL thì có 50.10% số người được hỏi khẳng định rằng, đối tượng tham dự các buổi GDPL là tất cả những người dân Khmer có nhu cầu hiểu biết pháp luật; 25.88% người dân Khmer trả lời rằng, đối tượng tham dự chỉ có những người đại diện cho các hộ gia đình; còn lại, 23.92% người dân Khmer trả lời là chỉ có những người đang là CBCC của UBND cấp xã, trưởng thôn (phum, sóc), cán bộ các tổ chức, đoàn thể ở địa phương mới được tham dự [xem Phụ lục 4, tr.30]. Thông tin kiểm chứng từ Mẫu phiếu dành cho BCV, TTV pháp luật của các tỉnh vùng ĐBSCL tương ứng lần lượt là 60.73%, 18.04% và 20.64% hợp lệ [xem Phụ lục 2, tr.10]. Như vậy, ý kiến của ĐBDT Khmer và các BCV, TTV pháp luật tham gia cuộc điều tra XHH có sự chênh lệch không nhiều, phản ánh sự đồng thuận tương đối ở tất cả các phương án trả lời. Điều đó cho thấy hoạt động GDPL cho ĐBDT ở vùng ĐBSCL đã thu hút được sự tham dự của nhiều người dân Khmer.

- Về nội dung, chủ thể GDPL đã lựa chọn được những nội dung pháp luật phù hợp với đối tượng, đặc thù kinh tế - xã hội và tình hình thực hiện pháp luật ở từng địa bàn có đông ĐBDT Khmer sinh sống. Nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là những văn bản QPPL do Nhà nước ban hành và những văn bản pháp quy do các cấp chính quyền địa phương trong vùng ban hành. Đối với mỗi cộng đồng dân cư lại phải lựa chọn những nội dung GDPL phù hợp với nhu cầu của họ. Nhìn dưới góc độ này, một trong những kết quả đạt được là chủ thể GDPL đã lựa chọn được những nội dung pháp luật phù hợp với đối tượng, đặc thù kinh tế - xã hội và tình hình thực hiện pháp luật ở từng địa bàn. Chẳng hạn, đối với người dân nông thôn, các chủ thể GDPL đã tập trung phổ biến Luật Đất đai, các quy định của Bộ luật Dân sự về thừa kế, quyền sở hữu...; đối với phụ nữ, tuyên truyền các quy định của Pháp lệnh Dân số, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia

đình; đối với khu vực ĐBDT, tôn giáo tập trung tuyên truyền Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, những quy định đối với người DTTS, như chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho ĐBDT; đối với thanh niên, tập trung tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Thanh niên, Luật Phòng chống ma túy [xem: 56, tr.4].

- Về hình thức, hoạt động GDPL cho các đối tượng nói chung, cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nói riêng đã được tiến hành một cách linh hoạt, đa dạng, phong phú. Hình thức GDPL được các chủ thể sử dụng chủ yếu là tuyên truyền miệng, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, các cuộc hội nghị triển khai các văn bản QPPL mới được ban hành, các văn bản đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của CBCC và nhân dân. Ngoài ra còn có các hình thức GDPL khác, như đối thoại pháp luật, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, biên soạn tài liệu pháp luật phát hành cho các đối tượng, tủ sách pháp luật, GDPL trong trường học. Thông qua các buổi sinh hoạt định kỳ, các cơ quan, đơn vị, trường học thường xuyên tổ chức tuyên truyền miệng đến các đối tượng. Riêng với học sinh thì thực hiện thêm việc lồng ghép nội dung GDPL vào chương trình giảng dạy và giờ ngoại khóa. GDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng phát huy hiệu quả và đang được cải tiến, nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục trên các báo, đài nhiều hơn [xem 56, tr.3]. Các chủ thể GDPL còn lồng ghép nội dung GDPL vào các buổi hội họp, tọa đàm, sinh hoạt với nông dân, ĐBDT Khmer, thông qua các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, trang bị tủ sách pháp luật, phát tờ rơi, bản tin nông nghiệp và phát triển nông thôn...

** Những kết quả đạt được từ phía đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật - đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

- Nhận thức, hiểu biết pháp luật, cách xử sự theo pháp luật của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đã có sự cải thiện, tiến bộ rõ rệt. Phần lớn ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đã có ý thức tự giác, chủ động tham gia các buổi PBGDPL do các cơ quan chức năng, các cấp, các ngành tổ chức. Kết quả điều tra XHH cho thấy, trong số 932 người dân Khmer tham gia trả lời bảng hỏi, có tới 827 người khẳng định **có** tham dự các buổi tuyên truyền, GDPL do các cơ quan chức năng tổ chức, chiếm 88.73%. Số còn lại, 105/932 người dân Khmer, chiếm 25.04%, trả lời là **không** được tham dự các buổi PBGDPL và 121 người không trả lời câu hỏi này [xem Phụ lục 4, tr.28]. Mặc dù chưa được như mong muốn, song, con số 88.73% ĐBDT

Khmer được hỏi đã tham gia các buổi PBGDPL cũng đã là một kết quả rất đáng trân trọng, tạo cơ sở để tiếp tục thu hút những người dân tộc Khmer khác tham gia vào hoạt động này.

Sở dĩ ngày càng nhiều ĐBDT Khmer tham dự các buổi GDPL là vì trong cuộc sống, công việc hàng ngày họ thường gặp các sự việc, sự kiện đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được với 97.71% người dân Khmer thừa nhận điều này [xem Phụ lục 4, tr.26]. Bên cạnh đó, trả lời câu hỏi về vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với cuộc sống, lao động, sinh hoạt của ĐBDT Khmer, có tới 75.36% người dân Khmer cho rằng kiến thức, hiểu biết pháp luật có vai trò “rất cần thiết” đối với cuộc sống, lao động, sinh hoạt của đồng bào; 22.25% khẳng định là “cần thiết”; tổng cộng có tới 97.61% ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đánh giá kiến thức pháp luật có vai trò “rất cần thiết và cần thiết” đối với họ [xem Phụ lục 4, tr.27].

Như vậy, nhận thức về vai trò của kiến thức pháp luật của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đã được cải thiện rõ rệt. Từ nhận thức đó, việc phần lớn người dân Khmer chủ động, tích cực tham gia hoạt động PBGDPL đã góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật của họ. Theo các số liệu thu được, đa số người dân tộc Khmer (53.66% hợp lệ) khẳng định rằng, họ chỉ biết một số quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến cuộc sống, công việc hàng ngày, như các quyền, nghĩa vụ của công dân... Đây là tỷ lệ cao nhất trong số các phương án được đưa ra, cho thấy các chủ thể GDPL ở vùng ĐBSCL đã đạt được mục tiêu tối thiểu ban đầu của GDPL là trang bị cho ĐBDT Khmer những thông tin, kiến thức pháp luật có liên quan trực tiếp đến cuộc sống, lao động, sinh hoạt hàng ngày của họ. Ở mức độ cao hơn, có 25.37% người dân Khmer cho rằng, họ đã có hiểu biết tương đối đầy đủ về một số lĩnh vực pháp luật chính, như Hiến pháp, Hình sự, Dân sự, Lao động, Hôn nhân - gia đình, Đất đai...; 17.76% khẳng định họ có hiểu biết tương đối đầy đủ về hệ thống pháp luật hiện hành. Những người khẳng định mình có trình độ hiểu biết pháp luật cao chủ yếu là CBCC, viên chức là người dân tộc Khmer đang sinh sống trên địa bàn, như giáo viên, bác sĩ, cán bộ nghỉ hưu... Có thể có người nghi ngờ tính xác thực của con số 25.372% và 17.76% nêu trên; song, đó là các con số ấn tượng mà mục tiêu GDPL cho ĐBDT Khmer hướng tới và đạt được. Chỉ có 3.22% ĐBDT Khmer được hỏi nói rằng họ hầu như không biết đến các quy định của pháp luật.

Như vậy, một trong những kết quả quan trọng mà GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đã đạt được là góp phần cải thiện, nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của ĐBDT Khmer.

Việc cải thiện, nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thông qua GDPL đã góp phần thay đổi cách xử sự của họ theo hướng tích cực, dựa trên các quy định pháp luật chứ không còn xử sự thuần túy theo chủ quan, cảm tính. Kết quả điều tra XHH cho thấy, mỗi khi gặp một sự việc, sự kiện của bản thân hoặc gia đình đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được thì chỉ có 7.34% người dân Khmer trông cậy vào cửa chùa theo niềm tin tâm linh khi lựa chọn cách “nhờ các nhà sư trong chùa đứng ra can thiệp và giải quyết”; trong khi đó, đại đa số ĐBDT Khmer lựa chọn cách xử sự khác dựa trên nền tảng các quy định pháp luật. Cụ thể: 31.08% chọn cách “tự mình giải quyết theo kinh nghiệm hoặc hiểu biết pháp luật của bản thân”; 17.18% chọn cách “nhờ người thân là người có kiến thức, hiểu biết pháp luật giải quyết”; 21.81% “đề nghị CBCC của UBND cấp xã đứng ra giải quyết”, mà CBCC cấp xã muốn giải quyết thì phải căn cứ vào pháp luật; tương tự như vậy, 20.27% người dân Khmer “đề nghị các cơ quan chức năng của Nhà nước đứng ra giải quyết”; 2.22% chọn cách “nhờ luật sư thay mặt mình giải quyết” [xem Phụ lục 4, tr.26].

- Những kiến thức, hiểu biết pháp luật tiếp nhận được qua GDPL đã giúp một bộ phận đáng kể ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL giải quyết được các vấn đề có liên quan đến pháp luật trong thực tiễn cuộc sống. Thực tiễn cuộc sống làm nảy sinh trong ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nhu cầu được trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật; nhu cầu đó được đáp ứng thông qua hoạt động GDPL dành cho họ. Đến lượt mình, những kiến thức, hiểu biết pháp luật đã tiếp thu, lĩnh hội được sẽ giúp ĐBDT Khmer biết cách xử lý, giải quyết các sự việc, vấn đề pháp luật xảy ra trong cuộc sống của họ. Đây cũng chính là thước đo đánh giá chất lượng, hiệu quả của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Kết quả điều tra XHH cho thấy: có 40.62% người dân Khmer trả lời rằng, kiến thức pháp luật thu nhận được từ GDPL đáp ứng ở mức độ tốt so với yêu cầu cuộc sống của họ - tỷ lệ cao nhất trong số các mức độ được nêu; có 30.70% trả lời là đáp ứng ở mức độ khá; 25.99% cho rằng kiến thức pháp luật đáp ứng ở mức độ trung bình; số còn lại, 2.69%, cho rằng chưa

đáp ứng được yêu cầu. Tính chung, số người dân Khmer khẳng định đã đáp ứng từ mức trung bình cho tới khá và tốt chiếm tới 97.31% [xem Phụ lục 4, tr.32].

Thông tin kiểm chứng từ phía các BCV, TTV pháp luật ở vùng ĐBSCL cho thấy số lượng BCV, TTV pháp luật đánh giá kiến thức, hiểu biết pháp luật của ĐBDT Khmer đã đáp ứng từ mức độ tốt, khá cho tới mức trung bình cũng chiếm tới 94.83%; nghĩa là sự tự nhận định của người dân Khmer và sự đánh giá của các BCV, TTV pháp luật ở vùng ĐBSCL về vấn đề này chênh lệch không đáng kể (94.83% so với 97.31%). Có thể có những người nghi ngờ tính xác thực của kết quả này; song, kết quả đó phản ánh một thực tế là những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà ĐBDT Khmer tiếp nhận được qua GDPL đã giúp một bộ phận đáng kể ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL giải quyết được các sự việc, vấn đề liên quan đến pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.

Có thể nói, kết quả nổi bật của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là đã khơi dậy trong ĐBDT Khmer ý thức tự giác, tích cực tìm hiểu các quy định của pháp luật; nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với cuộc sống, lao động, sinh hoạt của mình; tạo được chuyển biến rõ rệt trong việc cải thiện, nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của ĐBDT Khmer; từ đó, góp phần hạn chế vi phạm pháp luật, giữ gìn trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; hình thành thói quen “sống và làm việc theo pháp luật” trong cộng đồng dân tộc Khmer.

3.2.1.2. Nguyên nhân của những thành tựu, kết quả đạt được

Có thể có nhiều nguyên nhân khác nhau giúp GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đạt được những kết quả quan trọng; song, theo tác giả luận án, có 4 nguyên nhân cơ bản sau:

** Các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn ở vùng đồng bào sông Cửu Long luôn quan tâm lãnh đạo giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Công tác dân tộc nói chung, công tác ở vùng ĐBDT Khmer nói riêng luôn được Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng, tổ chức cơ sở đảng các tỉnh ở vùng ĐBSCL chú trọng lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát. Chỉ thị 68-CT/TW ngày 18/4/1991 về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer của Ban Bí thư đã được Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng các tỉnh trong khu vực quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc. Chẳng hạn, năm 2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc

Liêu đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, chỉ ra những kết quả đạt được và những tồn tại, bất cập; trên cơ sở đó, đã ban hành Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu (khóa XIII) cũng đã xây dựng và ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện tốt chính sách đối với đồng bào DTTS nói chung, ĐBDT Khmer trên địa bàn tỉnh nói riêng. Điều đó có tác dụng tạo các điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành chức năng triển khai GDPL cho ĐBDT Khmer.

Đối với công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer, sau khi có Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân [2], Tỉnh ủy các tỉnh ở vùng ĐBSCL cũng đã tổ chức quán triệt sâu sắc tới từng cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung của Chỉ thị 32-CT/TW; trong đó, các tỉnh đều đặc biệt chú ý tới việc triển khai Đề án thứ nhất hướng tới PBGDPL cho ĐBDT Khmer. Như vậy, nhờ các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn luôn quan tâm lãnh đạo công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL nên công tác này đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

** Các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng ở vùng đồng bào sông Cửu Long chỉ đạo sâu sát công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Ủy ban nhân dân các tỉnh, các cấp chính quyền ở vùng ĐBSCL đã chỉ đạo sâu sát, quyết liệt hoạt động GDPL, trong đó có GDPL cho ĐBDT Khmer; đã ra quyết định thành lập HDPH công tác PBGDPL cấp tỉnh và cấp huyện. Chẳng hạn, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu đã ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND Về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về PBGDPL tỉnh Bạc Liêu (Ban Chỉ đạo 212); Quyết định số 1127/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Chương trình PBGDPL từ năm 2012 đến năm 2015 [xem: 98].

Trên cơ sở các Quyết định của UBND các tỉnh trong vùng ĐBSCL, các cơ quan chủ trì Đề án đều đã thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ điều hành các Đề án thuộc Chương trình 37 và xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình. Ban Chỉ

đạo Chương trình và Ban điều hành các Đề án của các tỉnh ở vùng ĐBSCL thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện tốt công tác PBGDPL cho các đối tượng mà cấp, ngành mình phụ trách và cho cán bộ, nhân dân ở các địa phương, nhất là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình và từng Đề án cụ thể để báo cáo kịp thời kết quả thực hiện Chương trình. Hàng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với HĐPH công tác PBGDPL của từng tỉnh đều thành lập các Đoàn kiểm tra; tiến hành kiểm tra một số cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để đánh giá, rút kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các Đề án.

Các ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn từng tỉnh ở vùng ĐBSCL cũng xây dựng các Kế hoạch liên ngành để triển khai thực hiện công tác PBGDPL đạt hiệu quả. Tại một số tỉnh, như tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Trà Vinh, Sở Tư pháp tỉnh đã chủ trì ký Kế hoạch liên ngành giữa Sở Tư pháp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân về phối hợp PBGDPL giai đoạn 2012 - 2015. HĐPH công tác PBGDPL thường xuyên vận động nhân dân tự giác chấp hành pháp luật. Các Câu lạc bộ pháp luật, Tổ hòa giải là những mô hình, cơ chế phối hợp PBGDPL có hiệu quả, phù hợp với địa bàn xã, phường, thị trấn, nhất là ở những nơi có đông ĐBDT Khmer sinh sống. Nhờ có sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, kịp thời của các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng, ban, ngành, đoàn thể của các tỉnh ở vùng ĐBSCL nên GDPL cho ĐBDT Khmer đã đạt được những kết quả đáng trân trọng.

** Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Về cơ bản, đội ngũ BCV pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện, TTV pháp luật cấp xã đều hoạt động kiêm nhiệm; họ đồng thời là những CBCC, viên chức nhà nước các cấp. Đội ngũ này, trong phạm vi chức năng của cơ quan mình, có nhiệm vụ PBGDPL cho nhân dân, hướng dẫn người dân thực hiện pháp luật. CBCC là những người đem chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân, tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ và hướng dẫn họ thi hành pháp luật. Việc đội ngũ BCV, TTV pháp luật chủ động, tích cực PBGDPL cho nhân dân sẽ giúp người dân có được những kiến thức, hiểu biết pháp luật; nhờ đó, ý thức pháp luật của nhân dân được nâng lên, góp phần giảm thiểu các hành vi vi

phạm pháp luật. Nhận thức rõ điều này, đa số BCV, TTV pháp luật của các tỉnh đã nhiệt tình, tích cực tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

** Đồng bào dân tộc Khmer hiểu được vai trò của kiến thức pháp luật nên chủ động, tích cực tham dự các buổi phổ biến giáo dục pháp luật*

Thực tiễn đời sống pháp luật ở vùng ĐBDT Khmer bao gồm các sự kiện, hiện tượng, vấn đề pháp luật nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống mà người dân Khmer phải đối mặt và giải quyết bằng những cách thức khác nhau, trong đó có nhiều sự việc, sự kiện đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được. Những sự việc, sự kiện pháp luật mà người dân Khmer ở vùng ĐBSCL thường gặp cũng tương đối đa dạng. Kết quả điều tra XHH cho thấy: có 35.04% người dân Khmer được hỏi trả lời rằng, họ gặp phải mâu thuẫn trong gia đình cần đến sự trợ giúp của pháp luật. Mâu thuẫn với người ngoài cần đến sự trợ giúp của pháp luật được 49.57% người trả lời lựa chọn - là tỷ lệ cao nhất trong số các phương án trả lời được đưa ra. Tiếp đến là: tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở trong ĐBDT Khmer (34.00%); khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh (12.63%); khiếu nại về cách giải quyết không thỏa đáng của các cấp chính quyền địa phương (13.87%); tố cáo các hành vi tiêu cực (14.34%) và chiếm tỷ lệ thấp nhất (5.98%) là bản thân hoặc người thân đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật [xem Phụ lục 4, tr.27]. Thực tiễn đời sống pháp luật nói trên với những loại sự việc, sự kiện pháp luật là nguyên nhân giúp ĐBDT Khmer hiểu được vai trò của kiến thức pháp luật, từ đó chủ động, tích cực tham dự GDPL.

3.2.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

3.2.2.1. Những hạn chế, bất cập

Mặc dù GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đạt được những kết quả quan trọng; song, so với yêu cầu nâng cao trình độ dân trí về pháp luật cho ĐBDT Khmer, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của đời sống pháp luật, duy trì bền vững thói quen “*sống và làm việc theo pháp luật*” trong ĐBDT Khmer thì GDPL cho ĐBDT Khmer còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập:

Thứ nhất, về mục tiêu giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer: Lâu nay, trong hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, việc xác định mục tiêu chưa được các chủ thể GDPL đặt ra một cách nghiêm túc, hoặc nếu có đặt ra thì còn chung chung. ĐBDT Khmer tham gia các buổi GDPL dành cho họ mà hầu như

không biết mục tiêu cần đạt được là gì, do đó, mỗi người dân Khmer đều có nỗ lực, cố gắng đến mấy cũng khó có thể đánh giá nổi mình thu được cái gì sau khi kết thúc hoạt động GDPL. Việc kiểm định, đánh giá xem mục tiêu đặt ra đạt kết quả đến đâu lại càng hiếm được chủ thể GDPL ở các cấp, các ngành của các tỉnh ở vùng ĐBSCL chú ý tới, chủ yếu là tuyên truyền, phổ biến cho xong nhiệm vụ cấp trên giao, chưa quan tâm tới chất lượng, hiệu quả GDPL. Nói cách khác, chưa quan tâm tới việc xác định mục tiêu GDPL cho ĐBDT Khmer thì làm sao chủ thể có thể nghĩ đến việc đánh giá xem mục tiêu đặt ra có đạt được hay không. Tình trạng chung của các cơ quan, ban, ngành và bản thân các BCV, TTV pháp luật là chưa hoặc không chú ý tới việc đánh giá hiệu quả GDPL; ít quan tâm tới thông tin phản hồi về kết quả GDPL từ phía ĐBDT Khmer - đối tượng thụ hưởng kết quả của hoạt động này.

Mục tiêu cụ thể của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phải bao gồm: mục tiêu về nhận thức (lĩnh hội được các thông tin, kiến thức pháp luật), mục tiêu về thái độ (hình thành tình cảm, niềm tin đối với pháp luật) và mục tiêu về kỹ năng (có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật tiếp thu được vào việc xử lý các sự kiện, tình huống pháp luật xảy ra trong thực tiễn). Nhìn chung, cả ba mục tiêu cụ thể này chưa được các chủ thể GDPL đặt ra và định hướng một cách rõ ràng, nghiêm túc cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Thứ hai, về chủ thể giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer: Về phía chủ thể GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL cũng còn tồn tại nhiều điểm bất cập, hạn chế.

- Các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền, đoàn thể thuộc các tỉnh vùng ĐBSCL có chức năng GDPL gồm 3 nhóm: Sở Tư pháp tỉnh và các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cùng cấp có liên quan; Phòng Tư pháp huyện và các Phòng chức năng, Đoàn thể cùng cấp có liên quan; UBND cấp xã và các bộ phận có liên quan. Tương ứng, sự phối hợp giữa các chủ thể GDPL được thực hiện thông qua HĐPH công tác PBGDPL do Chủ tịch UBND cấp tỉnh và cấp huyện ra quyết định thành lập. Có nhiều cơ quan, ban, ngành cùng tham gia GDPL, bao gồm cả các cơ quan chuyên và không chuyên về pháp luật. Với những cơ quan chuyên trách hoặc có liên quan mật thiết như Tư pháp, Công an, Trường Chính trị tỉnh... thì không có vấn đề gì; nhưng với những cơ quan không chuyên trách thì khó có thể hoàn thành nhiệm vụ; bởi lẽ, các cơ quan không chuyên trách thiếu các chuyên gia pháp luật.

Hiện nay, việc phân công, phân cấp các cơ quan chuyên trách GDPL cho ĐBDT Khmer tại các tỉnh ở vùng ĐBSCL còn chung chung, chưa được xác định rõ ràng, dẫn đến GDPL cho ĐBDT Khmer còn thụ động; chất lượng, hiệu quả GDPL cho đồng bào còn thấp. GDPL cho ĐBDT Khmer cũng chưa được tiến hành liên tục, thường xuyên; việc tổ chức theo định kỳ còn ít, chủ yếu được tổ chức mỗi khi có văn bản pháp luật mới cần được tuyên truyền, phổ biến; còn tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của ĐBDT Khmer lại càng ít [xem Phụ lục 4, tr.29]. Điểm bất cập lớn là các chủ thể chủ yếu “giáo dục cái mình có”, chưa quan tâm “giáo dục cái ĐBDT Khmer đang cần”.

- Các nhà GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là đội ngũ CBCC, viên chức đang công tác ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp, trực tiếp làm công tác PBGDPL. Họ được bổ nhiệm làm BCV pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện, TTV, hòa giải viên cấp cơ sở. Về mặt lý luận, chủ thể GDPL bao gồm chủ thể GDPL chuyên nghiệp (đội ngũ thầy giáo, cô giáo có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, am hiểu pháp luật) và chủ thể GDPL không chuyên nghiệp (các chuyên gia pháp luật có kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn về pháp luật nhưng lại thiếu kỹ năng sư phạm). Trên thực tế, trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL hầu như vắng bóng các nhà GDPL chuyên nghiệp; chủ yếu là các nhà GDPL không chuyên nghiệp. Ngay cả trong số các nhà GDPL không chuyên nghiệp thì cũng chỉ có số ít theo đúng nghĩa (đội ngũ chuyên gia pháp luật thuộc cơ quan Tư pháp tỉnh, huyện, cán bộ tư pháp cấp xã, chuyên viên pháp chế của các sở, ban, ngành khác); còn lại, đa số là cán bộ PBGDPL nghiệp dư. Số lượng CBCC các cấp tham gia PBGDPL tuy khá đông, song hầu hết đều làm kiêm nhiệm nên cách làm việc thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết của hoạt động này.

Mặt khác, trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của đội ngũ CBCC tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer cũng còn nhiều hạn chế, bất cập. Chúng ta đều biết, muốn làm tốt GDPL thì chủ thể trực tiếp GDPL phải có một trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật nhất định; nghĩa là họ phải được đào tạo qua trường lớp, tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành về pháp luật, tối thiểu phải có trình độ trung cấp luật đối với TTV pháp luật ở cơ sở và cử nhân luật đối với BCV pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện. Nếu bản thân BCV, TTV pháp luật chưa được đào tạo bài bản, chuyên ngành về luật thì làm sao đủ kiến thức, hiểu biết sâu sắc để có thể GDPL cho người khác. Tuy

nhiên, theo kết quả điều tra XHH, trong số 507 BCV, TTV pháp luật ở vùng ĐBSCL đã tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer thì trình độ trung cấp luật chiếm tới 49.90%; vẫn còn 58 người chưa được đào tạo về luật, chiếm 11.44% [xem Phụ lục 2, tr.17]. Có thể nói, trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của đội ngũ BCV, TTV pháp luật ở ĐBSCL chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của hoạt động này.

Thứ ba, về đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật là đồng bào dân tộc Khmer: Việc phân loại đối tượng GDPL là ĐBDT Khmer theo các tiêu chí về địa bàn cư trú, nhóm tuổi, hoạt động nghề nghiệp, theo vị thế xã hội trong cộng đồng và theo nhu cầu tri thức pháp luật của từng nhóm đối tượng thuộc dân tộc Khmer là hết sức quan trọng, cần thiết nhằm đảm bảo hiệu quả GDPL dành cho họ. Tuy nhiên, các chủ thể GDPL ở vùng ĐBSCL hầu như chưa chú ý tới việc phân loại đối tượng theo các tiêu chí nêu trên để tổ chức GDPL một cách hợp lý nhất, để lựa chọn chủ thể, phương pháp và hình thức GDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng. Chính điều này đã làm giảm hiệu quả GDPL dành cho họ.

Về phía đối tượng tiếp nhận GDPL - ĐBDT Khmer - cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Bên cạnh phần lớn (88.73%) người dân Khmer được hỏi đã có ý thức nhiệt tình tham gia hoạt động PBGDPL thì vẫn còn một bộ phận đáng kể (11.27%) người dân Khmer được hỏi khẳng định chưa từng được tham dự các buổi tuyên truyền, GDPL do các cơ quan chức năng tổ chức [xem Phụ lục 4, tr.28]. Con số 11.27% chỉ là kết quả điều tra mẫu; nếu suy rộng ra thì con số 11.27% người dân Khmer ở vùng ĐBSCL chưa từng được tham dự hoạt động PBGDPL là con số rất đáng để cơ quan chức năng phải suy nghĩ.

Thứ tư, về nội dung giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bào sông Cửu Long, nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer còn bộc lộ những hạn chế, bất cập sau đây:

Một là, nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer còn chung chung, chưa đạt được bề rộng và độ sâu kiến thức pháp luật cần thiết, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Các chủ thể GDPL chưa xây dựng được chương trình GDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer. Các văn bản pháp luật mới liên quan đến đời sống, sinh hoạt, các quyền dân chủ của ĐBDT Khmer chậm được bổ sung, cập nhật vào nội dung GDPL cho đồng bào, gây khó khăn cho họ trong quá trình giải quyết các sự việc, sự kiện pháp luật

xảy ra trong thực tế. Tình trạng vi phạm pháp luật xảy ra tại các địa phương có phần nguyên nhân từ sự chậm trễ này.

Hai là, kiến thức pháp luật trong chương trình GDPL cho người dân, trong đó có ĐBDT Khmer, còn nghèo nàn, nội dung GDPL chưa chú trọng tới nhu cầu tiếp nhận thông tin, kiến thức pháp luật của đối tượng. Các chủ thể GDPL mới chỉ dừng lại ở việc truyền đạt những nội dung pháp luật mà mình có, chưa hướng tới trang bị những nội dung pháp luật mà ĐBDT Khmer cần. Có những nội dung GDPL mà người dân phải nghe nhiều lần; trong khi đó, có những nội dung GDPL thực sự cần thiết thì không thấy ai nói tới, như kiến thức pháp luật về thực hiện dân chủ ở cấp xã, pháp luật về quyền con người, về an sinh xã hội... Ví dụ, ở tỉnh Bạc Liêu, trong Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Chương trình PBGDPL của Chính phủ, phần đánh giá kết quả đạt được của việc thực hiện Đề án 01 về tuyên truyền, PBGDPL cho người dân nông thôn và ĐBDT Khmer có ghi: “Đối với nhân dân lao động: phổ biến sâu rộng các quy định về lao động và an toàn lao động trong sản xuất” [99, tr.5]. Trong 2 năm thực hiện Chương trình 37, Đề án 01 mà các chủ thể chỉ phổ biến được cho người dân nông thôn và ĐBDT Khmer các quy định pháp luật về lao động thì đúng là nội dung GDPL cho nhóm đối tượng này quá đơn điệu, nghèo nàn. Tuy nhiên, trong Phụ lục II của Báo cáo nói trên có liệt kê nội dung phổ biến cho người dân thành phố, người dân nông thôn, đồng bào DTTS đa dạng hơn một chút, gồm “Luật Giao thông đường bộ, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; pháp luật về khiếu nại, tố cáo; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phòng chống ma túy; Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai...” [99, tr.2].

Trong khi đó, theo kết quả điều tra XHH, nhu cầu thông tin, kiến thức, hiểu biết pháp luật của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đa dạng hơn nhiều. Đa số ĐBDT Khmer mong muốn có được kiến thức, hiểu biết về những lĩnh vực pháp luật cụ thể, như Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và Gia đình, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, các văn bản pháp quy của chính quyền địa phương... [xem Phụ lục 2, tr.10; Phụ lục 4, tr.30]. Có thể khẳng định rằng, nội dung GDPL do chủ thể đưa ra chưa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Ba là, nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL còn thiên về lý thuyết, chủ yếu giới thiệu các quy định pháp luật, chưa gắn với các sự kiện, tình

huống pháp luật thực tiễn, chưa chú trọng trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn đời sống của ĐBDT Khmer. Nhiều khi, người dân Khmer có kiến thức, hiểu biết pháp luật nhưng vẫn bị động, lúng túng trong vận dụng vào thực tiễn. Kết quả điều tra XHH cho thấy, trong số 1053 người dân Khmer được hỏi, chỉ có 322 người, chiếm 31.08%, trả lời rằng, họ có thể tự mình giải quyết các sự việc, sự kiện pháp luật theo kinh nghiệm hoặc hiểu biết pháp luật của bản thân [xem Phụ lục 4, tr.26]. Đây cũng là một hạn chế lớn trong nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Thứ năm, về phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer: Về nguyên tắc, chủ thể GDPL cần căn cứ vào đối tượng, mục tiêu, nội dung để lựa chọn các phương pháp GDPL phù hợp. Theo góc nhìn này, phương pháp GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL hiện còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập sau:

- Tìm trong các văn bản pháp quy chỉ đạo GDPL cho các đối tượng nói chung, ĐBDT Khmer nói riêng do các cấp chính quyền trong vùng ĐBSCL ban hành cũng như trong báo cáo sơ kết công tác này hầu như không có mục nào nói về phương pháp GDPL; mà chỉ thấy nói đến hình thức PBGDPL. Điều đó có nghĩa là, các chủ thể đã có sự nhầm lẫn giữa phương pháp và hình thức GDPL. Chính sự nhầm lẫn, đồng nhất phương pháp và hình thức GDPL với nhau là nguyên nhân khiến chủ thể xem nhẹ, đánh giá sai vai trò của phương pháp GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Trong hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer, phương pháp tương tác hai chiều theo kiểu thảo luận, tranh luận, nêu các sự kiện pháp luật thực tế... còn ít được vận dụng. Các phương pháp mà BCV, TTV pháp luật sử dụng chủ yếu là thuyết trình theo lối độc thoại; theo đó, BCV pháp luật chủ yếu đóng vai trò “thợ nói”, cứ việc truyền đạt các nguyên tắc, quy định của pháp luật, còn người dân Khmer cứ việc nghe, nghe được thì nghe, hiểu được thì hiểu; có nghĩa, BCV đứng ở vị trí trung tâm của hoạt động GDPL. Phương pháp GDPL theo kiểu này không phù hợp với nhiều đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer. Minh chứng về điều này thể hiện ở kết quả điều tra XHH: có 47.93% BCV, TTV pháp luật và 47.20% người dân Khmer trả lời rằng, phương pháp độc thoại là phương pháp phù hợp [xem Phụ lục 2, tr.11; Phụ lục 4, tr.30].

- Phương pháp độc thoại một chiều trong GDPL cho ĐBDT Khmer dễ khiến cho người nghe rơi vào trạng thái thụ động khi tiếp thu kiến thức, căng cứng về tâm lý, chán nản về thái độ và đánh mất sự hưng phấn trong quá trình tham dự GDPL. Hệ quả tất yếu của phương pháp này là hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL bị giảm sút; BCV pháp luật rơi vào trạng thái quan liêu, còn người dân Khmer thì nghe theo kiểu đối phó cho xong.

Thứ sáu, về hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer: Hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cũng có hạn chế nhất định:

Một là, dù đã sử dụng khá nhiều hình thức PBGDPL; song, các chủ thể chưa xác định được những hình thức GDPL nào là chủ yếu, phù hợp với những nội dung GDPL cụ thể nào và phù hợp với đối tượng nào. Cũng vì vậy, các chủ thể chưa xác định được những hình thức GDPL phù hợp, đạt hiệu quả cao đối với các nhóm đối tượng trong cộng đồng dân tộc Khmer, phù hợp với các nội dung pháp luật cụ thể cần phổ biến. Thực trạng này dẫn đến hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer còn hạn chế, chưa phù hợp với năng lực tiếp thu và nhu cầu về thông tin, tri thức pháp luật của ĐBDT Khmer.

Hai là, các chủ thể GDPL ở vùng ĐBSCL chưa quan tâm tới việc phân loại, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về các hình thức GDPL cho các đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer. Tất nhiên, mỗi hình thức GDPL đều có ưu điểm, nhược điểm nhất định của nó. Việc tổng kết, đánh giá này là hết sức quan trọng và cần thiết nhằm tìm ra được những hình thức GDPL phù hợp với đối tượng là ĐBDT Khmer; từ đó mới có thể tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này.

3.2.2.2. Nguyên nhân đưa đến những hạn chế, bất cập

Những hạn chế, bất cập trong công tác GDPL cho ĐBDT Khmer nêu trên có thể do nhiều nguyên nhân; trong đó có 5 nguyên nhân chính:

** Một số cấp ủy Đảng chưa thực sự quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Nguyên nhân này được 30.18% BCV, TTV pháp luật và 38.37% người dân Khmer tham gia điều tra XHH đề cập đến; cho thấy rằng, vẫn còn một số cấp ủy Đảng chưa dành sự quan tâm thỏa đáng đối với việc lãnh đạo công tác PBGDPL cho nhân dân nói chung, ĐBDT Khmer nói riêng. Thực tế cho thấy, vai trò lãnh đạo

của các cấp ủy Đảng đối với các lĩnh vực công tác, trong đó có PBGDPL, nhiều lúc, nhiều nơi hầu như chỉ dừng lại ở việc ra chỉ thị, nghị quyết; còn việc nhắc nhở, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện thì thường phó mặc cho các cơ quan có chức năng liên quan. Ngoài ra, qua từng tầng nấc hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã, vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng lại giảm dần với lý do còn quá nhiều công việc phải chăm lo, chứ đâu chỉ có PBGDPL.

Giáo dục pháp luật hầu như được giao phó cho HĐPH công tác PBGDPL các cấp. Thành viên đại diện trong Hội đồng này được cơ cấu từ nhiều cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể khác nhau. Điều đó cũng có nghĩa là không có cơ quan cấp ủy Đảng cụ thể trực tiếp lãnh đạo HĐPH công tác PBGDPL. Về mặt nhận thức, một số cấp ủy Đảng còn xem nhẹ vai trò, tầm quan trọng của PBGDPL cho nhân dân nên chưa coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của mình. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

** Một số cấp chính quyền, cơ quan chức năng chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Việc chỉ đạo, điều hành hoạt động GDPL cho các nhóm đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thuộc về các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền địa phương trong sự phối hợp giữa Ban Chỉ đạo Chương trình PBGDPL, Ban Điều hành các Đề án ở từng cấp. Nếu sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền và sự phối hợp giữa các thành viên Ban Chỉ đạo được thực hiện tốt, sâu sát, quyết liệt, nhịp nhàng thì GDPL cho đối tượng đạt được chất lượng, hiệu quả cao. Ngược lại, thiếu sự quan tâm chỉ đạo, điều hành hoặc chỉ đạo, điều hành có tính chất cầm chừng, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị không ăn khớp sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động này. Như vậy, việc một số cấp chính quyền, cơ quan chức năng chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là một nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập. Nguyên nhân này được 41.62% BCV, TTV pháp luật và 27.92% người dân Khmer tham gia cuộc điều tra XHH đề cập tới.

Trong GDPL, thế mạnh của chính quyền, các cơ quan chức năng là nắm trong tay cơ sở vật chất, nguồn kinh phí và nguồn nhân lực - những điều kiện thiết

yếu phục vụ hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer. Nắm thế mạnh trong tay mà các cấp chính quyền, cơ quan chức năng chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của GDPL, chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành thì sẽ nảy sinh hàng loạt bất cập: việc chỉ đạo, điều hành các Đề án thuộc Chương trình PBGDPL bị chậm trễ so với tiến độ đề ra; không xây dựng được kế hoạch, chương trình cụ thể cho từng Đề án; chưa chuẩn bị đầy đủ, kỹ và sâu nội dung GDPL; lúng túng, bị động trong việc lựa chọn BCV đủ năng lực, trình độ để trực tiếp GDPL cho nhân dân; không xác định được phương pháp, hình thức GDPL nào phù hợp với đối tượng... Mặt khác, khi từng cấp chính quyền, cơ quan chức năng chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành thì sự phối hợp giữa các cấp chính quyền, các cơ quan chủ trì từng Đề án cũng khó có thể đồng bộ, nhịp nhàng; thậm chí nảy sinh tư tưởng dựa dẫm, đùn đẩy trách nhiệm cho cơ quan khác. Khi các cấp chính quyền, cơ quan chức năng còn có tư tưởng ỷ lại, đùn đẩy trách nhiệm thì tính chủ động, tích cực, linh hoạt và sáng tạo của từng cơ quan, đơn vị cũng bị triệt tiêu. Tất cả những điều đó là nguyên nhân làm giảm hiệu quả GDPL cho các đối tượng nói chung, ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nói riêng.

** Một bộ phận báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thiếu nhiệt tình, chưa tận tâm, việc thực hiện giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn mang tính hình thức, kém hiệu quả*

Bên cạnh việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn trình độ chuyên môn về pháp luật, được trang bị các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết, có phương pháp truyền đạt hấp dẫn, lôi cuốn người nghe..., sự tích cực, nhiệt tình trong quá trình tham gia hoạt động GDPL của đội ngũ BCV, TTV pháp luật cũng là phẩm chất không thể thiếu, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động này. Tuy nhiên, đây lại là phẩm chất còn thiếu trong một bộ phận BCV, TTV pháp luật đã và đang tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Khi thiếu sự tích cực, nhiệt tình, các BCV, TTV pháp luật sẽ không có sự chuẩn bị kỹ càng, chi tiết cho nội dung GDPL; phương pháp GDPL không có được sự hấp dẫn, lôi cuốn người nghe; thái độ khi thực hiện công việc sẽ trở nên lạnh nhạt; kéo theo hoạt động GDPL mang tính hình thức, đối phó. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế, bất cập trong GDPL cho ĐBDT

Khmer. Nguyên nhân này đã được 33.94% BCV, TTV pháp luật và 37.13% người dân Khmer khẳng định.

Thực tế cho thấy có nhiều lý do khiến một bộ phận BCV, TTV pháp luật thiếu sự tích cực, nhiệt tình trong GDPL: *Một là*, phần lớn BCV, TTV pháp luật làm GDPL theo chế độ kiêm nhiệm, chủ yếu lo làm công tác chuyên môn ở cơ quan, đơn vị nên chưa tận lực, tận tâm với GDPL; *hai là*, thiếu nhiệt tình nên dù được phân công làm GDPL vẫn viện cớ bận công tác chuyên môn, bận họp hành, có công việc đột xuất, chuyện gia đình... để không tham gia; *ba là*, chế độ đãi ngộ, thù lao bồi dưỡng cho các BCV, TTV pháp luật còn quá thấp so với mặt bằng giá cả thị trường hiện nay, chưa tương xứng với thời gian, công sức mà họ bỏ ra nên chưa thúc đẩy sự tích cực, nhiệt tình của đội ngũ này. Điều đó cũng chứng tỏ rằng nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động GDPL nói chung, GDPL cho ĐBDT Khmer còn ít, chưa thỏa đáng nên chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho hoạt động này. Hy vọng rằng, khi các lý do trên được khắc phục cơ bản thì đội ngũ này sẽ tích cực, nhiệt tình hơn với GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

** Một bộ phận trong đồng bào dân tộc Khmer chưa chủ động, tích cực tham dự các buổi phổ biến giáo dục pháp luật*

Chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer phụ thuộc rất nhiều vào ý thức, thái độ của chính bản thân mỗi người dân Khmer ở vùng ĐBSCL trong quá trình tham gia vào hoạt động này. Dù chủ thể GDPL đã có nhiều cố gắng để làm tốt GDPL, nhưng đối tượng không chủ động, tích cực tham gia thì khó có thể nói đến chất lượng, hiệu quả. Bởi vậy, việc một số ĐBDT Khmer chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp GDPL dành cho họ là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế, bất cập của hoạt động này. Nguyên nhân này được 64.30% BCV, TTV pháp luật và 51.19% người dân Khmer tham gia trả lời bảng hỏi khẳng định. Qua các buổi PBGDPL, có thể nhận thấy: một số người dân Khmer, dù đã có mặt, còn kém nhiệt tình, thiếu nghiêm túc trong lúc tham dự hoạt động GDPL. Các hiện tượng như đi muộn, về sớm, nói chuyện riêng, ngủ gật trong giờ GDPL không phải là hiếm. Điều đó nói lên rằng, một bộ phận người dân trong cộng đồng dân tộc Khmer chưa thực sự tích cực, nghiêm túc học hỏi trong quá trình tham gia hoạt động GDPL, dẫn đến suy giảm chất lượng, hiệu quả của hoạt động này.

** Bất đồng về ngôn ngữ nên hiệu quả giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn nhiều hạn chế*

Cùng với nhiều dân tộc khác trong đại gia đình 54 dân tộc chung sống trên lãnh thổ Việt Nam, dân tộc Khmer là dân tộc còn lưu giữ được nhiều nét đặc trưng thể hiện bản sắc văn hóa của dân tộc mình, trong đó có ngôn ngữ (*tiếng nói và chữ viết*); bởi vậy, mọi hoạt động thông tin, tuyên truyền hướng về ĐBDT Khmer, trong đó có hoạt động GDPL, đều cần chú ý tới khía cạnh này. Đối với các hình thức GDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo hình, báo nói, báo viết, tờ gấp, tờ rơi, sách pháp luật phổ thông...) thì không có vấn đề gì lớn; bởi lẽ, các chủ thể GDPL đã khắc phục được phần nào sự bất đồng ngôn ngữ thông qua các chương trình bằng tiếng Khmer hoặc các ấn phẩm song ngữ. Còn đối với các hình thức GDPL thông qua tiếp xúc trực tiếp (tọa đàm, hội thảo, nói chuyện pháp luật, tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật...) thì bất đồng ngôn ngữ vẫn là một trở ngại lớn, là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế, bất cập trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Nguyên nhân này đã được 55.62% BCV, TTV pháp luật và 36.94% người dân Khmer thừa nhận.

Thực tế cho thấy, mặc dù trình độ dân trí của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đã được cải thiện, nâng cao đáng kể; song, vẫn còn một bộ phận người dân Khmer chưa thông thạo tiếng Việt. Ngược lại, nhiều BCV, TTV pháp luật là người Kinh đã cố gắng học tiếng Khmer, nhưng vốn liếng ngôn ngữ Khmer của họ vẫn không đủ để chuyển tải các thông tin, kiến thức pháp luật cho ĐBDT Khmer, nhất là những thuật ngữ pháp luật chuyên ngành. Với thực trạng đó, giữa chủ thể GDPL và đối tượng GDPL khó có thể tìm ra tiếng nói chung; bởi vậy, bất đồng ngôn ngữ luôn là một rào cản lớn đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

3.3. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ THỰC TIỄN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Từ sự phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, các hạn chế, bất cập, lý giải nguyên nhân của chúng, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm từ thực tiễn GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL như sau:

3.3.1. Hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer không thể tách rời vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thực tế chứng minh rằng, hoạt động GDPL cho các đối tượng xã hội khác nhau, trong đó có đồng bào các DTTS, không thể tách rời vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của các cấp ủy Đảng, tổ chức cơ sở đảng từ cấp tỉnh đến cấp xã. Ở những địa phương nào mà các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn quán triệt sâu sắc, lãnh đạo sát sao, chỉ đạo và vào cuộc quyết liệt từ khâu đầu (xây dựng văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch triển khai; xác định rõ mục tiêu, chuẩn bị chu đáo nội dung GDPL...) đến khâu cuối (đôn đốc, nhắc nhở, trực tiếp GDPL...), thì ở địa phương đó, hoạt động GDPL được triển khai thực hiện chu đáo, nghiêm túc và đạt chất lượng, hiệu quả cao; góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho các nhóm đối tượng; tạo được niềm tin đối với pháp luật trong các tầng lớp nhân dân. Đây là biểu hiện sâu sắc của việc hiện thực hóa phương châm “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” trong lĩnh vực GDPL; trong đó, “Đảng lãnh đạo” phải được coi là khâu đầu tiên, có tính chất đột phá, mở đường để các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng triển khai GDPL.

Ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL cũng vậy, ngay sau khi có Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân [2], Tỉnh ủy các tỉnh trong vùng đã tổ chức quán triệt sâu sắc tới từng cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng ở địa phương và lãnh đạo triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung của Chỉ thị 32-CT/TW; trong đó, việc triển khai Đề án 01: Tuyên truyền, PBGDPL cho người dân nông thôn và ĐBDT Khmer trên địa bàn nhận được sự quan tâm đặc biệt hơn. Chẳng hạn, ở tỉnh Bạc Liêu, việc triển khai Đề án 01 gắn với việc thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ở vùng ĐBDT Khmer. Tỉnh ủy Bạc Liêu đã yêu cầu các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã phải tập trung lãnh đạo việc GDPL cho ĐBDT Khmer, phải coi đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng và phải lãnh đạo thường xuyên, chủ động, tích cực, có hiệu quả nhằm đảm bảo nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật cho người dân Khmer, góp phần duy trì vững chắc sự ổn định chính

trì, trật tự an toàn xã hội ở vùng ĐBDT Khmer, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Các tỉnh trong vùng ĐBSCL cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác PBGDPL các cấp; yêu cầu các Ban Chỉ đạo phải chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo. Mỗi thành viên Ban Chỉ đạo cần làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy Đảng trong việc triển khai các biện pháp có tính khả thi nhằm bảo đảm công tác PBGDPL cho các nhóm đối tượng xã hội nói chung, cho ĐBDT Khmer nói riêng tại từng huyện, thành phố, thị xã, từng xã, phường, thị trấn đi vào nề nếp, ổn định. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, ở những địa phương nhận được sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy Đảng thì hoạt động GDPL cho các tầng lớp nhân dân, trong đó có ĐBDT Khmer, thường được triển khai thực hiện khá tốt. Ngược lại, ở những nơi mà cấp ủy Đảng chưa quan tâm thỏa đáng đối với việc lãnh đạo hoạt động GDPL cho nhân dân nói chung, ĐBDT Khmer nói riêng thì ở đó còn bộc lộ nhiều hạn chế trong hoạt động này. “Thực tiễn cho thấy ở đâu, ở nơi nào hoặc ở thời điểm nào khi công tác vận động quần chúng ở vùng ĐBDT thiếu sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, thì ngay tại đó, tại thời điểm đó kẻ địch sẽ lợi dụng gây mất ổn định chính trị, gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết giữa các dân tộc” [5, tr.9].

3.3.2. Hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer phải luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Cùng với vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, vai trò chỉ đạo, điều hành GDPL cho ĐBDT Khmer từ phía chính quyền từ tỉnh đến xã cũng là nhân tố hết sức quan trọng, thể hiện khía cạnh “*Nhà nước quản lý*” trong phương châm “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”. Đây được coi là *khâu then chốt* của hoạt động GDPL nói chung, GDPL cho ĐBDT Khmer nói riêng. Chính vì vậy, GDPL cho ĐBDT Khmer phải luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền ở vùng ĐBSCL.

Ủy ban nhân dân các tỉnh và các cấp chính quyền địa phương ở vùng ĐBSCL đã chỉ đạo sâu sát, quyết liệt việc GDPL trên địa bàn, trong đó có GDPL cho ĐBDT Khmer. Theo Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính

phủ [77], chính quyền các tỉnh đều đã thành lập HĐPH công tác PBGDPL các cấp. Trên cơ sở Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ [79], UBND các tỉnh trong vùng cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về PBGDPL. Chẳng hạn, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu đã ra Quyết định số 776/QĐ-UBND Về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về PBGDPL tỉnh Bạc Liêu (Ban Chỉ đạo 212). Ban Chỉ đạo 212 kiêm nhiệm việc chỉ đạo, đôn đốc thực hiện Chương trình 37 theo Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg, tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ những mục tiêu, yêu cầu và nội dung của từng Đề án mà Chương trình 37 đề ra, trong đó có Đề án 01: Tuyên truyền, PBGDPL cho người dân nông thôn và ĐBDT Khmer. Việc chỉ đạo, điều hành Đề án 01 ở từng cấp, phân công rõ trách nhiệm, quyền hạn cho từng thành viên trong Ban Chỉ đạo Chương trình, Ban Điều hành Đề án 01 có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện Đề án 01 một cách thống nhất, đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao.

Để thực hiện được các mục tiêu của Chỉ thị, Nghị quyết, các bộ, ban, ngành trung ương và chính quyền các cấp phải cụ thể hóa thành những chính sách, chương trình hành động, kế hoạch cụ thể đồng bộ và thống nhất. Trong tổ chức thực hiện cần có sự phân công, phân cấp, làm rõ trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp [5, tr.9].

Hiện nay, các tỉnh ở vùng ĐBSCL đang thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình hành động nhằm thực hiện có hiệu quả Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016 [82].

Chính quyền các cấp trong vùng ĐBSCL phải tập trung chỉ đạo, điều hành hoạt động GDPL một cách chủ động, quyết liệt; tuyên truyền sâu rộng các quy định của pháp luật tới các tầng lớp nhân dân; giúp họ thông suốt về tư tưởng, chuyển biến về nhận thức pháp luật và hiện thực hóa thành hành vi pháp luật hợp pháp.

Chính quyền các cấp cũng phải trực tiếp tổ chức thực hiện và tạo các điều kiện thuận lợi về kinh phí, cơ sở vật chất để hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer đạt được hiệu quả cao.

3.3.3. Phải củng cố, xây dựng được một đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đủ về số lượng, chuẩn về trình độ kiến thức pháp luật và có các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản

Muốn hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đạt được chất lượng, hiệu quả cao thì các cấp chính quyền ở vùng ĐBSCL phải củng cố, xây dựng được một đội ngũ BCV, TTV pháp luật đủ về số lượng, chuẩn về trình độ tri thức pháp luật và có các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản. Trong hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer, đội ngũ này là hạt nhân nòng cốt, có “vai trò kép”: vừa trực tiếp GDPL cho ĐBDT Khmer; vừa hướng dẫn ĐBDT Khmer biết cách vận dụng những kiến thức pháp luật tiếp thu được vào việc giải quyết những sự việc, sự kiện pháp luật xảy ra trong cuộc sống. Muốn hoàn thành tốt vai trò đó, mỗi BCV, TTV pháp luật phải có trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật cao và phải có kỹ năng nghiệp vụ cơ bản. Những phẩm chất nói trên chỉ có được khi các cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng ĐBSCL chú trọng công tác đào tạo về chuyên môn, tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật của địa phương.

Hiện nay, đội ngũ BCV, TTV pháp luật ở vùng ĐBSCL còn bộc lộ những hạn chế, bất cập về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, thiếu về số lượng, nhất là những người chuyên trách làm công tác PBGDPL. “Việc bố trí cán bộ, báo cáo viên am hiểu sâu về pháp luật, về dân tộc và tôn giáo, khi báo cáo biết tập trung vào những vấn đề chính, có liên hệ, so sánh, dẫn chứng thực tế để thu hút người nghe, góp phần rất lớn đến hiệu quả tuyên truyền” [9, tr.5]. Chính vì vậy, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đòi hỏi phải củng cố, xây dựng được một đội ngũ BCV, TTV pháp luật đủ về số lượng, chuẩn về tri thức pháp luật và có các kỹ năng nghiệp vụ.

3.3.4. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long phải bám sát nhu cầu tiếp nhận thông tin, kiến thức, hiểu biết pháp luật của từng nhóm đối tượng cụ thể

Đồng bào dân tộc Khmer ở vùng ĐBSCL là những người thụ hưởng thành quả của GDPL. Ngoài việc tuân thủ các quy tắc, yêu cầu chung, mỗi người dân

Khmer khi tìm đến, tham gia vào hoạt động GDPL lại xuất phát từ những nhu cầu riêng của bản thân hoặc gia đình họ và tùy thuộc vào địa bàn cư trú, nhóm tuổi, trình độ học vấn, hoạt động nghề nghiệp, vị thế xã hội trong cộng đồng, mục tiêu tiếp thu kiến thức pháp luật... Điều đó giúp giải thích tại sao cùng một nội dung GDPL dành cho ĐBDT Khmer, nhưng chỉ thu hút được sự quan tâm của nhóm đối tượng người dân Khmer này mà không thu hút được những người dân Khmer khác. Chẳng hạn, nếu chủ thể tổ chức buổi GDPL pháp luật về lao động và an toàn lao động thì sẽ có rất ít người dân Khmer đến tham dự, ngoại trừ những người đang làm việc trong các doanh nghiệp; bởi lẽ, đa số người dân Khmer làm các hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, họ không có nhu cầu thông tin pháp luật về lao động và an toàn lao động.

Thực tế cho thấy, trong thời gian qua, số lượng các buổi GDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL vốn dĩ đã ít, nội dung GDPL lại chưa gắn với nhu cầu tiếp thu tri thức pháp luật của từng nhóm đối tượng. “Nội dung tuyên truyền tại một số cuộc họp mặt tuyên truyền pháp luật chưa sát hợp với yêu cầu đặt ra của địa phương, chưa phù hợp với đối tượng người nghe, chưa thu hút người nghe” [8, tr.5]. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế, bất cập trong GDPL cho đối tượng này. Từ thực tế đó, bài học kinh nghiệm rút ra là: GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL đòi hỏi phải bám sát nhu cầu tiếp nhận tri thức pháp luật của từng nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng dân tộc Khmer.

3.3.5. Phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer phải sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm về văn hóa, lối sống, tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán sản xuất của đồng bào

Phương pháp, hình thức GDPL là các thành tố có ảnh hưởng mạnh mẽ đến chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Có nhiều phương pháp GDPL có thể sử dụng để GDPL cho ĐBDT Khmer, như phương pháp nói chuyện, trao đổi về pháp luật; phương pháp nêu gương; phương pháp tạo dư luận xã hội để GDPL;... Hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer cũng rất đa dạng, như GDPL thông qua các cuộc họp dân, các buổi sinh hoạt tôn giáo; biên soạn sách pháp luật phổ thông, Tủ sách pháp luật; tư vấn pháp luật; tờ gấp pháp luật... Tùy thuộc vào

nội dung GDPL và đối tượng tham dự mà các chủ thể sử dụng phương pháp, hình thức GDPL nào cho phù hợp.

Tuy nhiên, các chủ thể GDPL cần lưu ý rằng, dân tộc Khmer có những đặc điểm riêng về truyền thống văn hóa, lối sống, tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán sản xuất... Những đặc điểm này có tác động mạnh mẽ tới việc tham dự, tiếp thu thông tin, kiến thức pháp luật của mỗi người dân Khmer. Bởi vậy, chủ thể GDPL cần vận dụng các phương pháp, hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer một cách sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm về văn hóa, lối sống, tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán sản xuất của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Ví dụ, “Phương pháp tuyên truyền cần nói ngắn gọn, tập trung vào những vấn đề chính, có liên hệ, so sánh, dẫn chứng thực tế” [8, tr.6].

3.3.6. Cơ quan chức năng, chính quyền các cấp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long phải tăng cường nhắc nhở, kiểm tra, giám sát hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phải gắn chặt chẽ với việc đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện. Đây phải được coi là một nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy Đảng, cơ quan chức năng, chính quyền các cấp; phải gắn liền với trách nhiệm của đảng viên, CBCC, viên chức trước ĐBDT Khmer; phải đi đôi với kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xa rời nhân dân. Việc tăng cường khâu kiểm tra, giám sát GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cho phép phát hiện, xử lý nhanh chóng, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh, rút kinh nghiệm kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành; đảm bảo thông tin thông suốt, thực hiện đúng tiến độ, đạt hiệu quả cao. Để việc kiểm tra, giám sát có hiệu lực, hiệu quả thì chế tài áp dụng cũng phải rõ ràng: nơi nào, cá nhân nào thực hiện tốt, có thành tích cao trong GDPL cho ĐBDT Khmer thì phải được ghi nhận, động viên, khen thưởng kịp thời; nơi nào, cá nhân nào vi phạm thì phải xử lý nghiêm minh. Điều đó có tác dụng khích lệ tinh thần, tạo sự phấn khởi, tin tưởng của người dân Khmer đối với hoạt động GDPL dành cho họ. Bên cạnh đó, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phải gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

Tiểu kết chương 3

Từ sự khảo sát, đánh giá những đặc điểm về địa lý - tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và tình hình vi phạm pháp luật ở vùng ĐBSCL, luận án khẳng định rằng, tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, vi phạm pháp luật ở vùng ĐBSCL có tác động đến mọi lĩnh vực hoạt động trên địa bàn, trong đó có hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer.

Dựa trên kết quả điều tra XHH và những thông tin, tư liệu có sẵn, luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trên hai mặt: những thành tựu, kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập của công tác này; chỉ ra nguyên nhân của thực trạng đó.

Từ sự phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập đó, lý giải nguyên nhân của chúng, luận án rút ra 06 bài học kinh nghiệm từ thực tiễn GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Chương 4
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER
Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM

4.1. CÁC QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

4.1.1. Quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng

Trước hết, GDPL nói chung, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nói riêng phải luôn bám sát, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam qua từng giai đoạn và gắn với sự lãnh đạo của Đảng. Thực tế cho thấy, Đảng ta luôn quan tâm, coi trọng GDPL cho CBCC và nhân dân. Bắt đầu từ Đại hội VI, công tác PBGDPL ngày càng được quan tâm và được coi là nhiệm vụ quan trọng, góp phần nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ CBCC nhà nước và nhân dân. Nghị quyết Đại hội VI của Đảng nhấn mạnh: “Coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật... Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật” [23, tr.121].

Tiếp đó, trong Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng ta khẳng định: “Tăng cường giáo dục ý thức pháp luật, nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách nghiêm minh, thống nhất và công bằng” [25, tr.57-58]. Giải pháp có tính thực tiễn cho việc phát huy vai trò của GDPL nhằm nâng cao ý thức chấp hành, thực hiện pháp luật trong CBCC và các tầng lớp nhân dân là: “Các luật ban hành cần đảm bảo tính khả thi, dễ hiểu, quy định cụ thể để giảm bớt tình trạng phải chờ đợi quá nhiều văn bản hướng dẫn mới thi hành được. Tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích, GDPL để nhân dân hiểu và tự giác chấp hành” [27, tr.48].

Điểm mốc quan trọng nhất đánh dấu sự quan tâm mạnh mẽ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác PBGDPL là Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công

tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân [xem: 2]. Để Chỉ thị 32-CT/TW thực sự đi vào thực tiễn cuộc sống, Ban Bí thư đã đôn đốc, nhắc nhở và tổ chức Hội nghị sơ kết, đưa ra kết luận về tình hình thực hiện Chỉ thị. Cụ thể, ngày 08/4/2007, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết ba năm thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) về công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; ngày 19/4/2011, Ban Bí thư đã đưa ra Kết luận số 04-KL/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

Riêng đối với ĐBDT Khmer, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 68-CT/TW ngày 18/4/1991 về công tác ở vùng ĐBDT Khmer [1]. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 68 đã giúp cho tình hình mọi mặt của ĐBDT Khmer có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được nhiều tiến bộ rõ nét: kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; nhu cầu sản xuất và đời sống của ĐBDT Khmer ngày càng được đáp ứng tốt hơn; đời sống vật chất, tinh thần của đa số đồng bào được cải thiện và nâng lên. Đó là điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer. Việc quán triệt sâu sắc các tư tưởng, quan điểm của Đảng trên đây chính là cơ sở để đề ra các giải pháp thiết thực, khả thi nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer.

Về phía Nhà nước, nhận thức sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của công tác này và quán triệt đường lối của Đảng về công tác PBGDPL, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng, ban hành các văn bản QPPL về công tác PBGDPL cho đội ngũ CBCC và các tầng lớp nhân dân, trong đó có đồng bào DTTS nói chung và ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL nói riêng. Ngày 07/01/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg Về việc tăng cường công tác PBGDPL trong giai đoạn hiện nay và Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg Về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập HĐPH công tác PBGDPL. Hai văn bản QPPL này đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương, các cấp, các ngành triển khai công tác PBGDPL một cách mạnh mẽ hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

Ngày 12/3/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012 (gọi tắt là Chương trình 37) với mục tiêu:

Tiếp tục tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; đổi mới phương thức tổ chức thực hiện PBGDPL và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL; tuyên truyền kịp thời, thường xuyên nội dung pháp luật phù hợp với từng đối tượng, địa bàn; tổ chức có hiệu quả công tác PBGDPL trên toàn quốc... [81, khoản 1, mục I].

Chương trình 37 đưa ra 04 Đề án trọng tâm, trong đó, Đề án thứ nhất hướng tới tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào DTTS. Việc thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về PBGDPL là một trong những quan điểm có tính chất chỉ đạo quan trọng để các cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng ĐBSCL tiếp tục đẩy mạnh GDPL cho ĐBDT Khmer.

4.1.2. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo sâu sát của các cấp chính quyền địa phương

Trên cơ sở quán triệt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác PBGDPL cho các đối tượng nói chung, cho đồng bào DTTS nói riêng, các cấp ủy Đảng các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo mạnh mẽ công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở địa phương, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp ủy Đảng, tổ chức cơ sở đảng.

Đối với công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer, sau khi có Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, Tỉnh ủy các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã tổ chức quán triệt sâu sắc tới từng cấp ủy và lãnh đạo triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung của Chỉ thị 32-CT/TW; đặc biệt chú ý tới việc triển khai Đề án 01 hướng tới PBGDPL cho ĐBDT Khmer. GDPL cho ĐBDT Khmer phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng tại các tỉnh ở ĐBSCL là nhằm bảo đảm cho hoạt động này đi đúng hướng, phù hợp với đường lối của Đảng về GDPL cho cán bộ và nhân dân cũng như phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể của địa phương.

Trên cơ sở sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp chính quyền các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã chỉ đạo sâu sát, quyết liệt GDPL trên địa bàn, trong đó có GDPL cho ĐBDT Khmer. Theo Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg về việc ban hành

Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập HĐPH công tác PBGDPL, chính quyền các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã thành lập HĐPH công tác PBGDPL các cấp với lực lượng nòng cốt là các sở, ban, ngành, MTTQ... tương ứng ở từng cấp, như Công an, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo... Sau khi có Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia PBGDPL và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010 [79], chính quyền các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã chủ động ban hành chương trình, thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về PBGDPL nhằm thực hiện Quyết định nói trên.

Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012 (Chương trình 37) cũng được các tỉnh ở vùng ĐBSCL triển khai thực hiện. Chẳng hạn, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu đã ban hành Quyết định số 1127/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012. Trong Chương trình này có đề cập đến một số đề án trọng tâm; trong đó, Đề án thứ nhất là “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc Khmer” [98, tr.42]. UBND tỉnh Bạc Liêu đã giao Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về PBGDPL kiêm nhiệm việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Chương trình 37. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch, đôn đốc các cơ quan, ban, ngành là đơn vị chủ trì hoặc thành viên các Đề án thuộc Chương trình, tổ chức thực hiện có hiệu quả và đúng tiến độ những mục tiêu, yêu cầu và nội dung mà Chương trình đề ra.

4.1.3. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer phải thu hút sự tham gia chủ động, tích cực của tất cả các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể hữu quan ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trước hết, cần nhận thức sâu sắc rằng, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL không chỉ là nhiệm vụ của riêng cơ quan chức năng, cấp chính quyền, đoàn thể hay cá nhân nào, mà nó phải được coi là trách nhiệm chung của tất cả các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể, đội ngũ CBCC các cấp cũng như của ĐBDT Khmer trong vùng ĐBSCL. Hoạt động này đòi hỏi sự nỗ lực, phấn đấu và

sự chủ động, tích cực của các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện các đề án trọng tâm, các chủ thể GDPL và của bản thân mỗi người dân Khmer. Cùng với vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, vai trò điều hành và thực hiện của các cấp chính quyền, vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng; vai trò quan trọng hàng đầu trong việc bảo đảm hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thuộc về các chủ thể GDPL (cơ quan chức năng, tổ chức, đoàn thể và đội ngũ BCV, TTV pháp luật) và đối tượng GDPL (ĐBDT Khmer).

Cả chủ thể GDPL và đối tượng GDPL phải cùng có chung nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của GDPL cho ĐBDT Khmer; cùng có ý thức trách nhiệm trong việc xác định đúng đắn mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer. Các chủ thể với tư cách cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện GDPL cần chú trọng nhiều hơn việc tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ GDPL cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật; củng cố, nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ GDPL. Đội ngũ BCV, TTV pháp luật cần có ý thức chủ động học tập nâng cao trình độ học vấn về pháp luật, tích cực, nhiệt tình, tâm huyết với GDPL cho ĐBDT Khmer, gắn các QPPL thực định với các sự kiện, tình huống pháp luật thực tiễn... ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, với là tư cách đối tượng tiếp nhận GDPL, phải nâng cao hơn nữa tinh thần, ý thức trách nhiệm, chủ động, tích cực khi tham gia vào các hoạt động GDPL; phải coi việc tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, hiểu biết pháp luật là nhu cầu tự thân, là động lực thực sự của mỗi người xuất phát từ mong muốn tiếp nhận, nâng cao kiến thức pháp luật.

Quán triệt quan điểm này cũng có nghĩa là quán triệt yêu cầu được nêu trong Chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012 (*Ban hành kèm theo Quyết định 37/2008/QĐ-TT ngày 12/03/2008 của Thủ tướng Chính phủ*): “Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật... là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng” [81, khoản 1 mục II].

4.1.4. Phải đổi mới đồng bộ cả về nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phải đảm bảo tính khoa học, cập nhật các văn bản QPPL mới, phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống, lao động của ĐBDT Khmer; cần chú trọng trang bị cho họ không chỉ những

kiến thức pháp luật chung, mà còn phải cung cấp cả những kiến thức pháp luật gần gũi, liên quan thiết thực, trực tiếp tới cuộc sống, lao động, sinh hoạt của đồng bào, như pháp luật về các quyền tự do dân chủ, về tôn giáo, tín ngưỡng, về an sinh xã hội... Trong nội dung GDPL cũng phải tăng cường giáo dục về quyền con người, quyền công dân đề đồng bào dân tộc Khmer ý thức được và chủ động thực hiện các quyền của mình. Ngoài ra, còn phải trang bị cho ĐBDT Khmer các kỹ năng giao tiếp, ứng xử khi gặp các sự kiện pháp luật, biết vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống pháp luật mà thực tiễn cuộc sống đang đặt ra, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của dân tộc Khmer cùng với các dân tộc khác ở vùng ĐBSCL.

Phương pháp GDPL cho ĐBDT Khmer phải khoa học, hiện đại, gắn với sử dụng công nghệ thông tin, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của người nghe, khắc phục lối rao giảng, truyền thụ một chiều. Đội ngũ BCV, TTV pháp luật phải đổi mới phương pháp GDPL theo hướng kết hợp hài hòa giữa thuyết trình với phương pháp nêu tình huống, đặt vấn đề; kết hợp trình bày các QPPL với các tình huống thực tiễn hoặc giả định nhằm kích thích năng lực tư duy pháp luật của đối tượng; tăng cường đối thoại, thảo luận theo các chủ đề pháp luật... để lôi cuốn người nghe vào cuộc tranh luận, trao đổi nhằm tìm ra cách thức giải quyết tình huống hợp pháp, hợp lý nhất.

Về hình thức GDPL, phải sử dụng phối kết hợp nhiều hình thức giáo dục pháp luật một cách linh hoạt, năng động, sáng tạo, phù hợp với từng nhóm đối tượng người dân tộc Khmer. Chẳng hạn, đối với đa số ĐBDT Khmer đang sinh sống tại các phum, sóc, có thể sử dụng nhiều hình thức GDPL khác nhau: GDPL thông qua các cuộc họp dân, các hội nghị nhân dân, các buổi sinh hoạt tôn giáo; biên soạn sách pháp luật phổ thông, vận động đồng bào đọc sách pháp luật tại Tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn.... Do đặc thù về văn hóa, tôn giáo, tập quán sản xuất, sinh hoạt của ĐBDT Khmer nên hình thức GDPL cũng phải phù hợp với những nét đặc thù đó.

4.1.5. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đồng bào dân tộc Khmer

“Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng” [81, khoản 1 mục II] luôn là một nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo

được nêu trong các văn bản QPPL của Nhà nước ta về công tác PBGDPL. Trong tiến trình xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng ĐBDT Khmer tại ĐBSCL, ĐBDT Khmer không chỉ cần có trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật; mà còn phải có nền tảng tư tưởng ổn định, lập trường chính trị vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, tiến bộ, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc. Cùng với GDPL, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống sẽ đáp ứng yêu cầu này. Như vậy, GDPL cho ĐBDT Khmer phải gắn kết chặt chẽ với đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho đồng bào. Đây cũng là một quan điểm chỉ đạo đối với GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL.

Giáo dục chính trị, tư tưởng cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là hướng tới trang bị cho họ quan điểm, đường lối của Đảng về sự trung thành với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phổ biến các chính sách của Nhà nước, đặc biệt là chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng ĐBDT...; từ đó, giúp ĐBDT Khmer ổn định về tư tưởng, vững tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng, có lập trường chính trị vững vàng. Điều này càng đặc biệt quan trọng trong bối cảnh:

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer tuy ổn định, song vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Các tổ chức phản động vẫn chưa từ bỏ âm mưu, thủ đoạn chống phá chế độ, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động tư tưởng, gây chia rẽ dân tộc, xuyên tạc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta [86, tr.8].

Giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL không chỉ là việc cung cấp thông tin, kiến thức pháp luật đơn thuần, mà còn phải kết hợp cả với việc giáo dục đạo đức, lối sống tiến bộ, phù hợp với truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của ĐBDT Khmer, giúp họ tránh xa những thói hư, tật xấu, có ý thức đề cao cảnh giác, không để kẻ xấu và các thế lực phản động lợi dụng tuyên truyền, xuyên tạc. Mục tiêu của giáo dục đạo đức và pháp luật là làm hình thành ở mỗi cá nhân con người hành vi hợp pháp và hợp đạo đức xã hội. Xã hội dân chủ, công bằng, văn minh là xã hội mà ở đó mọi người đều có đạo đức, lối sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức, tuân thủ, chấp hành pháp luật. Mục tiêu chung của nền pháp luật và đạo đức xã hội là phục vụ con người, vì các giá trị nhân văn của con người. Chất lượng,

hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer, do đó, chỉ có thể được nâng cao khi được thực hiện trong sự kết hợp chặt chẽ với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho ĐBDT Khmer.

4.1.6. Gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục pháp luật với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, đáp ứng yêu cầu bảo vệ trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội trong vùng

Giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL với mục tiêu nâng cao trình độ tri thức, hiểu biết pháp luật cho người dân Khmer phải thực sự trở thành động lực mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình phát triển các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng ĐBDT Khmer. Để có thể khai thác, phát huy trí tuệ, kinh nghiệm, nguồn nhân lực và vật lực của ĐBDT Khmer phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng ĐBSCL thì phải làm cho người dân thấu hiểu chính sách, pháp luật của Nhà nước, văn bản pháp quy của các cấp chính quyền địa phương; phải tổ chức cho ĐBDT Khmer tham gia ý kiến về dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, quy hoạch sản xuất và phương án phát triển ngành nghề. Người dân Khmer phải được tham gia thảo luận, bàn bạc đề tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế; tập trung chuyển đổi cơ cấu ngành nghề phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, địa lý của địa phương; áp dụng các thành tựu, tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống cho nhân dân. Kết quả GDPL về thực hiện dân chủ ở cấp xã đã giúp cho kinh tế - xã hội ở vùng ĐBDT Khmer có nhiều khởi sắc: số hộ nghèo ngày càng giảm, nhân dân tự giác đóng góp đất đai, tiền của, công sức lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn... Kinh tế - xã hội phát triển lại là điều kiện thuận lợi để tăng cường GDPL vì ĐBDT Khmer thấy được những lợi ích thiết thực của hoạt động này.

Giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cũng phải gắn với việc xây dựng đời sống văn hóa - xã hội ở vùng ĐBDT Khmer. Nhờ được GDPL nói chung, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cấp xã nói riêng, người dân Khmer đã có sự hiểu biết pháp luật cao hơn, chủ động, tích cực phát huy quyền làm chủ của mình trong xây dựng đời sống văn hóa - xã hội tại các phum, sóc. ĐBDT Khmer là chủ thể tham gia xây dựng các nội quy, quy ước về xây dựng phum, sóc văn hóa với những nội dung mới theo hướng văn minh, tiến bộ; tác động một cách hiệu quả

tới việc loại bỏ những hủ tục lạc hậu, lỗi thời, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các thuần phong, mỹ tục, các tập quán, lễ hội tốt đẹp tại cộng đồng dân cư; xây dựng môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh; góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Khmer. Kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển sẽ là nhân tố đảm bảo việc giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ trật tự, kỷ cương xã hội ở vùng ĐBDT Khmer.

4.2. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

4.2.1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, năng lực của chủ thể, đối tượng trong giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Trong GDPL, giữa chủ thể và đối tượng GDPL có mối quan hệ mật thiết với nhau, cùng chi phối hiệu quả GDPL. Nếu cả chủ thể và đối tượng cùng hợp tác tích cực, chủ động, cùng xác định rõ ràng mục tiêu GDPL, cùng có ý thức trách nhiệm cao trong triển khai cũng như tham gia GDPL thì chất lượng, hiệu quả GDPL sẽ được nâng lên. Chính vì vậy, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chủ thể và đối tượng trong GDPL cho ĐBDT Khmer là một giải pháp hết sức quan trọng. Theo kết quả điều tra XHH, giải pháp này nhận được sự đồng tình của 63.51% BCV, TTV pháp luật và 67.81% người dân Khmer. Đối với giải pháp này cần triển khai thực hiện các nội dung sau:

4.2.1.1. Xác định rõ mục tiêu giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL phải cùng nhau xác định rõ ràng mục tiêu GDPL cho ĐBDT Khmer. Việc làm này đòi hỏi phải xuất phát từ cả hai phía vì giữa họ có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Nếu chủ thể GDPL xác định rõ ràng, đúng đắn mục tiêu GDPL nhưng không nhận được sự tương đồng về mục tiêu và sự hợp tác từ phía đối tượng GDPL thì khó có thể hiện thực hóa mục tiêu đó trong thực tiễn. Ngược lại, cho dù đối tượng có xác định được mục tiêu cần phải đạt khi tham dự hoạt động GDPL, song chủ thể GDPL lại không quan tâm, chú ý tới mục tiêu đó thì đối tượng đâu có nỗ lực hết sức cũng khó đạt được kết quả mong muốn. Việc chủ thể và đối tượng cùng xác định rõ ràng mục tiêu GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cũng là cơ sở để đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức GDPL. Chủ thể và đối tượng cần tập trung thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- Chủ thể và đối tượng phải cùng nhau xác định rõ ràng mục tiêu của GDPL cho ĐBDT Khmer. Mục tiêu là kết quả cuối cùng mà GDPL cho ĐBDT Khmer phải đạt được sau khi kết thúc hoạt động này. “Bản chất của giáo dục pháp luật đó là hoạt động định hướng có tổ chức, có chủ định của thể giáo dục tác động lên đối tượng nhằm mục đích hình thành ở họ tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành” [32, tr.20]. Điều đó có nghĩa, mục tiêu của GDPL cho ĐBDT Khmer là cung cấp, trang bị cho họ những thông tin, kiến thức pháp luật cụ thể, thiết thực đối với cuộc sống, lao động, sinh hoạt của ĐBDT Khmer. Để quá trình GDPL diễn ra thuận lợi, đạt hiệu quả cao thì yêu cầu đặt ra là phải có sự “cộng hưởng” tinh thần, ý thức trách nhiệm từ cả hai phía. Về phía các chủ thể GDPL, khi đã xác định rõ ràng mục tiêu chung của GDPL, cần có sự chuẩn bị chu đáo, đầy đủ về cơ sở vật chất, nội dung GDPL, lựa chọn được đội ngũ BCV, TTV pháp luật có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng nghiệp vụ GDPL tốt, tâm huyết và nhiệt tình, sẵn sàng cung cấp thông tin, kiến thức pháp luật cho ĐBDT Khmer. Về phía ĐBDT Khmer, khi đã xác định đúng mục tiêu tham dự GDPL, phải có sự chuẩn bị về năng lực nhận thức, sẵn sàng về tâm thế tiếp thu kiến thức pháp luật cần cho cuộc sống, lao động của mình.

- Việc xác định rõ ràng các mục tiêu cụ thể của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cũng phải xuất phát từ cả chủ thể GDPL và đối tượng GDPL. Cả hai bên đều phải ý thức được rằng, những mục tiêu cụ thể cần đạt được từ hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer bao gồm mục tiêu về nhận thức (kiến thức), mục tiêu về thái độ (tình cảm) và mục tiêu về kỹ năng (hành vi).

Mục tiêu về nhận thức là cung cấp, trang bị tri thức, hiểu biết pháp luật cho ĐBDT Khmer. Tùy theo từng nhóm đối tượng cụ thể trong ĐBDT Khmer mà mục tiêu này có thể được xác định theo từng mức độ cụ thể, gồm: *Một*, nắm bắt (thuộc lòng, nhớ, nhận biết được các QPPL cơ bản trong một bộ luật, đạo luật được phổ biến, giáo dục); *Hai*, hiểu biết (nắm vững, giải thích được nội dung, tinh thần của các QPPL theo ngôn từ, cách hiểu của mình); *Ba*, vận dụng (sử dụng được các QPPL vào những hoàn cảnh, tình huống cụ thể xảy ra trong cuộc sống). Đó là ba mức độ nhận thức cơ bản mà người dân Khmer cần đạt được. Ngoài ra, tùy thuộc vào năng lực, nhu cầu của từng nhóm đối tượng trong cộng đồng dân tộc Khmer,

các chủ thể có thể định hướng cho đối tượng phấn đấu vươn lên nhận thức ở mức độ cao hơn, như biết phân tích, tổng hợp, đánh giá về các QPPL, mối liên hệ giữa các QPPL với thực tiễn...

Mục tiêu về thái độ là làm hình thành, củng cố trong ĐBDT Khmer tình cảm, niềm tin đối với pháp luật. Trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, mục tiêu về thái độ cần được cụ thể hóa ở việc giáo dục cho người dân Khmer tình cảm, niềm tin vào sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật, tôn trọng công lý, có tình cảm trách nhiệm pháp lý, tình cảm pháp chế, biết phê phán, lên án, đấu tranh với các hành vi phạm pháp, phạm tội...

Mục tiêu về kỹ năng là làm hình thành ở ĐBDT Khmer hành vi xử sự phù hợp với các nguyên tắc, quy định của pháp luật. Mục tiêu này là sự hiện thực hóa mục tiêu về nhận thức và mục tiêu về thái độ, thể hiện quá trình chuyển biến có tính tự giác, chủ động từ nhận thức pháp luật thành hành vi pháp luật của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Hành vi pháp luật hợp pháp của mỗi người dân Khmer chỉ có thể trở thành hiện thực khi nó xuất phát từ động lực nội tâm, dựa trên tình cảm pháp luật và niềm tin vững chắc vào pháp luật một cách tự nguyện, tự giác. Trong mục tiêu về kỹ năng, chủ thể GDPL cần trang bị, rèn luyện cho người dân Khmer kỹ năng xử lý các tình huống pháp luật trong thực tiễn, hình thành và củng cố lối sống theo pháp luật.

- Việc đánh giá kết quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cũng cần được chú trọng. Các chủ thể GDPL phải tiến hành khảo sát, thăm dò ý kiến trong đội ngũ BCV, TTV pháp luật và trong chính những người dân Khmer tham dự GDPL để nắm bắt thông tin phản hồi từ họ về kết quả, hiệu quả của công tác GDPL. Có thể nói, thông tin phản hồi thu được là thước đo để đánh giá quá trình hiện thực hóa mục tiêu GDPL cho ĐBDT Khmer. Thông qua những thông tin đó, chủ thể GDPL có cơ sở để đánh giá kết quả GDPL có đạt mục tiêu đề ra hay không; cần bổ sung thêm những mục tiêu nào mà thực tế cuộc sống ở vùng ĐBDT Khmer đang đòi hỏi, mỗi người dân Khmer đang cần được trang bị... Bên cạnh đó, việc xây dựng được một bộ tiêu chí để đo lường kết quả GDPL cho ĐBDT Khmer cũng là một việc làm quan trọng mà các chủ thể GDPL của các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL phải tính tới và khẩn trương triển khai thực hiện.

4.2.1.2. Tăng cường hơn nữa sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cơ quan làm nhiệm vụ giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer

Hiện nay, thực hiện Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tất cả các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL đã thành lập HĐPH công tác PBGDPL. Các thành viên HĐPH công tác PBGDPL cấp tỉnh thường bao gồm đại diện (cấp trưởng, cấp phó) các cơ quan, tổ chức, đoàn thể. Tương ứng, ở một số sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, tại các huyện, thành phố, thị xã cũng đều đã thành lập HĐPH công tác PBGDPL, giữ vai trò tham mưu cho các cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện GDPL cho các đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer. Trong những năm qua, HĐPH công tác PBGDPL các cấp vùng ĐBSCL đã nỗ lực triển khai, thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ của mình và đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần củng cố, nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật cho nhân dân, trong đó có ĐBDT Khmer.

Tuy nhiên, hoạt động của nhiều HĐPH công tác PBGDPL các cấp còn bộc lộ những hạn chế, bất cập: sự phối hợp giữa các cơ quan làm công tác PBGDPL chưa thường xuyên, liên tục, thiếu đồng bộ, không gắn kết; chế độ thông tin, báo cáo về GDPL ở các cấp, các ngành thực hiện chưa đầy đủ, kịp thời; thiếu chủ động, tích cực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ; còn có hiện tượng dựa dẫm, ỷ lại cho các cơ quan khác... Tình trạng đó đã và đang ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn về công tác PBGDPL, làm chậm tiến độ triển khai thực hiện nội dung các Đề án, trong đó có Đề án tuyên truyền, GDPL cho người dân nông thôn và ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL; là nguyên nhân làm suy giảm hiệu quả GDPL cho đối tượng này. Yêu cầu đặt ra là phải “Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và toàn xã hội trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” [100, tr.1].

Từ thực tế đó, việc tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các cơ quan làm nhiệm vụ GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là một biện pháp quan trọng trước mắt cũng như lâu dài với những nội dung cụ thể cần làm là:

- Tạo cơ chế phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị làm nhiệm vụ GDPL nói chung, GDPL cho ĐBDT Khmer nói riêng. Hiện nay, trong Chương trình PBGDPL giai đoạn 2012 - 2016 của các tỉnh đã quy định rõ cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp thực hiện từng Đề án, trong đó có Đề án 01:

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và ĐBDT Khmer; nhưng chưa đề cập, quy định rõ cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình cũng như từng Đề án. Đây là nguyên nhân dẫn đến sự bất cập trong khâu phối hợp giữa các cơ quan này. Bởi vậy, cơ quan chức năng các tỉnh ở vùng ĐBSCL cần nhanh chóng xây dựng, ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác PBGDPL. Trong bản Quy chế này phải thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, phân công rõ ràng trách nhiệm của từng thành viên trong Ban Chỉ đạo Chương trình, Ban Điều hành các Đề án, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; quy định rõ cơ chế phối hợp, nội dung, mức độ, phạm vi phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo giữa các cơ quan các cấp; quy định cụ thể, chi tiết chế tài khen thưởng đối với những thành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với những thành viên mắc khuyết điểm, sai phạm... Bản Quy chế phối hợp thực hiện công tác PBGDPL cũng là cơ sở pháp lý để đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc, sự phối hợp của từng cơ quan; tránh được tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, sự xuê xoa, cả nể khi sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả GDPL cho các đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer.

- Ban Chỉ đạo Chương trình, Ban Điều hành các Đề án, các cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp cũng như từng cá nhân thành viên phải nhận thức đầy đủ, đúng đắn vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trong việc phối hợp với các cơ quan, thành viên khác để triển khai công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer. Sự phối hợp phải được mỗi cơ quan coi là trách nhiệm không thể thiếu của mình, là điều kiện thiết yếu để nâng cao hiệu quả GDPL. GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phải được coi là trách nhiệm chung của tất cả các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể các cấp. Trách nhiệm chung đó chỉ có thể được hiện thực hóa thông qua sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, ăn khớp giữa tất cả các cơ quan làm nhiệm vụ GDPL.

- Từ sự nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trong việc phối hợp với các cơ quan, thành viên khác, các cơ quan làm nhiệm vụ GDPL, bao gồm cả Ban Chỉ đạo Chương trình, Ban Điều hành các Đề án, các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, phải phát huy vai trò chỉ đạo, điều hành các công việc trong phạm vi chức trách của mình một cách quyết liệt, khoa học và bài bản. Mỗi cơ quan cần cử cán bộ chuyên trách việc phối hợp với các cơ quan khác nhằm theo dõi tình

hình thực hiện Đề án GDPL cho ĐBDT Khmer; đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát việc triển khai Đề án nhằm nhanh chóng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; kịp thời rút kinh nghiệm và chỉ ra được những bài học hay để tiếp tục chỉ đạo thực hiện Đề án.

- Từng tỉnh ở vùng ĐBSCL cần thành lập ngay một bộ phận chuyên trách GDPL cho ĐBDT Khmer. Lâu nay, việc PBGDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL mới chỉ được thực hiện lồng ghép cùng các đối tượng khác, chưa có sự chuyên biệt hóa. Ngay cả khi các tỉnh xây dựng, triển khai Đề án 01 “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và ĐBDT Khmer” thì vấn đề nêu trên cũng chưa hề được đề cập đến một cách nghiêm túc. Chính tình trạng chung chung, chưa chuyên biệt hóa đối tượng GDPL là ĐBDT Khmer nên hiệu quả GDPL còn thấp; trong khi đó, GDPL cho ĐBDT Khmer có những nét đặc trưng riêng. Việc từng tỉnh/thành phố lập một bộ phận chuyên trách GDPL cho ĐBDT Khmer, đáp ứng đầy đủ về nguồn nhân lực, kinh phí sẽ là nhân tố thúc đẩy chất lượng, hiệu quả hoạt động này.

4.2.1.3. Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật

Việc nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ những CBCC trực tiếp GDPL cho ĐBDT Khmer là khâu then chốt, tạo ra bước đột phá nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL. Để làm được điều đó, cần tập trung vào các biện pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Tuy đã có sự gia tăng về số lượng. song trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của đội ngũ BCV, TTV pháp luật ở vùng ĐBSCL còn thấp, bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện GDPL nói chung, GDPL cho ĐBDT Khmer nói riêng. Trong khi đó, đội ngũ BCV, TTV pháp luật có trình độ cao được coi là khâu then chốt trong việc đảm bảo chất lượng, hiệu quả GDPL. Củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật trực tiếp GDPL cho ĐBDT Khmer đang là yêu cầu bức thiết. Do vậy, cơ quan chức năng các tỉnh ở vùng ĐBSCL cần quan tâm tới việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật:

- Đối với các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề pháp luật cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật tổ chức tại các tỉnh, Ban tổ chức lớp học cần mời được những giảng viên, chuyên gia pháp luật có uy tín, có học hàm, học vị, giỏi về chuyên môn và tinh thông kỹ năng nghiệp vụ sư phạm từ các trường đại học, viện nghiên cứu pháp luật có uy tín trực tiếp lên lớp, truyền đạt nội dung các chuyên đề pháp luật nhằm nâng cao chất lượng tập huấn, bồi dưỡng pháp luật.

- Ngoài ra, các cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng ĐBSCL cần lựa chọn, cử CBCC chuyên trách công tác PBGDPL đi học các lớp đào tạo ở các bậc cử nhân, cao học và nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật có uy tín nhằm tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, phục vụ lâu dài trong lĩnh vực GDPL của địa phương.

Thứ hai, chú trọng việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Từ việc có kiến thức, hiểu biết cao về pháp luật đến việc giảng dạy, truyền đạt thông tin, kiến thức pháp luật để cho những người khác có thể nắm bắt, tiếp thu được là cả một quá trình và đòi hỏi BCV, TTV pháp luật phải có trình độ nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng giao tiếp, đối thoại và xử lý tình huống trong quá trình tác nghiệp. Thiếu phương pháp, các kỹ năng cần thiết là nguyên nhân khiến nhiều BCV, TTV pháp luật lúng túng, bị động, khô khan trong quá trình truyền đạt thông tin, kiến thức pháp luật cho các đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Cùng với việc tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật, các cơ quan chức năng cũng cần chú trọng nhiều hơn tới việc tập huấn, trang bị cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật kiến thức về phương pháp sư phạm, kinh nghiệm truyền đạt thông tin, kỹ năng giải quyết các tình huống pháp lý, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong quá trình GDPL; huấn luyện cho đội ngũ này các kỹ năng mềm, như cách viết, soạn bài lên lớp, cách thuyết phục người khác, phương pháp thuyết trình trước đông người sao cho hấp dẫn, sinh động... Để làm được việc này đòi hỏi phải có sự hợp tác, giúp đỡ từ phía các thầy, cô giáo, chuyên gia có uy tín, kinh nghiệm thuộc các cơ sở giáo dục - đào tạo chuyên ngành pháp luật.

Thứ ba, mỗi báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cần chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ, nhiệt tình, tâm huyết với giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer. Ngoài việc tham

dự các khóa đào tạo, các lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật do các cơ quan chức năng tổ chức, mỗi BCV, TTV pháp luật cần thường xuyên tự cập nhật thông tin, kiến thức về các văn bản pháp luật mới để phổ biến, giáo dục cho ĐBDT Khmer. Hiện nay vẫn còn tình trạng một bộ phận không nhỏ BCV, TTV pháp luật ít hoặc không dành thời gian để nghe, đọc, nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết, văn bản pháp quy, thông tư hướng dẫn thực hiện pháp luật... mới được ban hành, thậm chí chưa hiểu đến nơi đến chốn nội dung các văn bản trước khi lên lớp truyền đạt cho ĐBDT Khmer; vì thế, khi người dân Khmer không hiểu, nêu thắc mắc thì BCV, TTV pháp luật lúng túng, không giải đáp được. Có lẽ vì thế mà một người dân Khmer có ý kiến: “Cần làm mới lại đội ngũ BCV, TTV pháp luật; tăng thêm sự nhiệt tình, năng động, linh hoạt của họ trong GDPL; đồng thời, loại bỏ những BCV, TTV pháp luật không nhiệt tình, góp phần xây dựng đội ngũ BCV, TTV pháp luật có chất lượng, nhiệt tình, tâm huyết trong công việc, nâng cao khả năng PBGDPL cho ĐBDT Khmer đạt được kết quả cao” [xem Phụ lục 4, tr.36]. Ý kiến trên đây cho thấy, ngoài yêu cầu về trình độ, kỹ năng, ĐBDT Khmer còn đòi hỏi đội ngũ BCV, TTV pháp luật phải có sự nhiệt tình, tâm huyết với GDPL.

Bên cạnh kiến thức, hiểu biết pháp luật, đội ngũ BCV, TTV pháp luật còn cần nâng cao trình độ lý luận chính trị, có tri thức, hiểu biết xã hội, am hiểu nhất định về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc Khmer, *đặc biệt là ngôn ngữ Khmer*, để đáp ứng yêu cầu GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong giai đoạn hiện nay. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp, chuyển tải và tiếp nhận thông tin. Bất đồng ngôn ngữ đã và đang là một trong những rào cản, nguyên nhân làm suy giảm chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Một BCV pháp luật tham gia cuộc điều tra XHH của tác giả có ý kiến như sau: “Muốn làm tốt, đạt hiệu quả cao trong GDPL cho ĐBDT Khmer thì các BCV, TTV pháp luật cần phải hiểu biết, thông thạo ngôn ngữ của dân tộc Khmer” [xem Phụ lục 2, tr.13]. Học tập và sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khmer, do đó, đã và đang trở thành yêu cầu cấp thiết đối với đội ngũ BCV, TTV pháp luật của các tỉnh ở ĐBSCL.

4.2.1.4. Nâng cao ý thức trách nhiệm, sự hăng hái, nhiệt tình của đồng bào dân tộc Khmer trong quá trình tham gia giáo dục pháp luật

Hoạt động GDPL tự thân nó không mang lại kiến thức, hiểu biết pháp luật cho ĐBDT Khmer; mà mỗi người dân Khmer cần chủ động, tự giác, tích cực tìm

đến với hoạt động GDPL xuất phát từ nhu cầu tiếp thu kiến thức, hiểu biết pháp luật. Theo cách tiếp cận này, ĐBDT Khmer, với tư cách là đối tượng tiếp nhận GDPL, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Mỗi người dân Khmer ở vùng ĐBSCL cần có tinh thần hăng hái, nhiệt tình, ý thức trách nhiệm cao khi tham gia các lớp PBGDPL dành cho họ xuất phát từ nhu cầu nội tại của bản thân: mong muốn được tiếp thu, tích lũy, nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật; không phải tham dự theo kiểu đối phó, mà tham dự để tiếp thu thông tin pháp luật cho mình, vì lợi ích của bản thân và gia đình, của cộng đồng dân tộc Khmer, để nâng cao ý thức pháp luật cá nhân và để giải quyết được các sự kiện, tình huống pháp luật nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. Tri thức pháp luật là phương thức tồn tại của ý thức pháp luật. Tri thức, hiểu biết pháp luật càng cao bao nhiêu thì trình độ ý thức pháp luật càng cao bấy nhiêu. Tri thức, hiểu biết pháp luật của mỗi người dân Khmer nói lên khả năng nhận thức của họ trong lĩnh vực pháp luật và làm hình thành những tư tưởng, quan điểm đúng đắn về pháp luật; nó là cơ sở để ĐBDT Khmer học cách “sống và làm việc theo pháp luật”.

- Mỗi người dân Khmer phải thực sự có thái độ nghiêm túc, cầu thị trong quá trình tham dự GDPL nhằm nâng cao tri thức, hiểu biết pháp luật. Thực tế cho thấy, thời gian mà người dân Khmer tham dự các lớp GDPL còn nhiều hạn chế, không đảm bảo theo quy định. Các hiện tượng như đi muộn, về sớm, bỏ về giữa chừng, nói chuyện riêng trong hội trường không phải là chuyện hiếm. Ngoài các nguyên nhân như kinh tế khó khăn phải lo kiếm sống, địa điểm, thời gian tiến hành GDPL không phù hợp với tập quán sinh hoạt của ĐBDT Khmer...; nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do một bộ phận người dân Khmer nhận thức chưa đúng về giá trị, ý nghĩa của GDPL; do thiếu cầu thị trong việc học hỏi. Trong khi đó, nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer luôn có những vấn đề mới, liên quan trực tiếp đến các quyền, lợi ích hợp pháp và phục vụ thiết thực cho cuộc sống, lao động, sinh hoạt của ĐBDT Khmer. Thái độ nghiêm túc, cầu thị của mỗi người dân Khmer khi tham dự các buổi GDPL là nền tảng tạo thành công, đem lại tri thức pháp luật cho mỗi người.

- Các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền địa phương cũng cần có sự quan tâm, tạo các điều kiện thuận lợi để ĐBDT Khmer hăng hái, nhiệt tình tham dự GDPL. Chẳng hạn, cần chú trọng việc cấp kinh phí phục vụ GDPL không chỉ cho

BCV, TTV pháp luật, mà còn chi bồi dưỡng cho những người dân Khmer tham dự các buổi GDPL. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cần có cơ chế khen thưởng kịp thời đối với những hộ gia đình, người dân Khmer tích cực tham dự GDPL (khen thưởng bằng hiện vật, coi đây là tiêu chuẩn công nhận gia đình văn hóa, khóm, ấp văn hóa...) và quy định biện pháp xử lý đối với những người né tránh, không tham dự GDPL (phải lao động công ích, không công nhận gia đình văn hóa...). Điều đó có tác dụng khơi gợi sự thi đua giữa các phum, sóc Khmer, sự hào hứng, hăng hái, nhiệt tình của mỗi người dân Khmer đối với hoạt động GDPL; tránh được tình trạng “hòa cả làng”.

4.2.2. Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

4.2.2.1. Đổi mới nội dung giáo dục pháp luật

Thứ nhất, lựa chọn những nội dung kiến thức về các lĩnh vực pháp luật cụ thể, liên quan mật thiết tới cuộc sống, lao động, sinh hoạt của đồng bào dân tộc Khmer để phổ biến, giáo dục cho họ. Trong những năm qua, các chủ thể GDPL của các tỉnh vùng ĐBSCL mới chỉ dừng lại ở việc phổ biến, giáo dục những nội dung pháp luật được yêu cầu phải phổ biến, tuyên truyền, ít quan tâm trang bị các nội dung pháp luật mà ĐBDT Khmer cần. Nội dung GDPL cũng còn sơ lược, nghèo nàn và chưa tính tới nhu cầu thông tin, kiến thức pháp luật của từng nhóm đối tượng trong ĐBDT Khmer. Trong khi đó, theo khảo sát XHH, nhiều người dân Khmer đã đề cập tới các nội dung pháp luật cần thiết cho đồng bào, như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn... Nhu cầu về nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là tương đối đa dạng. Vì vậy, chủ thể GDPL, tùy theo từng thời điểm, cần lựa chọn những nội dung kiến thức về các lĩnh vực pháp luật cụ thể, liên quan mật thiết tới cuộc sống, lao động, sinh hoạt của người dân Khmer để phổ biến, giáo dục cho họ. Mặt khác, cần bổ sung, cập nhật những văn bản pháp luật mới được ban hành. Nội dung GDPL phải được đổi mới theo hướng giảm sự áp đặt theo ý chí chủ quan của chủ thể và tăng cường những nội dung GDPL mới theo nhu cầu xã hội của ĐBDT Khmer với phương châm “trang bị cho đồng bào những nội dung pháp luật mà họ đang cần, chứ không áp đặt phải nghe những nội dung pháp luật mà chủ thể có”.

Thứ hai, chú trọng trang bị những nội dung kiến thức về các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật do HĐND, UBND các cấp ban hành, nhất là văn bản có liên quan trực tiếp đến cuộc sống, lao động, việc làm, lợi ích của ĐBDT Khmer. Kết quả điều tra XHH cho thấy đa số người dân Khmer khẳng định sự cần thiết phải phổ biến, giáo dục nội dung các văn bản pháp quy của địa phương cho ĐBDT Khmer. Nội dung này bao gồm các nghị quyết của HĐND các cấp, những quyết định của UBND các cấp, các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền... Về cơ bản, việc tuyên truyền, phổ biến để ĐBDT Khmer nắm bắt được nội dung của các loại văn bản pháp quy do cấp huyện, cấp xã ban hành, là cơ sở rất quan trọng của việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cấp xã, phát huy quyền làm chủ của ĐBDT Khmer.

Thứ ba, cung cấp cho đồng bào dân tộc Khmer những nội dung thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật trên địa bàn các tỉnh và tại các vùng ĐBDT Khmer trong khu vực ĐBSCL. Lâu nay, trong nội dung GDPL cho các đối tượng xã hội ở nước ta hầu như chưa chứa đựng thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật nên cần phải khắc phục ngay hạn chế này. Nội dung thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL có thể bao gồm: kết quả thực hiện pháp luật; những tấm gương “người tốt, việc tốt” trong việc tuân thủ, chấp hành, sử dụng pháp luật; tình trạng vi phạm pháp luật, tình hình tội phạm trên địa bàn; các âm mưu, thủ đoạn, phương thức phạm tội mới xuất hiện gần đây; kết quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng nhà nước... Việc được nắm bắt những nội dung thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật có tác dụng động viên, khuyến khích ĐBDT Khmer làm theo các tấm gương sáng, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; giúp họ cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn phạm tội, tích cực tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự, kỷ cương trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL.

Thứ tư, trong nội dung giáo dục pháp luật cần chú trọng trang bị cho ĐBDT Khmer kiến thức về kinh nghiệm thực tế, kỹ năng vận dụng các QPPL để xử lý, giải quyết các sự việc, sự kiện, tình huống pháp luật xảy ra trong cuộc sống. Thực tế cho thấy, các chủ thể GDPL mới chủ yếu tập trung cung cấp kiến thức pháp luật thực định, rất ít chú ý đến việc trang bị kiến thức về kinh nghiệm thực tiễn pháp luật, các kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật vào việc giải quyết các sự việc, tình huống pháp luật xảy ra trong cuộc sống cho các đối tượng, trong đó có ĐBDT

Khmer ở vùng ĐBSCL. Có thể khẳng định *khâu này vừa thiếu lại vừa yếu*. Đôi khi, chỉ vì thiếu kinh nghiệm, kỹ năng vận dụng pháp luật nên từ những việc lúc đầu là nhỏ, như mâu thuẫn gia đình, khúc mắc giữa hàng xóm, tranh chấp dân sự... đã dẫn đến những hành vi phạm pháp xảy ra trong ĐBDT Khmer. Vì vậy, cần tăng cường mạnh mẽ, dành phần thỏa đáng trong nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL những kiến thức về kinh nghiệm thực tế, kỹ năng vận dụng các QPPL để xử lý, giải quyết các sự việc, sự kiện, tình huống pháp luật xảy ra trong thực tế.

Thứ năm, chủ thể giáo dục pháp luật cần nhanh chóng xây dựng chương trình GDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trong chương trình GDPL chuyên biệt này phải hàm chứa đầy đủ những nội dung kiến thức, hiểu biết pháp luật được nêu ở trên, phải xây dựng được bộ tài liệu tham khảo riêng cho từng nhóm đối tượng là người dân tộc Khmer; đảm bảo độ phù hợp cần thiết về thông tin, tri thức pháp luật cho những người dân Khmer đang sinh sống tại các phum, sóc. Khi thiết kế nội dung chương trình GDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer cần căn cứ vào nhu cầu thông tin, kiến thức pháp luật của từng nhóm đối tượng kể trên; dành vị trí thích đáng cho việc bổ sung, cập nhật kịp thời các văn bản, chính sách pháp luật mới. Quá trình triển khai nội dung GDPL cho ĐBDT Khmer phải gắn với thực tiễn sinh động của đời sống pháp luật, tránh lý luận suông, khô khan, giáo điều.

4.2.2.2. Đổi mới phương pháp giáo dục pháp luật

Việc đổi mới phương pháp GDPL cho ĐBDT Khmer bao gồm đổi mới phương pháp tổ chức GDPL, đổi mới phương pháp giảng dạy, truyền đạt kiến thức pháp luật và xây dựng phương pháp kiểm định, đánh giá kết quả GDPL.

** Đổi mới phương pháp tổ chức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Vì chưa có chương trình GDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer nên các chủ thể GDPL cũng chưa chú ý đến phương pháp tổ chức GDPL cho đối tượng này. Việc GDPL cho ĐBDT Khmer lâu nay mới chủ yếu thực hiện lồng ghép với các nhóm đối tượng khác. Chủ thể GDPL coi những người dân Khmer đang sinh sống tại khu vực đô thị và nông thôn cũng như những người dân đô thị và nông thôn là người Kinh; coi những học sinh dân tộc Khmer như những học sinh người Kinh khác... Từ đó, các chương trình, nội dung GDPL cho các đối tượng là như nhau,

không có sự chuyên biệt hóa đối tượng tiếp nhận GDPL. Trong khi đó, GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cần phải xuất phát từ những nét đặc thù khác với các nhóm đối tượng GDPL khác.

Để bảo đảm hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, các chủ thể GDPL cần đổi mới phương pháp tổ chức giáo dục theo hướng mở các lớp GDPL chỉ dành riêng cho đối tượng là ĐBDT Khmer. Cụ thể hơn, để đảm bảo nội dung GDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng dân tộc Khmer thì phải sàng lọc, phân loại ĐBDT Khmer theo các tiêu chí về địa bàn cư trú, về nhóm tuổi, về hoạt động nghề nghiệp, theo vị thế xã hội trong cộng đồng và theo nhu cầu tiếp thu kiến thức pháp luật của từng nhóm người dân Khmer trước khi GDPL cho họ.

** Đổi mới phương pháp giảng dạy, truyền đạt thông tin, kiến thức pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Có thể khẳng định rằng, phương pháp giảng dạy, truyền đạt thông tin, kiến thức pháp luật cho các đối tượng nói chung, cho ĐBDT Khmer nói riêng hiện đang là khâu yếu nhất của các BCV, TTV pháp luật của các tỉnh vùng ĐBSCL. Bởi vậy, đây là vấn đề rất cần được các cơ quan chức năng quan tâm.

Trong những năm qua, đội ngũ BCV pháp luật các cấp chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình theo kiểu độc thoại, một chiều. Phương pháp GDPL này hiện không còn phù hợp với nhiều đối tượng xã hội, trong đó có ĐBDT Khmer. Để tạo bước đột phá trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, các BCV pháp luật cần tập trung thực hiện các biện pháp nhằm hướng trọng tâm GDPL vào người học, người nghe; phát huy tính chủ động, sáng tạo của họ, buộc họ phải dành nhiều thời gian để tư duy, nghiền ngẫm thông tin pháp luật thu nhận được. Muốn vậy, trước hết, cần kết hợp hài hòa giữa phương pháp thuyết trình truyền thống với phương pháp nêu vấn đề, kết hợp việc trình bày các QPPL thực định với việc nêu các tình huống pháp luật thực tiễn hoặc giả định; tăng cường phương pháp đối thoại, thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật để lôi cuốn người nghe vào sự tranh luận, tìm ra hướng giải quyết hợp lý nhất... Chuyển mạnh từ phương thức giáo dục “lấy BCV pháp luật làm trung tâm” sang phương thức “lấy ĐBDT Khmer làm trung tâm”. Phương pháp GDPL phải luôn được cải tiến, đổi mới, tạo hấp dẫn cho ĐBDT Khmer.

** Sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau trong giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer tùy thuộc vào từng nhóm đối tượng cụ thể*

Đối với đa số ĐBDT Khmer đang sinh sống tại các phum, sóc thì các BCV, TTV pháp luật nên tập trung vào các phương pháp sau: phương pháp tuyên truyền, giải thích pháp luật; phương pháp thông tin pháp luật; phương pháp nói chuyện, trao đổi về pháp luật; phương pháp nêu gương; phương pháp tạo dư luận xã hội để GDPL. Đây là những phương pháp GDPL phù hợp với trình độ học vấn và những nét đặc thù về văn hóa, phong tục, tập quán của ĐBDT Khmer. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy, truyền đạt thông tin, kiến thức pháp luật cho ĐBDT Khmer cũng đòi hỏi phương pháp GDPL trong hội trường, nhà văn hóa... phải thật sự sinh động, hấp dẫn, cuốn hút đối tượng vào nội dung bằng phương pháp đặt câu hỏi, nêu tình huống, liên hệ với các sự việc, sự kiện pháp lý cụ thể, tạo sự tranh luận, thảo luận sôi nổi nhằm tìm hướng ra giải quyết dưới sự hướng dẫn, định hướng của BCV pháp luật. Đổi mới phương pháp GDPL cũng phải hướng tới rèn luyện cho ĐBDT Khmer kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức pháp luật vào việc giải quyết các sự kiện, tình huống pháp luật thực tiễn mà họ có thể gặp trong thực tế cuộc sống.

** Chủ thể cần sơ kết, tổng kết, đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm của các phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Từ việc sơ kết, tổng kết, đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm của các phương pháp GDPL cho ĐBDT Khmer, các chủ thể GDPL có cơ sở thực tiễn để lựa chọn những phương pháp GDPL phù hợp với ĐBDT Khmer. Chủ thể GDPL cũng phải có sự phân định nội dung GDPL và phân nhóm ĐBDT Khmer theo từng nhóm đối tượng cụ thể, tương ứng với các tiêu chí về địa bàn cư trú, về nhóm tuổi, về hoạt động nghề nghiệp, theo vị thế xã hội trong cộng đồng và theo nhu cầu tiếp thu kiến thức pháp luật của từng nhóm người dân Khmer... để sử dụng những phương pháp GDPL phù hợp, tránh được sự lãng phí không cần thiết về thời gian, công sức, tiền của... của Nhà nước và nhân dân.

** Xây dựng phương pháp đánh giá kết quả giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Thước đo để đánh giá hiệu quả GDPL chính là những kết quả cụ thể về thông tin, kiến thức pháp luật mà đối tượng tiếp nhận được sau khi kết thúc hoạt động GDPL. Để đánh giá kết quả GDPL thì cần phải có phương pháp đánh giá. Lâu

nay, trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, vấn đề này chưa được các chủ thể GDPL chú trọng đúng mức. Chính vì vậy, các chủ thể GDPL cần xây dựng được phương pháp đánh giá kết quả GDPL cho ĐBDT Khmer. Trong điều kiện hiện nay, phương pháp đánh giá kết quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có tính khả thi, phù hợp hơn cả là:

- Xây dựng phiếu thu thập ý kiến, trong đó chứa đựng những câu hỏi ngắn gọn liên quan đến nội dung pháp luật được phổ biến, giáo dục; phát ra và yêu cầu người dân Khmer trả lời phiếu ngay sau khi kết thúc buổi GDPL;

- Đề nghị những người dân Khmer đã tham dự GDPL viết bài thu hoạch, trong đó ghi rõ những thông tin, kiến thức pháp luật mà họ đã tiếp nhận được qua chuyên đề pháp luật được học tập, phổ biến;

- Xây dựng phiếu trắc nghiệm gồm các câu hỏi về nội dung pháp luật và về cách xử lý các tình huống pháp luật (thực tiễn hoặc giả định). Mỗi câu hỏi chỉ gồm 02 phương án trả lời (đúng hoặc sai). Phiếu trắc nghiệm sẽ được phát cho những người dân Khmer trả lời ngay sau khi kết thúc buổi GDPL.

4.2.2.3. Đổi mới hình thức giáo dục pháp luật

Trong những năm qua, chủ thể GDPL của các tỉnh ở ĐBSCL đã sử dụng tương đối đa dạng các hình thức PBGDPL cho các tầng lớp xã hội, trong đó có ĐBDT Khmer. Trong thời gian tới, để góp phần nâng cao chất lượng GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, các chủ thể GDPL cần tiếp tục đổi mới hình thức GDPL cho đồng bào, tập trung vào các biện pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, tiếp tục đa dạng hóa các hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer phù hợp với đặc điểm về truyền thống văn hóa, lối sống, sinh hoạt, tôn giáo và địa bàn cư trú của từng nhóm đối tượng người dân Khmer.

Hoạt động PBGDPL cho người dân ở vùng DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân được chú trọng thực hiện thông qua hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý lưu động; tư vấn pháp luật, cung cấp miễn phí thông tin, tài liệu pháp luật bằng tiếng dân tộc cho đồng bào DTTS; lồng ghép PBGDPL trong các hoạt động văn hóa truyền thống [62, khoản 2, Đ. 7].

Theo tinh thần đó, các chủ thể GDPL có thể sử dụng linh hoạt, đồng bộ nhiều hình thức GDPL, giúp ĐBDT Khmer tham dự được đông đủ, dễ tiếp thu, dễ

hiều và nhớ lâu, vận dụng được kiến thức pháp luật vào thực tế. Đối với đa số ĐBDT Khmer đang sinh sống tại các phum, sóc, hình thức GDPL được sử dụng có thể bao gồm: GDPL thông qua các cuộc họp dân, các hội nghị nhân dân, các buổi sinh hoạt tôn giáo; biên soạn sách pháp luật phổ thông bằng tiếng Khmer, đọc sách pháp luật tại Tủ sách pháp luật; sử dụng tờ gấp pháp luật; PBGDPL thông qua chuyên mục của Đài Phát thanh và Truyền hình các tỉnh vùng ĐBSCL; tổ chức các hoạt động tư vấn pháp luật. Ngoài ra, hình thức GDPL chuyên biệt thông qua hoạt động của các cơ quan xét xử, bảo vệ pháp luật cũng rất phù hợp với ĐBDT Khmer.

Thứ hai, cùng với việc đa dạng hóa hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer, cần giới hạn ở các hình thức GDPL được đối tượng coi là phù hợp với họ. Đó là các hình thức:

- Mở các lớp phổ biến, tuyên truyền pháp luật có tính chất đại trà cho ĐBDT Khmer;
- Mở các chuyên mục PBGDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer trên các phương tiện truyền thông đại chúng (các báo địa phương, Bản tin Tư pháp, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh);
- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo các chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục cho các đối tượng là ĐBDT Khmer;
- Tăng cường sử dụng hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải thông tin pháp luật trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan, ban, ngành; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của khu dân cư (phum, sóc).
- Tiếp tục phát huy hình thức GDPL thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở.

Thứ ba, từ thực tiễn GDPL, các chủ thể GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cần tiến hành tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về các hình thức GDPL cho đối tượng này, chỉ ra ưu điểm, nhược điểm của mỗi hình thức GDPL để có thể lựa chọn được những hình thức GDPL vừa hiệu quả, vừa phù hợp tối ưu đối với GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

4.2.3. Bảo đảm các điều kiện về kinh tế, chính trị, văn hóa và pháp luật cho giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

4.2.3.1. Bảo đảm các điều kiện về kinh tế

Hoạt động GDPL, về cơ bản, là lĩnh vực hoạt động tinh thần, hướng tới trang bị cho đối tượng những tri thức, hiểu biết pháp luật nhất định. Lĩnh vực hoạt động tinh thần, suy cho cùng, luôn chịu tác động, ảnh hưởng bởi sự phát triển kinh tế và các điều kiện cần thiết về kinh tế bảo đảm cho hoạt động đó. Có thể khẳng định rằng, việc nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL không thể tách rời sự đảm bảo các điều kiện về kinh tế.

** Nhà nước, các cơ quan chức năng các tỉnh ở vùng ĐBSCL cần quan tâm, đầu tư kinh phí nhiều hơn nữa cho giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL chỉ đi vào chiều sâu, thực chất và đạt hiệu quả cao khi có sự quan tâm, đầu tư nguồn kinh phí thỏa đáng từ phía Nhà nước nói chung, các cấp, các ngành ở địa phương nói riêng. Nguồn kinh phí được cung cấp đầy đủ sẽ là điều kiện quan trọng để các chủ thể GDPL củng cố, nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động GDPL, bao gồm việc nâng cấp, xây dựng mới hội trường, nhà văn hóa... rộng rãi, thoáng mát, trang bị bàn ghế đầy đủ, các thiết bị truyền thông phục vụ việc tuyên truyền, PBGDPL cho ĐBDT Khmer; đầu tư xây dựng Tủ sách pháp luật đa dạng, phong phú về số đầu sách pháp luật phổ thông, sách hướng dẫn pháp luật, các loại báo, tạp chí pháp luật, băng hình, đĩa hình về các nội dung pháp luật; xây dựng phòng đọc đủ rộng, đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu, học tập, tra cứu thông tin của người dân Khmer; in ấn các loại tài liệu pháp luật, tờ gấp pháp luật... phát miễn phí cho ĐBDT Khmer. Tất cả các hình thức GDPL đó đều cần đến kinh phí; nếu nguồn kinh phí không được đáp ứng thì khó có thể nói đến việc nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho ĐBDT Khmer.

Đầu tư kinh phí của Nhà nước và các cơ quan chức năng cũng là điều kiện thiết yếu để chủ thể GDPL của các tỉnh vùng ĐBSCL thành lập bộ phận chuyên trách GDPL cho ĐBDT Khmer, xây dựng chương trình GDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu của ĐBDT Khmer; trang bị hệ thống sách pháp luật phổ thông, tài liệu tham khảo phục vụ công tác GDPL cho ĐBDT Khmer.

Nguồn kinh phí mà Nhà nước và các cơ quan chức năng đầu tư kịp thời cũng giúp các chủ thể GDPL thực hiện tốt hơn chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ BCV pháp luật, TTV pháp luật hoặc các nhà giáo, chuyên gia pháp luật khác trực tiếp GDPL cho ĐBDT Khmer, như chế độ phụ cấp trách nhiệm, chi trả thù lao giảng dạy, tuyên truyền, phổ biến pháp luật... Chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất có tác dụng khơi dậy lòng nhiệt tình, sự tận lực, tận tâm của đội ngũ BCV, TTV đối với GDPL cho ĐBDT Khmer, từ đó, họ có sự chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng bài giảng, tập trung hoàn thành tốt việc truyền đạt thông tin, kiến thức pháp luật cho ĐBDT Khmer với chất lượng, hiệu quả cao nhất.

Một trong những yếu tố quy định chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer là trình độ tri thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ BCV, TTV pháp luật. Do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thù lao chi trả cho BCV, TTV pháp luật còn thấp, nên đội ngũ này lâu nay ít dành thời gian cho việc đọc sách, nghiên cứu tài liệu pháp luật, học tập nâng cao trình độ, không trau dồi kỹ năng nghiệp vụ... Chính vì vậy, chất lượng bài giảng, bài nói chuyện về pháp luật của họ thiếu chuyên sâu, thông tin còn nghèo nàn, chưa bám sát yêu cầu, đòi hỏi của ĐBDT Khmer. Nguồn kinh phí hạn hẹp cũng khiến chủ thể GDPL khó có thể mời được những thầy, cô giáo của các trường đại học luật, chuyên gia pháp lý trực tiếp tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ BCV pháp luật hoặc trực tiếp nói chuyện, trao đổi về pháp luật với ĐBDT Khmer. Việc Nhà nước, các cơ quan chức năng đầu tư kinh phí nhiều hơn cho GDPL là điều kiện quan trọng để có thể tổ chức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên hơn cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật, giúp nâng cao trình độ của đội ngũ này; cũng có nghĩa là bảo đảm chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

** Cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Chủ nghĩa duy vật lịch sử đã khẳng định rằng, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội. “Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ, trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ” [14, tr.15]. Hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, suy cho cùng, hướng tới mục tiêu trang bị cho đồng bào những kiến thức pháp luật, làm hình thành ý thức pháp luật của đối tượng này. Ý thức pháp luật được hình thành xuất phát từ những điều kiện kinh tế nhất định

của xã hội, phản ánh những điều kiện vật chất nhất định và chịu sự chi phối của những điều kiện vật chất đó. Theo logic đó, để bảo đảm GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL thì một trong những biện pháp quan trọng là cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho ĐBDT Khmer. Giải quyết ổn thỏa vấn đề này cũng có nghĩa là tạo dựng nền tảng để có thể nâng cao hiểu biết pháp luật của ĐBDT Khmer. Chỉ khi thu nhập được nâng lên, mức sống được cải thiện thì ĐBDT Khmer mới có thể để tâm, tập trung cho việc tham gia các buổi GDPL dành cho họ.

Trong những năm qua, tình hình mọi mặt ở những vùng có đông ĐBDT Khmer tại ĐBSCL đã có những chuyển biến tích cực, rõ nét; đời sống vật chất của ĐBDT Khmer đã được cải thiện và nâng lên đáng kể; khoảng cách phát triển của vùng ĐBDT Khmer đã từng bước được rút ngắn so với sự phát triển chung của ĐBSCL. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận đáng kể ĐBDT Khmer có đời sống vật chất khó khăn, thiếu thốn. Một trong những nguyên nhân khiến nhiều người dân Khmer không biết đến các buổi PBGDPL hoặc biết nhưng không tham gia là vì họ còn mãi mê lo việc mưu sinh. Đây cũng là lý do một số BCV, TTV pháp luật đề xuất ý kiến: “Hỗ trợ kinh phí khi tham gia các lớp tập huấn tuyên truyền phổ biến GDPL cho ĐBDT Khmer” [xem Phụ lục 2, tr.16]. Cải thiện và nâng cao đời sống vật chất cho ĐBDT Khmer là một trong những giải pháp bền vững, hiệu quả, là cơ sở bảo đảm sự thành công của GDPL cho đối tượng này, như đề xuất của một BCV pháp luật tham gia cuộc điều tra XHH: “Các cơ quan chức năng cần quan tâm hơn nữa về đời sống vật chất, tinh thần cho ĐBDT Khmer” [xem Phụ lục 2, tr.15].

Đời sống vật chất của ĐBDT Khmer chỉ có thể được cải thiện và nâng cao khi các chế độ, chính sách đãi ngộ của Nhà nước, của các tỉnh ở vùng ĐBSCL được triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo được sự ổn định về thu nhập, cải thiện, nâng cao mức sống của ĐBDT Khmer. Chẳng hạn, việc triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ đất ở, nhà ở, hỗ trợ nước sạch sinh hoạt, hỗ trợ giải quyết việc làm và dạy nghề (thực hiện Chương trình 134); xây dựng các công trình cầu, đường giao thông liên ấp, công trình thủy lợi nhỏ, nhà văn hóa, trạm y tế, chợ, xây dựng trường học, nhà cộng đồng; cấp giống nông nghiệp, giống thủy sản, hỗ trợ vốn chăn nuôi... (thực hiện Chương trình 135) đã và đang góp phần ổn định cuộc sống của các tầng lớp nhân dân ở vùng ĐBSCL, trong đó có ĐBDT Khmer. Các chế độ, chính sách đãi ngộ của Nhà nước đã từng bước cải thiện

và nâng cao đời sống vật chất cho ĐBDT Khmer. Tuy nhiên, phải thẳng thắn thừa nhận rằng, do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới và so với mặt bằng giá cả sinh hoạt chung trong vùng thì vẫn còn nhiều việc phải làm để ổn định và nâng cao thu nhập, mức sống cho ĐBDT Khmer. Đời sống vật chất được cải thiện và nâng cao là điều kiện thuận lợi hơn để ĐBDT Khmer hăng hái, nhiệt tình tham gia GDPL dành cho họ; củng cố và nâng cao ý thức pháp luật của ĐBDT Khmer.

Đời sống tinh thần của ĐBDT Khmer cũng có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc tiếp thu thông tin, kiến thức pháp luật của họ trong quá trình tham dự GDPL. Theo Quyết định số 2472/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã cấp phát 20 loại báo, tạp chí, chuyên đề cho đồng bào DTTS trong vùng về cơ bản đúng địa chỉ, đối tượng thụ hưởng, cung cấp thông tin bổ ích, thiết thực cho đồng bào DTTS. “Báo Cần Thơ Khmer ngữ cung cấp cho đồng bào DTTS khu vực ĐBSCL đã phát huy tác dụng trong việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến đồng bào DTTS, góp phần nâng cao nhận thức, ứng dụng khoa học trong sản xuất và đời sống” [96, tr.7]. Khi người dân Khmer có một đời sống tinh thần lành mạnh, trong sáng và phong phú thì đó là điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao tiếp xã hội, nâng cao trình độ nhận thức, hiểu biết về các lĩnh vực xã hội nói chung, lĩnh vực pháp luật nói riêng; là nền tảng tinh thần giúp họ nhiệt tình, hăng hái hơn trong việc tham dự GDPL. Vì vậy, Nhà nước và các cấp, các ngành của các tỉnh ở ĐBSCL cũng cần quan tâm, đầu tư nhiều hơn cho việc cải thiện, nâng cao đời sống tinh thần cho ĐBDT Khmer. Để làm được điều đó, phục vụ thiết thực cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, cần triển khai thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, Nhà nước, các cấp, các ngành thuộc các tỉnh ở vùng ĐBSCL cần thường xuyên cung cấp các loại sách pháp luật phổ thông, sách hướng dẫn pháp luật, các loại tài liệu về pháp luật, các văn bản pháp quy do các cấp chính quyền địa phương ban hành, đặc biệt là các sách, tài liệu liên quan mật thiết tới đời sống, sinh hoạt, lao động của ĐBDT Khmer, tạo điều kiện thuận lợi để họ tự tìm hiểu, tra cứu, cập nhật thông tin pháp luật. Các loại sách, tài liệu pháp luật đó phải được dịch ra tiếng Khmer hoặc in song ngữ (tiếng Việt và tiếng Khmer) để thuận tiện cho ĐBDT Khmer trong việc tra cứu, tìm hiểu.

Thứ hai, báo chí các loại là món ăn tinh thần không thể thiếu đối với mọi đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer. Các loại hình báo chí (báo hình, báo nói, báo viết) giúp ĐBDT Khmer nắm bắt kịp thời các thông tin kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, làm phong phú thêm cho họ tri thức, hiểu biết xã hội; góp phần nâng cao đời sống tinh thần của họ. Chính vì vậy, các cơ quan thông tin đại chúng phải tăng cường các nội dung, chương trình phát sóng, các ấn phẩm thông tin hướng về và phục vụ trực tiếp cho ĐBDT Khmer. Các Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh trong vùng ĐBSCL cần chú ý xây dựng các chương trình có nội dung đặc sắc, phong phú, phù hợp với truyền thống văn hóa của ĐBDT Khmer; tăng thời lượng và chất lượng phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer. Các xã, phường, thị trấn có đông ĐBDT Khmer cần chú trọng đầu tư, nâng cấp chất lượng các thiết bị tiếp âm, tiếp sóng để phục vụ ĐBDT Khmer. Thời gian phát sóng các chương trình cũng phải phù hợp với tập quán sản xuất, giờ giấc sinh hoạt của ĐBDT Khmer thì mới đạt hiệu quả thông tin. Ngoài Báo Cần Thơ, Báo Trà Vinh, Báo Bạc Liêu bằng chữ Khmer đã được phát hành miễn phí, Ban biên tập các Báo cần biên soạn, phát hành thêm các ấn phẩm có tính chuyên san, chuyên đề về pháp luật bằng tiếng Khmer để phát miễn phí cho ĐBDT Khmer.

Thứ ba, dân tộc Khmer có nhiều phong tục tập quán, lễ hội truyền thống làm nên bản sắc văn hóa của dân tộc này. Các phong tục, tập quán, lễ hội đó gắn bó mật thiết với đời sống tâm linh, tinh thần của ĐBDT Khmer từ nhiều đời nay. Do đó, các cấp, các ngành ở vùng ĐBSCL phải quan tâm nhiều hơn nữa, tạo các điều kiện thuận lợi nhất để người dân Khmer tổ chức các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội truyền thống, như Lễ hội Ók-om-bóc, Tết Chan-Chnam-Thmây...; chăm lo phát triển các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của ĐBDT Khmer, như hát Dù-kê, múa Rô-băm...; tổ chức các chương trình ca múa nhạc mang đậm tính truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc phục vụ ĐBDT Khmer, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

4.2.3.2. Bảo đảm các điều kiện về chính trị

** Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Hiện nay, trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, nâng cao trình độ dân trí về pháp luật cho nhân dân, GDPL cho ĐBDT Khmer đang

đặt ra yêu cầu phải tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Đó đồng thời là sự bảo đảm điều kiện về chính trị nhằm nâng cao hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy các tỉnh ở vùng ĐBSCL phải dành sự quan tâm, lãnh đạo sâu sát hơn nữa đối với các cấp ủy Đảng trực thuộc trong việc đề ra phương hướng, mục tiêu GDPL cho ĐBDT Khmer. Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng cần phải được thể hiện bằng các chỉ thị, nghị quyết cụ thể và sâu sát về GDPL cho ĐBDT Khmer; đồng thời, phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết đó thành văn bản pháp quy của các cấp chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng. Ngoài ra, không dừng lại ở việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết, các cấp ủy Đảng ở vùng ĐBSCL cũng cần chú trọng đẩy mạnh GDPL trong các cơ quan, tổ chức của Đảng và cho những đảng viên đang công tác trong các cơ quan, tổ chức đó; bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật cho đảng viên, củng cố ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật trong quá trình làm công tác Đảng. GDPL cho đội ngũ CBCC, đảng viên phải đi trước một bước so với GDPL cho các tầng lớp nhân dân, trong đó có ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Với vai trò là nòng cốt, hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị, các cấp ủy Đảng cần có cơ chế động viên, lôi cuốn cả hệ thống chính trị ở địa phương tham gia GDPL cho ĐBDT Khmer. Cần xác định rõ rằng, GDPL cho ĐBDT Khmer không phải chỉ là trách nhiệm của riêng các cơ quan chức năng, mà nó đòi hỏi huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Với tư cách là liên minh các thiết chế chính trị, chính trị - xã hội được thành lập, hoạt động hợp pháp trong mối liên hệ chặt chẽ với nhau, cả hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó, với tính chủ động, tích cực, sáng tạo, sẽ phát huy mạnh mẽ vai trò của mình đối với GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Từ chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, văn bản pháp quy của các cấp chính quyền địa phương về GDPL cho ĐBDT Khmer đến việc triển khai thực hiện trong thực tiễn là cả một quá trình. Quá trình đó đòi hỏi sự nghiêm túc, kịp thời trong việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về GDPL cho ĐBDT Khmer từ phía các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng cấp dưới. Thực tiễn chứng minh rằng, chỉ thị dù có đúng, nghị quyết dù có hay, phù hợp, nhưng việc tổ chức thực

hiện không được quán triệt, thông suốt từ tư tưởng đến hành động thì chỉ thị, nghị quyết cũng khó có thể đi vào cuộc sống. Chính vì vậy, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời từ phía các cấp ủy Đảng trong việc triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, văn bản pháp quy của các cấp chính quyền về GDPL cho ĐBDT Khmer có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Mỗi cấp ủy Đảng, từng chi bộ khóm, ấp, phum, sóc của các tỉnh ở vùng ĐBSCL phải coi đây là một nhiệm vụ chính trị thường xuyên, có sự chỉ đạo, nhắc nhở kịp thời nhằm thực hiện có hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer.

** Củng cố, nâng cao ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm của đồng bào dân tộc Khmer trong quá trình tham dự giáo dục pháp luật*

Ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm của ĐBDT Khmer trong quá trình tham dự GDPL là điều kiện chính trị không thể thiếu để nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL. Mỗi người dân Khmer phải xác định rằng, GDPL là để củng cố, nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật, vì lợi ích của họ chứ không phải cho ai khác. Việc tham dự GDPL nhằm lĩnh hội kiến thức pháp luật, vận dụng chúng vào thực tiễn cuộc sống, sinh hoạt, do đó, cũng phải được coi là nhiệm vụ chính trị của mỗi người dân Khmer ở vùng ĐBSCL. Ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm của ĐBDT Khmer đòi hỏi mỗi người dân Khmer phải tập trung tiếp thu tốt nội dung GDPL khi tham dự các buổi PBGDPL nhằm nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật. Có thể nói, chừng nào việc tiếp thu, nâng cao trình độ kiến thức pháp luật trở thành nhu cầu tự thân, là yếu tố thường trực trong ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm của mỗi người dân Khmer thì việc GDPL cho họ mới thực sự đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả. Chính vì vậy, cần định hướng để ĐBDT Khmer nâng cao ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm trong quá trình tham dự GDPL.

** Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở trong giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Dân chủ là người dân có quyền được nói, quyền được bày tỏ chính kiến, quyền đề xuất những giải pháp giải quyết các vấn đề hệ trọng liên quan đến sự phát triển của đất nước một cách có tổ chức, không ai có quyền truy bức về mặt tư tưởng. Điều quan trọng nhất là phải thực hiện, phát huy quy chế dân chủ ở cơ sở với yêu cầu “dân chủ phải trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; đi đôi với trật tự, kỷ

cương; quyền đi đôi với nghĩa vụ; kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ, vi phạm Hiến pháp, pháp luật, xâm phạm lợi ích Nhà nước, lợi ích của tập thể, quyền tự do dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân” [16, Đ. 4]. Theo ý nghĩa hẹp hơn, dân chủ trong GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL có nghĩa là, các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng phải đảm bảo cho ĐBDT Khmer thực hiện quyền được tiếp cận thông tin về các vấn đề liên quan đến GDPL cho họ. Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong GDPL cho ĐBDT Khmer là sự bảo đảm điều kiện chính trị cho việc nâng cao hiệu quả của hoạt động này, thể hiện ở các điểm sau:

- Các chủ thể GDPL cần công khai, minh bạch các chính sách, văn bản QPPL về GDPL, gồm các quy định về nội dung, hình thức GDPL, thời gian tổ chức hoạt động PBGDPL, phương thức đánh giá kết quả GDPL; quy định về chế độ bồi dưỡng, chi trả thù lao... Sự công khai, minh bạch sẽ tạo điều kiện thuận lợi để ĐBDT Khmer chủ động, tích cực trong việc tham dự GDPL dành cho họ, tránh được những thắc mắc, khiếu nại không đáng có.

- Các chủ thể GDPL cần bảo đảm công khai, công bằng xã hội trong thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ liên quan đến GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Có công khai, công bằng thì mới có dân chủ, vì công khai, công bằng là điều kiện để thực hiện và phát huy quyền làm chủ của ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong quá trình tham dự hoạt động GDPL.

- Đảm bảo thực hiện quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra đối với những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người dân Khmer trong quá trình tham dự các hoạt động GDPL.

- Chủ thể GDPL cần giải quyết nhanh chóng, kịp thời, dứt điểm mọi thắc mắc, khiếu nại của ĐBDT Khmer trong quá trình GDPL cho đối tượng.

4.2.3.3. Bảo đảm các điều kiện về văn hóa - xã hội

** Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Khmer phục vụ giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Theo quan điểm của Đảng ta, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu, vừa động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020, Đảng ta đã nhấn mạnh:

Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh [30, tr.126].

Văn hóa tạo nên một hệ thống các giá trị truyền thống, thẩm mỹ và lối sống mà dựa trên đó, từng dân tộc khẳng định bản sắc riêng của mình.

Các giá trị văn hóa của dân tộc Khmer ở vùng ĐBSCL là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng dân tộc Khmer sáng tạo ra trong quá trình tồn tại và phát triển của dân tộc này. Nhờ nền tảng các giá trị văn hoá truyền thống đó mà dân tộc Khmer đã giữ vững và đang phát huy bản sắc văn hóa, lối sống của dân tộc mình. Những giá trị văn hóa truyền thống đó là truyền thống đoàn kết dân tộc, ý thức tự tôn dân tộc trong sự hòa đồng với các dân tộc khác, lòng nhân ái, khoan dung, coi trọng nghĩa tình, có nhiều lễ hội văn hóa truyền thống và loại hình văn hóa - nghệ thuật đặc sắc... Những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Khmer vẫn đang phát huy vai trò trong đời sống xã hội hiện tại; nếu biết cách khơi gợi, khai thác thì các giá trị đó sẽ giúp ích rất nhiều cho việc bảo đảm hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer trong giai đoạn hiện nay. Trong GDPL cho ĐBDT Khmer, sự phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Khmer thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, truyền thống đoàn kết, ý thức tự tôn dân tộc là cơ sở để các chủ thể GDPL động viên ĐBDT Khmer cùng nhau đoàn kết, tạo nên sự đồng thuận trong nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của GDPL đối với việc nâng cao trình độ dân trí về pháp luật của ĐBDT Khmer, quyết tâm không để bị tụt hậu so với các dân tộc khác; cùng nhau thống nhất trong hành động, phấn đấu vượt qua khó khăn, cùng quyết tâm thích ứng với những đổi mới về nội dung, phương pháp, hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer, cùng đạt được mục tiêu trong quá trình tham dự hoạt động GDPL.

Thứ hai, lòng nhân ái, khoan dung, coi trọng nghĩa tình là cơ sở để các chủ thể GDPL và ĐBDT Khmer cùng tôn trọng, lắng nghe, thấu hiểu lẫn nhau; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu tiếp thu tri thức pháp luật của ĐBDT Khmer; cùng

dân chủ bàn bạc, tìm ra tiếng nói chung, hướng tới nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Thứ ba, trong những năm qua, các cấp, các ngành của các tỉnh ở vùng ĐBSCL luôn quan tâm giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Khmer, tạo các điều kiện thuận lợi trong việc tổ chức các lễ hội truyền thống, như Lễ hội Ók-om-bóc; Lễ hội Chan-Chnam-Thmây... Các cơ quan chức năng của các tỉnh cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để các Đội thông tin văn nghệ Khmer thường xuyên tổ chức các chương trình ca múa nhạc, như hát Dù-kê, múa Rô-băm mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc phục vụ ĐBDT Khmer vào các dịp lễ hội. Các giá trị văn hóa dân tộc Khmer là nền tảng tinh thần, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, giúp ĐBDT Khmer biết cách phát huy truyền thống; tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, vươn lên hoàn thành tốt việc tiếp thu nội dung GDPL.

** Khắc phục các hủ tục lạc hậu, lỗi thời đang tác động tiêu cực đến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Theo truyền thống lâu đời, con người Việt Nam thường đề cao, coi trọng các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức, phong tục, tập quán..., xem đó là phương tiện quan trọng điều chỉnh hành vi của con người. Vì lẽ đó, sự phát triển vượt trội và ưu thế của các quan hệ đạo đức so với các quan hệ chính trị, pháp luật là một thực tế rất dễ nhận thấy, thể hiện ở quan niệm “phép vua thua lệ làng”. Đây cũng là một đặc điểm nổi trội trong truyền thống văn hóa, lối sống, phong tục, tập quán của ĐBDT Khmer ở ĐBSCL. Đa số người dân Khmer làm nghề nông, sống tương đối khép kín trong các phum, sóc.

Tại các phum, sóc của cộng đồng dân tộc Khmer ở vùng ĐBSCL luôn có sự hiện diện của những thói quen, nếp sống rất căn bản của các cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, như chăm chỉ, cần cù trong lao động sản xuất, giản dị trong nếp sống, tiết kiệm trong tiêu dùng; coi trọng tình cảm xóm giềng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống... Song, bên cạnh đó, mặt trái của tính cộng đồng khép kín thường cho thấy sự nổi lên của tính cục bộ địa phương, sự hẹp hòi cá nhân, sự đề cao thái quá các chuẩn mực của gia đình, dòng tộc, sự sùng kính về mặt tôn giáo có thể bị kẻ xấu lợi dụng vào các mục đích phi pháp... Bên cạnh những tác động tích cực, những thói quen, nếp sống của người dân Khmer tại các phum, sóc cũng đang bộc lộ những hạn chế nhất định, như việc tổ chức hội hè, ma chay, cưới

xin có lúc, có nơi còn tốn kém và lãng phí; còn các phong tục lạc hậu; trình độ dân trí nói chung, dân trí về pháp luật nói riêng của đồng bào còn thấp; tình trạng lợi dụng niềm tin tôn giáo của ĐBDT Khmer để gây chia rẽ dân tộc đang có diễn biến phức tạp. Thực trạng đó đang khiến cho tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng ĐBSCL tiềm ẩn một số yếu tố phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

Từ thực tế đó, việc xây dựng lối sống văn minh, gia đình văn hóa trong cộng đồng dân tộc Khmer đang là một nội dung quan trọng được Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương trong vùng ĐBSCL quan tâm lãnh đạo sâu sát, chỉ đạo quyết liệt. Khôi phục những thuần phong mỹ tục, phát huy tính tích cực chính trị - xã hội của ĐBDT Khmer; phấn đấu vì sự công bằng xã hội; thực hiện dân chủ ở cơ sở; bài trừ mạnh mẽ các thói hư tật xấu... đang là những biện pháp quan trọng thúc đẩy cộng đồng dân tộc Khmer phát triển hài hòa, bền vững. Bởi vậy, khắc phục các hủ tục lạc hậu đang tác động tiêu cực đến GDPL cho ĐBDT Khmer, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; xây dựng phum, sóc văn hóa là góp phần bảo đảm các điều kiện về văn hóa - xã hội để nâng cao hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

4.2.3.4. Bảo đảm các điều kiện về pháp luật

**** Hoàn thiện hệ thống pháp luật***

Hệ thống pháp luật càng hoàn thiện thì càng tạo ra môi trường pháp luật ổn định, tạo điều kiện cho hoạt động GDPL diễn ra thuận lợi và hiệu quả. Khi hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, nội dung GDPL cho các đối tượng sẽ có được sự ổn định, thống nhất, cụ thể; GDPL được thực hiện dễ dàng, thuận lợi hơn. Ngược lại, tính cục bộ, thiên cận, chậm trễ, xa rời thực tiễn, thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung của các bộ luật, luật là nguyên nhân khiến cho nội dung GDPL thiếu thích ứng, cập nhật, mất ổn định; GDPL cho các đối tượng phải lặp đi, lặp lại nhiều lần, gây lãng phí, tốn kém về thời gian, công sức và tiền của mà chất lượng, hiệu quả vẫn ít được cải thiện.

Để hoàn thiện hệ thống pháp luật, cũng có nghĩa bảo đảm một trong những điều kiện cần thiết về pháp luật cho việc nâng cao hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, cần tập trung vào những biện pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường vai trò của Quốc hội trong hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Muốn có được những bộ luật, đạo luật có chất lượng cao thì nhất thiết phải có sự cải cách và đổi mới căn bản tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo hướng chuyên nghiệp hóa, tạo đột phá trong cải tiến cơ chế làm luật, nâng cao trình độ kỹ thuật lập pháp. Đảng ta đã khẳng định: “Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, trước hết là quy trình xây dựng các luật, pháp lệnh; luật, pháp lệnh cần quy định cụ thể, tăng tính khả thi để đưa nhanh vào cuộc sống” [30, tr.248].

Vai trò và vị trí của Quốc hội trước hết và chủ yếu là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Diễn đàn Quốc hội phải thực sự là tiếng nói của nhân dân thông qua các đại biểu của mình, quyết định các vấn đề có tính quốc gia. Tất cả những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định về mặt Nhà nước phải được bàn bạc dân chủ ở các kỳ họp Quốc hội và phải được thông qua dưới dạng nghị quyết có giá trị như các đạo luật, không một cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào có thể đứng ngoài phạm vi điều chỉnh của nó [71, tr.391-392].

Quốc hội cần xác định một khung pháp luật phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế làm cơ sở cho hoạt động xây dựng pháp luật; quan tâm và chỉ đạo sâu sát hơn nữa công tác xây dựng pháp luật, từ xây dựng chương trình lập pháp (ngắn hạn và dài hạn), xác định hình thức, nội dung, kết cấu văn bản pháp luật, giao cho cơ quan nào chủ trì soạn thảo dự án luật, thẩm định, phê chuẩn và ban hành cho đến giám sát quá trình thực hiện pháp luật. Đây là nội dung hết sức quan trọng nhằm đảm bảo tính khả thi cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

Các đại biểu Quốc hội cần phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm đại diện cho lợi ích của nhân dân, chủ động và sáng tạo trong hoạt động xây dựng pháp luật. Để chuẩn bị cho các kỳ họp Quốc hội, các đại biểu cần tăng cường hơn nữa các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc cử tri.

Thực tế cho thấy, chất lượng các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc cử tri của các đại biểu chưa đáp ứng được sự mong đợi của nhân dân - những người trực

tiếp bầu ra họ. Một số cuộc gặp gỡ, tiếp xúc cử tri của các đại biểu dân cử còn mang tính hình thức, chưa được đại biểu coi trọng; những người muốn gặp gỡ đại biểu để trình bày ý kiến, nguyện vọng thì không được tiếp xúc với đại biểu dân cử, trong khi những người được gặp đại biểu thì không thấy có ý kiến gì; ý kiến phản ánh của người dân chưa được quan tâm thấu đáo [54, tr.300-301].

Để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc cử tri của các đại biểu dân cử phục vụ công tác xây dựng pháp luật, cần cải tiến phương pháp và hình thức gặp gỡ, tiếp xúc cử tri của các đại biểu Quốc hội theo hướng tăng số lần gặp gỡ, mở rộng phạm vi, đối tượng gặp gỡ chứ không nên dừng lại ở những người đại diện được lựa chọn từ trước. Đại biểu dân cử chân chính phải dám lắng nghe tất cả các ý kiến của người dân, tăng cường trách nhiệm trong xây dựng pháp luật.

Thứ hai, đảm bảo cho các nhà khoa học, các chuyên gia pháp lý và đông đảo các tầng lớp nhân dân được tham gia rộng rãi vào hoạt động xây dựng pháp luật. Mở rộng, phát huy dân chủ trên phạm vi cả nước, đảm bảo cho các nhà khoa học, các chuyên gia pháp lý và đông đảo nhân dân tham gia rộng rãi vào hoạt động xây dựng pháp luật là một trong những cơ chế bảo đảm cho việc hoàn thiện pháp luật. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi làm việc gì cũng phải hỏi ý kiến nhân dân, cùng dân chúng bàn bạc. Người khẳng định: “Bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân” [51, tr.698], bởi vì “dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra” [51, tr.295]. Trước những vấn đề nan giải, phức tạp, các tầng lớp nhân dân, bằng trí tuệ tập thể, có thể đưa ra các đề nghị, khuyến cáo, lời khuyên sáng suốt, có tính chất tư vấn nhằm giải quyết tốt các vấn đề pháp luật mà thực tiễn cuộc sống đặt ra. Tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân, để đảm bảo sự tham gia ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, các nhà khoa học vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật, Đảng ta nhấn mạnh:

Chỉ đạo chặt chẽ quá trình chuẩn bị và thông qua các dự án luật, đảm bảo quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài, tránh sao chép, rập khuôn. Cần tập hợp trí tuệ của các nhà khoa học, các chuyên gia, lấy ý kiến nhân dân, nhất là các đối tượng có liên quan đến việc thi hành luật [27, tr.48].

Cần củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, trung tâm, viện nghiên cứu khoa học pháp lý, khoa học xã hội và các cơ quan nghiên cứu khoa học khác có liên quan. Các cơ quan này cần phát huy hơn nữa vai trò tiên phong, tích cực tham gia vào quá trình chuẩn bị, soạn thảo các dự án luật bằng những hình thức đa dạng, phong phú, như phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo khoa học bàn về chủ đề có liên quan đến các văn bản QPPL cần ban hành; tổ chức các cuộc khảo sát, điều tra XHH về các quan hệ xã hội đang cần có pháp luật điều chỉnh, tiến hành thăm dò dư luận xã hội, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Kết quả hoạt động của các cơ quan này sẽ là những luận cứ, minh chứng khoa học có tính thuyết phục cao, góp phần đắc lực vào việc nâng cao chất lượng của các dự án luật; cũng có nghĩa là nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Việc thu thập ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia pháp lý và nhân dân cần triển khai một cách nghiêm túc, khoa học, có chiều sâu và đi vào thực chất; thông qua các hình thức đa dạng, như tổ chức hội thảo khoa học; tạo ra các diễn đàn đóng góp ý kiến thực sự dân chủ, công khai; tổ chức các cuộc thăm dò dư luận xã hội để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; thu thập ý kiến tâm huyết của các nhà khoa học... Chỉ có phát huy dân chủ trong hoạt động xây dựng pháp luật thì mới thu hút được trí tuệ của đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào nhiệm vụ quan trọng này; giúp cho nhà làm luật tránh được sự chủ quan, duy ý chí, áp đặt thiếu khoa học.

Khi nhân dân được dân chủ bàn luận, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng pháp luật thì trong tư tưởng của họ đã dần hình thành ý thức pháp luật. Đây là điều kiện thuận lợi đối với GDPL cho nhân dân. Như vậy, muốn đạt được mục tiêu GDPL cho nhân dân nói chung, cho ĐBDT Khmer nói riêng thì Nhà nước phải không ngừng đổi mới quy trình xây dựng pháp luật, hướng tới ngày càng hoàn thiện hệ thống pháp luật.

** Rà soát, điều chỉnh, ban hành mới các văn bản pháp quy về giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer*

Trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan tâm, chỉ đạo công tác GDPL cho các đối tượng khác nhau, trong đó có đồng bào các DTTS. Riêng đối với ĐBDT Khmer, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 68-CT/TW ngày 18/4/1991 Về công tác ở vùng ĐBDT Khmer, tạo điều kiện thuận

lợi để đẩy mạnh công tác PBGDPL cho ĐBDT Khmer. Ngày 12/3/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012 với 4 Đề án trọng tâm, trong đó, Đề án 01 là Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào DTTS. Căn cứ vào Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg, UBND các tỉnh ở vùng ĐBSCL cũng đã ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình PBGDPL từ năm 2008 - 2012 của mỗi tỉnh, cũng đề cập đến 4 Đề án trọng tâm; trong đó, Đề án 01 tập trung tuyên truyền, PBGDPL cho người dân nông thôn và ĐBDT Khmer. Tuy nhiên, Đề án 01 còn chung chung, chưa phải là văn bản chuyên biệt về GDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer. Điều đó có nghĩa là, các văn bản QPPL dưới luật về GDPL chưa có quy định cụ thể, chi tiết đối với đối tượng là ĐBDT Khmer. Để khắc phục hạn chế đó, cơ quan chức năng các tỉnh vùng ĐBSCL cần tập trung giải quyết tốt các vấn đề sau:

Thứ nhất, các cơ quan có thẩm quyền của các tỉnh cần tiến hành rà soát lại các chính sách, văn bản QPPL đã được ban hành quy định về GDPL cho các đối tượng xã hội. Những văn bản nào đã lạc hậu, không còn phù hợp với giai đoạn hiện nay thì đề nghị bãi bỏ. Những văn bản nào còn hiệu lực nhưng có những điểm không hợp lý, thiếu tính thực tiễn và cần bổ sung thêm các quy định mới cho phù hợp với tình hình hiện nay thì kiến nghị các cơ quan chức năng điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp.

Thứ hai, điều kiện cần thiết, quan trọng nhất là, cơ quan có thẩm quyền của các tỉnh cần nghiên cứu để xây dựng, ban hành văn bản pháp quy quy định riêng về GDPL cho ĐBDT Khmer, trong đó quy định rõ về chủ thể chịu trách nhiệm GDPL cho ĐBDT Khmer; quy định chi tiết mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer; quy định nguồn tài chính phục vụ GDPL cho đồng bào Khmer; quy định chính sách, chế độ đãi ngộ đối với những người tham gia hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer... Một văn bản pháp quy như vậy sẽ là điều kiện pháp luật cần thiết để tăng cường, đẩy mạnh GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

4.2.4. Xã hội hóa giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Xã hội hóa GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL là hệ thống đồng bộ các biện pháp cụ thể cần phải triển khai nhằm huy động tối đa nguồn nhân lực, vật

lực của xã hội và sự tham gia của toàn xã hội vào hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, tạo nền tảng bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động này, tập trung vào các biện pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, xã hội hóa chủ thể tham gia giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer. Quan tâm đào tạo, xây dựng một đội ngũ TTV pháp luật, hòa giải viên là người dân tộc Khmer là một biện pháp xã hội hóa chủ thể GDPL cho ĐBDT Khmer hết sức quan trọng trước mắt cũng như lâu dài. Với lợi thế thông thạo ngôn ngữ dân tộc Khmer, am hiểu truyền thống văn hóa, lối sống, thói quen sinh hoạt của ĐBDT Khmer, các TTV pháp luật, hòa giải viên là người dân tộc Khmer sẽ khắc phục được những trở ngại mà đội ngũ BCV, TTV pháp luật là người Kinh đang gặp phải. Các TTV pháp luật, hòa giải viên là người dân tộc Khmer sẽ là cầu nối đưa đường lối, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với ĐBDT Khmer một cách nhanh chóng và hiệu quả. Một người dân Khmer kiến nghị: “Cần đào tạo cán bộ GDPL là người dân tộc Khmer và có uy tín trong ĐBDT Khmer” [xem Phụ lục 4, tr.34]. Do đó, các cơ quan có thẩm quyền có thể triển khai các biện pháp xã hội hóa sau:

- Mở các khóa đào tạo, các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật dành cho những người có uy tín là người dân tộc Khmer, giúp họ có kiến thức, hiểu biết về pháp luật, về kỹ năng, nghiệp vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật; từ đó, sử dụng chính họ làm TTV pháp luật, trực tiếp phổ biến, tuyên truyền pháp luật trong cộng đồng dân tộc Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Vận động, thuyết phục *các nhà sư* (Hòa thượng, Thượng tọa...) đang trụ trì trong các chùa Khmer ở vùng ĐBSCL để họ cộng tác, phối hợp tuyên truyền, GDPL cho ĐBDT Khmer. Sau khi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ cho những thành phần này, chính họ sẽ trở thành những người PBGDPL cho ĐBDT Khmer ngay tại chính các ngôi chùa Khmer. Một người dân Khmer kiến nghị: “Thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, GDPL cho đồng bào phật tử tại các chùa Khmer vào các dịp lễ, tết cổ truyền của ĐBDT Khmer” [xem Phụ lục 4, tr.34]. Nếu triển khai tốt biện pháp này thì hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer sẽ rất cao; bởi lẽ, tiếng nói của các nhà sư trụ trì trong các chùa Khmer rất có sức thuyết phục đối với ĐBDT Khmer; được ĐBDT Khmer lắng nghe và tự nguyện, tự giác làm theo.

- Thay vì đặt Tủ sách pháp luật tại trụ sở UBND xã, phường thị trấn - nơi ĐBDT Khmer thường ngần ngại khi có việc cần tìm đến, có thể thuyết phục các nhà sư trụ trì cho phép đặt Tủ sách pháp luật trong chính các ngôi chùa Khmer, bởi ngôi chùa biểu tượng tâm linh về tôn giáo, là những nơi tập trung đông ĐBDT Khmer vào những dịp lễ trọng theo tập quán, tôn giáo của đồng bào, thuận tiện cho việc mượn sách và đọc sách pháp luật.

- Mời những thầy giáo, cô giáo của các Trường Đại học Luật, chuyên gia pháp lý trực tiếp tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật hoặc trực tiếp nói chuyện, trao đổi về pháp luật cho ĐBDT Khmer.

Thứ hai, xã hội hóa nguồn kinh phí phục vụ giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer. Trong những năm qua, Nhà nước, chính quyền các tỉnh ở ĐBSCL đã dành sự quan tâm, bố trí ngân sách phục vụ GDPL cho các nhóm đối tượng, trong đó có ĐBDT Khmer. Chẳng hạn, theo Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Chương trình PBGDPL của Chính phủ của UBND tỉnh Bạc Liêu, kinh phí thường xuyên cấp cho hoạt động PBGDPL nói chung trong khoảng thời gian 2008 - 2010 là 1.480.270.000 đồng; trong đó, chi cho cấp tỉnh là 970.000.000 đồng, cấp huyện là 443.650.000 đồng và cấp xã là 66.650.000 đồng. Cũng trong thời gian 2008 - 2010, kinh phí cấp cho cấp huyện để thực hiện Chương trình PBGDPL là 365.000.000 đồng; kinh phí cấp cho cấp tỉnh để triển khai 4 Đề án của Chương trình 37 là 715.000.000 đồng [99, tr.15]. Tuy nhiên, so với yêu cầu nâng cao hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer thì sự đầu tư kinh phí đó còn dãn trải, thiếu trọng tâm và chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động này. Vì lẽ đó, ngoài nguồn ngân sách được Nhà nước đầu tư, nhất thiết phải xã hội hóa nguồn kinh phí phục vụ GDPL cho ĐBDT Khmer:

- Vận động nguồn kinh phí đóng góp từ các tổ chức phi Chính phủ, Việt kiều vì các tổ chức, cá nhân này thường rất quan tâm đầu tư phát triển cho đồng bào DTTS, các nhóm xã hội yếu thế.

- Huy động nguồn kinh phí đóng góp từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm đang hoạt động sản xuất, kinh doanh ở vùng ĐBSCL và các địa phương khác.

- Điều tiết nguồn kinh phí từ các đề án, chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn kinh phí khác.

Tiểu kết chương 4

Việc bảo đảm GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL cần dựa trên các quan điểm sau đây: 1) Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về GDPL cho đồng bào các DTTS; 2) GDPL cho ĐBDT Khmer phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo sâu sát của các cấp chính quyền; 3) Phải thu hút sự tham gia chủ động, tích cực của tất cả các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể hữu quan ở các tỉnh trong vùng; 4) Phải đổi mới đồng bộ cả về nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer; 5) Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho ĐBDT Khmer; 6) Gắn kết chặt chẽ giữa GDPL với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng ĐBDT Khmer, đáp ứng yêu cầu bảo vệ trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội trong vùng.

Để bảo đảm hiệu quả GDPL cho ĐBDT Khmer ở ĐBSCL thì trong những năm tới phải tập trung triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau: *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, năng lực của chủ thể, đối tượng trong công tác GDPL cho ĐBDT Khmer, gồm: nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật; nâng cao ý thức trách nhiệm, sự hăng hái, nhiệt tình của ĐBDT Khmer trong việc tham dự GDPL; *Thứ hai*, đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer. Về nội dung, nhanh chóng xây dựng chương trình GDPL dành riêng cho ĐBDT Khmer. Về phương pháp, phải sử dụng kết hợp nhiều phương pháp GDPL khác nhau; xây dựng phương pháp đánh giá kết quả GDPL cho ĐBDT Khmer. Về hình thức, tiếp tục đa dạng hóa các hình thức GDPL phù hợp; *Thứ ba*, bảo đảm các điều kiện về kinh tế, chính trị, văn hóa và pháp luật cho GDPL cho ĐBDT Khmer, như đầu tư kinh phí nhiều hơn nữa cho GDPL cho ĐBDT; tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong vùng đối với GDPL cho ĐBDT Khmer; khắc phục các hủ tục lạc hậu, lỗi thời đang tác động tiêu cực đến GDPL cho ĐBDT Khmer; rà soát, điều chỉnh, ban hành mới các văn bản pháp luật về GDPL cho ĐBDT Khmer; *Thứ tư*, xã hội hóa GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

KẾT LUẬN

Dưới góc độ khoa học Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật, xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, luận án đã đi sâu nghiên cứu vấn đề GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, Việt Nam và đạt được những kết quả chính sau đây:

Luận án đã tập trung phân tích, làm sáng tỏ cơ sở lý luận về GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, bao gồm: khái niệm, những đặc trưng cơ bản, vai trò của GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL. Quá trình GDPL cho ĐBDT Khmer được tạo thành bởi các yếu tố: mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL. Hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL luôn chịu sự tác động, ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm các yếu tố chủ quan (trình độ học vấn; các nhân tố tâm lý) và khách quan (yếu tố kinh tế, yếu tố chính trị và yếu tố văn hóa - xã hội). Từ sự khảo sát GDPL cho nhân dân tại một số nước trên thế giới, gồm Cộng hòa Pháp, Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Liên bang Australia, Vương quốc Thái Lan và Singapor, luận án đã rút ra được những bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL phù hợp với điều kiện và đặc trưng văn hóa của đối tượng này.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những đặc điểm về địa lý - tự nhiên - xã hội, về tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của vùng ĐBSCL, về tình hình vi phạm pháp luật ở vùng ĐBDT Khmer, luận án khẳng định rằng, tình hình đó có tác động đến mọi lĩnh vực hoạt động trên địa bàn, trong đó có hoạt động GDPL cho ĐBDT Khmer.

Dựa trên kết quả điều tra XHH với đối tượng là BCV, TTV pháp luật và ĐBDT Khmer, căn cứ vào những thông tin, tư liệu có sẵn, luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trên hai mặt: những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập của hoạt động này; chỉ ra được nguyên nhân của thực trạng đó. Từ thực tiễn GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, luận án đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm.

Luận án đã đề xuất 06 quan điểm có tính chất chỉ đạo đối với GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, gồm: 1) Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào các DTTS nói riêng; 2) GDPL cho ĐBDT Khmer phải luôn

đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo sâu sát của các cấp chính quyền địa phương; 3) Phải thu hút sự tham gia chủ động, tích cực của tất cả các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể hữu quan ở các tỉnh trong vùng; 4) Phải đổi mới đồng bộ cả về nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer; 5) Kết hợp chặt chẽ giữa GDPL với giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho ĐBDT Khmer; 6) Gắn kết chặt chẽ giữa GDPL với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng ĐBDT Khmer, đáp ứng yêu cầu bảo vệ trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội trong vùng.

Trên cơ sở đề xuất các quan điểm bảo đảm GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL, luận án luận chứng tính khả thi của các giải pháp bảo đảm GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL trong những năm tới: *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, năng lực của chủ thể, đối tượng trong GDPL cho ĐBDT Khmer; *Thứ hai*, đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL; *Thứ ba*, bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế, chính trị, văn hóa và pháp luật cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL; *Thứ tư*, xã hội hóa GDPL cho ĐBDT Khmer ở vùng ĐBSCL.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Dương Thành Trung (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Dương Thành Trung (2013), "Đặc trưng của hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở Nam Bộ", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (4), Hà Nội, tr.80-83.
3. Dương Thành Trung (2013), "Ảnh hưởng của môi trường văn hóa - xã hội đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (254), Hà Nội, tr.56-60; 64.
4. Dương Thành Trung (2015), "Quán triệt và vận dụng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long góp phần bảo đảm an ninh trật tự", *Tạp chí Cảnh sát nhân dân*, (68), Hà Nội, tr.28-34.
5. Dương Thành Trung (2015), "Đổi mới phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long", *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, (5), Hà Nội, tr.76-78.
6. Dương Thành Trung (2015), "Bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế đối với công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long", *Tạp chí Giáo dục*, (358), kỳ 2, Hà Nội, tr.60-62.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VI) (1991), *Chỉ thị 68-CT/TW ngày 18/4/1991 về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, Hà Nội.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2003), *Chỉ thị số 32/CT/TW ngày 09/12/2003 Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2007), *Báo cáo sơ kết ba năm thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011), *Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016*, Hà Nội.
5. Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc (2012), *Báo cáo số 44-BC/BCSD ngày 15/3/2012 Đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VI) về công tác ở vùng ĐBDT Khmer*, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2012), *Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011 - 2020*, Hà Nội.
7. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ (2011), *Báo cáo số 23-BC/BCĐTNB ngày 08/9/2011 Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng ĐBSCL thời kỳ 2001 - 2010*, Cần Thơ.
8. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ (2013), *Báo cáo số 123-BC/BCĐTNB ngày 02/5/2013 Tổng kết công tác tuyên truyền trong ĐBDT, tôn giáo năm 2012, phương hướng, nhiệm vụ năm 2013 vùng Tây Nam Bộ*, Cần Thơ.
9. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ (2014), *Báo cáo số 163-BC/BCĐTNB ngày 07/5/2014 Tổng kết năm 2013, phương hướng, nhiệm vụ năm 2014 về công tác tuyên truyền trong ĐBDT, tôn giáo vùng Tây Nam Bộ*, Cần Thơ.

10. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh (2006), *Lễ hội các dân tộc ở Trà Vinh*, Trà Vinh.
11. Lê Văn Bền (1997), *Giáo dục pháp luật cho người Khơ-me Nam Bộ*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Bộ Chính trị (2003), *Nghị quyết số 21/NQ-TW, ngày 20/1/2003 Ban hành về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng vùng đồng bào sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010*, Hà Nội.
13. Bộ Văn hóa - Thông tin (1993), *Củng cố và phát triển giáo dục vùng đồng bào Khmer Nam Bộ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
14. C. Mác, Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. C. Mác, Ph. Ăngghen (1999), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Chính phủ (2003), *Quy chế thực hiện dân chủ ở xã (Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07/7/2003)*, Hà Nội.
17. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (07/12/1982), *Chỉ thị số 315/CT Về việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
18. Nguyễn Văn Cường (2013), “Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu ngân sách vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020”, *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, số 11 (21).
19. Phan Hồng Dương, (2014), *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
20. Hồ Quốc Dũng (1997), *Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật ở nước ta - thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Nguyễn Việt Dũng (2000), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các đảng bộ xã vùng đồng bào Khmer tập trung ở tỉnh Kiên Giang hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Dương Văn Đại (2015), *Vai trò giáo dục pháp luật đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam thuộc Bộ Công an (Nghiên cứu trường hợp trại giam Nam Hà)*, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội.

23. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
31. Trần Ngọc Đường (1986), *Giáo dục pháp luật cho người lao động trong điều kiện đổi mới của Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Thu Hằng (2005), “Công tác tuyên truyền pháp luật đã đi vào chiều sâu”, *Báo Pháp luật Việt Nam*, (285), Hà Nội.
34. Hồ Việt Hiệp (2004), *Sự hình thành và phát triển ý thức pháp luật của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đinh Duy Hòa (2007), “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước”, *Tạp chí Cộng sản*, (774), tr.62-65.
36. Nguyễn Thái Hòa (chủ biên) (2011), *Xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer ở cơ sở xã, phường, thị trấn khu vực Tây Nam Bộ*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

37. Nguyễn Ngọc Hoàng (2000), *Đổi mới giáo dục pháp luật hệ đào tạo trung học chính trị ở nước ta hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
38. Hội Luật gia ASEAN (2009), *Hiến chương ASEAN - đưa ASEAN lên những tầm cao mới*, Hội thảo khoa học được tổ chức tại Hà Nội.
39. Hội Luật gia dân chủ quốc tế (2006), *Giáo dục pháp luật trong thời đại toàn cầu hóa (Legal Education in the Age of Globalization)*, Hội thảo khoa học, Paris, Cộng hòa Pháp.
40. Nguyễn Khắc Hùng (2009), *Các biện pháp tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
41. Đoàn Thị Thanh Huyền (2014), *Giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
42. Inpeng Younkham (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Bolykhamstay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội.
43. Khamhieng Phomemasith (2014), *Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức ở tỉnh Phông Sa Lỳ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội.
44. Lê Đình Khiên (2002), *Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính*, Luận án Phó Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
45. Khoa Nhà nước và pháp luật (1999), *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường Chính trị ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
46. Nguyễn Duy Lâm (chủ biên) (1997), *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
47. Nguyễn Đình Lộc (1987), *Ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Trường Lưu (chủ biên) (1993), *Văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

49. Dương Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp - hình thức đặc thù của giáo dục pháp luật*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
50. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Trần Thanh Nam (2001), *Phát triển đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ trong công cuộc đổi mới hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
53. Ngô Văn Nhân (2011), *Tác động của dư luận xã hội đối với ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở - lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
54. Ngô Văn Nhân (2012), *Xã hội học pháp luật (tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa, bổ sung)*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
55. Ngô Văn Nhân (2012), “Giáo dục pháp luật hay giáo dục ý thức pháp luật?”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 12 (295).
56. Nhuận Phát (2011), “Hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật qua 02 năm thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ từ năm 2008 - 2012”, *Tư pháp Bạc Liêu*, (10).
57. Hoàng Phê (1994), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Huỳnh Thanh Quang (2011), *Giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
59. Hoàng Thị Kim Quế (2003), “Bàn về ý thức pháp luật”, *Tạp chí Luật học*, (1).
60. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên) (2005), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
61. Quốc hội (1998), *Luật Giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
63. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
64. Trần Thị Sáu (2012), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
65. Sở Tư pháp Hà Nội (1993), *Giáo dục nâng cao hiểu biết pháp luật ở Thủ đô - thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp thành phố, Hà Nội.

66. Sở Tư pháp Hà Nội (1994), *Nghiên cứu tác động của gia đình đối với giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Hà Nội*, Đề tài Khoa học cấp thành phố, Hà Nội.
67. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Sóc Trăng (1998), *Truyền thống Khmer Nam Bộ*, Sóc Trăng.
68. Lê Thanh Sơn (1997), *Ngôi chùa trong đời sống văn hóa của người Khmer tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ Khoa học văn hóa, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
69. Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông (2015), *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
70. Nguyễn Quốc Sứ (2010), *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
71. Nguyễn Quốc Sứ (2011), *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
72. Nguyễn Quốc Sứ (chủ biên) (2014), *Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
73. Đinh Xuân Thảo (1996), *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
75. Lê Tiên Thịnh (2014), *Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử hình sự của Tòa án - qua thực tiễn tỉnh Thanh Hoá*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
76. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg ngày 07/1/1998 Về việc tăng cường công tác giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội.

77. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/1/1998 Về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
78. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 1067/QĐ-TTg ngày 25/11/1998 Phê duyệt Dự án xây dựng và quản lý Tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
79. Thủ tướng Chính phủ (2004), *Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010*, Hà Nội.
80. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 Về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Hà Nội.
81. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 Phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012*, Hà Nội.
82. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 9/4/2012 Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, GDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016*, Hà Nội.
83. Đỗ Lai Thúy (1996), *Sự phát triển của ý thức cá nhân qua các mẫu người văn hóa*, trong cuốn “Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay”, 2 tập, tập 2, Hà Nội.
84. Nguyễn Thanh Thủy (2001), *Quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Nguyễn Thu Thủy (2006), “Chất lượng giáo dục pháp luật và các tiêu chí đánh giá”, *Tạp chí Luật học*, số 5(72), tr.61-66.
86. Tỉnh ủy Bạc Liêu (1991), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, Bạc Liêu.

87. Trần Đức Toàn (2013), *Phổ biến, giáo dục pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý hành chính công, Học viện Hành chính, Hà Nội.
88. Trần Văn Trâm (2002), *Giáo dục pháp luật cho cán bộ công chức trên địa bàn tỉnh Bình Định - thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
89. Bùi Thị Diễm Trang (2010), *Hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật đối với đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tiến trình hội nhập phát triển của đất nước*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Dương Thành Trung (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
91. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Tập bài giảng Xã hội học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
92. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật (tái bản lần thứ 3 có sửa đổi)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
93. Đào Trí Úc (chủ nhiệm) (1995), *Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX 07-17, Hà Nội.
94. Đào Trí Úc (1997), *Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
95. Ủy ban Dân tộc (2013), *Báo cáo số 97/BC-UBDT ngày 07/11/2013 Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ Về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Hà Nội.
96. Ủy ban Dân tộc (2013), *Báo cáo số 125/BC-UBDT ngày 18/12/2013 Về tình hình vùng dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn Tây Nam Bộ năm 2013*, Hà Nội.
97. Ủy ban Dân tộc (2014), *Báo cáo số 131/BC-UBDT ngày 12/12/2014 Về tình hình vùng dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn Tây Nam Bộ năm 2014*, Hà Nội.

98. Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (2008), *Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 02/6/2008)*, Công báo số 25+26 ngày 20/6/2008, Bạc Liêu.
99. Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (2011), *Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ*, Bạc Liêu.
100. Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (2015), *Kế hoạch số 18/KH-UBND Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*, Hậu Giang.
101. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 25, Nxb Tiên bộ, Mátxcova.
102. Vanlaty Khamvanvongsa (2009), *Giáo dục pháp luật cho học viên Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội.
103. Viện Nhà nước và pháp luật (1997), *Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX- 07-17, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
104. Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý (1995), *Một số vấn đề giáo dục pháp luật ở miền núi*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1998), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số 92-98-223, Hà Nội.
106. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý (1999), *Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra thực tế về sự hiểu biết pháp luật*, Hà Nội.
107. Viện Khoa học xã hội - Thành phố Hồ Chí Minh (1980), *Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh., Thành phố Hồ Chí Minh.
108. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp (2013), *Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số nước trên thế giới*, Tài liệu tham khảo nội bộ, Hà Nội.
109. Ngô Kim Y (2001), *Đổi mới việc thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Kiên Giang hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa cộng sản khoa học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng Nga**

110. Крыгина И.А., *Правовая культура, правовое воспитание и управление правосознательным процессом в современном российском обществе*, Диссертация кандидата юридических наук, Ростов-на-Дону, 1999 г.
111. *Общая теория права. Курс лекций* /Под общей редакцией профессора В. К. Бабаева - Нижний Новгород, 1993 г.
112. Почтарь Т.М., *Правовое воспитание в педагогических вузах: вопросы методологии и методики*, Диссертация кандидата юридических наук, М., 2001 г.
113. *Теория государства и права* /Под редакцией Матузова Н. И. Малько А.В., изд. Юристъ, Москва, 2001.
114. Теория государства и права, Правовое воспитание в Российской Федерации//Авторский коллектив: Allpravo.Ru (thông tin có tại http://allpravo.ru/library/doc108p0/instrum3996/item3998.html#_ftnref5, truy cập ngày 15/10/2014).
115. Стреляева В.В., *Правовое воспитание в условиях становления правового государства*, диссертация кандидата юридических наук, Московский университет МВД России, 2008.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN

*(Mẫu phiếu dành cho Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật
các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long)*

Kính thưa Quý Ông/Bà!

Dân tộc Khmer là một trong số những dân tộc có dân số tương đối đông, có truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc với sự đa dạng, phong phú về phong tục, tập quán, lối sống, tôn giáo, tín ngưỡng và lễ nghi, cư trú tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong những năm qua, phát huy truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc, đồng bào dân tộc Khmer đã và đang có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước nói chung, vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Cùng với sự phát triển về dân trí, trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của đồng bào Khmer cũng đã có sự gia tăng đáng kể; tuy nhiên, sự hiểu biết pháp luật đó vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của tiến trình hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội cùng nhân dân trong vùng và cả nước. Nguyên nhân chính của hạn chế nói trên là do công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, dù đã được các cấp, các ngành thuộc các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long triển khai, nhưng vẫn còn bộc lộ một số điểm hạn chế, bất cập. Để tìm hiểu thực trạng của công tác này, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học: “***Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam***”.

Chúng tôi kính đề nghị Quý Ông/Bà trả lời các câu hỏi dưới đây. Ông/Bà đồng ý hoặc lựa chọn phương án trả lời nào thì xin vui lòng đánh dấu x vào ô trống () tương ứng; đối với các câu hỏi không có sẵn phương án trả lời thì Ông/Bà vui lòng ghi rõ ý kiến của mình vào các dòng để trống bên dưới câu hỏi.

Xin cảm ơn Ông/Bà!

Câu 1: Ông/Bà có phải là *người quan tâm* đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer không? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Có

2. Không

Câu 2: Ông/Bà đánh giá như thế nào về *tầm quan trọng* của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Rất quan trọng

2. Quan trọng

3. Không quan trọng lắm

4. Không quan trọng

5. Rất không quan trọng

Câu 3: Theo sự quan sát, hiểu biết của Ông/Bà, mỗi khi gặp một sự việc, sự kiện của bản thân hoặc gia đình đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được, đồng bào dân tộc Khmer thường chọn *cách giải quyết* nào sau đây? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Tự mình giải quyết theo kinh nghiệm hoặc hiểu biết pháp luật của bản thân

2. Nhờ người thân là người có kiến thức, hiểu biết pháp luật giải quyết

3. Đề nghị cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân cấp xã đứng ra giải quyết

4. Đề nghị các cơ quan chức năng của Nhà nước đứng ra giải quyết

5. Nhờ các nhà sư trong chùa đứng ra can thiệp và giải quyết

6. Nhờ luật sư thay mặt mình giải quyết

7. Cách khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 4: Là một Báo cáo viên/Tuyên truyền viên pháp luật, Ông/Bà đã từng gặp hoặc giải quyết những sự việc, sự kiện pháp lý nào xảy ra trong đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Mâu thuẫn trong gia đình người Khmer cần đến sự trợ giúp của pháp luật

2. Mâu thuẫn giữa người Khmer trong cộng đồng cần đến sự trợ giúp của pháp luật

3. Khó khăn, vướng mắc của người Khmer trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

4. Tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở trong đồng bào Khmer

5. Khiếu nại của người Khmer về cách giải quyết không thỏa đáng của các cấp chính quyền địa phương

6. Tố cáo các hành vi tiêu cực

7. Người Khmer có hành vi vi phạm pháp luật

8. Sự việc khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 5: Từ thực tiễn công tác ở địa phương, Ông/Bà đánh giá thế nào về *vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật* đối với cuộc sống, công việc của đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Rất cần thiết
2. Cần thiết
3. Không cần thiết lắm
4. Không cần thiết
5. Rất không cần thiết

Câu 6: Là một Báo cáo viên/Tuyên truyền viên pháp luật, Ông/Bà có từng *trực tiếp làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật* cho đồng bào dân tộc Khmer không? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Có
2. Không

Câu 7: Theo sự hiểu biết của Ông/Bà, các buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở địa phương được tổ chức theo *tiêu chí* nào dưới đây? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Tổ chức theo định kỳ (6 tháng/1 lần hoặc 1 năm/1 lần...)
2. Chỉ tổ chức mỗi khi có văn bản pháp luật mới cần được tuyên truyền, phổ biến
3. Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của đồng bào dân tộc Khmer
4. Tiêu chí khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 8: Những buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer mà Ông/Bà biết hoặc tham gia trong vai trò Báo cáo viên/Tuyên truyền viên pháp luật do *cơ quan chức năng* nào tổ chức? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Sở Tư pháp tỉnh hoặc các Sở, ban, ngành có liên quan
2. Phòng Tư pháp huyện hoặc các Phòng có liên quan
3. Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)
4. Cơ quan khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 9: Theo như Ông/Bà được biết, *chủ thể trực tiếp* làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là những *chủ thể* nào? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh
2. Báo cáo viên pháp luật cấp huyện
3. Tuyên truyền viên pháp luật
4. Chủ thể khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 10: Theo sự ghi nhận của Ông/Bà, *đối tượng tham dự* các lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer được tổ chức ở địa phương chủ yếu là đối tượng nào? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Tất cả những người có nhu cầu hiểu biết pháp luật đều có thể tham dự
2. Chỉ có những người đại diện cho các hộ gia đình Khmer tham dự
3. Chỉ có những người Khmer đang là cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn (phum, sóc), cán bộ các tổ chức, đoàn thể ở địa phương được tham dự
4. Đối tượng khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 11: Về nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, theo Ông/Bà, cần trang bị cho đồng bào dân tộc Khmer kiến thức, hiểu biết về những *lĩnh vực pháp luật* nào? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

- | | |
|--|--|
| 1. Hiến pháp | 5. Luật Đất đai |
| 2. Luật Lao động | 6. Luật Hôn nhân & Gia đình |
| 3. Luật Hành chính | 7. Pháp luật về thực hiện dân chủ ở cấp xã |
| 4. Luật Dân sự | 8. Các văn bản pháp quy của địa phương |
| 9. Lĩnh vực khác (<i>xin ghi rõ</i>):..... | |

Câu 12: Về phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, theo Ông/Bà, chủ thể giáo dục nên sử dụng *phương pháp* nào thì phù hợp? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Phương pháp độc thoại (chủ thể thuyết trình → đồng bào nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)
2. Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục (chia đồng bào theo nhóm → đồng bào thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → Báo cáo viên/Tuyên truyền viên kết luận)
3. Phương pháp nêu tình huống (giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → tạo tranh luận → Báo cáo viên/Tuyên truyền viên giữ vai trò điều khiển)
4. Phương pháp khác (*ghi rõ nếu có*):.....

Câu 13: Về hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, theo Ông/Bà, các cơ quan chức năng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nên sử dụng *hình thức* nào thì phù hợp? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Mở các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật có tính chất đại trà cho đồng bào Khmer
2. Mở các chuyên mục phổ biến pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình)

3. Biên soạn, in thành sách, tài liệu pháp luật dành riêng và phát miễn phí cho đồng bào dân tộc Khmer
4. Xây dựng Tủ sách pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer và đặt ở vị trí thuận tiện trong chùa Khmer để đồng bào dễ tiếp cận
5. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo các chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục cho đồng bào dân tộc Khmer
6. Mở các lớp tập huấn chuyên sâu về các chủ đề pháp luật cần phổ biến cho các thành phần chủ chốt trong đồng bào dân tộc Khmer (trưởng tộc, chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng...); sau đó, họ sẽ trực tiếp phổ biến lại cho người dân Khmer
7. Hình thức khác (*ghi rõ*):.....

Câu 14: Theo Ông/Bà, những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà đồng bào dân tộc Khmer tiếp nhận được qua các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật đã *đáp ứng như thế nào* so với yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn cuộc sống của đồng bào? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Đáp ứng ở mức độ tốt
2. Đáp ứng ở mức độ khá
3. Đáp ứng ở mức độ trung bình
4. Chưa đáp ứng được yêu cầu

Câu 15: Ông/Bà hãy chỉ ra những *nguyên nhân của những kết quả đạt được* trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn luôn quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
2. Các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng chỉ đạo sâu sát công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
3. Đội ngũ Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer
4. Đồng bào dân tộc Khmer hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật nên chủ động, tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật
5. Nguyên nhân khác (*ghi rõ*):.....

Câu 16: Theo Ông/Bà, đâu là *nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập* trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Một số cấp ủy Đảng ở địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
2. Một số cấp chính quyền, cơ quan chức năng địa phương chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
3. Một bộ phận Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật thiếu nhiệt tình, chưa tận tâm trong thực hiện nhiệm vụ nên việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn mang tính hình thức, kém hiệu quả
4. Một số đồng bào dân tộc Khmer chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật
5. Bất đồng về ngôn ngữ nên hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn nhiều hạn chế
6. Nguyên nhân khác (*ghi rõ*):.....

Câu 17: Theo Ông/Bà, cần có *những giải pháp* nào để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chủ thể, đối tượng trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
2. Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế, chính trị, văn hóa và pháp luật cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
4. Giải pháp khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 18: Từ tình hình thực tế ở địa phương, Ông/Bà có *đề xuất, kiến nghị* gì với các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long xung quanh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer?

.....

Phụ lục 2

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN

(Mẫu phiếu dành cho Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Câu 1: Ông/Bà có phải là người quan tâm đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
Biến số hợp lệ	1	Có	498	98.22	98.22	98.22
	2	Không	9	1.78	1.78	100.00
	Tổng cộng		507	100.00		
Biến số không hợp lệ			0	0.00		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 2: Ông/Bà đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
Biến số hợp lệ	1	Rất quan trọng	395	77.91	77.91	77.91
	2	Quan trọng	111	21.89	21.89	99.80
	3	Không quan trọng lắm	0	0.00	0.00	99.80
	4	Không quan trọng	0	0.00	0.00	99.80
	5	Rất không quan trọng	1	0.20	0.20	100.00
	Tổng cộng		507	100.00		
Biến số không hợp lệ			0	0.00		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 3: Theo sự quan sát, hiểu biết của Ông/Bà, mỗi khi gặp một sự việc, sự kiện của bản thân hoặc gia đình đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được, đồng bào dân tộc Khmer thường chọn *cách giải quyết* nào sau đây? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
	1	Tự mình giải quyết theo kinh nghiệm hoặc hiểu biết pháp luật của bản thân	75	14.79	14.94	14.94
<i>Biến số hợp lệ</i>	2	Nhờ người thân là người có kiến thức, hiểu biết pháp luật giải quyết	87	17.16	17.33	32.27
	3	Đề nghị cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân cấp xã đứng ra giải quyết	128	25.25	25.50	57.77
	4	Đề nghị các cơ quan chức năng của Nhà nước đứng ra giải quyết	137	27.02	27.29	85.06
	5	Nhờ các nhà sư trong chùa đứng ra can thiệp và giải quyết	53	10.45	10.56	95.62
	6	Nhờ luật sư thay mặt mình giải quyết	19	3.75	3.78	99.40
	7	Cách khác	3	0.59	0.60	100.00
	Tổng cộng			502	99.01	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			5	0.99		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 4: Là một Báo cáo viên/Tuyên truyền viên pháp luật, Ông/Bà đã từng gặp hoặc giải quyết những sự việc, sự kiện pháp lý nào xảy ra trong đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Mâu thuẫn trong gia đình người Khmer cần đến sự trợ giúp của pháp luật	206	40.63
	2	Mâu thuẫn giữa người Khmer trong cộng đồng cần đến sự trợ giúp của pháp luật	207	40.83
	3	Khó khăn, vướng mắc của người Khmer trong hoạt động sản xuất, kinh doanh	186	36.69
	4	Tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở trong đồng bào Khmer	257	50.69
	5	Khiếu nại của người Khmer về cách giải quyết không thỏa đáng của các cấp chính quyền địa phương	109	21.50
	6	Tổ cáo các hành vi tiêu cực	24	4.73
	7	Người Khmer có hành vi vi phạm pháp luật	99	19.53
	8	Sự việc khác	3	0.59
Tổng cộng			507	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 5: Từ thực tiễn công tác ở địa phương, Ông/Bà đánh giá thế nào về vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với cuộc sống, công việc của ĐBDT Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Rất cần thiết	402	79.29	79.92	79.92
	2	Cần thiết	99	19.53	19.68	99.60
	3	Không cần thiết lắm	1	0.20	0.20	99.80
	4	Không cần thiết	0	0.00	0.00	99.80
	5	Rất không cần thiết	1	0.20	0.20	100.00
		Tổng cộng	503	99.21		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			4	0.79		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 6: Là một Báo cáo viên/Tuyên truyền viên pháp luật, Ông/Bà có từng trực tiếp làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	404	79.68	81.45	81.45
	2	Không	92	18.15	18.55	100.00
		Tổng cộng	496	97.83		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			11	2.17		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 7: Theo sự hiểu biết của Ông/Bà, các buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở địa phương được tổ chức theo tiêu chí nào dưới đây? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tổ chức theo định kỳ (6 tháng/1 lần hoặc 1 năm/1 lần...)	216	42.60	43.11	43.11
	2	Chỉ tổ chức mỗi khi có văn bản pháp luật mới cần được phổ biến, giáo dục	209	41.22	41.22	84.83
	3	Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của nhân dân địa phương	67	13.21	13.21	98.20
	4	Tiêu chí khác	9	1.78	1.78	100.00
		Tổng cộng	501	98.82		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			6	1.18		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 8: Những buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho ĐBDT Khmer mà Ông/Bà biết hoặc tham gia trong vai trò Báo cáo viên/Tuyên truyền viên pháp luật do cơ quan chức năng nào tổ chức? (được chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Sở Tư pháp tỉnh hoặc các Sở, ban, ngành có liên quan	194	38.26
	2	Phòng Tư pháp huyện hoặc các Phòng có liên quan	303	59.76
	3	Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)	301	59.37
	4	Cơ quan khác	27	5.33
	Tổng cộng		507	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 9: Theo như Ông/Bà được biết, chủ thể trực tiếp làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là những chủ thể nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	233	45.96
	2	Báo cáo viên pháp luật cấp huyện	285	56.21
	3	Tuyên truyền viên pháp luật	312	61.54
	4	Chủ thể khác	28	5.52
	Tổng cộng		507	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 10: Theo sự ghi nhận của Ông/Bà, đối tượng tham dự các lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer được tổ chức ở địa phương chủ yếu là đối tượng nào? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tất cả những người có nhu cầu hiểu biết pháp luật đều có thể tham dự	303	59.76	60.72	60.72
	2	Chỉ có những người đại diện cho các hộ gia đình Khmer tham dự	90	17.75	18.04	78.76
	3	Chỉ có những người Khmer đang là cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn (phum, sóc), cán bộ các tổ chức, đoàn thể ở địa phương mới được tham dự	103	20.32	20.64	99.40
	4	Đối tượng khác	3	0.59	0.60	100.00
	Tổng cộng		499	98.42		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			8	1.58		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 11: Về nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, theo Ông/Bà, cần trang bị cho đồng bào dân tộc Khmer kiến thức, hiểu biết về những lĩnh vực pháp luật nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biển số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
Biển số hợp lệ	1	Hiến pháp	317	62.52
	2	Luật Lao động	279	55.03
	3	Luật Hành chính	158	31.16
	4	Luật Dân sự	280	55.23
	5	Luật Đất đai	361	71.20
	6	Luật Hôn nhân & Gia đình	380	74.20
	7	Pháp luật về thực hiện dân chủ ở cấp xã	244	48.13
	8	Các văn bản pháp quy của địa phương	215	42.41
	9	Lĩnh vực khác	22	4.34
		Tổng cộng	507	100.00
Biển số không hợp lệ			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 12: Về phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, theo Ông/Bà, chủ thể giáo dục nên sử dụng phương pháp nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biển số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
Biển số hợp lệ	1	Phương pháp độc thoại (chủ thể thuyết trình → đồng bào nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)	243	47.93
	2	Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục (chia đồng bào theo nhóm → đồng bào thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → Báo cáo viên/Tuyên truyền viên kết luận)	305	60.16
	3	Phương pháp nêu tình huống (giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → tạo tranh luận → Báo cáo viên/Tuyên truyền viên giữ vai trò điều khiển)	351	69.23
	4	Phương pháp khác	5	0.99
		Tổng cộng	507	100.00
Biển số không hợp lệ			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 13: Về hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer, theo Ông/Bà, các cơ quan chức năng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nên sử dụng hình thức nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
Biến số hợp lệ	1	Mở các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật có tính chất đại trà cho đồng bào Khmer	241	47.53
	2	Mở các chuyên mục phổ biến pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình)	277	54.64
	3	Biên soạn, in thành sách, tài liệu pháp luật dành riêng và phát miễn phí cho đồng bào dân tộc Khmer	235	46.35
	4	Xây dựng Tủ sách pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer và đặt ở vị trí thuận tiện trong chùa Khmer để đồng bào dễ tiếp cận	288	56.80
	5	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo các chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục cho đồng bào dân tộc Khmer	222	43.79
	6	Mở các lớp tập huấn chuyên sâu về các chủ đề pháp luật cần phổ biến cho các thành phần chủ chốt trong đồng bào dân tộc Khmer (trưởng tộc, chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng...); sau đó, họ sẽ trực tiếp phổ biến lại cho người dân Khmer	268	52.86
	7	Hình thức khác	4	0.79
Tổng cộng			507	100.00
Biến số không hợp lệ			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 14: Những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà Ông/Bà tiếp nhận được qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã *đáp ứng như thế nào* so với yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn cuộc sống của bản thân và gia đình? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
Biến số hợp lệ	1	Đáp ứng ở mức độ tốt	129	25.44	25.65	25.65
	2	Đáp ứng ở mức độ khá	190	37.48	37.77	63.42
	3	Đáp ứng ở mức độ trung bình	158	31.16	31.41	94.83
	4	Chưa đáp ứng được yêu cầu	26	5.13	5.17	100.00
Tổng cộng			503	99.21		
Biến số không hợp lệ			4	0.79		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 15: Ông/Bà hãy chỉ ra những nguyên nhân của những kết quả đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn luôn quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	397	78.30
	2	Các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng chỉ đạo sâu sát công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	324	63.91
	3	Đội ngũ Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	316	62.33
	4	Đồng bào dân tộc Khmer hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật nên chủ động, tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật	258	50.89
	5	Nguyên nhân khác	0	0.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 16: Theo Ông/Bà, đâu là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Một số cấp ủy Đảng ở địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	153	30.18
	2	Một số cấp chính quyền, cơ quan chức năng địa phương chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	211	41.62
	3	Một bộ phận Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật thiếu nhiệt tình, chưa tận tâm trong thực hiện nhiệm vụ nên việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn mang tính hình thức, kém hiệu quả	167	32.94
	4	Một số đồng bào dân tộc Khmer chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật	326	64.30
	5	Bất đồng về ngôn ngữ nên hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn nhiều hạn chế	282	55.62
	6	Nguyên nhân khác	0	0.00
Tổng cộng			507	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 17: Theo Ông/Bà, cần có *những giải pháp* nào để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chủ thể, đối tượng trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	322	63.51
	2	Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	388	76.53
	3	Bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế, chính trị, văn hóa và pháp luật cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer	324	63.91
	4	Giải pháp khác	2	0.39
	Tổng cộng		507	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			507	100.00

Câu 18: Từ tình hình thực tế ở địa phương, Ông/Bà có *đề xuất, kiến nghị* gì với các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long xung quanh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer?

STT	Các đề xuất, kiến nghị của Báo cáo viên, Tuyên truyền viên
1	Cần xây dựng tài liệu song ngữ
2	- Thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer theo định kỳ hàng tháng. Báo cáo viên, tuyên truyền viên khi phổ biến phải biết nói tiếng Khmer. - Muốn làm tốt, đạt hiệu quả cao công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer thì các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cần phải hiểu biết, thông thạo ngôn ngữ của dân tộc Khmer.
3	Chính quyền địa phương có kế hoạch phối hợp và giành một phần kinh phí để tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer. Có chính sách hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật cho người tham dự.
4	Quan tâm hơn đối với cán bộ, viên chức, công chức và đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Khmer nói riêng. Chú trọng đến đối tượng và người có uy tín trong đồng bào dân tộc
5	Khi tuyên truyền cần thêm tiếng dân tộc để cho đồng bào dễ hiểu
6	Sử dụng lực lượng tuyên truyền viên cơ sở để giáo dục thường xuyên
7	Cần sử dụng phương pháp văn hóa văn nghệ để giáo dục
8	- Thường xuyên phổ biến các văn bản pháp luật mới và vận động nhân dân, đặc biệt là dân tộc Khmer tham gia vào các buổi tuyên truyền ở địa phương - Có phương pháp giáo dục phù hợp giúp đồng bào dân tộc dễ hiểu và nắm bắt nhanh chóng
9	Giáo dục pháp luật nên gắn với các hoạt động phát triển kinh tế gia đình người dân Khmer

STT	Các đề xuất, kiến nghị của Báo cáo viên, Tuyên truyền viên
10	Chuyển tải các quy định của pháp luật bằng các tác phẩm nghệ thuật
11	Kết hợp với các hoạt động khác tại cơ sở
12	Các cấp chính quyền, cơ quan chức năng ở địa phương cần quan tâm nhiều hơn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer để họ nhận thức sâu hơn về pháp luật
13	- Cần tăng cường đội ngũ tuyên truyền viên - Mở các lớp tập huấn cho các tuyên truyền viên - Mở các cuộc thi về pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
14	- Cần tăng cường đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên nhiều hơn về số lượng và chất lượng - Mở nhiều lớp tập huấn trong đồng bào dân tộc Khmer hay các cuộc thi với hình thức quần chúng để mọi tầng lớp nhân dân hiểu rõ
15	- Cần giải thích cho các hộ dân hiểu về tầm quan trọng của hiểu biết về pháp luật như thế nào. - Cần có chế độ trong các buổi tuyên truyền pháp luật để thu hút dân đến gần với pháp luật hơn
16	- Đề nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong đồng bào dân tộc Khmer phải quan tâm đến phát triển kinh tế và gắn với tạo việc làm. - Phát huy vai trò của các vị sư, cha, người có uy tín trong đồng bào dân tộc Khmer, đẩy mạnh mô hình tổ dòng tộc tuyên truyền pháp luật - Đào tạo cán bộ, tuyên truyền viên người dân tộc Khmer - Xây dựng thiết chế văn hóa cho người Khmer
17	- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật cần được tổ chức phổ biến nhiều hơn đến những vùng sâu, vùng xa, nơi thiếu thông tin truyền thông để nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội và nâng cao dân trí
18	- Nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ của đồng bào dân tộc Khmer cho các tuyên truyền viên, báo cáo viên - Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền - Cần tổ chức định kỳ và thường xuyên hơn các lớp tuyên truyền cho đồng bào dân tộc Khmer - Tổ chức tập huấn chuyên sâu về luật đất đai, hôn nhân gia đình
19	- Kiến nghị các cấp lãnh đạo tiếp tục quan tâm hơn nữa đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc. - Nâng mức hỗ trợ kinh phí cho câu lạc bộ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở xã để có điều kiện thuận lợi thực hiện tốt nhiệm vụ - Mở các lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ năng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác ở xã
20	Công tác phổ biến giáo dục pháp luật cần được quan tâm sâu sát, tổ chức tuyên truyền phổ biến rộng rãi để nâng tầm nhận thức của người dân
21	Cần tuyên truyền nhiều nội dung thiết thực để tuyên truyền, nhằm giúp đồng bào dân tộc Khmer dễ hiểu
22	Xây dựng báo cáo viên là người dân tộc Khmer, phải có kinh nghiệm, biết nói tiếng, viết chữ Khmer.
23	- Xây dựng đội ngũ báo cáo viên có kinh nghiệm, hiểu được tiếng Khmer - Đổi mới hình thức tuyên truyền, trong đó cần quan tâm tuyên truyền bằng hình ảnh, hỗ trợ bằng các máy móc chuyên dụng
24	Báo cáo viên, tuyên truyền viên cần tuyên truyền bằng tiếng Khmer

STT	Các đề xuất, kiến nghị của Báo cáo viên, Tuyên truyền viên
25	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nội dung khoa học, ngắn gọn, dễ hiểu. Đảm bảo thời gian thích hợp để đồng bào dễ tiếp thu, hiểu và thực hiện đúng pháp luật - Tập trung tuyên truyền cho nhiều đối tượng trong đồng bào Khmer, cả về độ tuổi, mức độ phạm vi pháp luật - Bên cạnh phổ biến pháp luật, chúng ta cần quan tâm đặc biệt cho giáo dục thế hệ trẻ, đảm bảo cho tương lai thế hệ sau tiến bộ, văn minh, hiểu biết hơn. Hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần cho đồng bào và cán bộ trong điều kiện cho phép
26	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác phổ biến giáo dục pháp luật có tầm rất quan trọng, vì vậy các cấp lãnh đạo cần có sự chỉ đạo sâu sát và quan tâm đúng mực - Khi đồng bào có hiểu biết về kiến thức pháp luật, sẽ nâng tầm nhận thức từ đó góp phần nâng cao dân trí, phát triển đất nước. Công tác phổ biến pháp luật cần được tổ chức định kỳ
27	Kiến nghị các cấp lãnh đạo tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại cơ sở
28	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tích cực cho đồng bào dân tộc khi tham dự các buổi tuyên truyền - Trong tuyên truyền nên minh họa hình ảnh, máy chiếu để dễ tiếp thu
29	<ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến thường xuyên, kịp thời các văn bản pháp luật mới ban hành có liên quan đến đời sống cho các đối tượng và phù hợp với từng địa bàn - Gắn phổ biến giáo dục pháp luật với tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các phong trào thi đua yêu nước ở các địa phương cho ĐBDT Khmer nắm vững, từ đó họ tích cực tham gia thực hiện
30	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên quan tâm, củng cố, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức pháp luật cho đội ngũ làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật ở cơ sở, các hòa giải viên để nâng cao vai trò nòng cốt của lực lượng này trong công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. - Lựa chọn nội dung phổ biến giáo dục pháp luật vừa đảm bảo tính hiệu quả vừa đảm bảo tính thiết thực cho cán bộ và nhân dân. Tổ chức tập huấn bồi dưỡng về công tác GDPL theo chuyên đề và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng.
31	Trình độ học vấn của người Khmer không đồng đều, nên nhà nước cần phải quan tâm mở nhiều trường học nhằm thu hút học sinh là người Khmer vào học, cần đầu tư vào các nhà máy để thu hút lao động phổ thông, giúp tạo việc làm ổn định cho bà con Khmer
32	Trước hết cấp tỉnh phải có chương trình pháp luật tiếng dân tộc Khmer, qua đó hàng năm tổ chức kỳ thi tìm hiểu kiến thức pháp luật cho ĐBDT Khmer
33	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ kinh phí cho đồng bào dân tộc Khmer khi tham gia các lớp tập huấn - Các cơ quan chức năng cần quan tâm hơn nữa về đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc Khmer
34	Đồng bào Khmer trong cuộc sống gắn bó theo chùa và đức tin vào ông trụ trì chùa, vì vậy ta cần kết hợp phổ biến pháp luật dựa trên cơ sở nhà chùa, ta phải biên soạn tài liệu giáo dục phù hợp với quản lý của chùa.
35	Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL.
36	Quan tâm nhiều hơn đến công tác giáo dục pháp luật cho người Khmer, hàng năm tổ chức tuyên truyền bằng cách thảo luận, đưa các tình huống xử lý liên quan đến đời sống thực tế
37	Xây dựng các tình huống sát với thực tế trong việc phổ biến pháp luật, hỗ trợ kinh phí để tập huấn
38	<ul style="list-style-type: none"> - Mở nhiều lớp tập huấn, tuyên truyền pháp luật cho đồng bào dân tộc nhưng phải rút ngắn về lý thuyết, xây dựng nhiều hơn tình huống sát với thực tế nơi đồng bào dân tộc đang sinh sống - Hỗ trợ kinh phí khi tham gia các lớp tập huấn tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer.

STT	Các đề xuất, kiến nghị của Báo cáo viên, Tuyên truyền viên
39	<p>- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer cần tổ chức nhiều cuộc chuyên mục phổ biến pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer. Nhờ được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng chính quyền và các cơ quan chức năng để người Khmer hiểu rõ kiến thức pháp luật của người dân</p> <p>- Các cấp ủy Đảng chính quyền và các cơ quan chức năng cần quan tâm hơn nữa chính sách pháp luật cho người dân tộc, cần tổ chức các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật do các đối tượng là người dân tộc Khmer</p>
40	<p>Lãnh đạo cơ quan các cấp, ngoài việc chỉ đạo cảnh sát khu vực ở vùng có nhiều đồng bào Khmer thường xuyên quan tâm, tuyên truyền pháp luật thì cần phải chỉ đạo các đoàn thể, ban ngành ở địa phương tổ chức các buổi tìm hiểu về pháp luật cho đồng bào.</p>
41	<p>- Cần hỗ trợ kiến thức cho đồng bào dân tộc Khmer; hỗ trợ phương thức làm ăn, có hiệu quả kinh tế để nâng cao đời sống của người dân.</p> <p>- Hỗ trợ đồng bào chính sách khó khăn nhà ở, nâng cao trình độ dân trí, hiểu biết để họ biết cách làm ăn, tổ chức đời sống gia đình có điều kiện phát triển mọi mặt</p>
42	<p>Cần đi sâu sát, nắm tình hình cuộc sống thực tế của đồng bào dân tộc Khmer, để áp dụng chế độ giúp đỡ nhiều hơn</p>
43	<p>Chủ động duy trì định kỳ, thường xuyên tổ chức công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer để họ tiếp cận được những chính sách, chủ trương pháp luật mới</p>
44	<p>Mở các chuyên mục tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên các phương tiện thông tin đại chúng</p>
45	<p>Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đến với đồng bào dân tộc Khmer. Tổ chức hội thi, hội thảo liên quan đến phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào.</p>
46	<p>Cần tăng kinh phí cho báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp xã, để thực hiện tốt nhiệm vụ</p>
47	<p>- Cần tạo nhiều cơ hội cho đồng bào có thể tiếp thu và hiểu biết về pháp luật bằng những biện pháp thiết thực, dễ hiểu và in sâu hơn trong lòng họ.</p> <p>- Đội ngũ tuyên truyền viên cần đào tạo cho người dân tộc, người có uy tín và tín nhiệm trong cộng đồng người dân tộc</p>
48	<p>- Cần mở nhiều lớp tập huấn tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer</p> <p>- Cấp ủy đảng chính quyền địa phương cần quan tâm nhiều đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer</p> <p>- BCV, tuyên truyền viên và cán bộ dân tộc, tôn giáo phải am hiểu tiếng Khmer.</p>
49	<p>Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật phù hợp với tình hình mới.</p>
50	<p>Cấp ủy cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Đồng thời nâng cao ý thức của người dân tộc Khmer.</p>
51	<p>Các cơ quan chức năng tuyên truyền, GDPL bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú giúp cho người Khmer dễ dàng hiểu biết và chấp hành pháp luật.</p>
51	<p>Quan tâm, đầu tư thí điểm dàn nhạc "ngũ âm" cho một số chùa Khmer để sinh hoạt, giảng dạy</p>
53	<p>Đề nghị các cấp chính quyền nâng cao hơn nữa công tác phổ biến chính sách, pháp luật cho đồng bào Khmer vùng khó khăn</p>

Câu 19: Giới tính?

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Nam	343	67.65	67.65	67.65
	2	Nữ	164	32.35	32.35	100.00
	Tổng cộng		507	100.00		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 20: Lứa tuổi? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Dưới 30 tuổi	148	29.19	29.19	29.19
	2	Từ 31 đến 35 tuổi	128	25.25	25.25	54.44
	3	Từ 36 đến 40 tuổi	90	17.75	17.75	72.19
	4	Từ 41 đến 45 tuổi	36	7.10	7.10	79.29
	5	Từ 46 đến 50 tuổi	40	7.89	7.89	87.18
	6	Từ 51 đến 55 tuổi	37	7.30	7.30	95.48
	7	Trên 55 tuổi	28	5.52	5.52	100.00
		Tổng cộng	507	100.00		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 21: Trình độ học vấn cao nhất về pháp luật hiện nay của Ông/Bà? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Trung cấp luật	253	49.90	49.90	49.90
	2	Cử nhân luật	187	36.88	36.88	86.79
	3	Thạc sỹ luật	8	1.58	1.58	88.36
	4	Tiến sỹ luật	1	0.20	0.20	88.56
	5	Trình độ khác	58	11.44	11.44	100.00
		Tổng cộng	507	100.00		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 22: Cơ quan công tác hiện nay của Ông/Bà? (chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	HĐND - UBND tỉnh, Sở Tư pháp hoặc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh	116	22.88	22.88	22.88
	2	HĐND - UBND cấp huyện, Phòng Tư pháp hoặc các Ban, Ngành cấp huyện	127	25.05	25.05	47.93
	3	Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)	211	41.62	41.62	89.55
	4	Cơ quan khác	53	10.45	10.45	100.00
		Tổng cộng	507	100.00		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00		
Tổng cộng			507	100.00		

Câu 23: Nơi cư trú hiện nay của Ông (Bà)?

Mã số	Xã/Phường/ Thị trấn	Huyện/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ cộng dồn
1	An Bình	Rạch Giá	Kiên Giang	4	0.79	0.79
2	An Hòa	Rạch Giá	Kiên Giang	5	0.99	1.78
3	Bình San	Hà Tiên	Kiên Giang	2	0.39	2.17
4	Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	1	0.20	2.37
5	Đông Hưng	An Minh	Kiên Giang	1	0.20	2.56
6	Đông Yên	An Biên	Kiên Giang	5	0.99	3.55
7	Dương Đông	Phú Quốc	Kiên Giang	3	0.59	4.14
8	Hòa Hiệp	Châu Thành	Kiên Giang	1	0.20	4.34
9	Hòa Thuận	Rồng Giếng	Kiên Giang	1	0.20	4.54
10	Minh Hòa	Châu Thành	Kiên Giang	1	0.20	4.73
11	Minh Lương	Châu Thành	Kiên Giang	1	0.20	4.93
12	Ngọc Thành	Giồng Riềng	Kiên Giang	1	0.20	5.13
13	Phi Thông	Rạch Giá	Kiên Giang	1	0.20	5.33
14	Rạch Giá	Rạch Giá	Kiên Giang	1	0.20	5.52
15	Rạch Sỏi	Rạch Giá	Kiên Giang	1	0.20	5.72
16	Tân Thạnh	An Minh	Kiên Giang	1	0.20	5.92
17	TT. Hòn Đất	Hòn Đất	Kiên Giang	4	0.79	6.71

Mã số	Xã/Phường/ Thị trấn	Huyện/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ cộng dồn
18	Vân Khánh	An Minh	Kiên Giang	2	0.39	7.10
19	Vĩnh Hiệp	Rạch Giá	Kiên Giang	2	0.39	7.50
20	Vĩnh Hòa	Châu Thành	Kiên Giang	4	0.79	8.28
21	Vĩnh Lạc	Rạch Giá	Kiên Giang	6	1.18	9.47
22	Vĩnh Lợi	Rạch Giá	Kiên Giang	5	0.99	10.45
23	Vĩnh Phú	Giồng Riềng	Kiên Giang	2	0.39	10.85
24	Vĩnh Quang	Rạch Giá	Kiên Giang	1	0.20	11.05
25	Vĩnh Thanh Vân	Rạch Giá	Kiên Giang	3	0.59	11.64
26	Vĩnh Thắng	Gò Quao	Kiên Giang	1	0.20	11.83
Tổng số phiếu tỉnh Kiên Giang				60	11.83	
27	An Châu	Châu Thành	An Giang	23	4.54	16.37
28	An Hòa	Châu Thành	An Giang	4	0.79	17.16
29	Bình Hòa	Châu Thành	An Giang	3	0.59	17.75
30	Bình Khánh	Long Xuyên	An Giang	1	0.20	17.95
31	Bình Mỹ	Thoại Sơn	An Giang	1	0.20	18.15
32	Bình Thạnh	Châu Thành	An Giang	4	0.79	18.93
33	Bình Thủy	Châu Phú	An Giang	1	0.20	19.13
34	Cần Đăng	Châu Thành	An Giang	14	2.76	21.89
35	Hòa Bình Thạnh	Châu Thành	An Giang	5	0.99	22.88
36	Hòa Phú	Châu Thành	An Giang	1	0.20	23.08
37	Mỹ Bình	Long Xuyên	An Giang	2	0.39	23.47
38	Mỹ Đức	Châu Phú	An Giang	3	0.59	24.06
39	Mỹ Khánh	Long Xuyên	An Giang	1	0.20	24.26
40	Mỹ Long	Long Xuyên	An Giang	4	0.79	25.05
41	Mỹ Phước	Long Xuyên	An Giang	2	0.39	25.44
42	Phú Thuận	Thoại Sơn	An Giang	1	0.20	25.64
43	Vĩnh Lợi	Châu Thành	An Giang	2	0.39	26.04
44	Vĩnh Thành	Châu Thành	An Giang	11	2.17	28.21
Tổng số phiếu tỉnh An Giang				83	16.37	

Mã số	Xã/Phường/ Thị trấn	Huyện/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ cộng dồn
45	Định Môn	Thới Lai	Cần Thơ	55	10.85	39.05
46	Trường Long	Phong Điền	Cần Thơ	19	3.75	42.80
Tổng số phiếu tỉnh Cần Thơ				74	14.60	
47	Hòa Ân	Cầu Kè	Trà Vinh	57	11.24	54.04
Tổng số phiếu tỉnh Trà Vinh				57	11.24	
48	Phường 1	Tp. Cà Mau	Cà Mau	69	13.61	67.65
49	Phường 2	Tp. Cà Mau	Cà Mau	1	0.20	67.85
50	Phường 5	Tp. Cà Mau	Cà Mau	3	0.59	68.44
51	Phường 6	Tp. Cà Mau	Cà Mau	1	0.20	68.64
Tổng số phiếu tỉnh Cà Mau				74	14.60	
52	Tân Mỹ	Trà Ôn	Vĩnh Long	79	15.58	84.22
Tổng số phiếu tỉnh Vĩnh Long				79	15.58	
53	Châu Thới	Vĩnh Lợi	Bạc Liêu	1	0.20	84.42
54	Hiệp Thành	Tp. Bạc Liêu	Bạc Liêu	1	0.20	84.62
55	Phường 2	Tp. Bạc Liêu	Bạc Liêu	1	0.20	84.81
56	Phường 3	Tp. Bạc Liêu	Bạc Liêu	2	0.39	85.21
57	Phường 7	Tp. Bạc Liêu	Bạc Liêu	1	0.20	85.40
58	TT. Hòa Bình	Hòa Bình	Bạc Liêu	1	0.20	85.60
59	TT. Phước Long	Phước Long	Bạc Liêu	2	0.39	86.00
60	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lợi	Bạc Liêu	1	0.20	86.19
61	Vĩnh Trạch Đông	Tp. Bạc Liêu	Bạc Liêu	70	13.81	100.00
Tổng số phiếu tỉnh Bạc Liêu				80	15.78	
Tổng cộng của 07 tỉnh trong vùng				507	100.00	

Phụ lục 3**PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN**

(Mẫu phiếu dành cho ĐBDT Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Kính thưa Quý Ông/Bà!

Dân tộc Khmer là một, tín ngưỡng và lễ nghi, cư trú tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong những năm qua, phát huy truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc, đồng bào dân tộc Khmer đã và đang có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước nói chung, vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Cùng với sự phát triển về dân trí, trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của đồng bào Khmer cũng đã có sự gia tăng đáng kể; tuy nhiên, sự hiểu biết pháp luật đó vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của tiến trình hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội cùng nhân dân trong vùng và cả nước. Nguyên nhân chính của hạn chế nói trên là do công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong số những dân tộc có dân số tương đối đông, có truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc với sự đa dạng, phong phú về phong tục, tập quán, lối sống, tôn giáo cho đồng bào dân tộc Khmer, dù đã được các cấp, các ngành thuộc các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long triển khai, nhưng vẫn còn bộc lộ một số điểm hạn chế, bất cập. Để tìm hiểu thực trạng của công tác này, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học: ***“Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam”***.

Chúng tôi kính đề nghị Quý Ông/Bà trả lời các câu hỏi dưới đây. Ông/Bà đồng ý hoặc lựa chọn phương án trả lời nào thì xin vui lòng đánh dấu x vào ô trống () tương ứng; đối với các câu hỏi không có sẵn phương án trả lời thì Ông/Bà vui lòng ghi rõ ý kiến của mình vào các dòng để trống bên dưới câu hỏi.

Xin cảm ơn Ông/Bà!

Câu 5: Đề nghị Ông/Bà *tự đánh giá* về trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của bản thân? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Hiểu biết tương đối đầy đủ về hệ thống pháp luật hiện hành
2. Hiểu biết tương đối đầy đủ về một số lĩnh vực pháp luật chính, như Hiến pháp, Hình sự, Dân sự, Lao động, Hôn nhân - Gia đình, Đất đai...
3. Chỉ biết một số quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến cuộc sống, công việc hàng ngày, như các quyền, nghĩa vụ của công dân...
4. Hầu như không biết đến các quy định của pháp luật
5. Ý kiến khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 6: Ông/Bà có từng được tham dự các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật do các cơ quan chức năng ở địa phương tổ chức không? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Có
2. Không

Câu 7: Ở câu 6, nếu Ông/Bà trả lời “**Không**” thì xin vui lòng cho biết *tại sao*? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Không biết có các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật nên không tham dự
2. Biết có các buổi phổ biến pháp luật nhưng bận công chuyện nên không tham dự
3. Không quan tâm đến các quy định của pháp luật nên không tham dự
4. Đã biết rõ các quy định của lĩnh vực pháp luật được phổ biến, tuyên truyền nên không tham dự
5. Cho rằng các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm chán, tẻ nhạt, không thiết thực nên không tham dự
6. Lý do khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 8: Theo sự quan sát của Ông/Bà, các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương được tổ chức theo *tiêu chí* nào dưới đây? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Tổ chức theo định kỳ (6 tháng/1 lần hoặc 1 năm/1 lần...)
2. Chỉ tổ chức mỗi khi có văn bản pháp luật mới cần phổ biến, giáo dục
3. Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của nhân dân địa phương
4. Tiêu chí khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 9: Những buổi phổ biến, giáo dục pháp luật mà Ông/Bà có dịp tham dự do *cơ quan chức năng* nào của địa phương tổ chức? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Sở Tư pháp tỉnh hoặc các Sở, ban, ngành có liên quan
2. Phòng Tư pháp huyện hoặc các Phòng có liên quan
3. Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)
4. Cơ quan khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 10: Những người trực tiếp phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở địa phương là ai, thưa Ông/Bà? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh
2. Báo cáo viên pháp luật cấp huyện
3. Tuyên truyền viên pháp luật
4. Chủ thể khác (nếu có, xin ghi rõ):.....

Câu 11: Theo sự ghi nhận của Ông/Bà, những người tham dự các lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer được tổ chức ở địa phương là ai? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

1. Tất cả những người có nhu cầu hiểu biết pháp luật đều có thể tham dự
2. Chỉ có những người đại diện cho các hộ gia đình Khmer tham dự
3. Chỉ có những người Khmer đang là cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn (phum, sóc), cán bộ các tổ chức, đoàn thể ở địa phương được tham dự
4. Đối tượng khác (nếu có, xin ghi rõ):.....

Câu 12: Về nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, theo Ông/Bà, cần trang bị cho đồng bào dân tộc Khmer kiến thức, hiểu biết về những lĩnh vực pháp luật nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- | | |
|-------------------------------------|--|
| 1. Hiến pháp | 5. Luật Đất đai |
| 2. Luật Lao động | 6. Luật Hôn nhân & Gia đình |
| 3. Luật Hành chính | 7. Pháp luật về thực hiện dân chủ ở cấp xã |
| 4. Luật Dân sự | 8. Các văn bản pháp quy của địa phương |
| 9. Lĩnh vực khác (xin ghi rõ):..... | |

Câu 13: Về phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, theo Ông/Bà, chủ thể giáo dục nên sử dụng phương pháp nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Phương pháp độc thoại (chủ thể thuyết trình → đồng bào nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)
2. Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục (chia đồng bào theo nhóm → đồng bào thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → Báo cáo viên/Tuyên truyền viên kết luận)
3. Phương pháp nêu tình huống (giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → tạo tranh luận → Báo cáo viên/Tuyên truyền viên giữ vai trò điều khiển)
4. Phương pháp khác (ghi rõ nếu có):.....

Câu 14: Về hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer, theo Ông/Bà, các cơ quan chức năng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nên sử dụng *hình thức* nào thì phù hợp? (*được chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Mở các lớp phổ biến, GDPL có tính chất đại trà cho ĐBDT Khmer
2. Mở các chuyên mục phổ biến pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình)
3. Biên soạn, in thành sách, tài liệu pháp luật dành riêng và phát miễn phí cho đồng bào dân tộc Khmer
4. Xây dựng Tủ sách pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer và đặt ở vị trí thuận tiện trong chùa Khmer để đồng bào dễ tiếp cận
5. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo các chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục cho đồng bào dân tộc Khmer
6. Mở các lớp tập huấn chuyên sâu về các chủ đề pháp luật cần phổ biến cho các thành phần chủ chốt trong đồng bào dân tộc Khmer (trưởng tộc, chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng...); sau đó, họ sẽ trực tiếp phổ biến lại cho người dân Khmer
7. Hình thức khác (*ghi rõ*):.....

Câu 15: Những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà Ông/Bà tiếp nhận được qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã *đáp ứng như thế nào* so với yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn cuộc sống của bản thân và gia đình? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

1. Đáp ứng ở mức độ tốt
2. Đáp ứng ở mức độ khá
3. Đáp ứng ở mức độ trung bình
4. Chưa đáp ứng được yêu cầu

Câu 16: Ông/Bà hãy chỉ ra những *nguyên nhân của những kết quả đạt được* trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn luôn quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
2. Các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng chỉ đạo sâu sát công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
3. Đội ngũ Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer

4. Đồng bào dân tộc Khmer hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật nên chủ động, tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật
5. Nguyên nhân khác (*ghi rõ*):.....

Câu 17: Theo Ông/Bà, đâu là *nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập* trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Một số cấp ủy Đảng ở địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
2. Một số cấp chính quyền, cơ quan chức năng địa phương chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
3. Một bộ phận Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật thiếu nhiệt tình, chưa tận tâm trong thực hiện nhiệm vụ nên việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn mang tính hình thức, kém hiệu quả
4. Một số đồng bào dân tộc Khmer chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật
5. Bất đồng về ngôn ngữ nên hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn nhiều hạn chế
6. Nguyên nhân khác (*ghi rõ*):.....

Câu 18: Theo Ông/Bà, cần có *những giải pháp* nào để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chủ thể, đối tượng trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
2. Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế, chính trị, văn hóa và pháp luật cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
4. Giải pháp khác (*nếu có, xin ghi rõ*):.....

Câu 19: Từ tình hình thực tế ở địa phương, Ông/Bà có *đề xuất, kiến nghị* gì với các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long xung quanh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer?

.....

Phụ lục 4

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN

(Mẫu phiếu dành cho đồng bào dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Câu 1: Trong cuộc sống, công việc hàng ngày Ông/Bà có thường gặp các sự việc, sự kiện đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
Biến số hợp lệ	1	Có	1025	97.34	97.71	97.71
	2	Không	24	2.28	2.29	100.00
	Tổng cộng		1049	99.62		
Biến số không hợp lệ			4	0.38		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 2: Mỗi khi gặp một sự việc, sự kiện của bản thân hoặc gia đình đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được, Ông/Bà lựa chọn cách giải quyết nào sau đây? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
Biến số hợp lệ	1	Tự mình giải quyết theo kinh nghiệm hoặc hiểu biết pháp luật của bản thân	322	30.58	31.08	31.08
	2	Nhờ người thân là người có kiến thức, hiểu biết pháp luật giải quyết	178	16.90	17.18	48.26
	3	Đề nghị cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân cấp xã đứng ra giải quyết	226	21.46	21.81	70.08
	4	Đề nghị các cơ quan chức năng của Nhà nước đứng ra giải quyết	210	19.94	20.27	90.35
	5	Nhờ các nhà sư trong chùa đứng ra can thiệp và giải quyết	76	7.22	7.34	97.68
	6	Nhờ luật sư thay mặt mình giải quyết	23	2.18	2.22	99.90
	7	Cách khác	1	0.09	0.10	100.00
	Tổng cộng		1036	98.39		
Biến số không hợp lệ			17	1.61		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 3: Sự việc, sự kiện pháp lý mà Ông/Bà đã từng gặp và phải giải quyết là sự việc, sự kiện nào dưới đây (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Mâu thuẫn trong gia đình cần đến sự trợ giúp của pháp luật	369	35.04
	2	Mâu thuẫn với người ngoài cần đến sự trợ giúp của pháp luật	522	49.57
	3	Khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh	133	12.63
	4	Tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở	358	34.00
	5	Khiếu nại cách giải quyết không thỏa đáng của các cấp chính quyền	146	13.87
	6	Tố cáo các hành vi tiêu cực	151	14.34
	7	Bản thân hoặc người thân đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật	63	5.98
	8	Sự việc khác	0	0.00
		Tổng cộng	1053	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 4: Từ thực tế cuộc sống, công việc của bản thân và gia đình, Ông/Bà đánh giá thế nào về vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với cuộc sống, lao động, sinh hoạt của ĐBDT Khmer? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Rất cần thiết	789	74.93	75.36	75.36
	2	Cần thiết	233	22.13	22.25	97.61
	3	Không cần thiết lắm	24	2.28	2.29	99.90
	4	Không cần thiết	1	0.09	0.10	100.00
	5	Rất không cần thiết	0	0.00	0.00	100.00
		Tổng cộng	1047	99.43		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			6	0.57		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 5: Đề nghị Ông/Bà tự đánh giá về trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của bản thân? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Hiểu biết tương đối đầy đủ về hệ thống pháp luật hiện hành	182	17.28	17.76	17.76
	2	Hiểu biết tương đối đầy đủ về một số lĩnh vực pháp luật chính, như Hiến pháp, Hình sự, Dân sự, Lao động, Hôn nhân - Gia đình, Đất đai...	260	24.69	25.37	43.12
	3	Chỉ biết một số quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến cuộc sống, công việc hàng ngày, như các quyền, nghĩa vụ của công dân...	550	52.23	53.66	96.78
	4	Hầu như không biết đến các quy định của pháp luật	33	3.13	3.22	100.00
	5	Ý kiến khác	0	0.00	0.00	100.00
	Tổng cộng			1025	97.34	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			28	2.66		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 6: Ông/Bà có từng được tham dự các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật do các cơ quan chức năng ở địa phương tổ chức không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Có	827	78.54	88.73	88.73
	2	Không	105	9.97	11.27	100.00
	Tổng cộng			932	88.51	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			121	11.49		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 7: Ở câu 6, nếu Ông/Bà trả lời “**Không**” thì xin vui lòng cho biết *tại sao?* (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Không biết có các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật nên không tham dự	173	16.43	24.71	24.71
	2	Biết có các buổi phổ biến pháp luật nhưng bận công chuyện nên không tham dự	351	33.33	50.14	74.86
	3	Không quan tâm đến các quy định của pháp luật nên không tham dự	90	8.55	12.86	87.71
	4	Đã biết rõ các quy định của lĩnh vực pháp luật được phổ biến, tuyên truyền nên không tham dự	52	4.94	7.43	95.14
	5	Cho rằng các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm chán, tẻ nhạt, không thiết thực nên không tham dự	34	3.23	4.86	100.00
	6	Lý do khác	0	0.00	0.00	100.00
			Tổng cộng	700	66.48	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			353	33.52		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 8: Theo sự quan sát của Ông/Bà, các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương được tổ chức theo *tiêu chí* nào dưới đây? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tổ chức theo định kỳ (6 tháng/1 lần hoặc 1 năm/1 lần...)	412	39.13	39.92	39.92
	2	Chỉ tổ chức mỗi khi có văn bản pháp luật mới cần được phổ biến, giáo dục	427	40.55	41.38	81.30
	3	Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của nhân dân địa phương	191	18.14	18.51	99.81
	4	Tiêu chí khác	2	0.19	0.19	100.00
			Tổng cộng	1032	98.01	
<i>Biến số không hợp lệ</i>			21	1.99		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 9: Những buổi phổ biến, giáo dục pháp luật mà Ông/Bà có dịp tham dự do cơ quan chức năng nào của địa phương tổ chức? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Sở Tư pháp tỉnh hoặc các Sở, ban, ngành có liên quan	298	28.30
	2	Phòng Tư pháp huyện hoặc các Phòng có liên quan	331	31.43
	3	Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)	694	65.91
	4	Cơ quan khác	6	0.57
		Tổng cộng	1053	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 10: Những người trực tiếp phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở địa phương là ai, thưa Ông/Bà? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	291	27.64
	2	Báo cáo viên pháp luật cấp huyện	387	36.75
	3	Tuyên truyền viên pháp luật	610	57.93
	4	Chủ thể khác	17	1.61
		Tổng cộng	1053	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 11: Theo sự ghi nhận của Ông/Bà, những người tham dự các lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer được tổ chức ở địa phương là ai? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tất cả những người có nhu cầu hiểu biết pháp luật đều có thể tham dự	511	48.53	50.10	50.10
	2	Chỉ có những người đại diện cho các hộ gia đình Khmer tham dự	264	25.07	25.88	75.98
	3	Chỉ có những người Khmer đang là cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn (phum, sóc), cán bộ các tổ chức, đoàn thể ở địa phương mới được tham dự	244	23.17	23.92	99.90
	4	Đối tượng khác	1	0.09	0.10	100.00
		Tổng cộng	1020	96.87		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			33	3.13		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 12: Về nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, theo Ông/Bà, cần trang bị cho đồng bào dân tộc Khmer kiến thức, hiểu biết về những lĩnh vực pháp luật nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Hiến pháp	420	39.89
	2	Luật Lao động	310	29.44
	3	Luật Hành chính	257	24.41
	4	Luật Dân sự	320	30.39
	5	Luật Đất đai	431	40.93
	6	Luật Hôn nhân & Gia đình	471	44.73
	7	Pháp luật về thực hiện dân chủ ở cấp xã	358	34.00
	8	Các văn bản pháp quy của địa phương	340	32.29
	9	Lĩnh vực khác	7	0.66
		Tổng cộng	1053	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 13: Về phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, theo Ông/Bà, chủ thể giáo dục nên sử dụng phương pháp nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Phương pháp độc thoại (chủ thể thuyết trình → đồng bào nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)	497	47.20
	2	Phương pháp thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục (chia đồng bào theo nhóm → đồng bào thảo luận → đưa ra ví dụ thực tế → Báo cáo viên/Tuyên truyền viên kết luận)	518	49.19
	3	Phương pháp nêu tình huống (giới thiệu nội dung chính → nêu tình huống → tạo tranh luận → Báo cáo viên/Tuyên truyền viên giữ vai trò điều khiển)	530	50.33
	4	Phương pháp khác	2	0.19
			Tổng cộng	1053
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 14: Về hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBĐT Khmer, theo Ông/Bà, các cơ quan chức năng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nên sử dụng hình thức nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Mở các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật có tính chất đại trà cho đồng bào Khmer	531	50.43
	2	Mở các chuyên mục phổ biến pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình)	454	43.11
	3	Biên soạn, in thành sách, tài liệu pháp luật dành riêng và phát miễn phí cho đồng bào dân tộc Khmer	343	32.57
	4	Xây dựng Tủ sách pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc Khmer và đặt ở vị trí thuận tiện trong chùa Khmer để đồng bào dễ tiếp cận	413	39.22
	5	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo các chủ đề pháp luật cần phổ biến, giáo dục cho đồng bào dân tộc Khmer	344	32.67
	6	Mở các lớp tập huấn chuyên sâu về các chủ đề pháp luật cần phổ biến cho các thành phần chủ chốt trong đồng bào dân tộc Khmer (trưởng tộc, chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng...); sau đó, họ sẽ trực tiếp phổ biến lại cho người dân Khmer	449	42.64
	7	Hình thức khác	0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 15: Những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà Ông/Bà tiếp nhận được qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã *đáp ứng như thế nào* so với yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn cuộc sống của bản thân và gia đình? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Đáp ứng ở mức độ tốt	422	40.08	40.62	40.62
	2	Đáp ứng ở mức độ khá	319	30.29	30.70	71.32
	3	Đáp ứng ở mức độ trung bình	270	25.64	25.99	97.31
	4	Chưa đáp ứng được yêu cầu	28	2.66	2.69	100.00
Tổng cộng			1039	98.67		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			14	1.33		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 16: Ông/Bà hãy chỉ ra những nguyên nhân của những kết quả đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn luôn quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	677	64.29
	2	Các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng chỉ đạo sâu sát công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	455	43.21
	3	Đội ngũ Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	414	39.32
	4	Đồng bào dân tộc Khmer hiểu được vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật nên chủ động, tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật	374	35.52
	5	Nguyên nhân khác	8	0.76
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 17: Theo Ông/Bà, đâu là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Một số cấp ủy Đảng ở địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	404	38.37
	2	Một số cấp chính quyền, cơ quan chức năng địa phương chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	294	27.92
	3	Một bộ phận Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật thiếu nhiệt tình, chưa tận tâm trong thực hiện nhiệm vụ nên việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn mang tính hình thức, kém hiệu quả	391	37.13
	4	Một số đồng bào dân tộc Khmer chưa chủ động, tích cực tham dự các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật	539	51.19
	5	Bất đồng về ngôn ngữ nên hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer còn nhiều hạn chế	389	36.94
	6	Nguyên nhân khác	0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 18: Theo Ông/Bà, cần có *những giải pháp* nào để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ĐBDT Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (*được chọn nhiều phương án trả lời*)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chủ thể, đối tượng trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	714	67.81
	2	Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	458	43.49
	3	Bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế, chính trị, văn hóa và pháp luật cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer	537	51.00
	4	Giải pháp khác	0	0.00
		Tổng cộng	1053	100.00
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00
Tổng cộng			1053	100.00

Câu 19: Từ tình hình thực tế ở địa phương, Ông/Bà có *đề xuất, kiến nghị* gì với các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long xung quanh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer?

STT	Các đề xuất, kiến nghị của đồng bào dân tộc Khmer
1	Cần quan tâm nhiều hơn đến người già đồng bào dân tộc Khmer và hỗ trợ các quyền lợi hơn nữa để họ yên tâm, tin tưởng đến chính quyền địa phương khi họ cần và cũng như phổ biến pháp luật rộng rãi để họ nắm rõ
2	Cần phổ biến pháp luật nhiều hơn nữa
3	Cần đào tạo cán bộ người dân tộc Khmer
4	Cần phổ biến pháp luật cho người dân tộc nhiều hơn
5	Cần quan tâm đến học sinh đồng bào dân tộc Khmer
6	Cần giải quyết việc làm cho đồng bào người dân tộc Khmer
7	Quan tâm hơn nữa tới việc học tập của con em người dân tộc Khmer
8	Cần chăm lo cho đời sống của cán bộ, đồng bào dân tộc Khmer
9	Cần tổ chức các buổi tập huấn, tuyên truyền nhiều hơn nữa để người dân hiểu biết nhiều hơn về pháp luật
10	Tổ chức thường xuyên các buổi giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
11	Kiến nghị các cấp Đảng, chính quyền ở địa phương quan tâm hơn tới việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo ở vùng có đồng bào dân tộc sinh sống, đồng thời thường xuyên phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào Khmer
12	- Quan tâm chăm lo đến đời sống của người dân tộc Khmer, tổ chức tuyên truyền pháp luật rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. - Tổ chức tuyên truyền tập trung thông qua việc lồng ghép và kết hợp với các sự chùa, nơi có người Khmer sinh sống và những ngày lễ tết

STT	Các đề xuất, kiến nghị của đồng bào dân tộc Khmer
13	Các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, để cho đồng bào dân tộc Khmer nắm được pháp luật, hiến pháp mà Đảng và nhà nước đã đề ra.
14	<ul style="list-style-type: none"> - Cần quan tâm hơn nữa về mọi mặt đời sống của đồng bào dân tộc Khmer, nhất là về việc làm. - Tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức đến từng xóm ấp có đồng bào sinh sống,
15	<ul style="list-style-type: none"> - Các cấp chính quyền, cơ quan chức năng cần quan tâm, chỉ đạo sâu sát hơn nữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer. - Thường xuyên mở lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người dân, ở địa phương có thể mở các buổi tọa đàm, diễn đàn để người dân tộc có thắc mắc gì về pháp luật có thể đặt câu hỏi và được trả lời.
16	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cần triển khai pháp luật đến với đồng bào dân tộc thiểu số, báo cáo viên tuyên truyền viên chuyên về các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc hiểu biết. - Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đến với đồng bào dân tộc thiểu số. - Vì đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, cần có các chính sách hỗ trợ vốn để làm ăn và vượt khó tiến tới làm giàu chính đáng.
17	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có cán bộ chủ chốt làm công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là người dân tộc Khmer và có uy tín trong đồng bào dân tộc. Lựa chọn người tuyên truyền pháp luật phải là người có kỹ năng, nhiệt tình, am hiểu pháp luật, nếu báo cáo viên pháp luật là cán bộ, công chức người dân tộc Khmer thì càng tốt. - Thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho đồng bào phật tử tại các chùa Khmer vào các lễ, tết cổ truyền của đồng bào dân tộc Khmer.
18	<ul style="list-style-type: none"> - Cần đào tạo bồi dưỡng đồng bào dân tộc Khmer nói chung và tạo điều kiện cho những cán bộ người dân tộc Khmer nâng cao trình độ học vấn, nhận thức nói chung và kiến thức, hiểu biết pháp luật nói riêng. - Chính quyền cần quan tâm sâu sắc hơn nữa về công tác giáo dục, phổ biến pháp luật cho đồng bào Khmer - Mở các lớp tập huấn, các cuộc thi liên quan đến những kiến thức, hiểu biết về pháp luật,...
19	- Cần tăng cường hơn nữa công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer. Trong việc tuyên truyền cần đổi mới hình thức, phương pháp để đồng bào dễ tiếp thu, cần đưa ra những tình huống cụ thể để cùng đồng bào bàn bạc giải quyết. Nên sử dụng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người Khmer
20	Cần mở nhiều lớp học tuyên truyền
21	Tích cực tuyên truyền cho bà con người dân tộc hiểu biết, tôn trọng, học và làm theo hiến pháp, pháp luật của Nhà nước
22	- Cần luôn quan tâm đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, phải đi sát vào thực tế, đến từng địa bàn kiểm tra, tuyên truyền, tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn, nguyện vọng của đồng bào dân tộc Khmer
23	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer - Cần có chính sách đào tạo nguồn nhân lực có trình độ lên công tác

STT	Các đề xuất, kiến nghị của đồng bào dân tộc Khmer
24	Có chế độ chính sách tốt với người dân tộc
25	- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong đồng bào dân tộc. - Có chính sách đào tạo trình độ ngoại ngữ cho cán bộ làm công tác tuyên truyền.
26	Cần có sự quan tâm đến đội ngũ cán bộ, nên am hiểu tiếng Khmer để có thể tuyên truyền đến bà con.
27	Giúp vay vốn phát triển kinh tế gia đình
28	Các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cần quan tâm nhiều hơn trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
29	Rất cần sự quan tâm của các cấp chính quyền
30	Cần phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer rộng rãi hơn, thiết thực hơn
31	Nên phổ biến, giáo dục pháp luật rộng rãi hơn nữa với nhiều hình thức để đồng bào dân tộc Khmer nắm rõ, hiểu hơn về pháp luật và cần hỗ trợ các quyền lợi cần thiết về kinh tế
32	Mở nhiều cuộc phổ biến luật hôn nhân gia đình, luật hình sự, đất đai để giúp bà con dân tộc nhận thức tốt
33	Dạy nghề miễn phí, giới thiệu việc làm cho người dân tộc
34	Hỗ trợ giúp người dân tộc Khmer có những quyền lợi và phổ biến pháp luật nhiều hơn nữa
35	Đồng bào dân tộc Khmer cần có sự quan tâm về quyền lợi, cần sự hỗ trợ trong kinh tế, cần quan tâm đến người già trong đồng bào dân tộc Khmer và phổ biến giáo dục pháp luật rộng rãi hơn để người Khmer hiểu
36	Dạy nghề miễn phí, giới thiệu việc làm cho người dân tộc
37	Quan tâm nhiều hơn đến người Khmer để được hưởng các chế độ và hiểu thêm, sâu sát hơn trong phổ biến pháp luật
38	- Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tộc - Giúp vay vốn phát triển ngành nghề
39	Nên có những chương trình ưu đãi đối với những người dân tộc Khmer và cần quan tâm nhiều hơn nữa đến người dân tộc Khmer trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật
40	Cho vay vốn sản xuất kinh doanh
41	Đồng bào dân tộc Khmer cần có sự quan tâm về quyền lợi, cần sự hỗ trợ trong kinh tế, cần quan tâm đến người già trong đồng bào dân tộc Khmer và phổ biến giáo dục pháp luật rộng rãi hơn để người Khmer hiểu
42	Thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer. Đổi mới hình thức tuyên truyền để thu hút đồng bào dân tộc Khmer hơn nữa.
43	Cần phối hợp với chính quyền địa phương mở nhiều lớp kiến thức pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer
44	- Cần quan tâm chăm lo hơn nữa đối với bà con là người dân tộc Khmer - Tạo điều kiện giúp đỡ hộ dân tộc Khmer tham gia phát triển kinh tế, thoát nghèo, bền vững

STT	Các đề xuất, kiến nghị của đồng bào dân tộc Khmer
45	<p>- Các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cần quan tâm nhiều hơn trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer.</p> <p>- Cần làm mới lại đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; tăng thêm sự nhiệt tình, năng động, linh hoạt của họ trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; đồng thời, loại bỏ những báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật không nhiệt tình trong công tác, góp phần xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có chất lượng, nhiệt tình, tâm huyết trong công việc, nâng cao khả năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer đạt được kết quả cao.</p>
46	Luôn quan tâm trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số
47	Luôn quan tâm trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số
48	Tăng cường hơn nữa đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật
49	Nâng cao hiểu biết pháp luật của các cán bộ ấp khóm
50	Xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên giỏi chuyên môn, nhiệt tình hăng hái, giao tiếp được bằng tiếng Khmer
51	Nâng cao kiến thức pháp luật của những người có uy tín
52	Đa dạng phong phú các hoạt động tuyên truyền giáo dục pháp luật
53	Đề nghị làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật
54	Đề nghị tuyên truyền pháp luật sâu rộng trong đồng bào dân tộc Khmer
55	Yêu cầu tuyên truyền pháp luật cho nhân dân đồng bào dân tộc Khmer được hiểu biết
56	Cần có chương trình phổ biến giáo dục pháp luật thường xuyên trên truyền thông
57	Nâng cao trách nhiệm của tuyên truyền viên pháp luật
58	Nâng cao kiến thức pháp luật của ban ngành đoàn thể
59	Quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trong đồng bào dân tộc Khmer
60	Cần có những chuyên mục giáo dục pháp luật trên báo, đài truyền hình bằng tiếng Khmer
61	<p>- Cần mở lớp đào tạo báo cáo viên, tuyên truyền viên cho cán bộ dân tộc cấp xã, địa phương</p> <p>- Nghiên cứu phổ biến giáo dục pháp luật phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống, tôn giáo của đồng bào dân tộc Khmer sát với thực tế, sinh hoạt hằng ngày để cho đồng bào dân tộc nắm và hiểu rõ</p>
62	Xây dựng tủ sách pháp luật tại các điểm chùa
63	Đề nghị giúp đỡ tuyên truyền pháp luật, luật đất đai, luật hôn nhân, luật quân sự,...
64	Nhờ cán bộ cao cấp tuyên truyền pháp luật cho hộ dân tộc khmer được thông hiểu
65	Cần có chương trình giáo dục pháp luật thường xuyên hàng ngày trên thông tin đại chúng

Câu 20: Giới tính?

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Nam	741	70.37	70.37	70.37
	2	Nữ	312	29.63	29.63	100.00
	Tổng cộng		1053	100.00		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 21: Lứa tuổi? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Dưới 30 tuổi	201	19.09	19.09	19.09
	2	Từ 31 đến 35 tuổi	190	18.04	18.04	37.13
	3	Từ 36 đến 40 tuổi	206	19.56	19.56	56.70
	4	Từ 41 đến 45 tuổi	159	15.10	15.10	71.79
	5	Từ 46 đến 50 tuổi	144	13.68	13.68	85.47
	6	Từ 51 đến 55 tuổi	84	7.98	7.98	93.45
	7	Trên 55 tuổi	69	6.55	6.55	100.00
Tổng cộng		1053	100.00			
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 22: Trình độ học vấn cao nhất hiện nay của Ông/Bà? (*chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Tốt nghiệp Tiểu học	449	42.64	42.64	42.64
	2	Tốt nghiệp Trung học cơ sở	253	24.03	24.03	66.67
	3	Tốt nghiệp Trung học phổ thông	180	17.09	17.09	83.76
	4	Tốt nghiệp Trung cấp	60	5.70	5.70	89.46
	5	Tốt nghiệp Cao đẳng	38	3.61	3.61	93.07
	6	Tốt nghiệp Đại học	61	5.79	5.79	98.86
	7	Tốt nghiệp Sau đại học	12	1.14	1.14	100.00
Tổng cộng		1053	100.00			
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 23: Nghề nghiệp hiện tại của Ông/Bà? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)

Biến số	Mã số	Phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ cộng dồn
<i>Biến số hợp lệ</i>	1	Thuần túy làm nông nghiệp	554	52.61	52.61	52.61
	2	Làm nông nghiệp kiêm tiểu thủ công nghiệp hoặc kinh doanh, buôn bán	136	12.92	12.92	65.53
	3	Làm nghề tiểu thủ công nghiệp	50	4.75	4.75	70.28
	4	Làm nghề kinh doanh, buôn bán	236	22.41	22.41	92.69
	5	Nghề nghiệp khác	77	7.31	7.31	100.00
		Tổng cộng	1053	100.00		
<i>Biến số không hợp lệ</i>			0	0.00		
Tổng cộng			1053	100.00		

Câu 24: Nơi cư trú hiện nay của Ông (Bà)?

Mã số	Xã/Phường/ Thị trấn	Huyện/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ cộng dồn
1	An Biên	An Biên	Kiên Giang	1	0.09	0.09
2	An Hòa	Rạch Giá	Kiên Giang	130	12.35	12.44
3	An Minh Bắc	Minh Thượng	Kiên Giang	1	0.09	12.54
4	Bình An	Hà Tiên	Kiên Giang	2	0.19	12.73
5	Bình San	Hà Tiên	Kiên Giang	1	0.09	12.82
6	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1	0.09	12.92
7	Đình Hòa	Gò Quao	Kiên Giang	1	0.09	13.01
8	Đồng Thái	An Biên	Kiên Giang	1	0.09	13.11
9	Giồng Riềng	Giồng Riềng	Kiên Giang	1	0.09	13.20
10	Hòn Tre	Kiên Hải	Kiên Giang	3	0.28	13.49
11	Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1	0.09	13.58
12	Minh Lương	Châu Thành	Kiên Giang	1	0.09	13.68
13	Pháo Đài	Hà Tiên	Kiên Giang	1	0.09	13.77
14	Phú Lợi	Giang Thành	Kiên Giang	1	0.09	13.87
15	Phú Mỹ	Giang Thành	Kiên Giang	1	0.09	13.96
16	Tân Khánh Hòa	Giang Thành	Kiên Giang	2	0.19	14.15
17	Vân Khánh	An Minh	Kiên Giang	2	0.19	14.34
18	Vĩnh Điều	Giang Thành	Kiên Giang	2	0.19	14.53
19	Vĩnh Thắng	Gò Quao	Kiên Giang	1	0.09	14.62
20	Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận	Kiên Giang	1	0.09	14.72
Tổng số phiếu tỉnh Kiên Giang				155	14.72	

Mã số	Xã/Phường/ Thị trấn	Huyện/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Số lượng	Tỷ lệ	Tỷ lệ công đòn
21	Cần Đăng	Châu Thành	An Giang	54	5.13	19.85
22	Đông Bình Trạch	Châu Thành	An Giang	8	0.76	20.61
23	Hòa Bình Thạnh	Châu Thành	An Giang	47	4.46	25.07
24	Vĩnh Thành	Châu Thành	An Giang	40	3.80	28.87
Tổng số phiếu tỉnh An Giang				149	14.15	
25	Định Môn	Thới Lai	Cần Thơ	120	11.40	40.27
26	Trường Long	Phong Điền	Cần Thơ	30	2.85	43.11
Tổng số phiếu tỉnh Cần Thơ				150	14.25	
27	Hòa Ân	Cầu Kè	Trà Vinh	152	14.43	57.55
Tổng số phiếu tỉnh Trà Vinh				152	14.43	
28	Phường 1	Tp. Cà Mau	Cà Mau	149	14.15	71.70
Tổng số phiếu tỉnh Cà Mau				149	14.15	
29	Tân Mỹ	Trà Ôn	Vĩnh Long	144	13.68	85.38
Tổng số phiếu tỉnh Vĩnh Long				144	13.68	
30	Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	Bạc Liêu	154	14.62	100.00
Tổng số phiếu tỉnh Bạc Liêu				154	14.62	
Tổng cộng số phiếu của 07 tỉnh				1053	100.00	